

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI
VÀ CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT**

TUYỂN TẬP CÔNG TRÌNH KHOA HỌC

HỘI THẢO CẤP NGÀNH

**NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ Ở CÁC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHỐI KỸ THUẬT TRONG TÌNH HÌNH MỚI**

PHẦN II

**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN
LIÊN QUAN ĐẾN GIẢNG DẠY LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**

**NHÀ XUẤT BẢN GIAO THÔNG VẬN TẢI
HÀ NỘI - 2022**

LỜI GIỚI THIỆU

Thực hiện chủ trương đổi mới giáo dục đào tạo ở bậc đại học nói chung, đổi mới công tác giáo dục lý luận chính trị nói riêng. Trong quá trình triển khai Công văn 3056 ngày 29/7/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện chương trình, giáo trình các môn lý luận chính trị. Đồng thời đẩy mạnh nghiên cứu những nội dung mới trong văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII và vận dụng vào giảng dạy lý luận chính trị trong tình hình mới ở các trường đại học khối kỹ thuật trong tình hình mới. Hướng đến kỷ niệm 60 năm thành lập Trường Đại học Giao thông Vận tải và 60 năm ngày truyền thống Khoa Lý luận chính trị (1962 - 2022), Trường Đại học Giao thông Vận tải chủ trì tổ chức Hội thảo khoa học với chủ đề **“Nghiên cứu và giảng dạy lý luận chính trị ở các trường đại học khối kỹ thuật trong tình hình mới”**.

Trải qua 4 tháng tiếp nhận bài (1/1/2021 đến 31/3/2022), thực hiện quy trình phân biên và tuyển chọn, Ban Tổ chức đã xét đăng công bố 42 bài nghiên cứu từ các tác giả trên phạm vi toàn quốc. Nội dung các bài nghiên cứu tập trung vào bốn chủ đề lớn:

- Vấn đề nghiên cứu và giảng dạy lý luận chính trị ở các trường đại học khối kỹ thuật.
- Nghiên cứu những vấn đề mới trong văn kiện Đại hội XIII của Đảng, vận dụng vào giảng dạy lý luận chính trị.
- Tác động của tình hình trong nước, quốc tế đến nghiên cứu, giảng dạy lý luận chính trị.
- Chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về giảng dạy, học tập lý luận chính trị ở bậc đại học.

Hội thảo phản ánh góc nhìn đa dạng khi phần lớn tác giả là những giảng viên trực tiếp giảng dạy các trường đại học kỹ thuật như: Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Mỏ - Địa chất, Đại học Xây dựng Hà Nội, Đại học Thủy lợi, Đại học Kiến trúc; bên cạnh đó có các tác giả là giảng viên, các nhà khoa học của các trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Văn hoá, Học viện An Ninh; Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Chính trị Khu vực I, Đại học Nguyễn Huệ.

Hội thảo là diễn đàn khoa học, gắn kết nghiên cứu lý luận với thực tiễn giảng dạy lý luận chính trị, gắn với thực tiễn các vấn đề thời sự trong nước quốc tế, quán triệt quan điểm Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII, cùng hướng đến đổi mới căn bản toàn diện giáo dục đào tạo.

Trân trọng cảm ơn các thầy cô giáo, nhà khoa học đã tham gia Hội thảo với những sản phẩm trí tuệ công phu, nghiêm túc, có chất lượng.

BAN TỔ CHỨC HỘI THẢO

HỘI THẢO CẤP NGÀNH

I. Ban tổ chức

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ
1	PGS. TS. Nguyễn Duy Việt	Phó hiệu trưởng Trường ĐHGTVT	Trưởng ban
2	PGS.TS. Nguyễn Duy Tiến	Trưởng phòng KHCN ĐHGTVT	Phó trưởng ban
3	TS. Lã Quý Đô	Trưởng khoa LLCT - Trường ĐHGTVT	Phó trưởng ban - Thường trực
4	PGS.TS. Đinh Thanh Xuân	Trưởng khoa LLCT Trường ĐH Bách khoa Hà Nội	Ủy viên
5	TS. Trần Thị Phúc An	Trưởng khoa LLCT Trường ĐH Mỏ - Địa chất	Ủy viên
6	TS. Nguyễn Thế Tấn	Phó trưởng khoa LLCT Trường ĐHGTVT	Ủy viên
7	TS. Nguyễn Thị Thanh Hải	Trưởng bộ môn NLCNMLN Trường ĐHGTVT	Ủy viên

II. Ban Thư ký

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ
1	TS. Nguyễn Thế Tấn	Phó trưởng khoa LLCT Trường ĐHGTVT	Trưởng ban
2	TS. Nguyễn Trung Thành	Khoa LLCT - Trường ĐHGTVT	Phó trưởng ban
3	ThS. Nguyễn Ngọc Hà	Khoa LLCT - Trường ĐHGTVT	Ủy viên
4	ThS. Phạm Thị Phương Mai	Khoa LLCT - Trường ĐHGTVT	Ủy viên

III. Ban khoa học

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ
1	TS. Lã Quý Đô	Trưởng khoa LLCT Trường ĐHGTVT	Trưởng ban
2	PGS.TS. Đinh Thanh Xuân	Trưởng khoa LLCT Trường ĐH Bách khoa Hà Nội	Ủy viên
3	TS. Trần Thị Phúc An	Trưởng khoa LLCT Trường ĐH Mỏ - Địa chất	Ủy viên
4	TS. Vũ Tiến Dũng	Trưởng khoa LLCT Trường ĐH Xây dựng	Ủy viên
5	TS. Tô Mạnh Cường	Trưởng khoa LLCT Trường ĐH Thủy lợi	Ủy viên
6	TS. Nguyễn Thế Tấn	Phó trưởng khoa LLLCT Trường ĐHGTVT	Ủy viên
7	TS. Nguyễn Thị Thanh Hải	Trưởng bộ môn NLCNMLN Trường ĐHGTVT	Ủy viên
8	TS. Phạm Thị Xuân	Phó trưởng bộ môn NLCNMLN Trường ĐHGTVT	Ủy viên
9	TS. Phan Thế Lượng	Khoa LLCT - Trường ĐHGTVT	Ủy viên
10	ThS. Đặng Xuân Ngọc	Phó trưởng bộ môn NLCNMLN Trường ĐHGTVT	Ủy viên

**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN
LIÊN QUAN ĐẾN GIẢNG DẠY LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**

Stt	Tác giả	Tên bài	Trang
22	TS. Nguyễn Thị Hiếu	ĐỔI MỚI GIẢNG DẠY MÔN TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG LẦN THỨ XIII TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	9
23	TS. Vũ Thị Hồng Nhung	VAI TRÒ CỦA GIẢNG DẠY LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ Ở BẬC ĐẠI HỌC TRONG VIỆC ĐƯA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẢNG VÀO THỰC TIỄN CUỘC SỐNG HIỆN NAY	17
24	TS. Vương Thị Ngọc Huệ ThS. Nguyễn Trung Hiếu	QUẢN TRIỆT NỘI DUNG VĂN KIỆN ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG VÀO GIẢNG DẠY MÔN TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN NHẪM NÂNG CAO TƯ DUY BIỆN CHỨNG CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG CÔNG AN HIỆN NAY	26
25	TS. Mai Diệu Anh	QUẢN TRIỆT QUAN ĐIỂM ĐẠI HỘI ĐẢNG LẦN THỨ XIII VỀ GIẢI QUYẾT CÁC MỐI QUAN HỆ LỚN TRONG GIẢNG DẠY TRIẾT HỌC TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	36
26	PGS.TS. Nguyễn Sỹ Trung	ĐỔI MỚI NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ CÔNG TÁC GIÁO DỤC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC HIỆN NAY	46
27	PGS.TS. Ngô Minh Tuấn	PHÁT HUY TÍNH TÍCH CỰC HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRONG HỌC CÁC MÔN LÝ LUẬN MÁC - LÊNIN	53
28	TS. Trần Thị Mai Thanh	VẤN ĐỀ GIẢNG DẠY LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TRONG TÌNH HÌNH DỊCH COVID 19	58
29	TS. Tiêu Thị Mỹ Hồng	DẠY HỌC CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ CHO SINH VIÊN THẾ HỆ Z Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	64
30	TS. Mai Thị Tuyết	SỰ CẦN THIẾT SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP HỢP TÁC TRONG DẠY HỌC MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC HIỆN NAY	73
31	ThS. Trương Văn Hiệp	PHÁT TRIỂN TƯ DUY PHẢN BIỆN CHO SINH VIÊN TRONG GIẢNG DẠY MÔN LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC HIỆN NAY	81

Stt	Tác giả	Tên bài	Trang
32	TS. Dương Văn Khoa	SỬ DỤNG WEBSITE TRONG KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ MÔN LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI HIỆN NAY	92
33	ThS. Lê Thị Hương	NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG THẢO LUẬN GIÁO DỤC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG HIỆN NAY	99
34	ThS. Phạm Văn Hiền	GIẢNG DẠY LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ HIỆN NAY PHẢI GẮN VỚI GIÁO DỤC GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG DÂN TỘC VIỆT NAM	106
35	TS. Phạm Thị Xuân	NGHIÊN CỨU KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN TRONG BỐI CẢNH CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0	113
36	ThS. Lê Ngọc Cương	VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC VÀ CÁC KHOA HỌC ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG XÃ HỘI	120
37	ThS. Lê Thị Thúy	Ý NGHĨA CỦA NHÂN SINH QUAN PHẬT GIÁO ĐỐI VỚI GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO SINH VIÊN HIỆN NAY	131
38	ThS. Lê Thị Yến	QUAN ĐIỂM HỒ CHÍ MINH VỀ HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ VIỆT NAM- GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN	139
39	TS. Ngô Thị Hương	VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP LUẬN BIỆN CHỨNG DUY VẬT TRONG XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HÓA VIỆT NAM HIỆN NAY	148
40	ThS. Bùi Thị Thùy Dương	GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP	154
41	TS. Phạm Thị Thương	NÂNG CAO NHẬN THỨC VỀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC THEO TINH THẦN ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG	164
42	ThS. Phạm Thị Phương Thảo	QUAN ĐIỂM, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VỀ KHỞI NGHIỆP VÀ YÊU CẦU ĐẶT RA ĐỐI VỚI VIỆC GIÁO DỤC TINH THẦN KHỞI NGHIỆP Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI	171

ĐỔI MỚI GIẢNG DẠY MÔN TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG LẦN THỨ XIII TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

TS. Nguyễn Thị Hiếu

Trường Đại học Công đoàn

Email: hieunt@dhcd.edu.vn

***Tóm tắt:** Công tác quán triệt đưa Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam vào giảng dạy các môn lý luận chính trị nói chung và môn Triết học Mác - Lênin nói riêng trong các trường đại học ở Việt Nam hiện nay là việc làm cần thiết và vô cùng quan trọng, góp phần trang bị cho sinh viên hệ thống cơ sở phương pháp luận, thế giới quan, nhân sinh quan và nền tảng chính trị vững chắc. Để góp phần giải quyết vấn đề này một cách có hiệu quả, đòi hỏi phải đổi mới giảng dạy các môn lý luận chính trị. Trong phạm vi bài viết này, tác giả đi vào nghiên cứu vấn đề “Đổi mới giảng dạy môn Triết học Mác - Lênin theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII trong các trường đại học ở Việt Nam hiện nay”.*

***Từ khóa:** Nghị quyết Đại hội XIII; Triết học Mác- Lênin; đổi mới; giảng dạy*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Từ thực tiễn hơn 30 năm khi Đảng và nhà nước ta thực hiện đường lối đổi mới, hội nhập mở cửa, cho đến nay đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử trên mọi mặt kinh tế, chính trị, văn hóa- xã hội. Góp phần vào thành công đó là nhờ Đảng ta không ngừng chú trọng công tác giáo dục, đào tạo nguồn lực con người. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng (năm 2016) đã khẳng định: “đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo” [3, tr.218] nhằm thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đây vừa là định hướng chiến lược, vừa là đòi hỏi cấp bách, trực tiếp đối với hệ thống giáo dục nói chung và đào tạo đại học quốc gia trong giai đoạn hiện nay nói riêng. Trong giai đoạn mới, để giáo dục Việt Nam tiếp tục phát triển và vững bước hội nhập quốc tế, Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ XIII năm 2021 chủ trương, cần có những đổi mới quan trọng về nhận thức và tư duy về giáo dục và đào tạo, phù hợp với xu thế hiện nay trên thế giới; hình thành quan điểm mới về tư duy giáo dục là đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục Việt Nam, theo hướng chuyển từ cách tiếp cận từng phần trước đây, sang cách tiếp cận tổng thể, toàn hệ thống trong phát triển giáo dục với trọng tâm nâng cao chất lượng, hiệu quả và công bằng xã hội trong giáo dục.

Đề Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng được triển khai thực hiện nghiêm túc, đạt kết quả, ngày 9-3-2021, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng thay mặt Bộ Chính trị ký ban hành Chỉ thị số 01-CT/TW về việc nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Trong đó, Chỉ thị nhấn mạnh:

- Công tác tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng phải được tiến hành khẩn trương, nghiêm túc, chất lượng; kết hợp tự nghiên cứu với nghe phổ biến, quán triệt; nhấn mạnh, làm rõ những vấn đề mới, cốt lõi; nêu cao trách nhiệm của báo cáo viên, người đứng đầu cấp ủy trong báo cáo truyền đạt Nghị quyết, cũng như cán bộ, đảng viên trong học tập Nghị quyết, đặc biệt là sự nêu gương của cán bộ chủ chốt các cấp.

- Ban Bí thư Trung ương Đảng chủ trì tổ chức Hội nghị trực tuyến toàn quốc về nghiên cứu, học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng. Các tổ chức đảng có đủ điều kiện về cơ sở vật chất, kỹ thuật kết nối đường truyền thì mở điểm cầu tới cơ sở. Báo cáo viên là các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư khóa XIII đã trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng các văn kiện Đại hội XIII của Đảng hoặc được phân công theo lĩnh vực. Thời gian hoàn thành trong tháng 3 -2021.

- Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức các hội nghị nghiên cứu, học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng cho lãnh đạo các cơ quan báo chí, xuất bản; lãnh đạo các hội văn học, nghệ thuật, hội khoa học, kỹ thuật và các văn nghệ sĩ, trí thức; đội ngũ giảng viên lý luận chính trị các học viện, các trường đại học, cao đẳng trong cả nước. Thời gian hoàn thành các hội nghị vào cuối quý 2-2021. Hội nghị dành cho báo cáo viên nòng cốt của các cấp ủy trực thuộc Trung ương thực hiện trong quý 1 [2].

Quán triệt tinh thần đó, các Khoa (Bộ môn) Lý luận chính trị và khoa học xã hội nhân văn ở các trường Đại học là các đơn vị được giao nhiệm vụ nghiên cứu giảng dạy lý luận chính trị, nên rất ý thức về ý nghĩa, tầm quan trọng của nhiệm vụ lần này. Bởi vì, trước yêu cầu nhiệm vụ mới, đòi hỏi Đảng tiếp tục tăng cường xây dựng Đảng về chính trị. Hết sức coi trọng xây dựng Đảng về tư tưởng, đạo đức. Kiên định, vững vàng trên nền tảng tư tưởng chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và vận dụng, phát triển sáng tạo phù hợp với thực tiễn Việt Nam; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới và các nguyên tắc tổ chức của Đảng. Đại hội XIII của Đảng xác định: “Đây là vấn đề mang tính nguyên tắc, có ý nghĩa sống còn đối với chế độ ta, là nền tảng vững chắc của Đảng ta, không cho phép ai được ngả nghiêng, dao động” [4, tr.33]. Thực tế, ngay từ trước và trong thời gian diễn ra Đại hội, các cán bộ, giảng viên giảng dạy lý luận chính trị của các Khoa (Bộ môn) ở các

trường Đại học trên cả nước, đã nghiên cứu, thảo luận, đóng góp ý kiến nghiêm túc, thể hiện tinh thần trách nhiệm cao đối với Đảng, với nhân dân, với đất nước vào các dự thảo Văn kiện trình Đại hội và theo sát diễn biến của Đại hội thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng dưới các hình thức. Qua đó, các giảng viên giảng dạy lý luận chính trị ngày càng nhận thức sâu sắc hơn các vấn đề được đề cập trong Nghị quyết Đại hội XIII và xác định trách nhiệm của mình đối với việc vận dụng, quán triệt những vấn đề đề đó vào công tác nghiên cứu, giảng dạy lý luận chính trị tại các trường đại học. Trên cơ sở đó, nhằm chuẩn bị phục vụ tốt nhất cho sinh viên trong chương trình học, mỗi giảng viên điều chỉnh, bổ sung trong giáo án, hồ sơ bài giảng, các bài viết đăng trên các hội thảo, tạp chí trong và ngoài nước. Đây là sự thể hiện ý thức trách nhiệm, tư duy nhanh nhạy của các giảng viên từ trong công tác giảng dạy chuyên môn đến những nội dung, những ý kiến của mình, giúp họ nắm vững những luận điểm cơ bản trong các văn kiện Đại hội và vận dụng một cách sáng tạo vào thực tiễn giảng dạy lý luận chính trị. Đặc biệt, đối với môn Triết học Mác - Lênin - môn học có vai trò “là thế giới quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng cho con người trong nhận thức và thực tiễn; là cơ sở thế giới quan và phương pháp luận khoa học và cách mạng để phân tích xu hướng phát triển của xã hội trong điều kiện cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại phát triển mạnh mẽ; là cơ sở lý luận khoa học của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới và sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam” [1, tr.55-56] thì việc đổi mới giảng dạy là không thể thiếu.

Việc Đại hội XIII của Đảng tiếp tục chủ trương: “Kiên định, vững vàng trên nền tảng chủ nghĩa chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và vận dụng, phát triển sáng tạo phù hợp với thực tiễn Việt Nam; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội” [4, tr.109], coi đó là nền tảng, kim chỉ nam, là mục tiêu cho mọi hoạt động cách mạng, đặt ra cho công tác giảng dạy các môn lý luận chính trị nhiều vấn đề mới cần phải giải quyết. Yêu cầu đổi mới giảng dạy lý luận chính trị theo tinh thần đại hội XIII của Đảng, là vấn đề bức thiết đối với mỗi giảng viên. Đây cũng là nhiệm vụ đặt ra để góp phần “Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2021-2025”.

2. NỘI DUNG

Theo tôi, để quán triệt Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng trong giảng dạy các môn lý luận chính trị nói chung và môn Triết học Mác - Lênin nói riêng có hiệu quả, rất cần thiết phải đổi mới giảng dạy các môn lý luận chính trị trong các trường đại học ở Việt Nam hiện nay. Vấn đề này được thể hiện ở các nội dung sau:

Thứ nhất, các giảng viên giảng dạy Triết học Mác - Lênin phải quán triệt, học tập, vận dụng sâu sắc những quan điểm mới của Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và nhận

thức sâu sắc những nội dung của Nghị quyết, những kết luận đánh giá của Đại hội trong tổng kết 35 năm đổi mới của đất nước. Từ đó có cơ sở lý luận và thực tiễn để quán triệt Nghị quyết vào giảng dạy. Nội dung nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng bao gồm: Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII; Báo cáo chính trị; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030; Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025; Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng khóa XII. Đại hội XIII tiếp tục hiện thực hóa lý luận của Đảng ta trong việc phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin gắn với thực tiễn cách mạng Việt Nam trong thời kỳ mới. Đại hội tiếp tục nhiệm vụ của Đại hội XII khi phân tích đánh giá về mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, làm rõ những nội hàm về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, vấn đề độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, vấn đề phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, vấn đề đối ngoại, quốc phòng và an ninh gắn với phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, vấn đề phát triển khoa học công nghệ trong thời đại cách mạng 4.0, vấn đề nhận diện đầy đủ những cơ hội, thuận lợi và khó khăn, thách thức trong những năm tới; chú trọng đấu tranh phản bác các quan điểm lệch lạc, sai trái, thù địch và định hướng dư luận xã hội theo đúng phương châm “lấy xây làm chính”, “lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực”; phản ánh kịp thời, đầy đủ, toàn diện việc triển khai thực hiện Nghị quyết tới các tầng lớp nhân dân trong nước và đồng bào ta ở nước ngoài để góp phần củng cố niềm tin, tạo sự đồng thuận trong thực hiện mục tiêu phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Vì vậy, trên cơ sở của “quan điểm lịch sử - cụ thể” của phương pháp luận Triết học, các giảng viên phải là người tiên phong trong học tập, vận dụng những quan điểm và tìm hiểu để nhận thức đúng đắn các nội dung của Nghị quyết và đưa vào bài giảng những vấn đề mới về lý luận và thực tiễn. Đặc biệt, khi bổ sung nội dung mới trong Nghị quyết Đại hội XIII vào chương trình, giảng viên phải đảm bảo tính thời sự và phù hợp với từng nhóm đối tượng sinh viên. Trong đó chú trọng tính định hướng chính trị, giáo dục đạo đức, phong cách, rèn luyện về phương pháp tư duy, khả năng vận dụng giải quyết tình huống thực tiễn. Ví dụ, đối với sinh viên khối ngành kinh tế, giảng viên cần kết nối được lý luận của môn học với tính thực tiễn của thực trạng kinh tế - xã hội đất nước và thế giới hiện nay; hoặc đối với sinh viên ngành công tác xã hội, giảng viên cần vận dụng phương pháp luận Triết học với các vấn đề công tác xã hội với người cao tuổi hay công tác xã hội với trẻ em.

Thứ hai, bài giảng phải bám sát với giáo trình, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng. Đồng thời, bài giảng còn phải gắn lý luận với thực tiễn, kiến thức phải bám sát thực tiễn về các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội của thế giới và đất nước, đưa kiến thức lý luận giáo trình đó phục vụ thực tiễn. Bởi vì, trong chương 2 nội dung “Lý luận nhận thức” của kiến thức Triết học

khẳng định các vai trò của thực tiễn đối với nhận thức là, thực tiễn là cơ sở, động lực của nhận thức, thực tiễn là mục đích của nhận thức và là tiêu chuẩn khách quan để kiểm tra nhận thức, chân lý. Thực tiễn kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội luôn biến đổi, đòi hỏi lý luận phải ra đời, vận động, biến đổi theo. Nếu phương pháp luận triết học xa rời thực tiễn, thì đó chỉ là lý luận suông, không có giá trị. Trước nhiệm vụ đó, giảng viên giảng dạy Triết học phải luôn cập nhật thông tin, lưu giữ, chọn lọc thông tin đầy đủ và chính xác nhất vào bài giảng. Đây là nhiệm vụ rất cần đến tinh thần cần cù, chăm chỉ, yêu lao động và sáng tạo trong lao động của mỗi giảng viên. Ví dụ như ở chương 3 - *Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội*, nội dung “Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ lực lượng sản xuất”, đòi hỏi giảng viên phải nắm bắt chắc chắn kiến thức lý luận của chủ nghĩa Mác- Lênin về vấn đề này; đặc biệt là nắm bắt được vai trò của lực lượng sản xuất với vai trò người lao động và tư liệu sản xuất; Đồng thời cần nắm bắt quan điểm chủ trương định hướng của Đại hội XIII Đảng về phát triển lực lượng sản xuất ở nước ta, về định hướng phát triển nguồn nhân lực con người của Đảng và Nhà nước ta, nắm bắt xu hướng vận động trong nước và quốc tế về vấn đề đó, định hướng cho sinh viên cách tiếp cận đúng đắn vấn đề đó trong thực tiễn. Từ đó giúp cho bài giảng đúng đắn, sinh động hơn, đưa môn Triết học thoát ra khỏi cái mác “khô khan” trong quan niệm về môn học Lý luận chính trị.

Thứ ba, cần có quan điểm toàn diện và quan điểm lịch sử - cụ thể về đôi mối nội dung giảng dạy triết học, để vận dụng lý luận Triết học Mác - Lênin vào tìm hiểu các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước và thời đại ngày nay. Tránh quan điểm siêu hình, máy móc trong giảng dạy những nội dung không còn phù hợp và cần sáng tạo những cái mới mang lại hiệu quả trong nhận thức và thực tiễn. Tạo ra những bài giảng, giờ giảng hấp dẫn và có tính thực tiễn cho sinh viên. Ví dụ: Ở chương 1. *Khái luận về Triết học và Triết học Mác- Lênin*, khi nói vai trò của Triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội, chúng ta cần nêu lên nhận định của Đại hội XIII về thời đại và khẳng định những giá trị bền vững của Triết học Mác- Lênin trong thời đại ngày nay. Đó là, trong Báo cáo của BCHTW Đảng khóa XII về các văn kiện trình Đại hội XIII chỉ rõ: " Trong những năm tới dự báo tình hình thế giới và khu vực tiếp tục có nhiều thay đổi rất nhanh, phức tạp, khó lường. Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song cũng đứng trước nhiều trở ngại, khó khăn, thách thức. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục tiến triển, nhưng cũng đang bị đe dọa bởi sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc cực đoan... Do tác động của đại dịch Covid -19, thế giới rơi vào khủng hoảng nghiêm trọng, nhiều mặt. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực... Các nước điều chỉnh chiến lược và phương thức phát triển nhằm thích ứng với tình hình mới... Tại Đông Nam Á, môi trường an ninh, tranh chấp chủ quyền trên biển Đông còn diễn biến phức tạp. Biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh và các vấn đề an ninh phi truyền thống

khác...ngày càng tác động mạnh mẽ, nhiều mặt, đe dọa nghiêm trọng đến sự phát triển ổn định, bền vững của thế giới, khu vực và đất nước ta"[4, tr.30-31]. Với vấn đề đó, giảng viên giảng dạy cần phải khẳng định, tổng kết thực tiễn để bổ sung, phát triển sáng tạo Triết học Mác - Lenin trong bối cảnh mới, tuy nhiên phải đứng vững trên lập trường của chủ nghĩa Mác- Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vì vậy, không phải ngẫu nhiên mà trong các quan điểm chỉ đạo tiếp tục thực hiện đường lối đổi mới trong giai đoạn tới, Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh quan điểm thứ nhất là "Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh..."[4, tr.109].

Để quán triệt Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng phù hợp với đặc thù từng ngành học của các trường đại học, thiết nghĩ các Khoa (Bộ môn) giảng dạy lý luận chính trị cần có kế hoạch biên soạn tài liệu hướng dẫn phân ý nghĩa phương pháp luận, định hướng liên hệ trong các nội dung lý luận chính trị với công tác sau này của từng ngành giảng dạy. Đây là vấn đề đã được nhiều trường đặt ra và triển khai, nhưng chưa làm một cách bài bản, khoa học, trở thành tài liệu quan trọng phục vụ cho sinh viên trong học tập nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của giáo dục - đào tạo, đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn mới.

Thứ tư, cần đổi mới mạnh mẽ phương pháp giảng dạy môn Triết học Mác -Lenin theo hướng: Nâng cao tính tích cực, độc lập, sáng tạo cho sinh viên; khai thác tiềm năng trí tuệ của tập thể sinh viên; tăng cường sử dụng các thiết bị kỹ thuật, đặc biệt là công nghệ thông tin vào quá trình giảng dạy; đổi mới kiểm tra, đánh giá quá trình học tập của sinh viên. Cụ thể đó là đổi mới theo hướng tổ chức cho sinh viên tham gia trực tiếp vào xây dựng nội dung bài giảng, bằng cách giao cho sinh viên nghiên cứu các nội dung ý nghĩa phương pháp luận, liên hệ vận dụng vào thực tiễn trong hoạt động nhóm. Đồng thời xây dựng kế hoạch đưa sinh viên đi thực tế, tham quan các di tích lịch sử cũng như các cơ sở kinh tế- xã hội của đất nước, để sinh viên có thể so sánh đối chiếu, kiến thức giáo trình, nhằm tăng tính hiệu quả của chất lượng dạy và học lý luận chính trị.

Mặt khác khi giảng dạy, giảng viên cần chú ý đưa các vấn đề thực tiễn vào bài học một cách hợp lý. Tất nhiên, không phải nội dung lý luận nào cũng phải có liên hệ thực tế mà ở đây giảng viên cần đưa vấn đề thực tiễn vào những nội dung quan trọng, cần thiết và muốn tăng tính thuyết phục, sinh động. Ví dụ, khi dạy nội dung ý nghĩa phương pháp luận của nguyên lý về mối liên hệ phổ biến trong học phần Triết học Mác - Lenin, giảng viên nên cho sinh viên khảo nghiệm những kết quả phát triển kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước sau 35 năm đổi mới mà Đại hội XIII của Đảng đã tổng kết qua những ví dụ, hình ảnh, số liệu thực tế, để sinh viên nắm được quan điểm toàn diện và quan điểm lịch sử cụ thể. Hoặc ví dụ đặt ra vấn đề “Vận dụng quan điểm toàn diện trong nguyên lý về mối liên hệ phổ biến để tìm hiểu về công tác phòng chống dịch Covid ở

Việt Nam hiện nay” để sinh viên có liên hệ với thực tiễn. Đây cũng là cách thức, giảng viên giảng dạy triết học đưa sinh viên đến với khảo sát thực tiễn diễn biến dịch bệnh covid ở Việt Nam, từ đó xây dựng niềm tin của sinh viên về đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước ta trong các nhiệm vụ cách mạng nói chung và trong chiến dịch “chống dịch như chống giặc” hiện nay.

Ngoài ra, giảng viên triết học cần sử dụng linh hoạt các hình thức dạy học ở Đại học như: bài diễn giảng; thảo luận nhóm; hội thảo; giờ học thí nghiệm; tự học; phụ đạo; nghiên cứu khoa học; hội thi...

3. KẾT LUẬN

Những vấn đề trên đây là cách tiếp cận bước đầu về đổi mới giảng dạy môn Triết học Mác - Lênin theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng cho sinh viên trong các trường đại học ở Việt Nam hiện nay. Tuy nhiên để quán triệt hiệu quả Nghị quyết Đại hội Đảng trong giảng dạy môn học và vận dụng vào thực tiễn rất cần cụ thể hóa hơn nữa để phù hợp với từng nội dung của môn học, từng đối tượng sinh viên trong từng chương trình đào tạo cụ thể. Điều này tiếp tục đòi hỏi mỗi Triết học Mác - Lênin trong các trường Đại học, cần chủ động, tích cực hơn nữa để đưa những quan điểm cơ bản, những vấn đề mới của Nghị quyết Đại hội XIII trang bị cho sinh viên. Qua đó định hướng cho sinh viên, tạo điều kiện cho sinh viên trở thành nguồn nhân lực quan trọng bổ sung vào lực lượng lao động xã hội, cùng các lực lượng, giai cấp khác thực hiện thắng lợi các mục tiêu Đại hội XIII của Đảng đã đề ra.

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2021), *Giáo trình Triết học Mác - Lênin* (khối ngoài ngành Lý luận chính trị), NXB CTQG, H.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Chỉ thị số 01-CT/TW về việc nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB. CTQG, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, NXB CTQGST, tập 1.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, NXB CTQGST, tập II, tr .233

6. Tạp chí Cộng sản số 959 (2-2021) trang 18
7. Trường Đại học thủ đô, *Tạp chí khoa học*, số 22 /2018, tr 98-103
8. Phạm Viết Vượng(2008), *Lý luận và phương pháp dạy học đại học*, (Tài liệu bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm giảng viên các trường đại học và cao đẳng), H.
9. <https://daihoidang.vn/dai-hoi-dang-xiii-giai-quyet-nut-that-doi-moi-toan-dien-giao-duc/1530.vnp>
10. <http://www.tapchicongsan.org.vn/nghien-cu/-/2018/496728/thuc-hien-noi-dung-su-menh-lich-su-cua-giai-cap-cong-nhan-trong-cach-mang-cong-nghiep-lan-thu-tu.aspx>

VAI TRÒ CỦA GIẢNG DẠY LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ Ở BẬC ĐẠI HỌC TRONG VIỆC ĐƯA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẢNG VÀO THỰC TIỄN CUỘC SỐNG HIỆN NAY

TS. Vũ Thị Hồng Nhung

Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Email: binhnhung0711@gmail.com

***Tóm tắt:** Đưa Nghị quyết của Đảng vào thực tiễn cuộc sống là một trong những yêu cầu quan trọng nhằm góp phần xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay. Đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống hiểu một cách chung nhất là quá trình hiện thực hóa nội dung cơ bản của Nghị quyết trong các hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học và công tác thực tiễn. Trên cơ sở quán triệt nội dung nghị quyết, quần chúng nhân dân hiểu và tin vào đường lối của Đảng, tăng cường đồng thuận và đoàn kết xã hội, từ đó, tạo nên một phong trào thi đua nhằm hiện thực hóa các chủ trương, mục tiêu của nghị quyết. Đưa Nghị quyết của Đảng vào thực tiễn cuộc sống hướng đến mục tiêu cao nhất chính là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Với ý nghĩa đó việc hiện thực hóa nội dung nghị quyết trong việc giảng dạy các môn lý luận chính trị (LLCT) ở bậc đại học là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng của các trường đại học hiện nay. Bài viết này tập trung làm rõ vai trò của giảng dạy LLCT ở bậc đại học trong việc đưa Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống, từ đó đề xuất một số khuyến nghị nhằm phát huy hơn nữa vai trò của giảng dạy LLCT trong việc đưa nghị quyết của Đảng vào thực tiễn cuộc sống trong thời gian tới.*

***Từ khóa:** Giảng dạy LLCT; Nghị quyết; thực tiễn cuộc sống*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Các môn lý luận chính trị vốn là những môn học bắt buộc trong các trường đại học ở nước ta với mục tiêu góp phần hình thành thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng; rèn luyện lập trường, tư tưởng chính trị cho sinh viên. V.I. Lênin đã khẳng định: “Không có lý luận cách mạng thì cũng không thể có phong trào cách mạng”¹. Thực tiễn cách mạng Việt Nam 92 năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng

¹ V.I. Lênin (1975), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.30, 32.

Cộng sản Việt Nam, cùng với việc xây dựng và tổ chức thực hiện đường lối chính trị, Đảng ta luôn xác định đưa Nghị quyết của Đảng vào thực tiễn cuộc sống là một trong những yêu cầu quan trọng nhằm góp phần xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay. Đây là nhiệm vụ trọng tâm và hết sức hệ trọng, là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, của các cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên, trong đó hệ thống các trường đại học. Hiện nay, cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận ở nước ta tiếp tục diễn ra gay gắt, quyết liệt, phức tạp và để bảo vệ nền tảng tư tưởng, quan điểm, chủ trương của Đảng đòi hỏi phải thực hiện nhiều nội dung, biện pháp, chủ thể khác nhau, trong đó việc hiện thực hóa nội dung Nghị quyết trong việc giảng dạy các môn LLCT có ý nghĩa rất quan trọng, liên quan đến sự sống còn của Đảng và chế độ.

2. NỘI DUNG

2.1. Khái quát chung về giảng dạy lý luận chính trị ở bậc đại học

Lý luận chính trị (LLCT) là hệ thống tri thức phản ánh những quy luật, bản chất của lĩnh vực chính trị - xã hội và được thể hiện dưới dạng hệ thống khái niệm, phạm trù, quy luật. Các khoa học lý luận chính trị hướng trực tiếp vào việc giải quyết những vấn đề nảy sinh trong quá trình phát triển xã hội. Ở Việt Nam hiện nay, LLCT hướng trực tiếp vào việc giải quyết những nhiệm vụ và mục tiêu của đổi mới, phát triển và hiện đại hóa xã hội Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế dưới tác động của kinh tế thị trường, toàn cầu hóa, cách mạng khoa học - công nghệ và kinh tế tri thức.

Trong phạm vi bài viết này, khoa học lý luận chính trị được hiểu giới hạn trong các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Cụ thể là các môn: Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Giáo dục lý luận chính trị được tiến hành ở nhiều cấp học, nhiều hình thức khác nhau. Ở bậc đại học, công tác giáo dục LLCT trước hết được thể hiện ở việc giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh thông qua 5 khối kiến thức thuộc khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh là Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Giảng dạy LLCT ở bậc đại học chính là quá trình dạy học các môn LLCT trong chương trình đào tạo của các chuyên ngành. Trong đó 5 môn tương ứng với các khối kiến thức trong khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh là: Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Các môn LLCT có đặc điểm chủ yếu sau:

- *Thứ nhất, mang tính khoa học, tính hàn lâm cao:* Các môn LLCT là các môn khoa học có hàm lượng lý luận cao, nên mang tính hàn lâm cao. Điều này đòi hỏi người dạy phải có trình độ cao về lý luận, người học phải có tư duy lý luận hoặc đang hình thành tư duy lý luận. Cụ thể như môn Triết học Mác - Lênin gồm một hệ thống tri thức lý luận chung nhất về thế giới và vị trí, vai trò của con người trong thế giới, là nền tảng thế giới quan và phương pháp luận khoa học của con người, vì vậy, gắn với một hệ thống khái niệm, phạm trù, quy luật trừu tượng, tính hàn lâm rất cao.

- *Thứ hai, gắn với chính trị, mang tính chính trị:* các khoa học LLCT gắn bó chặt chẽ với đời sống chính trị đất nước, đặc biệt là đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Vì vậy, việc giảng dạy LLCT cần gắn với thực tiễn chính trị đất nước và thế giới. Cụ thể như môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó chặt chẽ với quá trình cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và tiến lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến nay.

Đặc điểm này dẫn đến việc một số sinh viên do thờ ơ với chính trị nên cảm thấy không hứng thú với dạy học LLCT. Hơn nữa lĩnh vực chính trị thường khá khô khan và những vấn đề chính trị là những vấn đề rất lớn nên khó hấp dẫn người học và nhiều vấn đề vượt quá tầm hiểu biết của sinh viên, dẫn đến khó khăn trong việc học tập, tiếp thu bài giảng.

- *Thứ ba, tính Đảng cao.* Các môn LLCT gắn với nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam do đó có tầm quan trọng đặc biệt trong việc bảo vệ chế độ chính trị, bảo vệ sự nghiệp cách mạng, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Cụ thể, 5 môn LLCT là Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam chính là những bộ phận cấu thành quan trọng của nền tảng tư tưởng xã hội của chúng ta. Do đó, giảng dạy LLCT chính trị đòi hỏi giảng viên phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thành với lý tưởng cộng sản, hiểu và tin tưởng vào đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

- *Thứ tư, vừa trừu tượng, khái quát, vừa gắn bó giữa lý luận và thực tiễn.* Là môn học có tính hàn lâm cao nên các môn LLCT thường rất trừu tượng, khái quát, nhưng mặt khác, do gắn với thực tiễn chính trị - xã hội đất nước nên trong các môn LLCT cũng mang rất nhiều “hơi thở” của cuộc sống. Tuy nhiên, khi giảng dạy các môn LLCT, kết hợp được cả hai yếu tố này là điều không dễ dàng. Do đó, nhiều giảng viên cũng như nhiều bài giảng LLCT mắc phải hạn chế là quá nặng về kiến thức trừu tượng, khô khan và ít gắn với thực tiễn, trong khi đáng lẽ ra không phải như vậy.

Xuất phát từ những đặc điểm trên nên việc giảng dạy các môn LLCT đặt ra một số yêu cầu đối với người dạy và người học như sau:

- *Đối với người dạy*, đòi hỏi cao về chuyên môn và phẩm chất chính trị - đạo đức của giảng viên: Giảng viên giảng dạy LLCT phải có trình độ tư duy lý luận tốt, có kiến thức chuyên môn vững chắc, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có lý tưởng cách mạng, có đạo đức trong sáng, là tấm gương về đạo đức và tự học cho sinh viên. Do đó, để tạo ra đội ngũ giảng viên đáp ứng được yêu cầu trên đòi hỏi Đảng và Nhà nước phải có chiến lược lâu dài và sự đầu tư bài bản cho hệ thống các trường đào tạo LLCT trong cả nước.

- *Đối với người học*, đòi hỏi cao sự nỗ lực của người học (luôn được đánh giá là môn học khó tiếp cận đối với các sinh viên, nhất là sinh viên không chuyên ngành LLCT). Do tính hàn lâm cao và gắn với những vấn đề thực tiễn chính trị - xã hội lớn của đất nước nên môn học đòi hỏi sự nghiêm túc, chăm chỉ, say mê và một phong kiến thức nhất định của người học. Nếu người học không nghiêm túc, thậm chí có định kiến trước đối với môn học thì rất khó đạt được hiệu quả học tập tốt. Hoặc nếu người học có phong kiến thức hạn chế sẽ rất khó hiểu được những kiến thức đòi hỏi sự khái quát, trừu tượng hóa cao của các môn LLCT, cảm thấy các vấn đề LLCT quá rộng lớn, vượt khỏi khả năng tiếp cận của mình. Đây là một thách thức lớn đối với các giảng viên LLCT làm sao để thu hút được người học và giúp người học tiếp cận được với những vấn đề vĩ mô ở các môn LLCT.

2.2. Vai trò của giảng dạy LLCT trong việc đưa Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống

Giáo dục lý luận chính trị (LLCT) là một phần quan trọng trong công tác tư tưởng của Đảng, góp phần củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, vào tiền đề cách mạng. Đảng ta chỉ rõ “công tác tư tưởng lý luận đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng làm cho hệ tư tưởng của Đảng của giai cấp công nhân, lý tưởng xã hội chủ nghĩa, những giá trị tốt đẹp trong truyền thống văn hóa dân tộc, những tinh hoa văn hóa thế giới chiếm vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội”².

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng rất quan tâm đến việc học tập lý luận, Người khẳng định: “lý luận như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế. Không có lý luận thì lúng túng như nhắm mắt mà đi”³. Trong Đảng, “về tư tưởng, nhất định phải học tập lý luận Mác - Lênin” và “giáo dục tư tưởng và lãnh đạo tư tưởng là việc quan trọng nhất, phải kiên quyết chống cái thói xem nhẹ tư tưởng”⁴

² Ban Tuyên giáo Trung ương (2007), *Tài liệu học tập các Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.8.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5 Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.273-274.

⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 8 Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.279.

nói chung và xem nhẹ việc học tập lý luận nói riêng. Với những cán bộ, đảng viên ngại, lười học lý luận chính trị, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ, đó là những người chỉ bo bo giữ lấy kinh nghiệm lẻ tẻ. Họ không hiểu rằng lý luận rất quan trọng cho sự thực hành cách mạng, trong khi đó thì “có kinh nghiệm mà không có lý luận cũng như một mắt sáng một mắt mờ”⁵. Đó cũng chính là những người không hiểu, thậm chí cố tình không hiểu vai trò của lý luận chính trị đối với thực tiễn và mối quan hệ chặt chẽ giữa lý luận chính trị và thực tiễn, nên trong công tác, họ không có lý luận dẫn đường. Lỗi làm việc theo lối kinh nghiệm, đầy cảm tính mà nguyên nhân là do “kém lý luận, hoặc khinh lý luận, hoặc lý luận suông”⁶ đã khiến họ gặp phải không ít khó khăn và lúng túng khi xử lý công việc, dẫn đến phạm không ít sai lầm, khuyết điểm. Vì thế, Người nhấn mạnh, Đảng cần phải giáo dục và yêu cầu đảng viên ra sức học tập lý luận... Đảng phải chống cái thói xem nhẹ học tập lý luận. Vì không học lý luận thì chí khí kém kiên quyết, không trông xa thấy rộng, trong lúc đấu tranh dễ lạc phương hướng, kết quả là “mù chính trị”, thậm chí hủ hóa, xa rời cách mạng; đồng thời, yêu cầu cán bộ, đảng viên phải thường xuyên trau dồi, nâng cao trình độ lý luận; thực hiện tốt nguyên tắc gắn lý luận với thực tiễn. Phải chống giáo điều cũng như bệnh lười học, ngại học, hình thức trong học tập lý luận chính trị và vận dụng tri thức lý luận vào thực tiễn.

Đưa Nghị quyết của Đảng vào thực tiễn cuộc sống là một yêu cầu quan trọng nhằm góp phần xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Đưa nghị quyết của Đảng vào thực tiễn cuộc sống hiểu một cách chung nhất là quá trình hiện thực hóa nội dung cơ bản của Nghị quyết trong hiện thực sống động. Một cách cụ thể hơn, đó trước hết là quá trình quán triệt nội dung nghị quyết, từ đó vận dụng nội dung nghị quyết trong giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học và công tác thực tiễn. Trên cơ sở quán triệt nội dung nghị quyết, quần chúng nhân dân hiểu và tin vào đường lối của Đảng, tăng cường đồng thuận và đoàn kết xã hội, từ đó, tạo nên một phong trào thi đua nhằm hiện thực hóa các chủ trương, mục tiêu của nghị quyết. Đưa Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống hướng đến mục tiêu cao nhất chính là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Vai trò của giảng dạy LLCT trong việc đưa Nghị quyết của Đảng vào thực tiễn cuộc sống thể hiện ở một số điểm sau:

Thứ nhất, giảng dạy LLCT giúp cung cấp cho người học cơ sở lý luận và phương pháp luận để hiểu và tin vào Nghị quyết của Đảng. Các môn khoa học Mác - Lênin và

⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5 Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.273-274.

⁶ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5 Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.273-274.

tư tưởng Hồ Chí Minh chính là những bộ phận quan trọng cấu thành nền tảng tư tưởng của Đảng ta, do vậy, nắm vững các nội dung các khoa học này chính là nắm được cơ sở, nền tảng lý luận đã được sử dụng trong quá trình xây dựng nghị quyết của Đảng. Nói cách khác, đây chính là cơ sở khoa học quan trọng của nghị quyết của Đảng ta. Để thấy được tính khoa học của nghị quyết trước hết cần hiểu được cơ sở khoa học của nghị quyết đó. Trên cơ sở thấy được tính khoa học của nghị quyết, nhân dân sẽ củng cố niềm tin vào đường lối của Đảng thể hiện qua nghị quyết, từ đó tăng tính đồng thuận trong việc đưa nghị quyết vào cuộc sống. Việc làm rõ cơ sở khoa học của nghị quyết cũng góp phần quan trọng giúp nghị quyết được triển khai trong hiện thực thông qua các bước đi đã được luận chứng trên cơ sở khoa học. Đây là một nội dung quan trọng thể hiện vai trò của giảng dạy LLCT trong việc đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống. Bởi lẽ, cần có tri thức khoa học LLCT mới giúp chúng ta xây dựng được chương trình, kế hoạch hành động, chuẩn bị các cơ sở vật chất - kỹ thuật, tạo môi trường, chuẩn bị lực lượng, bồi dưỡng cán bộ,... để hiện thực hóa nghị quyết của Đảng trong cuộc sống.

Thứ hai, thông qua giảng dạy các môn LLCT, giảng viên đã góp phần làm rõ những nội dung của nghị quyết có liên quan đến chuyên ngành. Cụ thể, Triết học Mác - Lênin làm rõ tính tất yếu của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, từ đó khẳng định nhận định của Đảng về thời đại ngày nay là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Triết học Mác - Lênin cũng góp phần làm rõ những mối quan hệ lớn, những khâu đột phá trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay. Kinh tế chính trị Mác - Lênin nghiên cứu về tính tất yếu kinh tế của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội và những cách thức xây dựng cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu về lực lượng, cách thức xây dựng chủ nghĩa xã hội, về mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực trên thế giới và Việt Nam. Tất nhiên không thể phân biệt hoàn toàn rạch ròi nội dung nào gắn với khoa học nào, tuy nhiên, mỗi khoa học do khía cạnh đối tượng nghiên cứu đặc thù của mình sẽ giúp làm sáng tỏ nội dung nghị quyết từ các góc nhìn khác nhau, từ đó giúp người học có được cái nhìn đầy đủ, toàn diện về nội dung nghị quyết, sâu xa hơn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta.

- *Thứ ba*, từ việc cung cấp cơ sở khoa học và làm rõ những nội dung cụ thể của Nghị quyết liên quan đến chuyên ngành, giảng viên giúp cho sinh viên hiểu và tin vào đường lối của Đảng, vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Từ đó, nâng cao bản lĩnh chính trị của sinh viên, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh ngăn chặn các quan điểm sai trái, thù địch.

- *Thứ tư*, nghiên cứu các môn LLCT góp phần giúp sinh viên có được phương pháp luận tư duy để vận dụng nghị của của Đảng, đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống.

Điều này thể hiện đặc biệt rõ qua vai trò của triết học Mác - Lênin trong nâng cao trình độ tư duy lý luận, nâng cao năng lực tư duy biện chứng cho sinh viên¹. Đây là một nội dung quan trọng thể hiện vai trò của giảng dạy LLCT trong việc đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống, bởi nếu không có một tư duy khoa học, một tinh thần và phương pháp làm việc khoa học thì không thể hiện thực hóa những mục tiêu lớn trong nghị quyết của Đảng.

- *Thứ năm*, việc đẩy mạnh đưa các nội dung Văn kiện Đại hội XIII vào giảng dạy LLCT cũng chính là góp phần hiện thực hóa đường lối của Đảng về nâng cao chất lượng giáo dục LLCT, góp phần vào việc tuyên truyền, phổ biến nghị quyết của Đảng thông qua một phương thức rất quan trọng đó là giáo dục - đào tạo. Như vậy, đây chính là vai trò “kép” của giảng dạy LLCT - vừa chính là hiện thực hóa đường lối của Đảng về giáo dục LLCT, nâng cao chất lượng công tác tư tưởng, vừa là một cách thức quan trọng góp phần đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống. Như vậy, giảng dạy LLCT vừa trực tiếp, vừa gián tiếp góp phần đưa Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng vào thực tiễn cuộc sống. Vì thế, chúng ta cần quán triệt sâu sắc vai trò của giảng dạy LLCT đối với việc hiện thực hóa đường lối của Đảng nhằm góp phần vào việc thực hiện thắng lợi công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

2.3. Một số kiến nghị, đề xuất

Để phát huy hơn nữa vai trò của giảng dạy LLCT trong việc đưa Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng vào thực tiễn cuộc sống, chúng tôi xin đề xuất một số kiến nghị sau:

Thứ nhất, cần nâng cao nhận thức của các chủ thể về tầm quan trọng của việc giảng dạy LLCT trong hệ thống giáo dục quốc dân, nhất là đối với việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống. Điều đó thể hiện đóng góp rất quan trọng của các môn LLCT trong chương trình giáo dục ở Việt Nam. Do đó, đề nghị Ban Tuyên giáo, Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng các ban ngành liên quan kiểm tra, giám sát thường xuyên công tác giáo dục LLCT ở các cơ sở giáo dục - đào tạo trên toàn bộ hệ thống giáo dục quốc dân, kể cả các cơ sở đào tạo trong nước và cơ sở liên kết với nước ngoài, các trường quốc tế, các chương trình đào tạo quốc tế, chương trình chất lượng cao tại Việt Nam nhằm đảm bảo việc thực hiện chương trình giáo dục LLCT thống nhất, đồng bộ đúng theo đường lối của Đảng và quy định pháp luật của Nhà nước. Cũng trong quá trình này có phương án giúp đỡ, nâng cao chất lượng giảng dạy LLCT tại các cơ sở giáo dục đại học ở nước ta hiện nay.

Thứ hai, cần tổ chức học tập, nghiên cứu, quán triệt nghị quyết Đại hội XIII một cách đầy đủ, sâu sắc cho giảng viên LLCT và cho đông đảo sinh viên. Trên cơ sở đó, giảng viên có thể chắt lọc những nội dung Văn kiện Đảng đưa vào từng nội dung giảng

dạy, sinh viên có thể vận dụng những tri thức LLCT được giảng dạy vào hiểu và quán triệt sâu sắc đường lối của Đảng thể hiện qua các văn kiện.

Thứ ba, các khoa, tổ bộ môn LLCT tăng cường tổ chức hội thảo, tọa đàm vận dụng nghị quyết vào giảng dạy LLCT trong từng khoa chuyên môn để làm rõ hơn những nội dung nghị quyết từ góc độ chuyên ngành cụ thể. Trên cơ sở đó góp phần đưa nghị quyết của Đảng vào thực tiễn cuộc sống.

Thứ tư, các giảng viên LLCT cần tăng cường viết bài trên các tạp chí khoa học nhằm làm rõ, vận dụng nghị quyết vào những nội dung lý luận của chuyên môn, đóng góp thêm tiếng nói khoa học vào việc đưa nghị quyết của Đảng vào thực tiễn cuộc sống.

Thứ năm, cần tăng cường các biện pháp nâng cao chất lượng giảng dạy LLCT nhằm hiện thực hóa đường lối của Đảng về nâng cao chất lượng giáo dục LLCT trong hệ thống giáo dục quốc dân: “Đổi mới căn bản chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục LLCT theo phương châm *khoa học, thực tiễn, sáng tạo và hiện đại*”⁷. Trong nội dung giảng dạy, cần kết hợp tính hàn lâm, khoa học và tính thực tiễn. Hiện đại hóa việc giảng dạy LLCT, áp dụng công nghệ thông tin, cập nhật các thành tựu khoa học mới vào giảng dạy LLCT, sử dụng các mô hình dạy học hiện đại như Lớp học đảo ngược, dạy học trực tuyến, cung cấp nguồn học liệu số, đa phương tiện... để sinh viên tham gia tích cực học tập, nghiên cứu. Kết hợp hợp lý giữa giảng dạy lý thuyết và thảo luận, thực hành đối với các môn LLCT. Có thể tổ chức các buổi thực hành, thảo luận về các nội dung văn kiện Đại hội dưới góc độ tiếp cận chuyên ngành trong chính các giờ thực hành thảo luận của các môn LLCT. Điều này đòi hỏi giảng viên cần nắm vững nội dung Văn kiện và những vấn đề lý luận chuyên ngành được thể hiện qua nội dung văn kiện. Điều này sẽ góp phần tích cực để đưa nghị quyết vào thực tiễn cuộc sống.

3. KẾT LUẬN

Có thể nhận thấy, đất nước ta ngày càng hội nhập sâu rộng với khu vực và thế giới, nhiều tư tưởng, học thuyết, hệ giá trị, quan điểm cũng sẽ theo các cánh cửa giao thương, không gian mạng... mà ùa vào, tác động đến tâm tư, tình cảm và hành động của sinh viên. Do vậy, việc đưa Nghị quyết của Đảng vào hoạt động giáo dục LLCT cho sinh viên đại học nhằm tạo ra nền tảng kiến thức chính trị-xã hội vững vàng ngay từ giảng đường đại học là vô cùng quan trọng. Thông qua học tập các môn LLCT, sinh viên có nhận thức đúng đắn; có niềm tin vững chắc vào sự lãnh đạo của Đảng, vào sự nghiệp đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay. Từ đó, sẽ quyết định khuynh hướng,

⁷ Đảng cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 2, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.235.

mục đích và hiệu quả hoạt động của sinh viên trong học tập, lao động; xây dựng lý tưởng cách mạng trong sáng, làm chủ bản thân, giàu lòng yêu quê hương, đất nước, xây dựng và củng cố vững chắc mục tiêu lý tưởng.

Tóm lại, tiếp nối tinh thần từ các kỳ Đại hội Đảng trước đây, Đại hội XIII đã đề cập một cách toàn diện, sâu sắc, cụ thể đến vấn đề giáo dục, bồi dưỡng LLCT, từ đánh giá những kết quả đạt được cùng hạn chế, bất cập đến phương hướng, giải pháp nhằm đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. Điều đó thể hiện bước phát triển của Đảng không chỉ trong nhận thức về tầm quan trọng của công tác giáo dục, bồi dưỡng LLCT đối với xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong tình hình mới, mà còn là những tư duy mới trong lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao hiệu quả công tác giáo dục LLCT trong thời gian tới. Đây chính là một trong những giải pháp cơ bản, quan trọng trong việc đưa nghị quyết của Đảng vào thực tiễn cuộc sống chính là góp phần vào việc thực hiện mục tiêu của dân tộc./.

Tài liệu tham khảo:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, 2 tập, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Hoàng Chí Bảo (2013), “Một vấn đề về phương pháp luận nghiên cứu lý luận chính trị”, Tạp chí *Khoa học chính trị*, số 2.
3. Ban Tuyên giáo Trung ương (2007), *Tài liệu học tập các Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. V.I. Lênin (1975), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.
5. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
6. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

QUẢN TRIỆT NỘI DUNG VĂN KIẾN ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG VÀO GIẢNG DẠY MÔN TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN NHẪM NÂNG CAO TƯ DUY BIỆN CHỨNG CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG CÔNG AN HIỆN NAY

TS. Vương Thị Ngọc Huệ¹

ThS. Nguyễn Trung Hiếu²

^{1,2} Học viện An ninh nhân dân

Email: mrtrunghieu.hhth@gmail.com

Tóm tắt: Tiến trình đổi mới đất nước đang đặt ra nhiều vấn đề về mặt lý luận trong đó nhận thức và cụ thể hóa những nội dung, quan điểm đổi mới trong văn kiện Đại hội XIII của Đảng vào giảng dạy Triết học Mác - Lênin có một ý nghĩa vô cùng quan trọng, là cơ sở giúp người học nhận thức sâu sắc những biến đổi của đời sống chính trị - xã hội, định hình các giá trị thời đại từ đó vận dụng lý luận vào thực tiễn một cách hiệu quả. Từ góc độ tiếp cận bài viết đi sâu làm rõ những nội dung: 1) Vận dụng những nội dung trong Văn kiện Đại hội XIII vào giảng dạy triết học Mác - Lênin nhằm nâng cao tư duy biện chứng, tư duy chính trị cho sinh viên các trường Công an nhân dân. 2) Từ những thuận lợi và khó khăn trong giảng dạy đề xuất, kiến nghị một số giải pháp nâng cao hiệu quả giảng dạy triết học Mác - Lênin trong bối cảnh hiện nay.

Từ khóa: Đại hội XIII của Đảng; triết học Mác - Lênin

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta dưới sự tác động của cách mạng khoa học công nghệ lần thứ tư (CMCN 4.0), đang tạo ra những bước thay đổi căn bản trong thực hiện thắng lợi công xây dựng đổi mới, phát triển đất nước định hướng xã hội Chủ nghĩa với những thành tựu rực rỡ. Văn kiện Đại hội XIII đã khẳng định “*Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay*”⁸. Để bảo vệ những thành quả cách mạng to lớn của dân tộc ta trong giai đoạn lịch sử mới, cần phát huy vai trò sức mạnh của cả dân tộc, của các lực lượng nhất là thế hệ trẻ, trong đó sinh viên các trường Công an nhân dân là một bộ phận quan trọng, là đội ngũ trí thức tương lai, gánh vác những trọng trách to lớn trong sự nghiệp bảo đảm an ninh quốc gia,

⁸ ĐCSVN (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*, Nxb CTQGST, Hà Nội, tập I, tr.25, 26

giữ gìn trật tự an toàn xã hội, và các nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh trong di chúc Người đã căn dặn: “*Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc làm rất quan trọng và rất cần thiết*”⁹.

Trong bối cảnh thế giới có nhiều diễn biến phức tạp về kinh tế, chính trị, an ninh, quốc phòng, dân tộc hóa, tôn giáo hóa, đại dịch covid-19... bên cạnh đó, xuất hiện tâm lý phai nhạt lý tưởng, tư tưởng may rủi, lối sống thực dụng, chủ nghĩa cá nhân đang tác động nhanh hơn, trực tiếp tới tâm lý, nhận thức và lý tưởng sống của một bộ phận sinh viên. Tình hình đó đang đặt ra những vấn đề hết sức mới cho nhận thức thực tiễn và giảng dạy các môn lý luận chính trị nói chung, giảng dạy môn triết học Mác - Lênin nói riêng trong các trường Công an nhân dân hiện nay. Dưới góc độ nghiên cứu, mục tiêu bài viết hướng đến vận dụng những nội dung đổi mới trong Nghị quyết của Đại hội XIII vào giảng dạy môn triết học Mác - Lênin trong các trường Công an nhân dân, nhằm trang bị lý luận nhận thức và tư duy khoa học góp phần hình thành bản lĩnh chính trị, lý tưởng sống tốt đẹp, giúp người học nhận thức sâu sắc những biến đổi của đời sống chính trị - xã hội trong bối cảnh thời đại mới hiện nay.

2. NỘI DUNG

2.1. Vận dụng những nội dung trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng vào giảng dạy môn triết học Mác - Lênin trong bối cảnh hiện nay

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng được kết tinh trên cơ sở tổng kết thực tiễn 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới mà trực tiếp là 5 năm thực hiện nghị quyết Đại hội XII đã bổ sung, hoàn thiện đường lối đổi mới của Đảng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Do vậy, việc quán triệt những nội dung quan trọng này trong quá trình giảng dạy các môn lý luận chính trị, đặc biệt giảng dạy triết học Mác - Lênin trong các trường Đại học nói chung, các trường Công an nói riêng góp phần không nhỏ vào việc sớm đưa Nghị quyết, chủ trương, đường lối của Đảng vào cuộc sống; đồng thời thông qua Nghị quyết, vai trò nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin cũng được chứng minh một cách sáng tỏ hơn, tạo dựng và củng cố niềm tin vững chắc cho mọi người vào triển vọng và bước đường phát triển sắp tới của đất nước. Đưa Nghị quyết Đại hội XIII vào cuộc sống cũng như đáp ứng yêu cầu giảng dạy, đòi hỏi cần tập trung cập nhật, vận dụng liên hệ vào bài giảng những vấn đề mới, mang tính thời sự cụ thể sau:

1) Giá trị và vai trò của Triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội là điều không thể phủ nhận, xuất phát từ quan điểm chỉ đạo mang tính nguyên tắc, nhất quán không thay đổi trong đường lối của Đảng, vì vậy Đảng ta khẳng định “kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu

⁹ Hồ Chí Minh - *Toàn tập*, Tập 15, Nxb CTQG, H.2011, tr.622.

độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng...”¹⁰. Điều cần chú ý, Nghị quyết đòi hỏi chúng ta vừa phải kiên định nhưng lại vừa vận dụng sáng tạo, không ngừng đổi mới để đất nước ngày càng phát triển. Điều đó thể hiện tư duy lý luận của Đảng ngày càng sâu sắc, phù hợp hơn với thực tiễn, bởi chúng ta sẽ bị chệch hướng xã hội chủ nghĩa nếu không “kiên định và vận dụng phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh”, mặt khác nếu chỉ kiên định theo kiểu giáo điều và chủ quan, duy ý chí mà không tiếp tục đổi mới, sáng tạo thì sẽ rất có thể rơi vào bảo thủ, dẫn đến trì trệ khó phát triển. Nhận thức đúng và giải quyết một cách biện chứng mối quan hệ giữa kiên định với đổi mới và phát triển là yêu cầu quán triệt sâu sắc trong tiến hành hoạch định đường lối, chính sách lẫn chỉ đạo hoạt động thực tiễn. Những thành tựu của công cuộc đổi mới đất nước đạt được trong thời gian qua đã cho thấy sự vận dụng một cách đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, cơ sở đảm bảo cho những thắng lợi và thành công của đất nước trong những thời gian tiếp theo.

2) Nội dung xem xét đánh giá khách quan, xuất phát từ thực tiễn khách quan. Trong Báo cáo của Ban chấp hành Trung Ương khóa XII về các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ: “Trong những năm tới dự báo tình hình thế giới và khu vực tiếp tục có nhiều thay đổi rất nhanh, phức tạp, khó lường. Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song cũng đứng trước nhiều trở ngại, khó khăn, thách thức. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục tiến triển, nhưng cũng đang bị đe dọa bởi sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, cạnh tranh chiến lược, cạnh tranh kinh tế, chiến tranh thương mại diễn ra gay gắt. Do tác động của đại dịch Covid-19, thế giới rơi vào khủng hoảng nghiêm trọng nhiều mặt. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực, mang đến cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia. Các nước điều chỉnh chiến lược và phương thức phát triển nhằm thích ứng với tình hình mới. Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục có vị trí chiến lược ngày càng quan trọng...”¹¹ do đó, những vấn đề quan trọng này cần được cập nhật, trang bị kịp thời trong hệ thống bài giảng triết học để các hệ học viên nắm bắt kịp thời những vận động biến đổi nhanh chóng, phức tạp, khó lường của tình hình kinh tế, chính trị, xã hội thế giới đang đặt ra những vấn đề mới cho nhận thức và hành động trong thực tiễn.

3) Về chủ nghĩa duy vật biện chứng, cần quán triệt vận dụng những tư tưởng biện chứng như tinh thần Đại hội XIII khẳng định “Tiếp tục phát triển nhanh và bền vững đất nước; gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó, phát triển kinh tế -

¹⁰ ĐCSVN (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*, Nxb CTQGST, Hà Nội, tập II, tr.324

¹¹ ĐCSVN (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*, Nxb CTQGST, Hà Nội, tập I, tr.30,31

xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt”¹². Hay, tinh thần “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường...”¹³; Hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Khi đề cập đến phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, Đại hội XIII nhấn mạnh đi đôi với phát huy dân chủ, quyền làm chủ của nhân dân, phải xử lý kịp thời, nghiêm minh những tổ chức, cá nhân lợi dụng dân chủ, gây rối nội bộ, làm mất ổn định chính trị - xã hội hoặc vi phạm dân chủ, làm phương hại đến quyền làm chủ của nhân dân. Trên tinh thần đó, Đại hội XIII đã xác định thêm mối quan hệ lớn thứ mười mà trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội chúng ta cần nhận thức và giải quyết tốt. Đó là, mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội.

4) Về chủ nghĩa duy vật lịch sử, có rất nhiều điểm cần quán triệt, vận dụng tinh thần Đại hội XIII. Trong bài hình thái kinh tế - xã hội cần quán triệt tinh thần “phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa”; “Trong nhận thức và giải quyết các mối quan hệ lớn... cần chú trọng hơn đến: bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp”. Về kiến trúc thượng tầng, trong đó có Đảng và hệ thống chính trị, Nhà nước, cần quán triệt tinh thần Đại hội XIII: “Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đồng bộ với đổi mới kinh tế, văn hóa, xã hội, con người... đáp ứng yêu cầu nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa”¹⁴.

5) Về nội dung giai cấp và dân tộc cần chú ý quan điểm của Đại hội XIII: “Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của nền văn hóa, con người Việt Nam, bồi dưỡng sức dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, có cơ chế đột phá để thu hút, trọng dụng nhân tài, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững đất nước”¹⁵.

¹² ĐCSVN (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*, Nxb CTQGST, Hà Nội, tập I, tr.110

¹³ ĐCSVN (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*, Nxb CTQGST, Hà Nội, tập I, tr.114

¹⁴ ĐCSVN (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*, Nxb CTQGST, Hà Nội, tập I, tr.185

¹⁵ ĐCSVN (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*, Nxb CTQGST, Hà Nội, tập I, tr.110

6) Về nội dung xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, Đại hội XIII định hướng “Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, vì nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước. Tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình, kiểm soát quyền lực gắn với siết chặt kỷ cương, kỷ luật trong hoạt động của Nhà nước và của cán bộ, công chức, viên chức. Tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tội phạm và tệ nạn xã hội”¹⁶.

7) Về nội dung con người, cần quán triệt tinh thần Đại hội XIII của Đảng: “Phát triển con người Việt Nam toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, để văn hóa, con người Việt Nam thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc... Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước”¹⁷. Trong giai đoạn hiện nay, Đại hội XIII xác định phải: “phát triển con người toàn diện, đáp ứng những yêu cầu mới của phát triển kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ, thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”. Đại hội cũng đề ra nhiệm vụ “Tập trung nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người, gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới”; “xây dựng con người Việt Nam thời đại mới, gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa giá trị truyền thống và giá trị hiện đại”¹⁸

8) Về nội dung ý thức xã hội, khi đề cập xây dựng ý thức xã hội mới, văn hóa mới cần quán triệt tinh thần Đại hội XIII, trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và mở rộng giao lưu quốc tế, phải đặc biệt quan tâm “bảo vệ và phát huy các giá trị tốt đẹp, bền vững trong truyền thống văn hóa Việt Nam” đấu tranh khắc phục và loại bỏ những phong tục, tập quán lạc hậu. Đồng thời, phải tích cực “tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại phù hợp với thực tiễn Việt Nam” nhằm làm phong phú thêm nền văn hoá dân tộc. Một trong những điểm rất mới của Văn kiện XIII đã nhấn mạnh đến phát triển văn hóa, công nghiệp văn hóa, đặc biệt phải “phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam”¹⁹ đó chính là truyền thống yêu nước, tinh thần

¹⁶ ĐCSVN (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*, Nxb CTQGST, Hà Nội, tập I, tr.118

¹⁷ ĐCSVN (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*, Nxb CTQGST, Hà Nội, tập I, tr.115, 116

¹⁸ ĐCSVN (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*, Nxb CTQGST, Hà Nội, tập I, tr.47

¹⁹ ĐCSVN (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*, Nxb CTQGST, Hà Nội, tập I, tr.145-146

đoàn kết, niềm tự hào dân tộc, niềm tin vào tương lai, ý chí và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, nhân dân hạnh phúc; là tài năng, phẩm chất, trí tuệ của con người Việt Nam. Đồng thời tăng cường đổi mới công tác giáo dục chính trị, tư tưởng: Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức công tác tư tưởng theo hướng thiết thực, kịp thời và hiệu quả; nâng cao tính chiến đấu, tính giáo dục, tính thuyết phục trong tuyên truyền, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong xây dựng ý thức xã hội mới ở Việt Nam.

9) Khi nói bối cảnh lịch sử có thể vận dụng bài học kinh nghiệm thứ năm mà Đại hội XIII rút ra là: “chủ động nghiên cứu, nắm bắt, dự báo đúng tình hình, không để bị động, bất ngờ; kiên quyết, kiên trì bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc đi đôi với giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường; xử lý đúng đắn, linh hoạt, hiệu quả mối quan hệ với các nước lớn và các nước láng giềng, đánh giá đúng xu thế, nắm bắt đúng thời cơ. Phát huy hiệu quả sức mạnh tổng hợp của đất nước kết hợp với sức mạnh của thời đại; khai thác, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”²⁰. Việc vận dụng, cập nhật giảng dạy những nội dung này giúp người học có cách nhìn khách quan về những vận động biến đổi của đời sống xã hội nhìn từ lăng kính lý luận của những bài học triết học Mác - Lênin, giúp người học có cách nhìn, nhận định đánh giá về các hiện tượng diễn biến của xã hội một cách toàn diện đúng đắn, biện chứng và khách quan, khoa học. Vì vậy, để trở thành một cán bộ chiến sĩ công an giỏi thì không thể thiếu nhãn quan cách mạng được xây dựng từ lý luận của triết học Mác - Lênin.

Từ những vấn đề trong Văn kiện Đại hội XIII vận dụng, lồng ghép một cách cụ thể trong những nội dung của triết học góp phần trang bị hệ thống lý luận nhận thức sâu sắc những biến đổi của đời sống chính trị xã hội, hình thành tư duy khoa học, củng cố niềm tin và lý tưởng sống tốt đẹp để từ đó hình thành nhãn quan cách mạng, có tư tưởng, niềm tin và lập trường kiên định vững vàng vào các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, ra sức thi đua thực hiện tốt nhiệm vụ. Không hoang mang dao động trước những tác động của hoàn cảnh và âm mưu của các thế lực thù địch. Do vậy, với đặc thù nghề nghiệp được đào tạo, việc trang bị cho sinh viên năng lực tư duy biện chứng cùng những năng lực thực tiễn hoạt động chính trị là yêu cầu hàng đầu trong nhiệm vụ giáo dục và đào tạo của các trường Công an nhân dân hiện nay.

²⁰ ĐCSVN (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*, Nxb CTQGST, Hà Nội, tập I, tr.98

Tuy nhiên, hiện nay việc giảng dạy triết học Mác - Lênin ở các trường Công an nhân dân trong bối cảnh chuyển mình thay đổi rất nhanh chóng của đời sống kinh tế, chính trị, xã hội... đang làm thay đổi nhận thức và tư duy của người học. Vì vậy, việc quán triệt những nội dung cụ thể trong Văn kiện Đại hội XIII vào giảng dạy triết học Mác - Lênin cho sinh viên hiện nay có những thuận lợi và khó khăn nhất định sau:

** Những thuận lợi*

Thứ nhất, việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư về việc tiếp tục đổi mới việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân và CV số 3056-BGDĐT-GDĐH ngày 19/7/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện chương trình, giáo trình các môn lý luận chính trị; là cơ sở để hoàn thiện và đổi mới tích cực toàn diện nhiều mặt về giáo trình, tài liệu dạy học cũng như chất lượng đội ngũ giảng viên lý luận chính trị.

Thứ hai, giảng dạy các môn lý luận chính trị nói chung, triết học Mác - Lênin nói riêng luôn nhận được sự quan tâm của Đảng, ngành Công an và Ban Giám hiệu nhà trường. Luôn nhận thức được tầm quan trọng của giáo dục lý luận chính trị nhất là giáo dục tư duy biện chứng cho thế hệ trẻ, để tiếp tục chăm lo, bồi dưỡng, giáo dục nhận thức, đạo đức cách mạng, bản lĩnh chính trị cho sinh viên, coi đây là nhiệm vụ then chốt trong các nhà trường.

Thứ ba, số lượng và chất lượng giảng viên có chức danh, học hàm, học vị cao, chuyên sâu ngày càng được nâng cao đáp ứng yêu cầu công tác nghiên cứu khoa học và giảng dạy, truyền đạt những lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối, chủ trương của Đảng thấm nhuần trong các thế hệ sinh viên.

- *Thứ tư*, các nhà trường thường xuyên tăng cường các hoạt động sau giảng như: tham quan thực tế, tổ chức các câu lạc bộ học tập, tọa đàm, hội thảo, tổ chức thi Olympic, thi tìm hiểu về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về Đảng Cộng sản Việt Nam cấp trường, cấp Bộ. Qua đó, sinh viên có thêm cơ hội để củng cố kiến thức lý luận chính trị, vận dụng kiến thức lý luận vào thực hành chính trị, nâng cao các phẩm chất chính trị, tích cực tham gia các hoạt động chính trị - xã hội.

- *Thứ năm*, liên tục cập nhật, vận dụng nội dung thực tiễn trong các Văn kiện vào nội dung bài giảng. Đặc biệt, gắn lý luận với đặc thù trong công tác Công an. Thông qua quá trình giảng dạy, truyền đạt, vận dụng mang tính ngành, sinh viên được trang bị hạt nhân lý luận khoa học để đánh giá những diễn biến phức tạp trong cuộc sống một cách đúng đắn, biết đấu tranh chống lại những hiện tượng xã hội tiêu cực ảnh hưởng tới đời sống tinh thần của xã hội, có quan điểm và thái độ phê phán trước những biểu hiện sai

trái, tiêu cực trong đời sống xã hội, những cám dỗ mặt trái của thời cuộc. Nhờ có tư duy lý luận khoa học, sinh viên biết xác định đúng đắn vị trí của bản thân họ trong công cuộc xây dựng và bảo vệ xã hội chủ nghĩa từ đó có thái độ học tập tốt để đáp ứng đòi hỏi khách quan của xã hội.

** Một số khó khăn*

Thứ nhất, việc áp dụng giảng dạy theo giáo trình triết học mới của Bộ giáo dục, làm cho nhiều giáo viên chưa cập nhật kịp thời những vấn đề mới mang tính thời đại.

Thứ hai, những yếu tố khách quan của đại dịch covid-19 đã ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động liên kết tổ chức khoa học giữa các đơn vị giảng dạy trong các trường Công an nhân dân.

Thứ ba, những ảnh hưởng tác động tiêu cực của tâm lý thị trường, mặt trái của mạng internet đã làm không ít sinh viên dễ dàng tiếp cận với các thông tin xấu độc, phản động, những sản phẩm văn hóa, lối sống thiếu lành mạnh, xuất hiện những tâm lý tiêu cực... Vấn đề này nếu không được quản lý, giáo dục, định hướng thường xuyên, hiệu quả của nhà trường thì sẽ trở thành một trong những nguyên nhân làm biến đổi tư tưởng, định hướng giá trị, lối sống lệch lạc, thiếu lành mạnh của một bộ phận sinh viên.

Thứ tư, đội ngũ giảng viên trẻ, một số tốt nghiệp ngoài ngành Công an nên giảng dạy, vận dụng lý luận từng bài triết học Mác - Lênin chưa bám sát với thực tiễn công tác của lực lượng Công an; một bộ phận sinh viên vẫn còn tâm lý ngại học, ngại nghiên cứu, hoặc có nghiên cứu một cách qua loa, tư duy hời hợt, không phục vụ thiết thực cho thực tiễn công tác sau này.

2.2. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả giảng dạy triết học Mác - Lênin trang bị tư duy biện chứng cho sinh viên các trường Công an nhân dân hiện nay

Tiếp tục phát huy những mặt tích cực, thuận lợi đạt được đồng thời khắc phục những khó khăn trên, để tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục, trang bị tư duy biện chứng, xây dựng bản lĩnh chính trị, nhân quan cách mạng định hướng cho hành động cách mạng cho sinh viên các trường Công an nói riêng và trường đại học nói chung cần tiếp tục làm tốt các giải pháp sau:

Thứ nhất, tiếp tục tăng cường sự chỉ đạo, lãnh đạo của Đảng ủy, ban giám hiệu nhà trường một cách thường xuyên, có hiệu quả trong quán triệt nghị quyết Đại hội XIII của Đảng một cách cụ thể và thiết thực vào trong hoạt động và nhận thức của cán bộ và học viên. Hiện thực hóa những chủ trương trong Văn kiện XIII qua các sản phẩm, nghiên cứu khoa học, trong nhận thức, tư duy và hành động.

Thứ hai, tiếp tục nâng cao chất lượng giảng viên giảng dạy triết học Mác - Lênin đáp ứng yêu cầu đổi mới nâng cao chất lượng giáo viên của ngành giáo dục. Tích

cực đổi mới phương pháp giảng dạy, áp dụng các phương pháp giảng dạy mới làm tăng tính hiệu quả của việc triển khai các nội dung trong Văn kiện Đại hội XIII vào thực tiễn học tập cũng như quá trình công tác. Gắn lý luận với thực tiễn đất nước và công tác của ngành Công an.

Thứ ba, đổi mới sáng tạo trong tổ chức các hoạt động, chương trình, cuộc thi nâng cao tính giáo dục do Bộ Công an, Bộ Giáo dục và Đào tạo, các nhà trường và các đoàn thể trong việc triển khai Nghị quyết, nhất là Nghị quyết Đại hội XIII vào cuộc sống bằng các hình thức thi trực tuyến, qua phần mềm... tổ chức các hoạt động thực tế chính trị - xã hội, dân vận... Đặc biệt, ngay từ khi ngồi trên ghế nhà trường, sinh viên có thể tham gia đấu tranh với các luận điệu tuyên truyền xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các luận điệu đòi phi chính trị hóa lực lượng vũ trang... mà các thế lực thù địch tiến hành chống phá trên không gian mạng. Đây chính là những hoạt động thực tế có tác dụng củng cố nhận thức chính trị, nâng cao năng lực vận dụng lý luận vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn công tác, và hơn nữa là nâng cao khả năng đấu tranh với các âm mưu và hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch, giữ vững lập trường chính trị của bản thân.

Thứ tư, đối với sinh viên cần phải nhận thức rõ việc trang bị kiến thức nội dung triết học Mác - Lênin, cập nhật những nội dung Văn kiện Đại hội XIII của Đảng là cơ sở để nâng cao lý luận, tư duy biện chứng, xây dựng và củng cố bản lĩnh chính trị là một yêu cầu rất quan trọng đối với người cán bộ, chiến sỹ Công an nhân dân. Bởi lẽ, để trở thành người Công an cách mạng thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ Đảng, Nhà nước, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ nhân dân thì đòi hỏi ở họ không chỉ có kiến thức nghiệp vụ, pháp luật mà phải có nhận thức chính trị đúng đắn và có một bản lĩnh chính trị vững vàng. Đấu tranh chống các biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” về tư tưởng chính trị, chệch hướng mục tiêu bảo vệ, mục tiêu đấu tranh, từ đó có những hành động đi ngược lại lợi ích của quốc gia, dân tộc.

3. KẾT LUẬN

Hiện nay, bối cảnh đất nước có những thời cơ thuận lợi là cơ hội để rút ngắn khoảng cách trên con đường phát triển, tuy nhiên vẫn còn tồn tại không ít khó khăn, thử thách: tệ quan liêu, nạn tham nhũng vẫn cần phải được khắc phục triệt để; một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội vẫn chưa đạt được, hậu quả của biến đổi khí hậu đang đe dọa tới đời sống con người, đại dịch Covid 19 diễn biến khó lường, các thế lực thù địch lợi dụng tình hình phức tạp vẫn tìm cách chống phá sự nghiệp cách mạng của nước ta... Trước thực tiễn này, việc khẳng định lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin cũng như nhanh chóng đưa Nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam vào cuộc sống là việc làm cần thiết, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn để vững tin trên con đường xây dựng và đổi mới đất nước. Một số

nội dung đã đề cập ở trên đã chứng minh rằng việc giảng dạy triết học Mác - Lênin có ý nghĩa quan trọng trong việc góp phần đưa Nghị quyết của Đại hội XIII của Đảng vào thực tiễn cuộc sống, mà quan trọng hơn hết là nâng cao nhận thức cho người học, cũng như nâng cao chất lượng giáo dục hiện nay./.

Tài liệu tham khảo:

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, (1994) Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 20.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. *Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 5 (2011)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
4. Vũ Văn Hiền, *Một số vấn đề về công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận ở nước ta hiện nay*, Kỷ yếu hội thảo khoa học: Gắn giảng dạy lý luận chính trị với thực tiễn công tác công an (2021), Hà Nội.
5. Nguyễn Viết Thông, *Công tác nghiên cứu lý luận chính trị trong tình hình hiện nay*, Kỷ yếu hội thảo khoa học: Gắn giảng dạy lý luận chính trị với thực tiễn công tác công an (2021), Hà Nội.
6. Nguyễn Bình Ban, *Đổi mới nghiên cứu, giáo dục lý luận chính trị trong các trường Công an nhân dân gắn với yêu cầu thực tiễn công tác công an trong tình hình mới*, Kỷ yếu hội thảo khoa học: Gắn giảng dạy lý luận chính trị với thực tiễn công tác công an (2021), Hà Nội.
7. Vũ Hoàng Công, *Tư duy triết học trong các văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới*, tạp chí Lý luận chính trị số 524 (10-2021).

QUÁN TRIỆT QUAN ĐIỂM ĐẠI HỘI ĐẢNG LẦN THỨ XIII VỀ GIẢI QUYẾT CÁC MỐI QUAN HỆ LỚN TRONG GIẢNG DẠY TRIẾT HỌC TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

TS. Mai Diệu Anh

Học viện An ninh Nhân dân

Email: maidiueanh296@gmail.com

Tóm tắt: Trên cơ sở nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, xuất phát từ những bài học kinh nghiệm rút ra từ quá trình thực hiện đường lối xây dựng, phát triển Việt Nam thời kỳ quá độ lên CNXH, Đại hội Đảng lần thứ XIII đã đưa ra vấn đề giải quyết các mối quan hệ lớn với những nội dung mới có tính đột phá, có nhiều điểm mới so với các văn kiện trước đó. Nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII vào giảng dạy nội dung triết học là quá trình biện chứng giữa nghiên cứu, học tập, quán triệt và trực tiếp tham gia tuyên truyền Nghị quyết của Đảng. Với vai trò là môn học tiên quyết, việc bổ sung nội dung giải quyết các mối quan hệ lớn ở Việt Nam hiện nay theo tinh thần Đại hội Đảng lần thứ XIII vào giảng dạy môn Triết học Mác - Lênin tại các trường đại học là vô cùng cần thiết, là một nhiệm vụ trọng tâm, tạo sự chuyển biến về nhận thức, tạo nên sự thống nhất giữa ý chí và hành động của cán bộ, giảng viên và sinh viên. Bài viết này tập trung vào hai nội dung cơ bản: 1) Quan điểm của Đại hội Đảng lần thứ XIII về giải quyết các mối quan hệ lớn ở Việt Nam hiện nay; 2) Vận dụng văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII về giải quyết các mối quan hệ lớn vào giảng dạy môn Triết học Mác - Lênin tại các trường đại học hiện nay.

Từ khóa: Đại hội Đảng lần thứ XIII; giải quyết; mối quan hệ lớn; giảng dạy; triết học

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sau 35 năm đổi mới, Việt Nam đạt được nhiều thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử quan trọng, phát triển mạnh mẽ và toàn diện: “Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”²¹. Những thành tựu to lớn đó là kết quả của quá trình nhận thức và thực hiện đúng đắn đường lối, chủ trương của Đảng, nhất là *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991)* và

²¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, tr103-104

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)). Trong Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII, năng lực tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, nhất là lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng ta ngày càng sâu sắc. Nhiều nội dung trong văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII thể hiện sự vận dụng sáng tạo triết học Mác - Lênin vào điều kiện mới ở Việt Nam, từ đó đặt ra yêu cầu cho đội ngũ giảng viên giảng dạy Triết học tại các trường đại học hiện nay phải nắm vững và vận dụng sáng tạo Triết học Mác - Lênin để quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII vào từng bài giảng cụ thể. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể tiếp cận, cập nhật nghiên cứu, học tập và quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII một cách hiệu quả, từng bước chuyển hóa thành hành động trong thực tiễn.

Trong Triết học Mác - Lênin, phép biện chứng duy vật là nội dung hết sức quan trọng với tư cách một môn khoa học về những quy luật phổ biến của sự vận động và phát triển của tự nhiên, của xã hội và của tư duy. Hệ thống các nguyên lý, quy luật, phạm trù của phép biện chứng duy vật không chỉ phản ánh đúng đắn về thế giới khách quan mà có vai trò hết sức quan trọng nhằm cung cấp cho con người phương pháp nhận thức và hoạt động thực tiễn có tính khoa học, cách mạng. Trên cơ sở nội dung và ý nghĩa phương pháp luận rút ra từ phép biện chứng duy vật, Đảng Cộng sản Việt Nam đã có sự vận dụng sáng tạo vào thời kỳ đổi mới ở nước ta, thông qua việc khẳng định nhiệm vụ giải quyết các mối quan hệ lớn hiện nay.

2. NỘI DUNG

2.1. Quan điểm của Đại hội Đảng lần thứ XIII về giải quyết các mối quan hệ lớn

Đảng Cộng sản Việt Nam luôn nhấn mạnh, để thực hiện được các định hướng đối với sự phát triển đất nước cần nắm vững và xử lý thật tốt các mối quan hệ lớn. Nhận thức của Đảng về các mối quan hệ lớn được hình thành từ rất sớm và được bổ sung qua các kỳ đại hội.

Vào giai đoạn 1986-1996, Đảng tập trung vào nhận thức và giải quyết 5 mối quan hệ lớn, bao gồm quan hệ giữa đổi mới với ổn định và phát triển; quan hệ giữa đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị; quan hệ giữa kinh tế thị trường với định hướng xã hội chủ nghĩa; quan hệ giữa phát triển lực lượng sản xuất với xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; quan hệ giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội với bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Trước Đại hội Đảng lần thứ XI, Đảng đã xác định được một số mối quan hệ lớn cần giải quyết, tuy nhiên, các mối quan hệ này chưa thực sự đầy đủ, chưa tập hợp được một hệ thống các mối quan hệ, vai trò, vị trí của từng mối quan hệ chưa được xác định

rõ ràng. Hơn nữa, phương thức, định hướng, giải pháp để giải quyết các mối quan hệ lớn chưa được xác định cụ thể.

Đến Đại hội Đảng lần thứ XI, khi tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Đảng ta đã đặt ra vấn đề phải nghiên cứu các mối quan hệ lớn nhằm hướng tới mục tiêu đảm bảo quá trình phát triển bền vững đất nước. Đảng ta đã khái quát thành tám mối quan hệ lớn “Quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; Giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; Giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; Giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; Giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; Giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; Giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; Giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”²²

Kế thừa Đại hội XI, nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng chỉ rõ công cuộc xây dựng đất nước cần giải quyết 9 mối quan hệ lớn, trong đó bổ sung mối quan hệ “giữa Nhà nước và thị trường”²³. Tuy nhiên, Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đã phát triển mối quan hệ này thành quan hệ “giữa Nhà nước, thị trường và xã hội”. Mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội là mối quan hệ đan xen hết sức phức tạp. Để có thể giải quyết mối quan hệ này cần phải đảm bảo tính đồng bộ, phù hợp giữa thể chế chính trị, thể chế kinh tế và thể chế xã hội; giữa đảm bảo sự hài hòa trong tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, con người và phát triển bền vững, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội. Trong Đại hội XII của Đảng, Đảng ta đã nhấn mạnh vấn đề phát huy dân chủ phải đi liền với tăng cường pháp chế, đề cao trách nhiệm công dân, giữ vững kỷ luật, kỷ cương và đề cao đạo đức xã hội”, tuy nhiên đây chưa được xác định và nêu thành một mối quan hệ lớn cần được nhận thức và giải quyết.

Đến Đại hội Đảng lần thứ XIII, nhiều nội dung mới về giải quyết các mối quan hệ lớn tiếp tục được nhận thức, bổ sung, phát triển sâu sắc hơn. Trong Đại hội XIII, Đảng ta khẳng định cần tiếp tục nắm vững và xử lý tốt mười mối quan hệ lớn: “Giữa ổn định, đổi mới và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa nhà nước, thị trường và xã hội; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam

²² Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr72-73

²³ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016, tr80

xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ; và đặc biệt, mối quan hệ mới được bổ sung lần này là mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội”²⁴. Xuất phát từ thực tiễn công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng ta đã thấy rõ và đầy đủ tính quy luật của vấn đề thực hành dân chủ phải đi liền với kỷ cương, tự do phải gắn với trách nhiệm, nghĩa vụ. Thực tế, việc thực hành dân chủ có lúc, có nơi còn chưa được chú trọng, một bộ phận cán bộ, đảng viên còn để xảy ra tình trạng quan liêu, hách dịch, cửa quyền, mất dân chủ hoặc dân chủ hình thức. Một số nơi lại buông lỏng kỷ cương, thực hiện pháp luật chưa nghiêm, dẫn tới tình trạng dân chủ quá trớn hoặc lợi dụng dân chủ, nhân quyền để kích động, lôi kéo quần chúng tham gia chống phá Đảng và Nhà nước Việt Nam. Tình trạng tham nhũng, quan liêu, lãng phí diễn ra trong công tác quản lý, điều hành bộ máy nhà nước, tình trạng suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên. Nguyên nhân của tình trạng trên có sự tác động của việc chưa quan tâm giải quyết tốt mối quan hệ giữa thực hiện dân chủ với kỷ cương, pháp chế. Rõ ràng, nếu không nhận thức sâu sắc vấn đề này sẽ tác động lớn tới quá trình ổn định và phát triển của đất nước. Chính vì vậy, so với Đại hội XII, Đại hội XIII của Đảng tiếp tục bổ sung thêm mối quan hệ thứ mười - quan hệ “giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội”. Nhận thức vấn đề này một cách đầy đủ góp phần thực hành hiệu quả chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa, gắn liền với tăng cường kỷ luật, kỷ cương xã hội, thực hiện đầy đủ quy định của Hiến pháp và pháp luật.

Về mối quan hệ ổn định, đổi mới và phát triển, Đảng ta đặt sự ổn định lên hàng đầu và xác định có ổn định mới có đổi mới và phát triển. Nhờ ổn định xã hội, Việt Nam đã thoát khỏi sự khủng hoảng kinh tế xã hội, vững bước trên con đường thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong tình hình hiện nay, đất nước có ổn định về kinh tế, chính trị là cơ sở để khẳng định và củng cố vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới.

Về mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, cần tiến hành đồng bộ nhưng phải lấy đổi mới kinh tế làm nền tảng cho đổi mới chính trị. Trong đổi mới kinh tế, cần tuân theo các quy luật thị trường để giải phóng mạnh mẽ sức sản xuất xã hội, đưa nền kinh tế ra khỏi tình trạng trì trệ, khủng hoảng, nhưng phải đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa (quy luật giá trị, quy luật cạnh tranh, quy luật cung - cầu, quy luật giá trị lưu thông tiền tệ). Trong phát triển lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, cần phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, đồng thời, xây dựng và hoàn thiện

²⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, tr39

quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất. Phát triển các thành phần kinh tế phải xác định vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, vai trò quan trọng của các thành phần kinh tế khác, nhất là kinh tế tập thể và kinh tế tư nhân.

Về mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội, đây là mối quan hệ được Đảng ta sửa đổi từ Đại hội Đảng lần thứ XII và xác định là một mối quan hệ lớn, cơ bản, phải giải quyết một cách hài hòa, thấu đáo trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội, góp phần hiện thực hóa mục tiêu phát triển nhanh, bền vững, đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, phát triển, có thu nhập cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào giữa thế kỷ XXI.

Về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường được Đảng ta xác định là mối quan hệ hết sức quan trọng, trong đó có bổ sung vấn đề bảo vệ môi trường so với kỳ Đại hội trước. Đảng ta khẳng định việc giải quyết mối quan hệ giữa kinh tế, văn hóa, tiến bộ xã hội phải gắn kết với bảo vệ môi trường “Giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường. Chủ động giám sát, ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu; phát triển nền kinh tế xanh, ít chất thải, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, các bon thấp”²⁵. Chỉ khi bảo đảm tốt môi trường mới thực hiện tốt mục tiêu phát triển kinh tế bền vững trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Về mối quan hệ giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế, Đảng ta nhấn mạnh đến nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền và quan hệ quốc tế, chú trọng nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình phức tạp hiện nay, nhất là xây dựng chiến lược biển trong bảo vệ chủ quyền đất nước.

Về mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và Nhân dân làm chủ, vai trò làm chủ của nhân dân được Đảng ta đặc biệt coi trọng, phải đề “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”²⁶.

Về mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội, đây là mối quan hệ mới được Đảng ta bổ sung vào nội dung văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII. Cần xây dựng hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách xuất phát từ đời sống của nhân dân, giúp người dân được phát huy quyền làm chủ của mình “Sâu sát cơ sở, tăng cường đối thoại, tiếp xúc với nhân dân, lắng nghe tâm tư, kịp thời giải quyết

²⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, tr114

²⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, tr173

nguyện vọng chính đảng, hợp pháp của nhân dân”²⁷ Gắn liền thực hành dân chủ với tăng cường pháp chế, góp phần duy trì sự ổn định của hệ thống chính trị, tạo tiền đề phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Việc giải quyết các mối quan hệ lớn là nhiệm vụ hệ trọng của toàn Đảng, toàn dân và cả hệ thống chính trị, trong đó luôn phải đặt trọng tâm vào những thành tố cốt lõi “bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng, hoàn thiện quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữ vững độc lập; tự chủ và phát huy quyền làm chủ của nhân dân”²⁸.

2.2. Vận dụng văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII về giải quyết các mối quan hệ lớn vào giảng dạy Triết học Mác - Lênin tại các trường đại học hiện nay

Triết học Mác - Lênin là học thuyết lý giải những quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy, cung cấp cho con người phương pháp luận khoa học và cách mạng trong nhận thức và hoạt động thực tiễn cải tạo thế giới, từ đó củng cố bản lĩnh chính trị vững vàng và khả năng nhìn nhận, phân tích và giải quyết các vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn xã hội. Dù thực tiễn có nhiều thay đổi, khoa học đã phát triển vượt bậc với nhiều công bố mang tầm vóc thời đại mới nhưng những thành tựu của khoa học hiện đại chỉ làm phong phú, làm minh chứng cho những giá trị của triết học Mác - Lênin. Giáo dục triết học Mác - Lênin trong các trường đại học là yếu tố hợp thành quan trọng của nền giáo dục đại học Việt Nam, nhằm đạt tới mục tiêu xây dựng những thế hệ sinh viên giỏi chuyên môn, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, đáp ứng những yêu cầu mới của quá trình hội nhập và phát triển đất nước.

Trong giảng dạy môn Triết học Mác - Lênin, tùy thuộc từng chủ đề mà giảng viên cần liên hệ, quán triệt quan điểm, chính sách của Đảng trong Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII về giải quyết các mối quan hệ lớn vào nghiên cứu. Để nâng cao chất lượng giảng dạy Triết học Mác - Lênin, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng nói chung, giải quyết tốt các mối quan hệ lớn nói riêng, các trường đại học cần tập trung vào các vấn đề sau trong quá trình quán triệt, vận dụng:

Thứ nhất, cần nâng cao chất lượng bài giảng môn Triết học Mác - Lênin thông qua việc tập trung nghiên cứu, cập nhật, bổ sung các nội dung mới trong Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII về các mối quan hệ lớn trong giảng dạy Triết học Mác - Lênin, nhất là vận dụng trong nội dung nguyên lý về mối liên hệ phổ biến thuộc Phép biện chứng duy vật.

²⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, tr192-193

²⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, tr120

Từ nguyên lý về mối liên hệ phổ biến trong phép biện chứng duy vật, cần quán triệt quan điểm toàn diện. Đây là quan điểm đòi hỏi khi xem xét các sự vật, hiện tượng phải đặt chúng trong mối liên hệ qua lại giữa các bộ phận, các yếu tố, thuộc tính khác nhau của sự vật, hiện tượng ấy và trong mối liên hệ qua lại giữa sự vật, hiện tượng đó với sự vật, hiện tượng khác. Dựa trên những nguyên tắc cơ bản của quan điểm toàn diện, Đảng ta trong Đại hội XIII đã đưa ra yêu cầu của việc giải quyết và phát triển toàn diện, hài hòa các mặt và các mối quan hệ xã hội.

Giảng viên cần phân tích quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về giải quyết các mối quan hệ lớn, làm rõ sự kế thừa, bổ sung, phát triển quan điểm của Đảng, nhất là những nội dung mới trong Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII về giải quyết các mối quan hệ lớn. Đó là những mối quan hệ phản ánh các quy luật mang tính biện chứng, những vấn đề lý luận cốt lõi về đường lối đổi mới của Đảng ta, cần tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện và phát triển phù hợp với thay đổi của thực tiễn; đòi hỏi phải nhận thức đúng và đầy đủ, quán triệt sâu sắc và thực hiện tốt, có hiệu quả. Tuyệt đối không được cực đoan, phiến diện.

Thứ hai, giảng viên cần liên hệ các vấn đề thực tiễn, các sự kiện chính trị xã hội trong nước và quốc tế đang diễn ra hiện nay liên quan tới vấn đề giải quyết các mối quan hệ lớn. Cần lưu ý rằng các vấn đề thực tiễn phải phù hợp với nội dung lý luận của bài giảng, phù hợp với nhận thức của sinh viên, có giá trị giáo dục. Giảng viên cần nỗ lực không ngừng, tìm hiểu các vấn đề thực tiễn sống động, đọc sách báo, sử dụng các phương tiện thông tin để nâng cao kiến thức thực tiễn và cập nhật những vấn đề mới nhất.

Khi phê phán các quan điểm chính trị, tư tưởng, đạo đức sai trái, đi ngược với các nguyên tắc của bài học, giảng viên phải có sự phê phán trên cơ sở khoa học. Trong giải quyết các mối quan hệ lớn, vấn đề giải quyết mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị thường xuyên bị các thế lực thù địch công kích, chống phá, xuyên tạc. Chúng thường xuyên tuyên truyền rằng, sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam chỉ mang tính chất nửa vời, chỉ đơn thuần đổi mới kinh tế, không có đổi mới chính trị; đổi mới chính trị không đồng bộ, tương xứng với đổi mới kinh tế; các nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước Việt Nam không dám đổi mới chính trị do sợ mất quyền lực... Với những quan điểm xuyên tạc, sai lầm như trên, đội ngũ giảng viên cần phân tích cho học viên các luận cứ khoa học cả về lý luận và thực tiễn để học viên nhận thức sâu sắc rằng kể từ khi tiến hành sự nghiệp đổi mới đến nay, Đảng và Nhà nước ta luôn coi trọng hàng đầu nhiệm vụ giải quyết hiệu quả, đồng bộ mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị. Đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị trở thành cơ sở, điều kiện để triển khai sâu rộng sự nghiệp đổi mới trên các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, đối ngoại và quốc phòng, an ninh...

Thứ ba, giảng viên cần gắn nhiệm vụ giảng dạy các nội dung cơ bản của Triết học Mác - Lênin với việc giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức cho học viên. Giảng viên khi

giảng dạy các quy luật chính trị - xã hội của bài học, từ đó bồi dưỡng nhận thức, tình cảm, tư tưởng, làm cho học viên thấy được yêu cầu phải rèn luyện bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng, đạo đức lối sống... Từ đây, sinh viên có cơ hội góp phần giải quyết các mối quan hệ lớn thông qua nhiệm vụ đấu tranh, phản bác có hiệu quả với các quan điểm sai trái, bảo vệ và phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng trong điều kiện mới, xây dựng bản lĩnh chính trị cho sinh viên, giúp họ có lập trường vững vàng trước sự lôi kéo của các thế lực thù địch như Đại hội Đảng lần thứ XIII đã nhấn mạnh “làm cho tư tưởng tiến bộ tích cực thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, có tác dụng uốn nắn những biểu hiện lệch lạc, sai trái”²⁹. Sau quá trình học tập, sinh viên hình thành, củng cố và phát triển niềm tin, sự tự hào về quá trình lịch sử, sự phát triển của đất nước ta hiện nay, sự lãnh đạo sáng suốt, tài tình của Đảng, sự quản lý của Nhà nước trong công cuộc đổi mới, những triển vọng trên con đường tiến lên CNXH.

Thứ tư, đổi mới hình thức, phương pháp nghiên cứu các quan điểm Đại hội XIII về các mối quan hệ lớn vào giảng dạy, nghiên cứu Triết học Mác - Lênin. Tổ chức hội thảo khoa học, viết các chuyên đề, đề tài khoa học, tổ chức tốt hoạt động thông tin khoa học và tập huấn định kỳ của chuyên ngành để làm rõ những vấn đề mới về lý luận đối với các mối quan hệ lớn được thể hiện trong Văn kiện Đại hội XIII. Thông qua hình thức tổ chức này sẽ tạo ra sự thống nhất, những điều kiện thuận lợi để các giảng viên vận dụng hiệu quả những nội dung mới về lý luận các mối quan hệ lớn của Đảng ta vào giảng dạy phù hợp với từng đối tượng học viên. Đây là một trong những biện pháp có hiệu quả cao, góp phần đưa đường lối, quan điểm của Đảng vào thực tiễn hoạt động giáo dục đào tạo ở các nhà trường hiện nay. Ngoài ra, trong thời đại cách mạng công nghiệp 4, cần tận dụng tối đa việc tiếp cận tri thức thông qua internet trong giảng dạy Triết học Mác - Lênin nói riêng và các môn học khác nói chung tại các trường đại học. Giảng viên trở thành người truyền năng lượng, người hướng dẫn, điều phối, thiết kế bài giảng, tạo môi trường học tập để học viên tiếp nhận tri thức, khai thác thông tin. Thông qua việc sử dụng tối đa tính trực quan trên mạng Internet, giảng viên cụ thể hóa các kiến thức về Triết học Mác - Lênin, về các mối quan hệ lớn để học viên nắm bắt kiến thức sâu sắc hơn, chủ động trong học tập và đào sâu nghiên cứu.

Thứ năm, xác định vai trò quan trọng hàng đầu là phải có sự chỉ đạo thống nhất của Đảng ủy, Ban giám đốc học viện, nhà trường và sự phối hợp thường xuyên của lãnh đạo, chỉ huy các cấp, của mỗi giảng viên trong chỉ đạo và thực hiện công tác giảng dạy quan điểm về các mối quan hệ lớn trong văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII cho sát nội dung Triết học Mác - Lênin. Lãnh đạo Khoa Lý luận chính trị, bộ môn Triết học cần thường xuyên kiểm tra để đánh giá chất lượng, hiệu quả vận dụng, các nội dung lý luận

²⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập II, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, tr232

về các mối quan hệ lớn trong Văn kiện Đại hội XIII vào giảng dạy, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy môn Triết học Mác - Lênin tại các trường đại học hiện nay.

Thứ sáu, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao, có tính cầu thị, luôn nỗ lực học tập nâng cao trình độ, đầu tư thời gian chuẩn bị tài liệu. Chỉ khi nắm vững kiến thức chuyên môn, chăm chỉ nghiên cứu nghiêm túc những nội dung mới trong văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII, trong đó có vấn đề giải quyết các mối quan hệ lớn, giảng viên mới truyền cảm hứng, động lực để học viên nắm bắt được kiến thức nhanh nhất và tự học, tự nghiên cứu một cách hiệu quả. Giảng viên trẻ cần trau dồi, thông thạo ngoại ngữ, trước hết là tiếng Anh nhằm tiếp cận kho dữ liệu khổng lồ của thế giới để kế thừa những tài liệu phong phú về nội dung các mối quan hệ lớn; cần sử dụng tốt công nghệ thông tin để đảm bảo nội dung và phương pháp giảng dạy tốt nhất cho học viên.

Thứ bảy, các trường đại học cần chú trọng đầu tư về cơ sở vật chất phục vụ công tác giảng dạy môn Triết học nói riêng, các môn học nói chung theo hướng tích cực. Phòng học cần được đảm bảo về số lượng cho phù hợp với quy mô lớp nhỏ, được trang bị đầy đủ các phương tiện dạy học hiện đại, học viên dễ dàng tiếp cận kho tài liệu ngay tại lớp học để khai thác thông tin phục vụ việc xây dựng bài giảng cùng giảng viên. Hệ thống thư viện đảm bảo số đầu sách, báo, tạp chí cập nhật mới, tăng cường số lượng, phát triển các phòng đọc tự chọn, phòng đọc chuyên dùng, phòng học điện tử cùng đội ngũ cán bộ phục vụ cả trong và ngoài giờ hành chính với thái độ tốt nhất cho học viên tự nghiên cứu, học tập. Từ đó mới góp phần nâng cao chất lượng dạy và học, đáp ứng yêu cầu giảng dạy Triết học Mác - Lênin nói riêng và các môn học tại các trường đại học trong tình hình mới.

Những điểm mới trong Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII về giải quyết các mối quan hệ lớn được thể hiện từ nhận thức lý luận đến định hướng chính sách cho giai đoạn tới. Trong đó, từng nội dung đều được Đảng ta nhấn mạnh và có bổ sung, chỉnh sửa phù hợp với thực tiễn Việt Nam trong tình hình mới như giữa ổn định, đổi mới và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa nhà nước, thị trường và xã hội; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ; và đặc biệt là mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội. Việc giải quyết các mối quan hệ lớn đều được Đảng ta nhìn nhận, đánh giá kết quả thực hiện trong các nhiệm kỳ Đại hội vừa qua và từ bối cảnh mới của yêu cầu phát triển đất nước làm rõ phương hướng, nhiệm vụ và chính sách cụ thể nhằm đạt mục tiêu phát triển chung của đất nước giai đoạn 2020 - 2025, 2025 - 2030 và

tầm nhìn 2045. Đây là những vấn đề hết sức hệ trọng cần được quán triệt và đưa vào giảng dạy đối với môn Triết học Mác - Lênin nói riêng và các môn Lý luận chính trị nói chung trong các trường đại học ở Việt Nam hiện nay./.

Tài liệu tham khảo:

1. Ban Tuyên giáo Trung ương, *Tài liệu học tập các Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung Ương khóa XII*, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2016
2. Ban Tuyên giáo Trung ương, *Tài liệu học tập các Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021
3. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011
4. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2016
5. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021
6. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập II, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021

ĐỔI MỚI NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ CÔNG TÁC GIÁO DỤC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC HIỆN NAY

PGS, TS. Nguyễn Sỹ Trung

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Email: nguyensitruongdhgtvt@gmail.com

***Tóm tắt:** Mục tiêu của công tác giáo dục lý luận chính trị trong các trường đại học là nhằm xác lập thế giới quan khoa học và cách mạng, nâng cao phẩm chất chính trị và khả năng vận dụng lý luận vào thực tiễn cuộc sống cho sinh viên.. Tuy nhiên, hiện nay trước những yêu cầu to lớn của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của đất nước đặt ra, đòi hỏi công tác giáo dục lý luận chính trị phải tiếp tục đổi mới một cách toàn diện, đồng bộ theo hướng hiện đại và sáng tạo.*

***Từ khóa:** Giáo dục lý luận chính trị; đổi mới giáo dục lý luận chính trị trong trường đại học; trường đại học khối kỹ thuật.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên là hoạt động truyền bá, tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong các trường Đại học, cao đẳng, nhằm nâng cao nhận thức chính trị, hình thành thế giới quan khoa học, nhân sinh quan cộng sản, phương pháp tư duy và phương pháp làm việc khoa học, biện chứng, góp phần phát huy tính tích cực chính trị - xã hội cho sinh viên trong hoạt động thực tiễn. Trước yêu cầu mới của công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế đặt ra, cần phải đẩy mạnh và nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục lý luận chính trị trong các trường đại học hiện nay. Chúng ta phải có những giải pháp đồng bộ, khoa học để tranh thủ những ưu thế của khoa học công nghệ tạo ra, nhất là cách mạng công nghiệp 4.0, phát huy tối đa sức mạnh của công nghệ thông tin, truyền thông, phát triển, sáng tạo ra những phương pháp giáo dục mới, hiện đại, bổ sung, cập nhật những tri thức lý luận chính trị tiên bộ của nhân loại để làm phong phú tài liệu giảng dạy, tiến hành đổi mới toàn diện nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục...

2. NỘI DUNG

2.1. Một số nét về tình hình giáo dục lý luận chính trị ở các trường đại học hiện nay

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn xác định giáo dục lý luận chính trị là một bộ phận quan trọng của công tác tư tưởng, lý luận của Đảng, góp phần xây dựng, bồi đắp nền tảng tinh thần của xã hội. Văn kiện Đại hội X xác định: “*Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giảng dạy và học tập lý luận*” [1]. Văn kiện Đại hội XI khẳng định: “*Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giáo dục lý luận chính trị, giáo dục công dân trong hệ thống các trường chính trị, các trường thuộc hệ thống giáo dục quốc dân*” [2], Văn kiện Đại hội còn chỉ rõ sinh viên trong các trường đại học là đối tượng chủ yếu của hoạt động giáo dục lý luận chính trị: “*Tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho sinh viên. Cải tiến việc giảng dạy và học tập các bộ môn khoa học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề*” [3]. Đến Đại hội XII, trong những nhiệm vụ trọng tâm của Đảng có đề ra: “*Phát huy nhân tố con người trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; tập trung xây dựng con người về đạo đức, nhân cách, lối sống, trí tuệ và năng lực làm việc; xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh*” [4], những quan điểm trên thể hiện sự quan tâm đặc biệt của Đảng ta với giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên.

Quán triệt sâu sắc quan điểm, đường lối của Đảng ta về tăng cường công tác giáo dục lý luận chính trị ở các trường đại học trong tình hình mới, đặc biệt là thực hiện Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Về việc tiếp tục đổi mới việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân và Công văn số 3056/BGDĐT-GDDH ngày 29/7/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có Về việc hướng dẫn thực hiện chương trình, giáo trình các môn lý luận chính trị, trong thời gian qua, công tác này luôn được các trường đại học, cao đẳng thực hiện nghiêm túc, đồng thời các trường còn vận dụng linh hoạt vào thực tiễn điều kiện, hoàn cảnh của riêng mình tùy theo các khu vực, vùng miền, khối ngành... Nhiều hoạt động ngoại khóa cũng được triển khai song song với giáo dục lý luận trên giảng đường, do đó đã góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác này, đóng góp quan trọng vào kết quả chung của công tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của đất nước. Tuy nhiên, hiện nay trước những tác động mạnh mẽ của quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, của cách mạng công nghiệp 4.0, của chuyển đổi số, của mặt trái nền kinh tế thị trường và chiến lược “*diễn biến hòa bình*” của các thế lực thù địch... đã tác động tiêu cực đến công tác giảng dạy và học tập lý luận chính trị trong nhiều trường đại học và cao đẳng. Bên cạnh những thành tựu kể trên, thì công tác giáo dục lý luận chính trị ở các trường đại học hiện nay còn tồn tại nhiều hạn chế, bất cập như: nội dung chương trình giáo dục lý luận chính trị cơ bản còn nặng tính hàn lâm, học thuật, ít gắn với thực tiễn cuộc sống, nên khả năng hấp dẫn, thuyết phục đối

với người học không cao; hình thức, phương pháp vẫn còn thụ động, một chiều, lý luận chưa thật sự gắn với thực tiễn, nên chưa phát huy được khả năng suy nghĩ độc lập, khoa học và sáng tạo của sinh viên; phương thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ít đổi mới theo hướng chính xác, khách quan, khoa học; trong khi đó trình độ chuyên môn của đội ngũ giảng viên cũng không đồng đều, năng lực, phương pháp hạn chế, trên thực tế có tình trạng nhiều giảng viên lạm dụng kỹ thuật quá mức, ít trau dồi kỹ năng đọc, nghiên cứu trực tiếp tài liệu, khả năng tranh luận, phản biện, thay vào đó là tình trạng còp nhặt kiến thức sẵn có, lười suy nghĩ, tìm tòi cái mới, giảm sự tương tác trực tiếp... Đối với sinh viên, những chủ nhân tương lai của đất nước đang có một số biểu hiện tiêu cực như: một bộ phận sinh viên có tình trạng suy thoái đạo đức, mờ nhạt về lý tưởng, sống thiếu hoài bão lập thân lập nghiệp, tình trạng sợ học, ngại học, lười học chính trị diễn ra phổ biến, thiếu bản lĩnh chính trị, thờ ơ chính trị, mơ hồ về chính trị...

Thực trạng trên đây đang đặt ra yêu cầu cấp thiết cần phải tiếp tục đổi mới một cách toàn diện công tác giáo dục lý luận chính trị trong các trường đại học ở nước ta hiện nay cả về nội dung chương trình, phương pháp, hình thức giáo dục, cách thức kiểm tra đánh giá kết quả và từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy. Khẳng định cho vấn đề này Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã nêu rõ: “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương pháp công tác tư tưởng theo hướng chủ động, thiết thực, kịp thời và hiệu quả, nâng cao tính chiến đấu, tính giáo dục, tính thuyết phục, trong tuyên truyền, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước” [5]. Đây là sự chỉ đạo rất kịp thời, đúng đắn của Đảng ta nhằm thúc đẩy công tác giáo dục lý luận chính trị ở nước ta tiếp tục phát triển, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế trong tình hình mới.

2.2. Một số giải pháp cơ bản đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục lý luận chính trị trong các trường đại học hiện nay

2.2.1. Kiên định hệ tư tưởng của giai cấp công nhân trong giáo dục lý luận chính trị

Trong điều kiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đang diễn ra mạnh mẽ, cùng với quá trình hội nhập thế giới và sâu sắc hiện nay, các thế lực thù địch, phản động đang ráo riết thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình” với nhiều thủ đoạn khác nhau hết sức tinh vi, xảo quyệt, vừa ngấm ngấm vừa công khai, trắng trợn công kích, xuyên tạc, bôi nhọ, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương và vai trò lãnh đạo của Đảng ta, nhằm mục đích chuyển hóa chế độ chính trị ở Việt Nam. Do đó, nhiệm vụ quan trọng của công tác giáo dục lý luận chính trị hiện nay là phải kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối

của Đảng. Bởi vì đây là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam của cánh mạng nước ta. Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng nêu rõ: “Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết và thường xuyên đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, cơ hội chính trị, đấu tranh, ngăn ngừa, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện ”tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ” [6].

Việc kiên định nguyên tắc này trong giáo dục lý luận chính trị có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc, nhằm nâng cao trình độ lý luận chính trị cho người học và đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch, phản động, khắc phục sự suy thoái về đạo đức, lối sống, tự diễn biến, tự chuyển hóa trong cán bộ, đảng viên, sinh viên, học sinh, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Đồng thời, hình thành một hệ thống những chuẩn mực, giá trị định hướng và điều chỉnh mọi quan hệ chính trị, thái độ và hành vi chính trị của người học, làm cho họ có bản lĩnh chính trị vững vàng trong bất kỳ tình huống nào. Giúp người học có khả năng vận dụng sáng tạo vào thực tiễn công tác tại địa phương, cơ quan, đơn vị, ngành nghề, công việc. Đảng ta khẳng định rõ về vấn đề này: “Kiên định, vững vàng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời không ngừng bổ sung, phát triển sáng tạo, phù hợp với thực tiễn Việt Nam, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội... Tăng cường giáo dục truyền thống văn hóa, lịch sử và cách mạng vẻ vang của đảng và dân tộc; không ngừng nâng cao trình độ lý luận chính trị cho cán bộ đảng viên; thường xuyên đấu tranh, ngăn chặn âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch phản động, đấu tranh bác bỏ các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng” [7].

2.2.2. Đổi mới nội dung chương trình, phương pháp, hình thức giáo dục lý luận chính trị

Đứng trước yêu cầu to lớn của sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và sự tác động mạnh mẽ của cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay, đòi hỏi công tác giáo dục lý luận chính trị cần phải đổi mới toàn diện cả nội dung chương trình và phương pháp, cách thức giảng dạy. Điều này đã được Đảng ta chỉ ra trong Nghị quyết Đại hội XIII: “Đổi mới căn bản chương trình, nội dung, phương pháp, giáo dục lý luận chính trị theo phương châm khoa học, thực tiễn, sáng tạo và hiện đại” [8]. Tập trung đổi mới theo hướng vừa đảm bảo giữ vững các nguyên tắc tính Đảng, tính cách mạng, tính khoa học, trung thành với những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm đường lối của Đảng cộng sản Việt Nam trong hệ thống các môn lý luận chính trị. Nhưng đồng thời phải cập nhật, bổ sung và làm rõ hơn nữa những vấn đề mới của thực tiễn và lý luận trong thời đại ngày nay. Cần khai thác hiệu quả các nguồn thông tin chính thống và khoa học trên mạng internet và các mạng xã hội như zalo, facebook... để bổ sung, cập nhật tri thức khoa học về lý luận cho chương trình, giáo trình.

Việc đổi mới phương pháp giáo dục lý luận chính trị ở các trường đại học khối kỹ thuật trong tình hình hiện nay là yêu cầu cấp thiết. Bên cạnh việc kế thừa, phát huy những phương pháp giáo dục truyền thống có giá trị như thuyết trình, thuyết trình có nêu vấn đề, trực quan, học với sách giáo trình và sách tham khảo... thì phải tích cực thay đổi tìm tòi, ứng dụng triển khai thực hiện những phương pháp mới hấp dẫn, phù hợp với đối tượng sinh viên các ngành kỹ thuật như: Diễn giảng, đàm thoại, suy nghĩ - từng cặp - chia sẻ, giải quyết vấn đề, dạy học theo nhóm, dạy học theo dự án, luyện tập và thực hành, đóng vai, tham quan thực tế và hướng dẫn đọc tài liệu... Tuy nhiên, khi sử dụng các phương pháp mới cần lấy người học làm trung tâm, giảng viên chỉ là người định hướng, giúp người học tìm tòi nghiên cứu và giải đáp những vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra.

Cùng với đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp thì cũng cần phải thay đổi hình thức giáo dục lý luận chính trị theo hướng kết hợp trực tiếp trên giảng đường, lớp học với gián tiếp, từ xa bằng hình thức trực tuyến. Đây là xu hướng giáo dục tất yếu hiện nay và cả tương lai. Hình thức này càng trở nên thực tế khi cách mạng 4.0 phổ biến, tạo điều kiện về công nghệ kỹ thuật cho quá trình truyền tải kiến thức lý luận chính trị giữa chủ thể giáo dục đối với khách thể giáo dục được gần gũi hơn, xóa bỏ khoảng cách về không gian, thời gian và những tác động của các yếu tố khách quan khác như cơ sở vật chất trường lớp, tài liệu, hay các yếu tố tiêu cực của thiên tai, dịch bệnh (đại dịch Covid -19) đang diễn ra hiện nay... Do đó, phải tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa việc xây dựng, phát triển, hoàn thiện giáo án, bài giảng điện tử theo hướng có âm thanh lời giảng, hình ảnh, video, được sắp xếp theo logic giúp người học thu được những kỹ năng, kiến thức nhất định, tranh thủ tối đa ưu thế của các thiết bị ghi âm, ghi hình có kết nối Internet như máy tính hay bằng điện thoại thông minh trong giảng dạy để giúp người học tiếp thu bài giảng lý luận chính trị dễ dàng ở mọi lúc, mọi nơi. cần tranh thủ thế mạnh của công nghệ số, của internet kết nối với các thiết bị như máy tính, sách điện tử, điện thoại thông minh. Cần ứng dụng công nghệ thông tin ở tất cả các khâu xây dựng phân phối chương trình, kế hoạch giảng dạy, học tập, nguồn học liệu theo hướng mở để cả người dạy và người học đều có thể dễ dàng tiếp cận và chủ động thực hiện ở bất cứ thời gian và không gian nào. Cần tăng thời gian tự học, tự nghiên cứu của người học, với sự trợ giúp của công nghệ kỹ thuật giúp người học chủ động tìm hiểu nắm bắt kiến thức lý luận và thực tiễn. Cùng với đó, cần gắn giáo dục lý luận trên giảng đường, lớp học với đưa người học tham quan thực tế tại các công ty, xí nghiệp, khu di tích lịch sử... để tạo ra sự thống nhất giữa lý luận với thực tiễn.

2.2.3. Đổi mới phương thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả là khâu then chốt, có ý nghĩa quan trọng của giáo dục nói chung của giáo dục lý luận chính trị nói riêng. Trong bối cảnh hiện nay, cuộc

cách mạng công nghiệp 4.0 phát triển vô cùng mạnh mẽ, quá trình chuyển đổi số trong giáo dục nước ta cũng đang được đẩy mạnh thì việc thay đổi cách thức đánh giá kết quả giáo dục lý luận chính trị cũng cần phải thay đổi theo hướng hiện đại là điều tất yếu đối với công tác giảng dạy và học tập lý luận chính trị trong các trường đại học khối kỹ thuật. Các trường đại học khối kỹ thuật, các khoa Lý luận chính trị cần phải tranh thủ thế mạnh về khoa học kỹ thuật của trường mình khẩn trương áp dụng triệt để công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo trong toàn tất cả các khâu: ra đề, coi thi, chấm, báo điểm... biện pháp này nếu thực hiện tốt sẽ giảm tải sự vất vả cho giảng viên trong việc coi thi, chấm thi, đồng thời lại đảm bảo tính khách quan, chính xác, công bằng cho sinh viên.

2.2.4. Bồi dưỡng, nâng cao trình độ đội ngũ giảng viên giáo dục lý luận chính trị

Đây là nhân tố đặc biệt quan trọng và có ý nghĩa quyết định đến kết quả và chất lượng giáo dục lý luận chính trị ở các trường đại học khối kỹ thuật trong tình hình mới. Do đó, bản thân đội ngũ giảng viên lý luận chính trị phải được nâng cao về phẩm chất đạo đức, lối sống và nhất là chuyên môn, nghiệp vụ giảng dạy, nghiên cứu, ngoại ngữ, trình độ công nghệ thông tin, kỹ năng sử dụng thành thạo thiết bị công nghệ, năng lực đổi mới sáng tạo... Về vấn đề này trong Văn kiện Đại hội XIII Đảng ta đã yêu cầu: “Tập trung xây dựng, củng cố, thường xuyên bồi dưỡng nâng cao phẩm chất, năng lực của đội ngũ giảng viên chính trị, báo cáo viên” [9]. Trước yêu cầu to lớn của sự nghiệp đổi mới đất nước trong tình hình mới hiện nay, cần phải tiến hành chuẩn hóa *đội ngũ giảng viên lý luận chính trị về các tiêu chuẩn* như: Kiến thức chuyên môn, năng lực giảng dạy, năng lực nghiên cứu khoa học, kỹ năng nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ, tin học... kỹ năng tiếp nhận, vận dụng khoa học công nghệ vào quá trình giảng dạy lý luận chính trị, nhằm phát triển về số lượng đi đôi với nâng cao về chất lượng đội ngũ này.

Thực hiện mục tiêu đó, cần đẩy mạnh quá trình đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao hơn trình độ mọi mặt cho đội ngũ giảng viên lý luận chính trị tại các học viện, trường đại học uy tín như Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Đại học quốc gia Hà Nội, Trường Đại học sư phạm Hà Nội... Các giảng viên phải được tạo điều kiện để tham gia các chương trình Cao cấp lý luận chính trị, bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, Bồi dưỡng giảng viên lý luận chính trị... Cùng với đó, bản thân mỗi giảng viên cũng cần phải tự đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, phương pháp giảng dạy, phải thường xuyên ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong giảng dạy lý luận chính trị.

2.2.5. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ hiện đại

Hiện nay, sự phát triển của nền kinh tế tri thức và cuộc cách mạng 4.0 và quá trình chuyển đổi số đang tác động và làm thay đổi sâu sắc công tác giáo dục lý luận chính trị ở nước ta. Do đó, các trường đại học khối kỹ thuật, các khoa Lý luận chính trị cần phải nhận thức rõ và kịp thời có những biện pháp điều chỉnh để thích ứng. Để công tác giáo

dục lý luận chính trị bắt kịp với yêu cầu thực tiễn đó các trường đại học cần phải tăng cường xây dựng nâng cấp hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật của mình, quan trọng nhất trong số đó là hạ tầng công nghệ thông tin, nhanh chóng chuyển đổi số, điện tử hóa các mặt hoạt động phục vụ giảng dạy, nghiên cứu lý luận chính trị. Cần đầu tư xây dựng trung tâm dữ liệu số về lý luận chính trị, xây dựng thư viện điện tử, phòng học thông minh, trang bị các thiết bị đầu, cuối hiện đại, có tính bảo mật cao đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập lý luận chính trị.

3. KẾT LUẬN

Trước những yêu cầu to lớn của sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế trong tình hình mới, những tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng 4.0 và quá trình chuyển đổi số... đòi hỏi công tác giáo dục lý luận chính trị trong các trường đại học phải có cách tiếp cận mới theo hướng đổi mới sáng tạo, ứng dụng triệt để thành tựu khoa học, công nghệ, nhất là công nghệ thông tin trong công tác giáo dục lý luận chính trị, trên cơ sở đó góp phần nâng cao chất lượng của công tác này trong tình hình hiện nay.

Tài liệu tham khảo:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, tr.185, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, tr.156-157, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, tr. 110-111, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, tr.178, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội. 2016.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 2, tr.181, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, tr. 183, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021
7. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, tr.40-41, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, tr.182-183, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 2, tr.236, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, 2021.

PHÁT HUY TÍNH TÍCH CỰC HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRONG HỌC CÁC MÔN LÝ LUẬN MÁC - LÊNIN

PGS.TS. Ngô Minh Tuấn

Trường Đại học KHXH&NV, Thành phố Hồ Chí Minh

Email: ngotuantlh@gmail.com

***Tóm tắt:** Chất lượng học của người học phụ thuộc vào nhiều yếu tố như động cơ, thái độ, trình độ kiến thức, kỹ xảo, kỹ năng, phương pháp...nhưng không thể thiếu tính tích cực học tập. Phát huy tính tích cực học tập của sinh viên trong học tập các môn lý luận Mác - Lênin cần nâng cao nhận thức của sinh viên về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc học lý luận Mác - Lênin; kết hợp chặt chẽ giữa các phương pháp dạy học truyền thống và các phương pháp dạy học hiện đại, tạo hứng thú học tập cho sinh viên; đa dạng hình thức dạy học; gắn lý luận và thực tiễn, đưa các kiến thức sát gần thực tiễn; kêu gọi, tận dụng kinh nghiệm, vốn sống của sinh viên trong tham gia giải quyết các vấn đề lý luận.*

***Từ khóa:** Tính tích cực học tập, các môn lý luận Mác - Lênin, giáo viên, sinh viên...*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chất lượng dạy học phụ thuộc vào chất lượng dạy của giáo viên và chất lượng học của người học. Chất lượng học của người học phụ thuộc vào nhiều yếu tố như động cơ, thái độ, trình độ kiến thức, kỹ xảo, kỹ năng, phương pháp...nhưng không thể thiếu tính tích cực học tập - nhân tố quan trọng góp phần nâng cao chất lượng hoạt động học.

2. NỘI DUNG

Nói tới tính tích cực là nói tới một thuộc tính trong hệ thống các thuộc tính đặc trưng của nhân cách. Trên thực tế, cá nhân chỉ được thừa nhận là một nhân cách khi tích cực hoạt động và hoạt động của cá nhân được đánh giá là hoạt động tích cực. Mặt khác, giá trị đích thực của nhân cách, chức năng xã hội và cốt cách làm người cũng thể hiện rõ nét ở tính tích cực hoạt động. Tính tích cực hoạt động bắt nguồn từ nhu cầu của con người. Khi con người ý thức được những đòi hỏi khách quan, chuyển những đòi hỏi khách quan thành trạng thái bên trong, tìm kiếm được đối tượng có thể thỏa mãn thì tính tích cực sẽ có định hướng rõ ràng. Tính tích cực của nhân cách biểu hiện ở những hoạt động muôn hình muôn vẻ để cải tạo thế giới xung quanh và cải tạo chính bản thân mình.

Cụ thể được biểu hiện trong hoạt động như lựa chọn hoạt động tích cực, xác định mục đích hoạt động đúng đắn, chủ động, tự giác, nỗ lực thực hiện mục đích đặt ra. Trong cuộc sống, tích tích cực của nhân cách luôn luôn cần được kêu gọi và phát huy để nhân cách có thể thể hiện hết bản thân. Đánh giá nhân cách chính là đánh giá tính tích cực và sản phẩm của tính tích cực.

Với ý nghĩa đó quá trình dạy học ở nhà trường, cũng như trong dạy học các môn lý luận Mác - Lênin cần phát huy tính tích cực học tập của sinh viên góp phần nâng cao chất lượng của hoạt động học, chất lượng của dạy học. Với sự cố gắng, nỗ lực của nhà trường và đặc biệt là đội ngũ giáo viên việc dạy học các môn lý luận Mác - Lênin những năm qua đã có nhiều đổi mới cả về hình thức, nội dung và phương pháp, tạo ra những tác động mạnh mẽ, nâng cao hơn chất lượng lĩnh hội của người học, thực sự có những đóng góp quan trọng trong hình thành và phát triển nhân cách người học. Tính tích cực của người học cũng đã được nhìn nhận và phát huy trong dạy học và đạt được những kết quả nhất định. Tuy nhiên trên thực tế, nhìn nhận về tính tích cực, phát huy tính tích cực của sinh viên trong dạy học các môn lý luận Mác - Lênin vẫn còn nhiều mặt hạn chế, ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng của dạy học. Sinh viên tiếp thu các kiến thức còn thụ động, một chiều, gặp không ít lúng túng và khó khăn khi vận dụng, lý giải các kiến thức lý luận trong thực tiễn cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp. Đặc biệt, một tỷ lệ không nhỏ vẫn chưa thực sự yêu thích, hứng thú, say mê tìm tòi khám phá trong học các môn lý luận Mác - Lênin. Khi hỏi: Anh (chị) có thích học các môn lý luận chính trị không? Kết quả có 45,3% trả lời thích; 5,3% trả lời rất thích; 8,0% trả lời không thích và 48,5% trả lời bình thường [1].

Phát huy tính tích cực học tập của sinh viên trong học tập các môn lý luận Mác - Lênin đòi hỏi phải giải quyết đồng bộ nhiều vấn đề, tuy nhiên cần tập trung vào các vấn đề sau:

Nâng cao nhận thức của sinh viên về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc học lý luận Mác - Lênin

Trước hết, sinh viên cần có nhận thức đúng đắn về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc học lý luận Mác - Lênin, từ đó có thái độ và hành động đúng đắn trong quá trình học tập. Sinh viên cần ý thức rõ các môn lý luận Mác - Lênin có vị trí đặc biệt quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển thế giới quan khoa học - thế giới quan duy vật biện chứng, xây dựng nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa cho bản thân. Bởi vì các môn lý luận Mác - Lênin, đặc biệt là triết học Mác - Lênin nghiên cứu những quy luật phổ biến nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy, cung cấp cho sinh viên cách xem xét khoa học đối với hiện thực khách quan, khẳng định vai trò, vị trí của con người trong nhận thức và cải tạo thế giới. Từ đó giúp cho mỗi sinh viên có thái độ, hành động đúng

đắn, khoa học đối với hiện thực khách quan, có lập trường tư tưởng chính trị ổn định vững vàng; có khả năng nhận biết, phân tích các vấn đề mới nảy sinh trên tinh thần lập trường của chủ nghĩa Mác - Lênin. Mặt khác, để bồi dưỡng và nâng cao nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa, các môn lý luận Mác - Lênin cũng giúp sinh viên có nhận thức rõ ràng về những quan điểm sai trái với nguyên lý của chủ nghĩa xã hội khoa học, trái với chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng; mạnh dạn, kiên quyết đấu tranh chống lại chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa giáo điều, đứng vững trong cuộc đấu tranh chống “diễn biến hòa bình” của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch.

Sinh viên cần hiểu rằng, các môn lý luận Mác - Lênin không chỉ cung cấp cho họ thế giới quan, nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa mà còn cung cấp phương pháp nhận thức và hành động một cách khoa học, đó là phương pháp biện chứng. Có thể khẳng định, thông qua học các môn lý luận Mác - Lênin, ở các góc độ, khía cạnh tiếp cận khác nhau của mỗi môn học, tạo ra cho sinh viên những điều kiện, tiền đề thuận lợi trong việc học tập, nghiên cứu các môn khoa học chuyên ngành và các môn khoa học khác. Vì thế, sinh viên cần phải có một hệ thống tri thức lý luận cơ sở vững chắc cho sự hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học, từ đó giúp họ nâng cao hơn về nhận thức lý luận, ý thức chính trị, nhạy bén, xử lý tốt các tình huống xảy ra trong thực tiễn, sống có hoài bão, lý tưởng, ước mơ để học tập và cống hiến cho sự nghiệp cách mạng của Đảng.

Học các môn lý luận Mác - Lênin cũng nhằm hướng tới xây dựng những phẩm chất đạo đức cách mạng cho sinh viên - một phẩm chất không thể thiếu trong nhân cách. Chủ nghĩa Mác - Lênin không chỉ là vũ khí lý luận sắc bén để cải tạo thế giới mà còn là vũ khí lý luận để cải tạo con người. Xét về bản chất nhân văn, chủ nghĩa Mác - Lênin là khoa học làm người, góp phần hình thành phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức cho con người. Do đó, quá trình lĩnh hội các kiến thức lý luận cũng đồng thời là quá trình tạo dựng những phẩm chất đạo đức cách mạng, đấu tranh để loại bỏ những thói hư tật xấu tồn tại trong mỗi con người.

Kết hợp chặt chẽ giữa các phương pháp dạy học truyền thống và các phương pháp dạy học hiện đại, tạo hứng thú học tập cho sinh viên

Tận dụng và khai thác ưu thế của các phương pháp dạy học hiện đại, cùng với sự hỗ trợ mạnh mẽ của công nghệ thông tin đang là xu thế phổ biến của dạy học hiện nay. Tuy nhiên, không thể tuyệt đối hóa các phương pháp dạy học hiện đại dẫn tới hạ thấp hoặc phủ nhận vai trò của các phương pháp dạy học truyền thống. Quan điểm đúng đắn là cần kết hợp chặt chẽ giữa các phương pháp dạy học truyền thống và các phương pháp dạy học hiện đại, tạo hứng thú học tập cho sinh viên sẽ tác động mạnh mẽ tới tính tích cực học tập của sinh viên. Sức cuốn hút, truyền cảm từ khả năng thuyết trình, lập luận

của giáo viên, những tác động trực tiếp từ nhân cách của giáo viên, khéo léo trong đưa ra các vấn đề, các hình ảnh, tư liệu sinh động được xây dựng phù hợp... sẽ khơi gợi, kích thích tính tích cực sáng tạo của người học, khiến người học tự tin cùng với giáo viên tham gia và giải quyết các vấn đề theo các quan điểm, chính kiến của mình mà không chấp nhận sự áp đặt một chiều.

Đa dạng hình thức dạy học các môn lý luận Mác - Lênin

Sức hấp dẫn của các môn lý luận Mác - Lênin sẽ tăng lên cùng với sự đa dạng của các hình thức dạy học. Bài giảng luôn giữ một vị trí quan trọng hàng đầu trong dạy học song cần có sự kết hợp với các hình thức dạy học khác để gia tăng các con đường tiếp cận kiến thức của người học. Mỗi hình thức dạy học được sử dụng hợp lý cũng sẽ khiến người học tích cực hơn trong lĩnh hội kiến thức. Nếu Xêmina giúp người học có điều kiện được cọ xát kiến thức của mình với những người khác qua đó hình thành nhận thức thống nhất về một vấn đề nào đó thì trao đổi giữa giáo viên và sinh viên lại giúp cho người học được trực tiếp trình bày quan điểm riêng của mình với giáo viên, thể hiện rõ những ý nghĩ của cá nhân trong học môn học. Trong khi đó hình thức thực hành hoặc viết các bài thu hoạch, thảo luận giúp sinh viên biết tự đánh giá, cảm nhận sự lĩnh hội của mình một cách sâu sắc hơn về những vấn đề cụ thể. Quá trình dạy học các môn lý luận Mác - Lênin vì thế cần chú ý đảm bảo sự đa dạng trong các hình thức dạy học.

Gắn lý luận và thực tiễn trong dạy học, đưa các kiến thức sát gần thực tiễn sinh động của cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp tương lai của sinh viên

Quá trình học, việc làm chủ môn học phụ thuộc vào việc nắm chắc hệ thống các khái niệm công cụ. Đặc điểm của các môn lý luận Mác - Lênin là có một hệ thống khái niệm trừu tượng liên quan chặt chẽ với nhau. Muốn người học làm chủ được môn học, lĩnh hội được kiến thức, hăng hái, tích cực trong tư duy, giáo viên cần gắn lý luận và thực tiễn trong dạy học, đưa các kiến thức sát gần thực tiễn sinh động của cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp tương lai của sinh viên. Điều đó cũng làm cho sức hấp dẫn của môn học được tăng lên, giảm đi sự trừu tượng của các khái niệm, các kiến thức lý luận mới thực sự có chỗ đứng vững chắc trong nhận thức của người học. Ở đây, cũng đòi hỏi sự tâm huyết của giáo viên với môn học, với các nội dung dạy học, những trải nghiệm sâu sắc trên nhiều lĩnh vực của cuộc sống để tăng thêm sức sống của bài học, môn học.

Khơi gợi, tận dụng kinh nghiệm, vốn sống của sinh viên trong tham gia giải quyết các vấn đề lý luận

Cần thấy rằng, với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi của mình, sinh viên đã tích lũy được những kinh nghiệm, vốn sống nhất định. Vấn đề đặt ra là giáo viên trong quá trình dạy học, cần biết khơi gợi, tận dụng kinh nghiệm, vốn sống của sinh viên trong tham gia giải quyết các vấn đề lý luận. Huy động được kinh nghiệm, vốn sống của sinh viên

trong quá trình dạy học cũng chính là phát huy tính chủ động, tích cực của họ, đặt họ vào vị thế là một chủ thể quan trọng của dạy học. Người học cũng cảm nhận được sự tôn trọng của người dạy dành cho mình, từ đó tích cực hơn để tự khẳng định bản thân bằng cách huy động những cái mình tích lũy được góp phần làm sáng tỏ hơn những vấn đề đặt ra.

3. KẾT LUẬN

Nâng cao chất lượng dạy học các môn lý luận Mác - Lênin trong các trường đại học hiện nay có mối quan hệ chặt chẽ với tính tích cực học tập của sinh viên. Hiểu đúng về bản chất và những yếu tố có liên quan đến tính tích cực là cơ sở để tìm ra các biện pháp có hiệu quả nhằm phát huy tính tích cực học tập của sinh viên, góp phần nâng cao chất lượng dạy học các môn lý luận Mác - Lênin./.

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Việt Hùng, Nguyễn Thị Thúy Vân, Lê Thị Ngân, Hiện trạng học tập lý luận chính trị của sinh viên tại trường đại học Tây Đô, Tạp chí Nghiên cứu khoa học và Phát triển kinh tế Trường Đại học Tây Đô, Số 06 - 2019, tr122.
2. Vụ CTHSSV, Nâng cao hiệu quả giảng dạy các môn lý luận chính trị trong các nhà trường, Hội thảo khoa học quốc gia Nghiên cứu và giảng dạy các môn lý luận chính trị trong bối cảnh hiện nay, 07/11/2019.

VẤN ĐỀ GIẢNG DẠY LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TRONG TÌNH HÌNH DỊCH COVID 19

TS. Trần Thị Mai Thanh

Trường Đại học Văn hóa Hà Nội

Email: bichngoch60@gmail.com

***Tóm tắt:** Giảng dạy các bộ môn lý luận chính trị trong hầu hết các trường đại học vốn là điều thiết yếu và được thực hiện rất tốt trong nhiều năm qua. Tuy nhiên, có thể thấy khả năng nắm bắt vấn đề của các bạn sinh viên còn chưa sâu, chưa hứng thú nhiều với nội dung môn học. Vậy nên các bộ môn rất cần sự thay đổi, chuyển biến theo sát tình hình mới của xã hội. “Vấn đề giảng dạy lý luận chính trị trong tình hình dịch covid 19” được chia thành năm phần trong đó có thực trạng giảng dạy lý luận chính trị, nhìn nhận quan điểm của Đảng về việc giảng dạy, tác động của dịch covid 19, mục tiêu đề ra và đề xuất phương pháp học tập trong thời gian tới.*

***Từ khóa:** Lý luận chính trị*

1. MỞ ĐẦU

Tình hình dịch covid 19 đã làm thay đổi rất nhiều trong phương pháp và định hướng giảng dạy của giáo dục Việt Nam các cấp đặc biệt là đại học. Bởi lẽ ở cấp địa phương khi đảm bảo được an toàn phòng chống dịch vẫn có thể học tập bình thường nhưng đại học tập hợp lượng đông sinh viên đến từ các tỉnh thành nên có nhiều biến đổi nhất. Từ đó kéo theo việc dạy và học các bộ môn lý luận chính trị cũng thay đổi. Hiện nay, cần nhìn nhận được vấn đề cả chủ quan lẫn khách quan, đánh giá và xác định hướng đi tốt nhất nhằm thúc đẩy chất lượng học tập tới sinh viên.

2. NỘI DUNG

2.1. Thực trạng giảng dạy lý luận chính trị tại các trường đại học khối kỹ thuật

Sinh viên các trường đại học khối kỹ thuật ngay từ đầu vào đều là ban tự nhiên với một số môn đặc thù như: toán, sinh, hóa, vật lí. Từ các cấp trung học không tiếp cận nhiều với kiến thức lịch sử hay chính trị nên ở đại học việc dung nạp còn nhiều hạn chế. Chưa kể các bộ môn chính trị yêu cầu ở các em việc đọc, hiểu nhiều, đi ngược hoàn toàn với việc sử dụng não bộ tư duy logic ra vấn đề.

Thông thường việc giảng dạy các môn chính trị đều yêu cầu lượng thời gian lớn, bài tập thì cần nghiên cứu, đọc hiểu nhiều tài liệu. Tại một số trường đại học thi hết môn tổ chức dưới hình thức vấn đáp hay tự luận còn yêu cầu các em nhớ kỹ câu từ để đảm bảo lượng kiến thức đủ để qua được môn học.

Việc giảng dạy lý luận chính trị trên các lớp đại học được đề cao từ trước, trở thành một trong những bộ môn sinh viên bắt buộc học từ khi mới vào năm nhất. Rèn luyện một tư tưởng đi kèm phẩm chất đạo đức tốt sẽ đẩy mạnh sự phát triển trong các em và thay đổi tư duy trí tuệ của các thế hệ. Tuy nhiên, có thể do đặc thù khó tiếp cận, tương đối trừu tượng nên môn học trở thành một trong những “nỗi ám ảnh lớn” của các bạn sinh viên.

Dựa trên khảo sát, đối với các trường đại học khối kỹ thuật, cứ mười em sinh viên sẽ có khoảng 4 - 5 em không qua được các môn lý luận chính trị, đó còn chưa kể các em vẫn còn có hiện tượng học tủ, học lệch, qua môn vì “may mắn”. Điều này chứng tỏ môn học quan trọng nhưng chưa được các em chú tâm, học nhưng không hiểu và không thu nhận kiến thức về. Vấn đề này vốn đã được bàn bạc từ lâu và đề cập tới xu hướng thay đổi cả nội dung lẫn hình thức giảng dạy.

Đánh giá ở mức độ khách quan trong môi trường giáo dục hiện nay, việc nghiên cứu và giảng dạy các bộ môn lý luận chính trị vẫn vô cùng cần thiết song cần có những thay đổi để đẩy mạnh mô hình, thu hút các em sinh viên học có chất lượng hơn.

2.2. Nhìn nhận quan điểm của Đảng về việc dạy và học lý luận chính trị

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn xác định giáo dục lý luận chính trị là một bộ phận quan trọng của công tác tư tưởng, góp phần xây dựng, bồi đắp nền tảng tinh thần của xã hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng giáo dục lý luận chính trị, bởi lẽ, giáo dục lý luận là nền tảng, trên có sở đó nâng cao trình độ văn hóa và chuyên môn. Người cho rằng, nếu chỉ học văn hóa, kỹ thuật, chuyên môn mà không có lý luận thì như “người nhắm mắt mà đi”.

Đối tượng công chúng được đề ý đặc biệt các bạn sinh viên, đang ở thời điểm chuyên giao kiến thức từ bậc trung học lên bậc đại học. Ở mức độ cử nhân hay kỹ sư, các bạn cần lấy nền tảng tư tưởng ban đầu của lý luận chính trị làm gốc, xây dựng chuyên môn vững chắc làm việc hiệu quả.

Đối với các bạn sinh viên theo học các khối ngành văn hóa xã hội, việc tiếp thu kiến thức có thể sẽ dễ dàng hơn do đã nắm sơ qua lịch sử hoặc văn học. Vậy nên sinh viên khối các trường kỹ thuật hiện nay mới trở thành đối tượng đáng lưu tâm.

Văn kiện đại hội IX chỉ rõ: “Tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho sinh viên. Cải thiện việc giảng dạy và học tập các bộ môn khoa học Mác -

Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề”.

Hiện nay, chủ trương chính sách của Đảng có hướng tới tầm quan trọng của việc đào tạo sinh viên học tập lý luận chính trị, tuy nhiên vẫn còn nhiều khó khăn trong việc truyền tải - tiếp nhận nội dung môn học. Đảng đánh giá khách quan và thực tiễn ghi nhận ý kiến từ sinh viên có thể thấy, đặc thù môn học hiện nay còn đậm chất sách vở, tránh xa thực tiễn kiến cho vấn đề khi được đề cập cũng rất khó giúp sinh viên hình dung ra.

2.3. Tác động của tình hình dịch covid 19 tới việc giảng dạy lý luận chính trị

Vấn đề giảng dạy các bộ môn lý luận chính trị quan trọng tuy nhiên còn chịu nhiều ảnh hưởng và tác động từ tình hình kinh tế - văn hóa - xã hội cả trong nước và quốc tế. Xã hội có chuyển biến sẽ kéo theo những cái mới trong định hướng phát triển đất nước, các bạn sinh viên của thế hệ càng về sau sẽ càng có những thay đổi khác đi về mặt tư duy và hành động.

Tình hình trong nước và quốc tế hiện nay đều có một điểm chung là chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch covid - 19 trên mọi phương diện. Khác ở chỗ, ngay từ ban đầu định hướng của nước ta đã khác với các nước nên khi bắt đầu ở trạng thái “bình thường mới”, mọi mặt của đất nước cũng đi theo hướng khác.

Nhận xét tình hình dịch đã có nhiều biến đổi mặc dù số lượng nhiễm dịch vẫn tăng nhưng biến thể đã yếu đi và dễ điều trị hơn, con người phải tập sống chung với dịch nhằm đảm bảo phát triển kinh tế, văn hóa kịp thời, giáo dục cũng cần nhắc điều hành phương pháp học tập song song trực tuyến và trực tiếp.

Tác động của tình hình dịch covid 19 đến nền giáo dục Việt Nam điển hình ở chỗ: làm thay đổi phương pháp dạy và học của các cấp, từ trực tiếp sang trực tuyến. Xét riêng bộ môn lý luận chính trị, đặc thù của môn học đã khiến sinh viên khó tiếp thu, hiện nay lại được ở nhà (nhiều cơ sở, đơn vị không yêu cầu bật máy ảnh khi học), sinh viên sẽ không tập trung, không lắng nghe và càng ngày càng xa rời kiến thức môn học.

Ngoài ra, việc dịch bệnh hoành hành còn khiến cho sinh viên không được đi thực tế, không được tiếp xúc với những hiện vật, kiến thức có bên ngoài xã hội, không được trò chuyện trực tiếp với những người có ảnh hưởng tới vấn đề có trong môn học, làm giảm đi sự hứng thú và mong muốn được học tập, được tìm hiểu về những vấn đề có trong đó.

Tác động của tình hình thế giới tới giáo dục là sẽ hạn chế số lượng giảng viên từ nước ngoài về chưa kể đi công tác hay việc cá nhân trong một khoảng thời gian, sẽ bớt đi lực lượng giảng dạy cấp cao, quan trọng và cần thiết. Mặt khác việc các sự kiện trên thế giới sẽ ảnh hưởng đến các lĩnh vực từ kinh tế, chính trị, văn hóa của Việt Nam kéo

theo những quyết định mới về định hướng phát triển đất nước. Từ đó, những kiến thức nằm trong lý luận chính trị cũng sẽ thay đổi.

Có ảnh hưởng mạnh là vậy, tuy nhiên, tình hình dịch bệnh covid 19 cũng chỉ là một phần tác động tới việc tiếp nhận những kiến thức từ bộ môn lý luận chính trị, chủ yếu cán bộ giảng viên vẫn cần thay đổi phương pháp truyền tải, sinh viên cần chủ động hơn nữa thì mới đảm bảo được chất lượng sau mỗi buổi học.

2.4. Mục tiêu đề ra cho việc nâng cao chất lượng dạy và học lý luận chính trị

Quan điểm của Đảng về việc xây dựng nền tảng giáo dục bền vững cho các bộ môn chính trị hiện nay bao gồm có ba ý lớn: Một là đổi mới nội dung, chương trình, giáo dục lý luận chính trị; Hai là tăng cường quản lý việc học tập gắn với rèn luyện, tu dưỡng, khắc phục tình trạng lười học, ngại học lý luận chính trị. Ba là củng cố, nâng cao phẩm chất của đội ngũ giảng viên, báo cáo viên lý luận chính trị và hoạt động của các trường chính trị.

Việc nhập liệu hay thực hiện các mô hình học tập theo nước ngoài được áp dụng và chuyển biến thường xuyên nhằm phù hợp với nhận thức của sinh viên được diễn ra liên tục, ngoài ra còn được đặt vào tình hình xã hội mỗi ngày, có phù hợp không, có hiệu quả không.

Xã hội phát triển lấy kinh tế là trọng tâm, chính trị song hành và là yếu tố quan trọng tác động tới nhân phẩm và đạo đức của con người nên việc học tập các môn lý luận chính trị là cần thiết và góp phần nâng cao tri thức cho mọi tầng lớp đặc biệt là sinh viên đang trang bị cho mình kiến thức nền tảng vững chắc khi ra ngoài.

Có thể nói, tính cấp thiết của các bộ môn được biểu hiện ở chỗ, một mặt rèn luyện, định hướng đạo đức, nhân phẩm tốt đẹp cho sinh viên khi trở thành công dân đủ 18 tuổi, tuân thủ những điều Đảng yêu cầu, sống, học tập và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Mặt khác, việc giảng dạy cũng làm các bạn sinh viên thay đổi tư duy cứng nhắc suy nghĩ logic vấn đề, hiểu biết thêm nhiều phương pháp học tập khác và nhạy bén hơn trong những vấn đề xã hội.

Việc định hình sinh viên các khối ngành kỹ thuật học tập các bộ môn lý luận chính trị còn khuyến khích thay đổi tư duy trong việc nhìn nhận các vấn đề trong xã hội mà các em thấy được. Nếu lắng nghe nhiều hơn, các em sẽ có thể mở rộng nguồn kiến thức về các sự kiện liên quan đến chính trị trong nước và quốc tế, đào tạo và duy trì tinh thần yêu nước, bảo vệ đất nước và đại đoàn kết dân tộc.

Mục tiêu lớn nhất trong việc giảng dạy các bộ môn lý luận chính trị mà Đảng cũng như các cán bộ giảng viên hướng đến đó là làm sao để sinh viên, đặc biệt là khối ngành kỹ thuật nắm bắt được môn học một cách chất lượng nhất, đảm bảo đầu ra sinh viên

không chỉ biết mà còn hiểu được những gì được học. Từ đó cá nhân các bạn sinh viên sẽ biết bản thân cần phát triển theo hướng nào, tiêu chuẩn nào cho một công dân sống và làm việc có ích.

2.5. Đề xuất phương pháp dạy lý luận chính trị trong thời gian tới

Bàn bạc tới định hướng thay đổi phương pháp dạy và nội dung môn học phù hợp với giáo viên và một số sinh viên, rất nhiều người cho rằng đặc thù môn học như vậy rất khó để thay đổi hoàn toàn môn học, nếu có thay đổi cũng sẽ làm biến chất và mất đi những kiến thức quan trọng, sẽ làm các bạn hiểu nhưng không nhớ lâu, thậm chí là không hiểu. Một số ý kiến còn cho rằng nhiều sinh viên hiện nay còn đang từ chối việc tiếp thu nguồn kiến thức đó, để nợ môn gần đến cuối niên khóa mới học và thi lại. Điều này ảnh hưởng lớn tới tiến trình học tập và định hướng ban đầu nhà trường xây dựng cho các em và kết quả tốt nghiệp sau này.

Trong thời kỳ 4.0 hiện nay, việc chạy theo công nghệ và số hóa các loại hình, cộng thêm ảnh hưởng của dịch covid 19 điều hướng tổ chức dạy và học theo con đường khác. Theo đó, thay đổi phương pháp dạy học đặc thù của các môn lý luận chính trị cần phải bám sát đối tượng là sinh viên đại học, đặc biệt là khối các trường kỹ thuật và tốc độ chuyển biến liên tục của xã hội.

Thích ứng với tình hình dịch, trong hai năm gần đây, hình thức dạy và học trực tuyến tại nhà được áp dụng qua một số phần mềm Ms team, Zoom, GG meet... rất phổ biến. Tuy ban đầu khi chưa thích nghi được với phương pháp dạy và học này, nhiều sinh viên và giảng viên cho rằng chất lượng truyền tải môn học đang đi xuống nhưng theo thời gian, việc học trực tuyến đã trở thành tất yếu để đảm bảo việc dạy và học tại các cấp đặc biệt là đại học.

Tính đến thời điểm tháng 2 năm 2022, nhiều trường đại học đã chấp nhận việc tỉ lệ mắc covid sẽ tăng mạnh để cho sinh viên quay trở lại học trực tiếp, nhằm đảm bảo chất lượng giáo dục tuy nhiên, vấn đề này vẫn còn có nhiều tranh cãi và nhiều bậc phụ huynh hiện nay vẫn cho rằng nên đề cao vấn đề sức khỏe, để con ở nhà học trực tuyến sẽ đảm bảo an toàn bản thân và cho cộng đồng.

Trước khi có dịch covid 19, việc giảng dạy tại lớp, tức học theo hình thức trực tiếp sẽ giúp các bạn sinh viên nắm bắt được kiến thức rõ ràng, giáo viên cũng có thể quan sát, yêu cầu sinh viên trả lời câu hỏi của mình tiện lợi, giao bài tại lớp khi giảng một lượng giáo trình vừa đủ. Mặc dù có thể kiến thức được các em hiểu chưa nhiều nhưng đó là thực tế kết quả giảng dạy, kết hợp với phương thức kiểm tra và đánh giá vấn đáp sẽ yêu cầu các em ghi chép, trả lời bài đảm bảo hơn.

Đánh giá ở mức độ khách quan nhất có thể thấy, học qua mỗi hình thức lại có điểm mạnh và điểm yếu riêng, vẫn nên nhìn nhận theo hướng tích cực, kết hợp cả hai phương

pháp học để sinh viên vẫn đảm bảo được an toàn phòng chống dịch bệnh và vừa được đi thực tế theo các nhóm nhỏ, khảo sát để tăng mức độ tìm tòi về môn học chính trị.

Bên cạnh việc học trên lớp hay ở nhà, để sinh viên các khối ngành kỹ thuật nói riêng và sinh viên toàn quốc nói chung dễ dàng đón nhận đặc thù môn học, giảng viên vẫn cần có những sự thay đổi trong cách dạy, thúc đẩy các em tìm kiếm, đọc hiểu và đặt vấn đề cho những gì các em thấy. Từ phương pháp đó sẽ giúp sinh viên tiến gần hơn tới môn học và chịu dung nạp nguồn kiến thức mang tính đặc thù này.

Đứng trước hàng nghìn sinh viên đặc biệt là khối kỹ thuật, đặc thù dài yêu cầu đọc hiểu nhiều của bộ môn lý luận chính trị càng khó được tiếp thu dễ dàng vậy nên, đội ngũ cán bộ giảng dạy mỗi ngày đều cần tự thay đổi phương pháp học phù hợp với bản thân và phù hợp với đối tượng sinh viên đang theo học. Trong văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII có nêu rõ xây dựng đội ngũ cán bộ, Đảng viên “luôn vững vàng trước những khó khăn, thách thức và không bị cám dỗ bởi vật chất, tiền tài, danh vọng”, “có ý thức tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng suốt đời, thường xuyên ‘tự soi’, ‘tự sửa’, và nêu cao danh dự, lòng tự trọng của người Đảng viên”.

3. KẾT LUẬN

“Vấn đề giảng dạy lý luận chính trị trong tình hình dịch covid 19” được đặt ra trong bối cảnh dịch covid vẫn còn đang diễn biến phức tạp ở Việt Nam, các bộ môn lý luận chính trị thì luôn cần được biến đổi để phù hợp với nhận thức và khả năng tiếp nhận sinh viên. Ngược lại, các bạn sinh viên cũng nên có những thay đổi và tiếp nhận việc học chủ động hơn, học có hiệu quả và đạt chất lượng cao hơn.

Tài liệu tham khảo:

1. Ths. Hà Thị Bích Thủy, “*Tăng cường giáo dục, bồi dưỡng chính trị theo quan điểm Đại hội thứ XIII*”, Tuyên giáo, (7/2021).
2. *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc thứ XIII của Đảng*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia sự thật.

DẠY HỌC CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ CHO SINH VIÊN THẾ HỆ Z Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Tieu Thị Mỹ Hồng

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Email: tieu.my.hong@gmail.com

***Tóm tắt:** Thế hệ Z là thế hệ đang học tập tại các trường đại học hiện nay, thế hệ này là đối tượng của giáo dục đại học ở Việt Nam trong khoảng 15 năm tới. Đây là thế hệ sinh ra và lớn lên trong điều kiện internet, điện thoại di động đặc biệt là điện thoại thông minh về cơ bản đã trở nên phổ biến. Chính điều đó đã làm cho thế hệ này có những đặc điểm riêng mà các thế hệ khác không có. Những đặc điểm ấy có ảnh hưởng đến hoạt động dạy học nói chung trong đó có dạy học các môn lý luận chính trị. Bài viết này sẽ khái quát một số đặc điểm của thế hệ Z. Trên cơ sở ấy đưa ra một vài gợi ý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động dạy học các môn lý luận chính trị cho sinh viên thế hệ này ở các trường đại học Việt Nam hiện nay.*

***Từ khóa:** thế hệ Z, lý luận chính trị, sinh viên, dạy học...*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Vài năm gần đây, thế hệ Z hay gen Z đã dành được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu. Tháng 9/2000, thuật ngữ này được sử dụng lần đầu tiên khi thảo luận về những thay đổi sẽ diễn ra trong giáo dục ở những năm tiếp theo khi thế hệ này bước vào trường học. Đây là thế hệ đầu tiên được sinh ra sau khi Internet trở nên phổ biến. Vì thế họ có những đặc điểm riêng, khác với các thế hệ trước đó. Nhận ra đặc điểm riêng của họ có thể hỗ trợ giảng viên điều phối lớp học, tìm kiếm và sử dụng phương pháp hiệu quả hơn, thu hút sinh viên tích cực tham gia hoạt động học tập. Thế hệ này được Manisha Saxena, Dharmesh K. Mishra và nhiều nhà nghiên cứu cho rằng họ sử dụng công nghệ tốt hơn thậm chí tốt hơn nhiều giáo viên của mình - những người thuộc thế hệ X. Vì vậy, nhiều phương pháp dạy học được sử dụng chủ yếu ở thế kỉ XX không còn phù hợp với thế hệ Z [5]. Chính điều đó đặt ra vấn đề có tính thực tiễn sâu sắc đối với mỗi nhà giáo dục trong việc tìm hiểu đối tượng, đổi mới phương pháp, thậm chí đổi mới chính bản thân mình để hoạt động dạy học trở nên hiệu quả. Chương trình các môn Lý luận chính trị (LLCT) theo công văn số 3056/BGDĐT - GDĐH của Bộ Giáo dục và Đào tạo (19/7/2019) bao gồm: Triết học Mác - Lênin (3 tín chỉ), Kinh tế chính trị Mác - Lênin

(2 tín chỉ), Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ), Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ), Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ). Đây là những môn học bắt buộc thuộc chương trình đào tạo với mục đích xác lập thế giới quan và phương pháp luận khoa học, xây dựng bản lĩnh chính trị và phát triển những giá trị đạo đức, trách nhiệm xã hội cho sinh viên. Để đạt được mục tiêu đó giảng viên giảng dạy những môn học này cần có những hiểu biết về sinh viên của mình. Cần biết họ là ai, họ có đặc điểm gì, việc giao tiếp với thế hệ này liệu có rào cản hay không. Từ đó lựa chọn những phương pháp, cách thức phù hợp cho việc tổ chức các hoạt động dạy học. Bằng phương pháp nghiên cứu tài liệu, tổng hợp, phân tích và quan sát, bài viết sẽ làm rõ một số đặc điểm của thế hệ Z, đặc biệt là những điểm có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động học tập. Từ đó, tác giả sẽ đưa ra một số gợi ý góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động dạy học các môn lí luận chính trị cho sinh viên các trường đại học ở Việt Nam hiện nay. Bài viết này sẽ trả lời ba câu hỏi nghiên cứu sau:

1. Thế hệ Z họ là ai?
2. Thế hệ Z có những đặc điểm gì ảnh hưởng đến hoạt động học tập nói chung, học tập các môn lí luận chính trị nói riêng?
3. Dạy học các môn lí luận chính trị, giảng viên cần đáp ứng được những yêu cầu gì?

Đây là nghiên cứu khởi đầu có tính chất khái quát chung cho những nghiên cứu tiếp theo cụ thể hơn của tác giả về vấn đề này.

2. NỘI DUNG

2.1. Khái niệm thế hệ Z

Theo các chuyên gia nghiên cứu về dân số, cứ 15 năm sẽ xuất hiện một thế hệ mới. Mỗi thế hệ đó sẽ thể hiện cho một giai đoạn lịch sử, là sản phẩm đồng thời là chủ thể hình thành nên không gian lịch sử ấy. Từ khi lí thuyết này được đưa ra, nhiều nghiên cứu bắt đầu đi tìm và định danh cho các thế hệ được sinh ra và lớn lên từ thế kỉ XX cho đến nay. Và thế hệ phát triển song song đầu tiên cùng công nghệ hiện đại là thế hệ Z. Thế hệ Z (*Generation Z*), đôi khi còn được gọi là thế hệ Gen Tech, Gen Wii, Digital Natives, Neo-Digital Natives, Net Gen, Plurals, Zoomers, thế hệ Internet, Generation Z, iGen, iGeneration, Founders, Post millennials, Homeland Generation hay hậu Millennials...) là thế hệ nằm giữa *thế hệ Millennials* và *thế hệ Alpha*. Các nhà nghiên cứu và các phương tiện truyền thông phổ biến nhận định khoảng thời gian được sinh ra của thế hệ này là từ năm 1997 đến 2012. Ngoài ra, cũng có một số ý kiến khác cho rằng gen Z sinh từ 1997 đến 2015. Đây là thế hệ đầu tiên được tiếp xúc với Internet khi bắt đầu lớn lên, và họ cũng là nhóm người được tiếp cận với công nghệ ngay từ khi còn nhỏ. Turner, Anthony cho rằng thế hệ Z là thế hệ đầu tiên lớn lên với sự tiếp cận Internet cùng

các thiết bị kỹ thuật số và điện tử từ nhỏ, các thành viên của thế hệ Z còn được mệnh danh là những "công dân thời đại kỹ thuật số"[13]. Cũng cùng quan điểm này từ điển Oxford cho rằng *Thế hệ Z là những người sinh ra trong khoảng cuối những năm 90 của thế kỷ XX và đầu những năm 2010, họ rất quen thuộc với internet.*

Như vậy, tùy quan điểm của từng tác giả mà năm sinh của thế hệ Z được xác định với ít nhiều sự khác biệt. Có thể nói thế hệ Z là những người được sinh từ những năm cuối thập niên 90 của thế kỷ XX đến những năm đầu thập niên thứ 2 của thế kỷ XX, là thế hệ đầu tiên có cơ hội tiếp xúc với công nghệ, với mạng internet thậm chí là điện thoại thông minh ngay từ nhỏ.

2.2. Một số đặc điểm của thế hệ Z có ảnh hưởng đến hoạt động học tập

Đứng ở mỗi góc độ, gắn với mục đích khác nhau, chúng ta sẽ tìm được những đặc điểm riêng của thế hệ Z. Ở đây, chúng tôi chỉ khái quát những đặc điểm có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động học tập của sinh viên thế hệ này.

Khẳng định bản thân và giá trị bản thân đối với người khác là động lực học tập của sinh viên thế hệ Z [11][4]. Thế hệ này có nhu cầu cao trong việc khẳng định giá trị, sự hiện hữu của bản thân đối với người khác tuy nhiên họ cũng không chỉ tập trung vào bản thân mình. Seemiller và Grace (2016), trong khảo sát của mình đã khẳng định có đến 75% sinh viên thế hệ Z cảm thấy có động lực để làm một điều gì đó nếu điều họ làm mang lại ý nghĩa hoặc tạo ra cơ hội cho người khác. Bên cạnh đó, khi được hỏi về những điều truyền cảm hứng và tạo động lực cho những cố gắng của họ, sinh viên thuộc thế hệ này nói về các mối quan hệ nhiều hơn bất kỳ một vấn đề nào khác [11]. Khi bàn đến sự khác biệt giữa ba thế hệ X, Y và Z về "giá trị trong các mối quan hệ" Mohr & Mohr đã cho thấy nếu thế hệ X (1965 - 1980) "quan tâm" thế hệ Y (1981 - 1994) "hiện diện" thì thế hệ Z (1995 - 2010) là "hợp tác" [6].

Công nghệ là một phần không thể thiếu trong cuộc sống hàng ngày của thế hệ Z. Họ được gọi là "người bản địa kỹ thuật số" (digital natives). (Mohr & Mohr trong một nghiên cứu năm 2017 về "thái độ đối với công nghệ" của các thế hệ đã chỉ ra: Thế hệ X vui thích với nó; thế hệ Y làm chủ nó thì thế hệ Z là sống với nó [6]. Nói như Oblinger & Oblinger, đối với thế hệ Z, "internet giống như oxy; họ không thể tưởng tượng cuộc sống mà không có nó" [7]. Theo thống kê của Ofcom (2016), thế hệ Z tiếp xúc với các phương tiện truyền thông trung bình 13 tiếng mỗi ngày, trong đó một phần ba thời gian là dành để giao tiếp trực tuyến, nhiều hơn hẳn thế hệ trước [9]. Riêng đối với mạng xã hội, thời gian sử dụng của họ trung bình là 1.37 giờ một ngày để học tập và gấp đôi thời gian này vào các mục đích cá nhân [14]. Hampton, D. C., & Keys, Y. trong một nghiên cứu đã đưa ra con số 15,4 giờ/tuần khi tìm hiểu về thời gian thế hệ Z sử dụng điện thoại thông minh. Một nghiên cứu khác lại cho thấy thế hệ này trung bình sử dụng điện thoại

di động vào năm 10,3 tuổi. Trung bình sử dụng 3 giờ mỗi ngày trên thiết bị di động của mình [3]. Con số trên chắc chắn đã cao hơn vào năm 2021 sau giai đoạn bùng phát dịch bệnh khi thời gian học online và ở nhà của các bạn trẻ trên toàn thế giới nhiều hơn. Và họ có thể sử dụng đồng thời nhiều thiết bị thông minh cùng lúc như: điện thoại, máy tính hay ipad.

Năng lực tự học của thế hệ Z được hình thành sớm. Họ chủ động, nhạy bén, thành thạo trong sử dụng công cụ tìm kiếm thông tin. Mặc dù còn ít những nghiên cứu định lượng về khả năng này nhưng về cơ bản thế hệ Z được đánh giá có khả năng tự học tốt hơn so với thế hệ Y và thế hệ X do họ được tiếp xúc với nhiều nguồn tài liệu từ rất sớm, đặc biệt là trong việc học ngoại ngữ. Họ có năng lực sử dụng các công cụ tìm kiếm thông tin một cách đơn giản và nhanh chóng. Một nghiên cứu đã chỉ ra rằng Gen Z là thế hệ khá thực tế. Phương pháp học theo kiểu bài giảng tuần tự không còn phù hợp và thúc đẩy sự tham gia của họ. Theo Báo cáo "Hiểu về thế hệ Z" của Barnes & Nobles khoảng 51% người tham gia học tập tích cực và hiệu quả nhất khi họ được trải nghiệm thực tế, được thực hành, chỉ có 12% thích học và cảm thấy học hiệu quả bằng cách lắng nghe. Tuy nhiên, ở một nghiên cứu khác Seemiller và Grace, 2016 lại cho rằng việc thế hệ Z sử dụng thuần thục các thiết bị công nghệ cũng không có nghĩa là tất cả đều sử dụng chúng một cách hiệu quả trong hoạt động học tập. Bằng chứng là có đến 90% số sinh viên thế hệ Z tham gia khảo sát cho biết họ sử dụng Youtube như một nguồn chính để tìm kiếm thông tin trên mạng internet.

Tự tin trong giao tiếp và khám phá thế giới. Lớn lên trong thế giới với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ, thế hệ Z có nhiều thuận lợi trên con đường nắm bắt thông tin. Điều đó góp phần tạo nên sự tự tin của thế hệ này khi tiếp xúc, khám phá thế giới. Thế giới trong tầm tay, thế giới xuất hiện sau những click chuột cho họ những cơ hội tiếp xúc với những tư tưởng tiến bộ, những luồng thông tin đa dạng. So với các thế hệ trước đó, họ trở thành những người biết về thế giới sớm nhất theo nghĩa ở độ tuổi nhỏ nhất. Họ là thế hệ hội nhập toàn cầu đầu tiên của chúng ta. Tất cả đều có thể chia sẻ và bàn luận bất kỳ chủ đề nào ở bất cứ nơi nào trên thế giới. Họ nhận thức được các vấn đề xã hội và có năng lực tự học nhờ vào các bài giảng được đăng tải.

Dễ bị phân tán, thời gian tập trung chú ý ngắn chỉ với với trung bình là 8 giây nhưng luôn mong đợi phản hồi nhanh chóng, với những thông tin được truyền đạt ngắn gọn - đó là đặc điểm dễ thấy của thế hệ Z. Sinh viên thế hệ này thích học từ mạng internet, thích nghe hơn thích đọc, đặc biệt thích các hoạt động có tính tương tác cao [10] [3]. Những người thuộc thế hệ này ấn tượng nhiều hơn với tranh ảnh và có xu hướng sử dụng tranh ảnh làm thông điệp. Họ ít kiên nhẫn, chỉ sẵn sàng học hỏi nếu việc này tốn ít thời gian và nỗ lực [8] [11]. Thế hệ này cũng thường xuyên xao nhãng bởi công nghệ, điều này ảnh hưởng đến hiệu quả giáo dục. Những trở ngại này là yếu tố chính

gây nên hiện tượng chú ý thoáng qua, ít tính kỉ luật. Trong quá trình giảng dạy giảng viên phải chú ý đến điều này.

2.3. Một số yêu cầu đặt ra khi dạy học các môn lí luận chính trị cho sinh viên thế hệ Z

2.3.1. Phát huy tính tích cực, chủ động của sinh viên

Phát huy tính tích cực chủ động của sinh viên là yêu cầu chung trong công cuộc đổi mới giáo dục ở Việt Nam hiện nay. Điều này càng trở nên cần thiết khi giảng dạy các môn lí luận chính trị cho sinh viên thuộc thế hệ Z. Thế hệ sinh viên này được đánh giá có năng lực tự học từ sớm, khả năng sử dụng các công cụ tìm kiếm thông tin một cách tương đối thành thạo, năng lực ngoại ngữ cũng nổi trội hơn thế hệ trước đó, đặc biệt là nhu cầu thể hiện bản thân và kết nối toàn cầu. Chính điều đó làm cho cách thức dạy học các môn lí luận chính trị theo hướng truyền thống - chú trọng thuyết trình, truyền thụ một chiều tỏ ra không còn phù hợp. Xuất phát từ đặc điểm của đối tượng cùng với yêu cầu của thực tiễn, giảng viên giảng dạy các môn học này cần chú trọng tổ chức các hoạt động để sinh viên tích cực, chủ động trong việc tìm kiếm, lĩnh hội tri thức. Tin tưởng ở sinh viên, giao nhiệm vụ để sinh viên được làm việc theo kế hoạch, được thể hiện mình, được giao tiếp và hợp tác. Tạo điều kiện để sinh viên mạnh dạn phát biểu ý kiến, hình thành năng lực tư duy phản biện. Sử dụng phối hợp sáng tạo các hình thức tổ chức dạy học khác nhau để tạo cơ hội cho sinh viên thể hiện được những ý tưởng, quan điểm cá nhân xoay quanh dung bài học, từ đó giải quyết được những vấn đề đặt ra trong thực tiễn đời sống.

Giảng viên cần tích cực đổi mới phương pháp dạy học, sử dụng những phương pháp dạy học phát huy tính tích cực của người học như: hoạt động trải nghiệm, dự án, thảo luận nhóm, giải quyết vấn đề, dạy học qua tình huống... Đặc thù tri thức các môn lí luận chính trị rất thuận lợi trong việc sử dụng các phương pháp dạy học mới. Giảng viên cần tạo nên sự đa dạng trong hình thức giảng dạy, bài giảng và tài liệu học tập. Sử dụng các mô hình dạy học kết hợp khi dạy học những môn học này nhận được phản hồi tích cực từ phía sinh viên. Đơn vị kiến thức cơ bản sẽ được giảng viên cung cấp trước trên hệ thống LMS, vấn đề mở rộng sẽ được dành thời gian thảo luận tại lớp. Cách thức ấy đã mở rộng cả không gian và thời gian cho sinh viên được thể hiện và khẳng định bản thân mình. Giảng viên cần thay đổi từ hình ảnh một “nhà thông thái đáng kính”, “một chuyên gia” thành người tổ chức hoạt động, người hướng dẫn, đồng hành cùng sinh viên.

Với nguyên tắc lấy người học là trung tâm, bên cạnh những nhiệm vụ tại lớp, giảng viên cần định hướng cho sinh viên những hoạt động tự học, tự nghiên cứu và tìm tòi tài

liệu từ nhiều nguồn khác nhau từ đó phát triển năng lực tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo của họ.

2.3.2. Tăng cường tính thực tiễn trong mỗi bài học

Năng động, cá tính, sáng tạo và cởi mở là những tính từ thường được sử dụng để mô tả chân dung một người trẻ gen Z. Xem trọng cái tôi cá nhân nhưng người trẻ thế hệ Z không hề khép kín, mà dành mỗi quan tâm lớn tới các vấn đề xã hội trên toàn cầu. Họ luôn không ngừng tìm kiếm những điều mới mẻ, khao khát khám phá thế giới, vì thế, những gì là khuôn mẫu, là lí thuyết đơn thuần rất khó hấp dẫn được những con người của thế hệ này. Vì vậy, giảng viên giảng dạy các môn lí luận chính trị cần tăng cường tính thực tiễn trong mỗi bài học của mình. Thực tế cho thấy kiến thức lí luận chính trị sẽ trở nên hấp dẫn, sống động hơn nếu giảng viên biết xuất phát từ thực tiễn, dẫn dắt từ thực tiễn để đi đến khái quát lí luận và đưa lí luận vào thực tiễn. Sinh viên thế hệ Z ưa khám phá, ưa tìm tòi vì thế nếu giảng viên khơi dậy được cảm hứng của họ từ những vấn đề thực tiễn để sinh viên thấy lí luận chính trị rất gần, rất cần cho cuộc sống, sinh viên nhất định sẽ yêu thích những giờ lí học này. Những người thuộc thế hệ này rất thực dụng hiểu theo nghĩa coi trọng hiệu quả, chỉ học, chỉ nghiên cứu những gì cần hoặc những gì họ nhìn thấy tính có ích. Thế hệ này sẽ không chấp nhận ngồi nghe đơn thuần, một chiều, bị động. Nếu không nhận ra được đặc điểm, yêu cầu của thế hệ này, giảng dạy sẽ không thu hút được sự chú ý từ họ. Hơn thế nữa, thế hệ này là những người có khả năng tập trung chú ý rất ngắn, thường xuyên bị phân tán bởi các thiết bị công nghệ. Bài giảng của giảng viên, vấn đề mà giảng viên đưa ra phải thực tiễn, phải hấp dẫn hơn những thiết bị mà họ đang có trong tay, đang làm họ phân tán trong giờ học. Với thời gian chú ý ngắn như vậy, giảng viên tránh nói dài, nói nhiều mà nên cung cấp cho họ nội dung học tập dễ hiểu thông qua các công cụ quen thuộc điều này hứa hẹn sẽ đem lại hiệu quả hơn.

2.3.3. Đảm bảo tính định hướng chính trị

Dạy học các môn lí luận chính trị ngoài việc giúp sinh viên tìm tòi, khám phá, lĩnh hội tri thức khoa học, giảng viên cần đảm bảo tính định hướng chính trị, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong bối cảnh bùng nổ thông tin. Với thế hệ Z, mạng xã hội là một phần của cuộc sống, họ thường xuyên cập nhật, tìm kiếm thông tin. Dấu chân trên mạng xã hội của thế hệ này rất rõ nét. Nhưng cũng có nghiên cứu chỉ ra rằng thế hệ này dễ bị ảnh hưởng bởi những luồng thông tin có tính chất chống phá. Trong khi đó, các thế lực thù địch đã và đang lợi dụng môi trường internet và mạng xã hội để xuyên tạc lí luận của Đảng, phủ nhận thành tựu đạt được của công cuộc đổi mới, kích động, lôi kéo nhân dân vào cách hành động biểu tình, gây mất an ninh - trật tự an toàn xã hội qua đó hạ thấp uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Vì thế, mỗi giảng viên lí luận chính trị

cần định hướng, dẫn dắt sinh viên có nhận thức và hành động phù hợp để “đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch” [1]. Mỗi giảng viên cần quán triệt quan điểm kết hợp chặt chẽ giữa “xây” và “chống”. Không ngừng nâng cao năng lực tự giác của sinh viên trước các mưu đồ, thủ đoạn thâm độc của các thế lực thù địch, phản động. Kịp thời nắm bắt vấn đề để cung cấp các thông tin chính thống nhằm định hướng tư tưởng cho sinh viên; lồng ghép nội dung thiết thực liên quan vào giảng dạy. Phát triển năng lực tư duy phản biện các vấn đề xã hội cho sinh viên thông qua việc chủ động nhận diện, làm rõ các luận điệu xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vai trò lãnh đạo của Đảng trong tình hình hiện nay; giúp sinh viên nhận ra các biểu hiện “tự diễn biến” “tự chuyên hóa” các khuynh hướng xa rời thực tiễn, thiếu kiên định trong con đường đi lên của đất nước.

2.3.4. Tận dụng ưu thế của công nghệ thông tin

Công nghệ không phải là sản phẩm của thế hệ Z nhưng nó lại là một phần tạo nên danh tính - tạo nên tên gọi thế hệ Z. Sinh viên thế hệ này quen với nhận xét, thích, tải lên và tán thành cũng như tương tác với nội dung trực tuyến trên điện thoại cá nhân. Sinh viên thế hệ này biết rằng họ có thể truy cập thông tin trên Internet ở bất kỳ thời điểm nào, vì vậy họ không thấy có lý do gì để phải quá tập trung chú ý, ghi nhớ các kiến thức hoặc tìm hiểu nội dung được viết trên bảng. Vì thế, các trường đại học cần ứng dụng tiến bộ của công nghệ vào hoạt động đào tạo. Điều này đặt ra một câu hỏi khác: nếu những thiết bị này được cho là gây mất tập trung, thì làm thế nào để trong tiết học giảng viên giúp sinh viên sử dụng nó một cách hiệu quả hơn là cấm họ sử dụng? Thay vì cấm sinh viên sử dụng giảng viên giảng dạy các môn lí luận chính trị cần tích cực đổi mới, đầu tư thời gian tìm hiểu và ứng dụng công nghệ vào dạy học. Thiết kế các bài kiểm tra ngắn mà sinh viên có thể làm ngay tại lớp bằng điện thoại thông minh có thể coi là một gợi ý. Có thể thiết kế quiz trên nền tảng công nghệ thông tin với một số ứng dụng như: Mentimeter, Google Form, Kahoot!, Microsoft Forms... để tạo tương tác, dùng để đánh giá nhanh việc học đồng thời gia tăng hứng thú học tập cho sinh viên. Như vậy, thay vì hạn chế nhu cầu sử dụng thiết bị di động của thế hệ Z, giảng viên có thể đẩy nhanh việc nâng cao kỹ năng bằng cách cho phép họ sử dụng điện thoại thông minh, biến những thiết bị này thành công cụ học tập trong những hoàn cảnh cụ thể.

3. KẾT LUẬN

Thế hệ Z nói chung và sinh viên thuộc thế hệ này nói riêng là thế hệ có nhiều đặc điểm khác biệt so với các thế hệ khác. Động cơ học tập, sở thích học tập và xu hướng hành xử của sinh viên thế hệ Z trong các môi trường học tập cũng có những điểm đặc trưng. Việc nâng cao chất lượng dạy học các môn lí luận chính trị cho sinh viên đòi hỏi một tư duy thế hệ cũng như đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá. Chúng

tôi nhận thấy rằng lí thuyết về thế hệ, đặc điểm của mỗi thế hệ đều là những nội dung có phần ít phổ biến tại Việt Nam. Hầu hết hiểu biết hiện nay về các thế hệ, bao gồm thế hệ Z, đều dựa trên các nghiên cứu nước ngoài. Do đó, khi áp dụng các thông tin này vào bối cảnh đặc thù của Việt Nam, giảng viên cần lưu ý các vấn đề liên quan đến văn hóa, xã hội cũng như đặc thù, mục tiêu của các môn lí luận chính trị để có sự điều chỉnh phù hợp. Ngoài ra, từ quan điểm của tâm lý học, mỗi cá nhân đều là một cá thể độc đáo, do đó ngoài một tư duy về thế hệ, giảng viên vẫn cần quan tâm đến những điểm riêng về nhu cầu, động cơ và nét tính cách của sinh viên trong hoạt động dạy học. Tác giả cũng nhận thấy rằng nghiên cứu này mới chỉ giới hạn trong một nghiên cứu định tính. Tuy nhiên đó là bước khởi đầu mang cái nhìn tổng quát để chúng tôi tiếp tục thực hiện các nghiên cứu định lượng, đưa ra những dữ liệu đáng tin cậy nhu cầu và mong muốn của thế hệ này trong học tập nói chung và học tập các môn lí luận chính trị nói riêng.

Tài liệu tham khảo:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr 183.
2. Elmore, T. (2016). Homelanders: The next generation. Influence Magazine. Retrieved from <https://influencemagazine.com/practice/homelanders-the-next-generation>.
3. Hampton, D. C., & Keys, Y. (2017). Generation Z students: Will they change our nursing classrooms? *Journal of Nursing Education and Practice*, 7(4), 111-115.
4. Kulcsár, N. (2020). Motivation factors for Generation Z in higher education. In F. Soares, A. Lopes, K. Brown, & A. Uukkivi (Eds.), *Developing Technology Mediation in Learning Environments* (206-220). IGI Global.
5. Manisha Saxena, Dharmesh K. Mishra (2021). Gamification and Gen Z in Higher Education: A Systematic Review of Literature, *International Journal of Information and Communication Technology Education* Volume 17, Issue 4.
6. Mohr, K. A., & Mohr, E. S. (2017). Understanding Generation Z students to promote a contemporary learning environment. *Journal on Empowering Teaching Excellence*, 1(1), 9.
7. Oblinger, D. G., & Oblinger, J. L. (Eds.). (2005). *Educating the Net generation*. Washington, DC: Educause. www.educause.edu/educatingthenetgen.
8. O'Connor, W. (2016). *Generation Z: How this generation is different from Millennials (what parents need to know)*. Seattle, WA: Amazon Digital Services.
9. Ofcom. (2016). *Ofcom's Digital Day*. <https://www.ofcom.org.uk/research-and-data/multi-sectorresearch/general-communications/digital-day>.

10. Pletka, B. (2007). *Educating the Net generation: How to engage students in the 21st century*. Santa Monica, CA: Santa Monica Press.
11. Seemiller, C. & Grace, M. (2016). *Generation Z goes to college*. San Francisco: Jossey-Bass.
12. Seemiller, C. (2017). Motivation, learning, and communication preferences of generation Z students. *EHearsay: Electronic Journal of the Ohio Speech-Language Hearing Association*, 7(2), 4-9.
13. Turner, Anthony (2015). "Generation Z: Technology and Social Interest". *The Journal of Individual Psychology*. 71 (2): 103-113. doi:10.1353/jip.2015.0021. ISSN 2332-0583)
14. Vizcaya-Moreno, M. F. & Pérez-Cañaveras, R. M. (2020). Social media used and teaching methods preferred by Generation Z students in the nursing clinical learning environment: A cross-sectional research study. *International Journal of Environmental Research and Public Health*, 17(21), 8267.

SỰ CẦN THIẾT SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP HỢP TÁC TRONG DẠY HỌC MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC HIỆN NAY

TS. Mai Thị Tuyết

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Email: tuyetmai4589@gmail.com

Tóm tắt: *Dạy học hợp tác là cách thức người dạy tổ chức, đưa người học vào những nhóm cụ thể để cùng nhau hợp tác (hợp tác trong nhóm và ngoài nhóm), nghiên cứu, đưa ra ý tưởng cá nhân và thông qua đó giải quyết vấn đề đặt ra, qua đó giúp người học tiếp thu lượng kiến thức nhất định, có cơ hội rèn luyện kỹ năng dựa vào hoạt động tích cực của từng cá nhân và tập thể. Phương pháp dạy học hợp tác có nhiều ưu điểm đối với cả người dạy và người học, phù hợp với đặc điểm của sinh Đại học, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh. Sử dụng phương pháp dạy học hợp tác giúp người học tiếp thu hiệu quả kiến thức môn học và rèn luyện, phát triển các kỹ năng cơ bản, đặc biệt là kỹ năng hợp tác, giao tiếp, giải quyết vấn đề... Đồng thời, phương pháp dạy học này cũng góp phần tăng thêm sự yêu thích của SV đối với môn học.*

Từ khóa: *Phương pháp dạy học; Dạy học hợp tác; Tư tưởng Hồ Chí Minh*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh toàn cầu hoá, hiện đại hoá đất nước, vấn đề hội nhập, hợp tác cùng phát triển là xu thế chung của nhân loại. Do vậy, hợp tác, giao tiếp là một trong những năng lực quan trọng, cần được trang bị cho mỗi công dân, trong đó có sinh viên (SV) Đại học khi họ tham gia vào các hoạt động thực tiễn xã hội. Xoay quanh chủ đề này, nhiều học giả trong và ngoài nước đã tìm hiểu từ sớm, điển hình như: các nhà giáo dục học R. Slavin, N. Davidson, D. W. Jonson, John Dewey (Mỹ); Đặng Thành Hưng, Trịnh thị Hồng Hà, Nguyễn Khải Hoàn, Trần Vũ Khánh với công trình *Lí thuyết phương pháp dạy học*, Nxb Đại học Thái Nguyên; Đặng Vũ Hoạt (chủ biên), Hà Thị Đức, *Lí luận dạy học Đại học*, Nxb Đại học Sư phạm... Tuy nhiên, cho đến nay chưa có công trình nào nghiên cứu về vấn đề sử dụng cũng như *sự cần thiết của việc sử dụng phương pháp hợp tác trong dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường Đại học hiện nay*. Từ cơ sở lý luận, thực tiễn và kinh nghiệm bước đầu vận dụng phương pháp dạy học nêu trên ở

trường Đại học Sư phạm Hà Nội và một số trường Đại học khác, tôi trình bày một số kết quả nghiên cứu, từ đó nêu một số ý kiến, khuyến nghị sử dụng phương pháp dạy học hợp tác đối với môn Tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng, các môn Lý luận chính trị nói chung ở các trường Đại học hiện nay.

2. NỘI DUNG

2.1. Bản chất, đặc trưng, ưu điểm của phương pháp dạy học hợp tác

“Thuật ngữ dạy học hợp tác (DHHT) chỉ kiểu dạy học mà người học tiến hành dạy học theo chiến lược hợp tác tức là dạy người học học tập hợp tác (Cooperative Learning). Các nhóm nhỏ được tổ chức nhằm thực hiện những phương thức học tập hợp tác của học sinh trong đó học sinh phân chia công việc với nhau, tương trợ lẫn nhau... động viên và phê phán nhau để cùng nỗ lực và đóng góp” [7;tr134].

Hiện nay, có nhiều quan điểm và cách tiếp cận, cách làm khác nhau về “nhóm hợp tác” và “học hợp tác”. Điển hình có thể kể đến những mô hình của R. Slavin, N. Davidson, D. W. Jonson, được áp dụng ở Mỹ và Tây Âu từ thập niên 90 của thế kỉ XX đến nay.

Hình thức DHHT tác yêu cầu các thành viên trong nhóm phải luôn luôn chủ động, tích cực vào quá trình làm việc và học tập, trong đó mỗi thành viên sẽ có vai trò ngang nhau. Đồng thời, trong quá trình tổ chức dạy học sẽ tạo điều kiện hình thành và phát huy các mối quan hệ: giữa giảng viên (GV) với người học, giữa những người học với nhau, giữa các thành viên với các nhóm khác nhau. Qua đó, giúp người học mở mang tri thức, hơn thế nữa là rèn luyện số kĩ năng và phẩm chất đạo đức cần thiết.

Hiểu một cách chung nhất, DHHT là cách thức tổ chức, đưa người học vào những nhóm cụ thể để cùng nhau hợp tác, cùng nhau nghiên cứu, đưa ra ý tưởng cá nhân và thông qua đó giải quyết vấn đề đặt ra, từ đó giúp người học tiếp thu lượng kiến thức nhất định, có cơ hội rèn luyện kĩ năng dựa vào hoạt động tích cực của từng cá nhân và tập thể nhóm. So với phương pháp thảo luận trước đây, DHHT có nội hàm và ngoại diên rộng hơn nhiều. DHHT không dừng lại ở việc học theo nhóm, thảo luận theo nhóm mà nó đề cao tính hợp tác, tương trợ nhau giữa các thành viên trong nhóm; đồng thời, nó còn là sự hợp tác giữa các nhóm với GV và các nhân tố khác trong các hoạt động học tập (hợp tác trong nhóm và ngoài nhóm), thảo luận, hội thảo hoặc thực hiện các dự án...

Bản chất, đặc trưng cơ bản của phương pháp DHHT là tạo điều kiện cho tất cả SV cùng tham gia, chủ động đóng góp về mặt tinh thần, trí tuệ, sức lực trong một hoạt động học tập vì mục tiêu chung của nhóm và cá nhân. Hợp tác đồng thời cũng là cơ hội cho mỗi cá nhân học sinh thỏa sức chia sẻ những kinh nghiệm, tri thức của bản thân vào việc lên ý tưởng để giải quyết những vấn đề có liên quan đến chủ đề chung của bài học mà

GV đưa ra. Đồng thời giúp người học có cơ hội học hỏi, giao lưu lẫn nhau, hợp tác để giải quyết những công việc chung của cả nhóm, ngoài ra là cơ hội gắn kết giữa các thành viên trong một tập thể.

Bảng: Đặc điểm của học hợp tác và sự khác biệt so với các phương thức học tập khác

Đặc điểm	Học tập theo nhóm hợp tác	Học tập theo cá nhân	Học tập theo nhóm cạnh tranh
Sự phụ thuộc lẫn nhau	Hướng tích cực, qua lại, đa phương	Không có hay không cụ thể	Tiêu cực, bài trừ, đối kháng, bác bỏ nhau
Kiểu hoạt động hay các nhiệm vụ giáo dục	Bất cứ hoạt động giảng dạy nào. Nhiệm vụ các phức tạp, khái quát thì có thể tổ chức càng nhiều các hoạt động hợp tác.	Sự tích lũy về tri thức và kỹ năng đơn giản	Thực hành kỹ năng, tái hiện tri thức. Nhiệm vụ rõ ràng với các nguyên tắc nhằm cạnh tranh.
Sự cảm nhận tầm quan trọng của mục đích	Quan trọng với tất cả các thành viên trong nhóm hợp tác.	Quan trọng đối với từng người	Mục đích không quan trọng lắm vì người học có thể chấp nhận cả thắng lẫn bại.
Tương tác giữa GV và SV	GV giám sát và can thiệp vào các nhóm học tập để dạy những kỹ năng cộng tác.	GV được chấp nhận là nguồn chủ yếu để giúp đỡ, hỏi tiếp, củng cố và hỗ trợ cho người học.	GV được chấp nhận là nguồn chủ yếu để giúp đỡ, hỏi tiếp, củng cố và hỗ trợ; là nơi sẵn có để học sinh hỏi và giải đáp các nguyên tắc, làm trọng tài, nhận xét, đánh giá.
Tương tác giữa học sinh và tài liệu học tập	Các tài liệu được bố trí và phân chia theo mục đích của bài học.	Toàn bộ tài liệu và chỉ dẫn dành cho mỗi học sinh; Các nguyên tắc, qui trình, đáp án đều rõ ràng; có không gian phù hợp cho mỗi người.	Bộ tài liệu hoàn chỉnh thường được chia nhỏ cho những người khác nhau.

Đặc điểm	Học tập theo nhóm hợp tác	Học tập theo cá nhân	Học tập theo nhóm cạnh tranh
Trương tác giữa người học với người học	Tương tác lâu dài và có cường độ cao bằng giúp đỡ và chia sẻ, lắng nghe nhau về tài liệu và kèm cặp nhau, hỗ trợ và khuyến khích nhau.	Không có sự tương tác giữa học sinh với học sinh với nhau; học sinh làm việc của mình mà rất ít hoặc không có tương tác với các bạn cùng lớp.	Quan sát những thành viên khác của nhóm mình, đôi khi có sự trao đổi với nhau. Người học thường được ghép theo nhóm thuần để tạo cơ hội bình đẳng dành chiến thắng.
Tổ chức	Các nhóm nhỏ	Các bàn tách biệt hoặc không gian cá nhân.	Gồm nhóm bộ ba hay nhóm nhỏ.
Quy trình đánh giá	Linh hoạt, dễ tạo ra sự đồng cảm.	Phân tán, dễ tạo ra mặc cảm cô đơn.	Căng thẳng, dễ tạo ra ganh ghét, xung đột.

Nguồn: [7; tr 139-140]

Hợp tác là phương pháp dạy học có ý nghĩa quan trọng trong quá trình học tập của SV. Qua tham khảo các ý kiến của các nhà nghiên cứu và thực tiễn vận dụng phương pháp hợp tác trong dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh thời gian qua, tôi nhận thấy một số ưu điểm, lợi thế của phương pháp này đối với người dạy và người học như sau:

- Về phía người học:

Thứ nhất: Học theo nhóm với những hình thức phân chia nhóm dựa theo năng lực, sở trường, sở thích... của các thành viên nên giờ học trở nên sôi nổi, gắn kết giữa các thành viên với nhau. Hơn nữa, trong quá trình hợp tác làm việc nhóm, các thành viên sẽ có cơ hội để chia sẻ những hiểu biết cũng như quan điểm riêng của bản thân về vấn đề thảo luận.

Thứ hai: Quá trình hợp tác sẽ hỗ trợ người học tìm ra câu trả lời chung cho bài học, đồng thời tạo cơ hội thuận lợi để các thành viên trong nhóm tác động qua lại, học hỏi lẫn nhau.

Thứ ba: Trong quá trình trao đổi, hợp tác, các thành viên không chỉ hình thành thói quen tương tác trong học tập mà còn giúp các em hiểu nhau hơn, đồng thời làm bầu không khí thảo luận trở nên thân thiện hơn, từ đây sẽ hình thành thái độ tin cậy và đoàn kết giữa các thành viên.

Thứ tư: phương pháp DHHT còn tạo ra sự kích thích thi đua, cụ thể là với những chủ đề có tính sáng tạo cao thì mỗi cá nhân sẽ hết mình sáng tạo và đưa ra quan điểm, ý tưởng để ý tưởng của mình là coi là hay nhất.

- Về phía người dạy

Thứ nhất: Thông qua quá trình người học hợp tác làm việc nhóm, GV có điều kiện thuận lợi để quan sát từng nhóm, từng SV, qua đó nắm bắt được thực lực học tập của từng em một cách khách quan, từ đó có thêm thông tin phản hồi về người học để có sự can thiệp, điều chỉnh sao cho phù hợp và kịp thời.

Thứ hai: Thông qua câu trả lời của người học, GV có thể thu về tri thức và thái độ cụ thể từ phía người học, qua đó có sự điều chỉnh phù hợp.

2.2. Đặc trưng cơ bản của SV Đại học và nội dung tri thức môn Tư tưởng Hồ Chí Minh

SV Việt Nam ở bậc Đại học hiện nay có những đặc điểm nổi trội và khác biệt so với các cấp học khác, điển hình về các mặt *nhận thức, tình cảm, thế giới quan, hoạt động giao tiếp*. Có ý kiến cho rằng: “đây là độ tuổi con người phát triển lên một bước mới trong hoạt động tư duy, trong tình cảm, ý chí và đầy khát vọng hướng tới tương lai. Đồng thời cũng chính là quá trình con người hình thành, phát triển và dần hoàn thiện nhân cách. Sự phát triển và hoàn thiện nhân cách SV được biểu hiện trên cả hai mặt: mặt sinh học và mặt xã hội. SV tham gia vào tất cả các hoạt động tập thể rất nhiệt tình, thậm chí cả những hoạt động không phù hợp với bản thân họ. Khi tham gia các hoạt động xã hội, SV một mặt tích cực được tự thể hiện, tự khẳng định mình, mặt khác có một số SV hoạt động thiếu ý thức, quậy phá không rõ nguyên nhân, có nhiều biểu hiện lệch lạc trong định hướng cuộc sống, đó là những biểu hiện chưa hoàn chỉnh trong nhân cách ở SV...” [1].

Đặc trưng nổi bật của học Đại học là học nghiên cứu, vì vậy SV luôn phải nêu cao tính tự chủ và tự học, tìm tòi, sáng tạo. Một số nhà giáo dục học đã đưa ra nhận định: “SV trong quá trình dạy học, họ phải hoàn thành nhiệm vụ chủ yếu là tiếp thu một cách sáng tạo có phê phán ở trình độ cao những hiểu biết và những kỹ năng cơ bản về nghề nghiệp tương lai. Nói một cách khác, họ phải phấn đấu nắm được cơ sở của nghề nghiệp mà họ cần đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp Đại học với tư cách là người cán bộ khoa học kỹ thuật, người cán bộ quản lý, nghiệp vụ có trình độ cao. Do đó, những tri thức mà họ lĩnh hội không phải là những tri thức phổ thông cơ bản mà là hệ thống những tri thức cơ bản, cơ sở của chuyên ngành, tri thức chuyên ngành và hệ thống những kỹ năng, kỹ xảo tương ứng về một ngành khoa học, kỹ thuật, văn hóa nhất định” [5; tr46].

Nhìn chung, lứa tuổi SV đã có sự phát triển mạnh về tư duy lý tính, nhưng chưa thật sự ổn định. Nhu cầu hợp tác nhóm trong học tập, tham gia phong trào đoàn thể và các hoạt động xã hội tăng cao. Bên cạnh việc học tập, nghiên cứu, các em rất nhiệt tình, xung kích trong mọi hoạt động của nhà trường và ngoài xã hội.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một môn khoa học thuộc ngành Hồ Chí Minh học nghiên cứu về hệ thống các quan điểm của lãnh tụ Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam; về nguồn gốc hình thành và phát triển, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh. Nguồn gốc cơ bản, quan trọng chi phối lớn tới bản chất cách mạng và khoa học của tư tưởng Hồ Chí Minh là chủ nghĩa Mác - Lênin. Trong quá trình tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã vận dụng những quan điểm, nội dung phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của Việt Nam; đồng thời, Người cũng phát triển học thuyết của C. Mác và V.I. Lênin ở các góc độ khác nhau.

Như vậy, nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh vừa có tính lý luận, vừa có tính thực tiễn cao (vừa cụ thể, nhưng cũng hết sức khái quát, trừu tượng). Để phù hợp với trình độ nhận thức của người dân còn thấp lúc bấy giờ, Hồ Chí Minh trình bày, diễn đạt về chủ nghĩa Mác - Lênin cũng như con đường cách mạng vô sản hết sức giản dị, cụ thể, gần gũi, dễ hiểu nhưng cũng hết sức khoa học. Đơn cử như, khi nói về bản chất của chủ nghĩa xã hội, Người đã diễn đạt: “chủ nghĩa xã hội là lấy nhà máy, xe lửa, ngân hàng... làm của chung. Ai làm nhiều thì ăn nhiều, ai làm ít thì ăn ít, ai không làm thì không ăn, tất nhiên là trừ những người già cả, đau yếu và trẻ con” [8; tr.390].

Tư tưởng Hồ Chí Minh tập trung làm rõ những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Vì vậy, nội dung của môn học tương đối rộng lớn, đa dạng, điển hình phải kể đến là: tư tưởng về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; tư tưởng về Đảng Cộng sản Việt Nam; tư tưởng về Nhà nước của dân, do dân và vì dân; tư tưởng về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; tư tưởng đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; tư tưởng về đạo đức, văn hóa, xây dựng con người mới... Bên cạnh đó, có những khái niệm hết sức trừu tượng thuộc về cuộc cách mạng vô sản, Hồ Chí Minh vẫn phải trình bày giống như học thuyết của Mác - Lênin, như: cách mạng “tư sản dân quyền”, “cách mạng vô sản ở chính quốc”, “chủ nghĩa đế quốc”, “chủ nghĩa thực dân”...

Những đặc trưng của SV và môn học nêu trên là những định hướng, gợi ý quan trọng để GV áp dụng các phương pháp, kỹ thuật, phương tiện dạy học phù hợp để đạt mục tiêu dạy học.

Thực tế dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường Đại học những năm gần đây cho thấy, GV đã tích cực áp dụng công nghệ thông tin, đổi mới phương pháp dạy học với phương châm lấy người học làm trung tâm. Tuy nhiên, DHHT chưa được áp dụng phổ biến và chưa hoàn toàn đúng với đặc trưng, bản chất với phương pháp dạy học này. Về cơ bản, các GV mới dừng lại ở phương pháp nhóm với hình thức thảo luận các chủ đề do GV đưa ra cho các nhóm. Chính vì vậy, sự say mê, hứng thú của SV đối với môn học chưa thật sự cao như mong muốn của GV (Có nhiều yếu tố tác động đến chỉ

số hứng thú đối với môn học của SV. Phương pháp dạy học, trong đó có việc sử dụng phương pháp dạy học hợp tác là một trong những nhân tố đó). Đơn cử từ số liệu điều tra ở 5 trường Đại học trên địa bàn tỉnh Hải Dương (Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương, Đại học Sao đỏ, Đại học Thành Đông, Đại học Hải Dương, Đại học Sư phạm kỹ thuật Hưng Yên cơ sở Hải Dương) năm 2020 cho thấy: chỉ có 118 trên tổng số 427 SV (27,6%) hứng thú với môn học và 221 SV (51,7%) có quan điểm bình thường và không hứng thú với môn học [10; tr. 90]. Một số liệu khảo sát khác từ 4 trường Đại học (Đại học Hoa Lư (Ninh Bình); Đại học Thủ Đô (Hà Nội); Đại học Tân Trào (Tuyên Quang), Đại học Hùng Vương (Phú Thọ) cũng cho thấy: 22,5% SV yêu thích môn học, 64,4% cảm thấy bình thường và 8,3% không thích môn học [9; tr.80]. Nhiều SV còn chưa yêu thích, hứng thú với môn học, hiệu quả của bài học chưa cao bắt nguồn từ những nguyên nhân khách quan và chủ quan khác nhau, chủ yếu từ việc áp dụng các phương pháp, biện pháp dạy học của GV. Kết quả khảo sát từ 4 trường Đại học của tác giả Đoàn Sỹ Tuấn đã trình bày rằng: 96,1 % GV thường xuyên sử dụng những phương tiện bảng, phấn, giáo trình; chỉ có 17,6 % GV thường xuyên tận dụng các tài liệu tham khảo trong quá trình dạy học; 5,9 % GV sử dụng thường xuyên máy tính, máy chiếu; có tới 51,0% GV dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường Đại học nêu trên không sử dụng hoặc không sử dụng thường xuyên các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực như: phương pháp dạy học nêu vấn đề; thảo luận nhóm; nghiên cứu trường hợp...GV chủ yếu sử dụng phương pháp thuyết trình trong dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh (70,6 % GV) [9; tr.66].

Tóm lại, nhìn từ đặc trưng, bản chất, những ưu thế của phương pháp dạy học hợp tác cùng những đặc trưng của SV Đại học, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và thực trạng sử dụng phương pháp dạy học hợp tác, cũng như các phương pháp, kĩ thuật dạy học khác ở các trường Đại học hiện nay cho thấy, việc sử dụng phương pháp hợp tác trong dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường Đại học trong cả nước hiện nay là cần thiết.

3. KẾT LUẬN

DHHT là một phương pháp dạy học tích cực và mang tính xã hội cao trên cơ sở hợp tác cùng làm việc, vận động vì mục tiêu học tập chung. DHHT mang 5 thành tố cơ bản đó là: Sự phụ thuộc lẫn nhau một cách tích cực, sự tương tác trực tiếp tác động đến sự thành công của nhau, trách nhiệm cá nhân và tập thể cao, rèn luyện một số kỹ năng cơ bản trong đó có kỹ năng làm việc hợp tác và giao tiếp giữa các thành viên.

Trong DHHT, người GV là người có vị trí, vai trò quan trọng, đó là người tổ chức, điều khiển quá trình hoạt động hợp tác của người học thông qua việc thiết kế các giờ học hợp tác, còn người học với vai trò trung tâm, chủ động tham gia vào các hoạt động học tập thông qua quá trình làm việc hợp tác và đưa ra sản phẩm học tập chung.

Bước đầu nghiên cứu và thực tiễn vận dụng trong dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh ở Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và một số trường Đại học khác, chúng tôi thấy rõ sự cần thiết sử dụng phương pháp dạy học hợp tác trong dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường Đại học trong cả nước hiện nay.

Tài liệu tham khảo:

1. Hoàng Anh, *Đặc điểm của sự hình thành và phát triển nhân cách ở SV Việt Nam hiện nay*, lyluanchinhtrivatruyenthong.vn/dac-diem-cua-su-hinh-thanh-va-phat-trien-nhan-cach-o-sinh-vien-viet-nam-hien-nay-p24540.html.
2. Nguyễn Văn Cường, Bernd Meier (2020), *Lý luận dạy học hiện đại*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
3. Dewey, J (1997), *How We Think*, New York: Dover Publications
4. Dewey, J (2009), *John Dewey between pragmatism and constructivism*, Fordham University Press.
5. Đặng Vũ Hoạt (chủ biên), Hà Thị Đức (2013), *Lý luận dạy học Đại học*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
6. Đặng Thành Hưng (2004). *Hệ thống kỹ năng học tập hiện đại*. Tạp chí Giáo dục số 2/78/2004.
7. Đặng Thành Hưng, Trịnh Hồng Hà, Nguyễn Khải Hoàn, Trần Vũ Khánh (2010), *Lý thuyết phương pháp dạy học*, Nxb Đại học Thái Nguyên, Thái Nguyên.
8. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
9. Đoàn Sỹ Tuấn (2019), *Biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của SV trong dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường Đại học địa phương miền Bắc*, Luận án tiến sỹ Giáo dục học, Đại học Sư phạm Hà Nội.
10. Nguyễn Hải Trung (2021), *Tích hợp giáo dục kỹ năng mềm trong dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường Đại học trên địa bàn tỉnh Hải Dương hiện nay*, Luận án tiến sỹ Giáo dục học, Đại học Sư phạm Hà Nội, 2021.

PHÁT TRIỂN TƯ DUY PHẢN BIỆN CHO SINH VIÊN TRONG GIẢNG DẠY MÔN LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC HIỆN NAY

ThS. Trương Văn Hiệp

Trường Đại học Giao thông vận tải

Email: hieptv@utc.edu.vn

***Tóm tắt:** Trong dạy học, phát triển năng lực, đặc biệt là năng lực tư duy phản biện là một yêu cầu cấp thiết hiện nay. Tư duy phản biện là một năng lực quan trọng, cơ sở để người học tiếp cận với tư tưởng: Học để biết, học để làm, để cùng chung sống và khẳng định mình. Lịch sử Đảng là môn học có nhiều lợi thế trong phát triển tư duy phản biện, những sự kiện đã diễn ra trong quá khứ được ghi lại qua lăng kính của các nhà sử học, cùng một sự kiện lịch sử có thể có nhiều quan điểm đánh giá khác nhau, người học cần có năng lực tư duy phản biện để tiếp cận dần chân lí lịch sử. Vì vậy, làm thế nào để tiết học Lịch sử Đảng trở nên thú vị? Sinh viên hứng thú tìm hiểu, khám phá bài học? Giảng viên hăng say, nhiệt tình truyền đạt kiến thức bài giảng? Đây chính là nỗi trăn trở lớn của những giảng viên giảng dạy môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Xuất phát từ thực tế đó, với mong muốn góp phần nâng cao hiệu quả học tập môn học, tác giả tập trung vào một số giải pháp nhằm phát triển tư duy phản biện cho sinh viên thông qua giảng dạy môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam trong các trường đại học hiện nay.*

***Từ khóa:** Tư duy phản biện, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Kỹ năng tư duy phản biện đóng vai trò quan trọng trong việc nghiên cứu và học tập của sinh viên, giúp các em tiếp thu kiến thức một cách chọn lọc; phát triển tư duy độc lập, kỹ năng sáng tạo, kỹ năng học tập, nghiên cứu và kỹ năng sống. Thiếu kỹ năng tư duy phản biện sinh viên sẽ hạn chế các kỹ năng khác như: kỹ năng sáng tạo, kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng xử lý thông tin, kỹ năng hợp tác... Điều này gây trở ngại lớn trong việc học tập ở trường đại học trong thời đại thông tin hiện nay.

Môn học Lịch sử nói chung, Lịch sử Đảng nói riêng có những đặc tính riêng, là môn học về các sự việc xảy ra trong quá khứ một cách khách quan. Nhận thức lịch sử nhằm tái hiện quá khứ để hiểu biết hiện tại và định hướng tương lai. Lịch sử là môn học

có nhiều lợi ích trong việc phát triển năng lực duy phản biện, các sự việc đã diễn ra trong quá trình được ghi lại qua lăng kính của các nhà sử học, cùng một sự kiện lịch sử có thể có nhiều quan điểm đánh giá khác nhau, người học cần có năng lực tư duy phản biện để tiếp cận dần dần chân lý lịch sử. Thông qua hiểu biết về quá khứ mà sinh viên rút ra được các quy luật, bài học lịch sử, rèn luyện kỹ năng phân tích, phán đoán và định hướng giải quyết vấn đề. Phát triển năng lực tư duy phản biện cho sinh viên là một trong những giải pháp để sinh viên nhìn nhận đúng về các sự kiện lịch sử, rèn luyện những kỹ năng phân tích, đánh giá, dự đoán xu hướng phát triển. Trong giảng dạy Lịch sử Đảng năng lực tư duy phản biện là một năng lực chuyên biệt, ở mức độ tư duy cao. Vì nhận thức lịch sử mang những đặc trưng riêng cho nên trong dạy học lịch sử, người dạy cần phát huy tư duy phản biện tích cực của người học, từ đó người học có thể nhận thức đúng đắn lịch sử.

2. NỘI DUNG

2.1. Những vấn đề chung về tư duy phản biện

2.1.1. Khái niệm tư duy phản biện

Tư duy phản biện dịch từ thuật ngữ tiếng Anh “*Critical thinking*”, được hình thành khá sớm ở phương Tây và đã có nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề này, tiêu biểu như: Alec Fisher, John Dewey, Michael Scriven, Richard Paul... Các nhà nghiên cứu đã đưa các định nghĩa khác nhau về tư duy phản biện. Theo Richard Paul-Linda Elder, hai tác giả của bộ sách “*Cẩm nang tư duy phản biện khái niệm và công cụ*”, cho rằng: “*Tư duy phản biện là nghệ thuật phân tích và đánh giá tư duy với định hướng cải thiện nó*” [6; 11]. Theo Michael Michalko: “*Tư duy phản biện là khả năng, hành động để thấu hiểu và đánh giá được những dữ liệu thu thập được thông qua quan sát, giao tiếp, truyền thông và tranh luận*” [7; 185]. Tác giả Angela Jones trong “*Critical Thinking in Sociology: An Introductory Reader*” cho rằng: “*Tư duy phản biện là một phạm trù chỉ sự suy luận theo lối mở, không bị giới hạn, số lượng các giải pháp là không giới hạn, bao hàm cả việc xây dựng các điều kiện, các quan điểm và ý tưởng đúng đắn để đi tới kết luận của vấn đề*” [1; 45].

Từ những quan niệm về tư duy phản biện, chúng ta nhận thấy rằng: tư duy phản biện là hành động nhận thức diễn ra trong tư duy, là khả năng sử dụng các thao tác tư duy để đưa ra những nhận xét, đánh giá hoặc kết luận. Tư duy phản biện còn là quá trình sáng tạo để dự đoán hệ quả, rút ra ý nghĩa và bài học kinh nghiệm cho một vấn đề.

2.1.2. Vai trò, ý nghĩa của tư duy phản biện trong dạy học Lịch sử Đảng

Tư duy phản biện là công cụ sắc bén để giúp sinh viên sử dụng kiến thức từ sách giáo khoa, tài liệu tham khảo trở thành kiến thức của bản thân. Thông qua tranh luận, phản biện một vấn đề lịch sử, sinh viên không chỉ biết đến các thông tin (niên đại, tên

sự kiện, tên nhân vật, địa điểm diễn ra sự kiện lịch sử) trong sách giáo trình mà còn có cơ hội làm phong phú, hiểu sâu sắc thêm kiến thức thông qua các nguồn tài liệu tham khảo. Từ đó, sinh viên hiểu sâu và nhớ lâu kiến thức trong quá trình học tập. Tư duy phản biện là cơ sở để sinh viên phát triển tư duy sáng tạo trong học tập. Trong quá trình tìm kiếm thông tin để phân tích, đánh giá, sinh viên sẽ có cơ hội đề xuất những ý tưởng sáng tạo của mình nhằm tìm ra kết luận đúng nhất. Qua đó, tránh được lối tư duy thụ động, một chiều, sáo rỗng, áp đặt, duy ý chí và ngụy biện, thay vào đó là lối tư duy chủ động, tích cực và sáng tạo để làm chủ thông tin, làm chủ kiến thức. Từ đó, biết vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống. Ngoài ra, quá trình tư duy phản biện còn rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng như: Kỹ năng nhận diện, xác định vấn đề cần giải quyết; Kỹ năng phân tích mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử; Kỹ năng thu thập thông tin về các vấn đề cần giải quyết; Kỹ năng phát hiện các vấn đề và chỉ ra các mâu thuẫn sai lầm trong quá trình lập luận; Kỹ năng khái quát hóa vấn đề; Kỹ năng rút ra bài học kinh nghiệm, ý nghĩa lịch sử và biết vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.

Như vậy, việc phát triển tư duy phản biện cho sinh viên trong dạy học lịch sử không chỉ có ý nghĩa trên cả ba mặt: kiến thức, kỹ năng, thái độ mà còn là cơ sở để hình thành và phát triển ở sinh viên năng lực chung và năng lực đặc thù như: năng lực tìm kiếm và khai thác thông tin, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học...

2.2. Biện pháp phát triển tư duy phản biện cho sinh viên trong dạy học môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở các trường Đại học hiện nay

2.2.1. Phát triển năng lực tư duy phản biện cho sinh viên thông qua biện pháp tạo tình huống có vấn đề

Bản chất của dạy học nêu vấn đề là một phương thức dạy học, trong đó người dạy nêu lên nghi vấn để hướng sự suy nghĩ tích cực, có định hướng của người học nhằm tạo nên tình huống có vấn đề. Nêu vấn đề có tác dụng nêu thắc mắc, gợi suy nghĩ, tập trung chú ý, đánh giá phản hồi và tổ chức học tập. Vì thế, dạy học nêu vấn đề chứa đựng trong nó bản chất tích cực tiến bộ của tư tưởng dạy học mới. Đó là làm sao tìm cách thức thích hợp nhằm giúp người học nắm tri thức một cách chủ động, sáng tạo dựa vào hoạt động của chính bản thân với nỗ lực tìm tòi nghiên cứu cùng sự trợ giúp, hướng dẫn của người dạy. Khi đã hình thành tình huống có vấn đề thì lúc bấy giờ việc dạy học nêu vấn đề sẽ mang lại hiệu quả cao trong việc phát triển tư duy, trí tuệ của sinh viên. Do đó, việc giải quyết vấn đề nâng lên một cách rõ rệt sức mạnh giáo dục và khả năng phát triển tư duy trong dạy học lịch sử. Sinh viên tự mình nắm kiến thức, tự mình rút ra kết luận sau khi đã suy nghĩ kỹ. Những kết luận này là phản ánh những quan điểm riêng, có căn cứ khoa học, do các em nhận thức được. Sinh viên chỉ học tập tốt, có kết quả khi các em phát hiện ra vấn đề và tìm cách giải quyết vấn đề. [8; 192]

Theo N.G Đairi, giờ học nêu vấn đề là trong giờ học đó, trên cơ sở nghiên cứu tài liệu mới, người học phải tự lập giải quyết một vấn đề nào đó (hoặc nhiều vấn đề). Những vấn đề này đã được khoa học giải quyết nhưng người học phải có nhiệm vụ “khám phá” lại [5; 62].

Trong dạy học lịch sử có hai trường hợp dẫn đến tình huống có vấn đề:

Một là, giảng viên đưa ra 2 ý kiến khác nhau về một vấn đề nào đó để sinh viên lựa chọn thông qua kiến thức hiểu biết của mình trên cơ sở những gợi mở của giảng viên. Ví dụ, chương 1 “*Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền 1930 - 1945*”- phần II “*Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền cách mạng 1930 - 1945*”, sau khi học xong mục “*Cao trào kháng Nhật cứu nước và Tổng khởi nghĩa giành chính quyền*”, giảng viên đưa ra tình huống có vấn đề sau: Bàn về thắng lợi của cách mạng tháng Tám 1945 ở Việt Nam, một số sử gia tư sản cho rằng: đó là một sự “*ăn may*” vì nó diễn ra trong điều kiện “*trống vắng quyền lực*”, còn các nhà sử học của chúng ta thì khẳng định: thành công của cách mạng tháng Tám không phải là sự “*ăn may*”. Vậy, các em đồng ý với ý kiến nào không? Tại sao? Trước hai nhận định trái chiều về thành công của Cách mạng tháng Tám, giảng viên gợi ý, định hướng cho sinh viên lựa chọn được nhận định nào là đúng đắn và khoa học. Sau khi đã lựa chọn được nhận định đúng, sinh viên phải biết dựa trên những kiến thức lịch sử đã học để chứng minh cho nhận định mình lựa chọn là đúng.

Hai là, tạo mâu thuẫn xung đột về mặt nhận thức để sinh viên tự tìm ra con đường giải quyết. Ví dụ, khi học về “*Luận cương chính trị tháng 10/1930*”, giảng viên yêu cầu sinh viên nhắc lại những nét cơ bản về nội dung Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và kết luận: đây là một cương lĩnh cách mạng giải phóng dân tộc sáng tạo, kết hợp đúng đắn vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp. Tại Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương lâm thời tháng 10/1930 đã thông qua Luận cương chính trị của Đảng, vậy Luận cương chính trị này có gì khác hơn so với Cương lĩnh chính trị đầu tiên mà người ta đánh giá đây là văn kiện còn có những mặt hạn chế? Để giải quyết tình huống có vấn đề này, giảng viên hướng dẫn sinh viên tìm hiểu những vấn đề cơ bản về phương hướng, nhiệm vụ, lực lượng cách mạng, vai trò lãnh đạo của Đảng, mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới được đề cập trong Luận cương chính trị tháng 10/1930, sau đó so sánh từng điểm này với Cương lĩnh chính trị đầu tiên, để cho sinh viên rút ra được những hạn chế của Luận cương chính trị tháng 10/1930. Cuối cùng giảng viên khẳng định: những hạn chế này đã được Đảng ta khắc phục trong quá trình chỉ đạo cách mạng, mà rõ nét nhất là từ Hội nghị Trung ương Đảng tháng 11/1939 đưa nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

Thông qua những câu hỏi, những tình huống có vấn đề, giảng viên dẫn dắt sinh viên tìm tòi, phát hiện kiến thức. Sinh viên sẽ dựa vào nội dung bài viết trong sách giáo trình và kiến thức của những bài học trước để lĩnh hội kiến thức mới. Phương pháp dạy học này rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích, tổng hợp và lý giải vấn đề, giúp sinh viên làm quen với việc nghiên cứu khoa học, giúp tạo ra “chất lượng” mới trong việc nắm vững kiến thức.

2.2.2. Khai thác đồ dùng trực quan trong dạy học để phát triển tư duy phản biện cho sinh viên

Trong dạy học Lịch sử nói chung, Lịch sử Đảng nói riêng khai thác và sử dụng đồ dùng trực quan là biện pháp quan trọng, tích cực để nâng cao chất lượng dạy học bộ môn, gây hứng thú học tập hơn cho người học. Đối với sinh viên, thông qua lược đồ, bản đồ, tranh ảnh, phim tư liệu... các em sẽ hiểu sâu sắc hơn bản chất của sự kiện lịch sử, nắm vững các quy luật phát triển của xã hội, nhớ kĩ, hiểu sâu những hình ảnh, những kiến thức lịch sử; hình ảnh được lưu giữ lại đặc biệt vững chắc trong trí nhớ là hình ảnh thu nhận bằng trực quan

Học lịch sử, sinh viên không thể trực tiếp quan sát những sự kiện, hiện tượng diễn ra trong quá khứ mà chỉ nhận thức được chúng một cách gián tiếp thông qua các tài liệu được lưu lại như các tài liệu thành văn, tranh ảnh lịch sử, phim tư liệu... Việc sử dụng các tài liệu lịch sử nhằm khắc phục phần nào những khó khăn trong nhận thức của sinh viên trong quá trình học tập, đồng thời giúp sinh viên rèn luyện, phát triển tư duy đặc biệt là tư duy phản biện nhằm phân tích, tổng hợp và đưa ra những nhận định, đánh giá của cá nhân về nội dung kiến thức có trong bài.

Đồ dùng trực quan trong dạy học lịch sử có nhiều loại, mỗi loại có một cách sử dụng riêng, đặc thù để có thể phát triển tư duy học sinh. Trong dạy học Lịch sử Đảng, thường sử dụng các loại trực quan: chân dung nhân vật lịch sử; sử dụng hình vẽ, tranh ảnh lịch sử và các đoạn phim tư liệu lịch sử...

Sử dụng chân dung nhân vật lịch sử có ý nghĩa rất quan trọng trong dạy học môn Lịch sử, góp phần giáo dục, giáo dưỡng, phát triển tư duy năng lực của học sinh. Qua việc sử dụng chân dung nhân vật lịch sử, sinh viên học tập được đạo đức, tài trí, từ đó rèn luyện theo tấm gương nhân vật. Khi sử dụng chân dung phải phân tích, giải thích, định hướng cho học sinh tự mình đánh giá vai trò của nhân vật đó. Ví dụ: Khi dạy về “*Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 10 năm 1930*”, để giúp sinh viên hiểu rõ về Trần Phú, giảng viên cho các em xem bức chân dung của ông và yêu cầu sinh viên trình bày những hiểu biết của mình về Trần Phú. Sau đó, giảng viên bổ sung những nét ngắn gọn về tiểu sử và cuộc đời cách mạng của ông. Cách giới thiệu bức chân dung kết hợp với một vài nét chấm phá về tiểu sử nhân vật sẽ khắc vào trái tim

các em lòng yêu mến, kính phục người chiến sĩ cách mạng đã hi sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc.

Sử dụng hình vẽ, tranh ảnh lịch sử có ý nghĩa hết sức to lớn, đồng thời là một nguồn kiến thức không chỉ có tác dụng giáo dục tư tưởng, tình cảm, tính cách mà còn phát triển tư duy cho sinh viên, từ việc quan sát sẽ đi tới tư duy trừu tượng. Đồng thời thông qua quan sát, miêu tả tranh ảnh, sinh viên được rèn kỹ năng diễn đạt, lựa chọn ngôn ngữ từ đó có khả năng sử dụng ngôn ngữ của các em ngày càng phong phú, trong sáng. Từ việc quan sát tranh ảnh lịch sử giảng viên luyện cho sinh viên thói quen quan sát và khả năng quan sát các vật thể một cách sinh động, khoa học, có phân tích giải thích một cách khái quát, rút ra những kết luận lịch sử. Nhờ những việc làm thường xuyên như vậy mà các thao tác tư duy được rèn luyện, khả năng phát huy trí thông minh, sáng tạo của sinh viên ngày càng nâng cao. Ví dụ, khi giảng dạy “*Phong trào cách mạng 1930-1931*” giảng viên giới thiệu cho sinh viên quan sát bức tranh: Đấu tranh trong phong trào Xô viết Nghệ - Tĩnh kết hợp với lược đồ phong trào Xô viết Nghệ - Tĩnh để tường thuật diễn biến phong trào cách mạng 1930 - 1931. Sau khi cho sinh viên quan sát tranh, kết hợp với việc tường thuật của giảng viên, giảng viên yêu cầu sinh viên rút ra nhận xét về phong trào diễn ra ở Nghệ - Tĩnh đồng thời giảng viên gợi ý một số nét chính về số lượng, lực lượng tham gia; sự xuất hiện cờ đỏ búa liềm, đội tự vệ được trang bị dao gậy, sự đàn áp dã man của thực dân Pháp phản ánh điều gì? Kết quả cuộc đấu tranh ra sao? Với cách làm như vậy buộc sinh viên phải kết hợp tất cả các giác quan và đầu óc tư duy để trả lời câu hỏi của giảng viên.

Sử dụng phim tư liệu lịch sử trong dạy học Lịch sử nói chung, Lịch sử Đảng nói riêng có ưu thế lớn trong việc tạo biểu tượng lịch sử, tái tạo lại bức tranh quá khứ đầy sinh động. Khi sử dụng phim tài liệu trong giảng dạy, sinh viên được tiếp xúc với những chứng cứ của quá khứ, được cung cấp sự kiện cụ thể, chính xác và giàu hình ảnh, tìm hiểu được nhiều thông tin đa chiều qua các đoạn phim, quan sát nhiều hình ảnh trực quan sinh động, có tính thực tế; cập nhật về các sự kiện, hiện tượng lịch sử trong bối cảnh thời gian và không gian xác định với những điều kiện lịch sử cụ thể. Trong học tập lịch sử, nếu sinh viên chỉ được cung cấp sự kiện và tạo biểu tượng về quá khứ thì việc nhận thức ấy mới dừng lại ở mức độ biết lịch sử - chỉ thấy được cái vỏ bề ngoài của sự kiện, hiện tượng mà chưa hiểu lịch sử - chưa thấy được mối liên hệ, bản chất bên trong của chúng. Vì thế, trên cơ sở biểu tượng mà sinh viên đã có, giảng viên phải tiếp tục hình thành khái niệm, giúp các em hoàn thành quá trình nhận thức. Việc sử dụng phim tài liệu trong dạy học lịch sử phù hợp với nội dung bài học làm cho sinh viên có cảm giác “đường như ta đang chứng kiến, tham gia vào sự kiện đang xảy ra”. Do vậy, nó có tác dụng truyền cảm mạnh mẽ và sâu sắc, có khả năng giáo dục nhiều mặt cho sinh viên. Phim tư liệu được sử dụng vào các khâu của quá trình dạy học, rèn luyện sinh viên kỹ

năng quan sát, tưởng tượng, tư duy. Qua đó, phát triển năng lực phân tích, nhận xét, đánh giá về sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử. Đồng thời giúp sinh viên biết vận dụng kiến thức lịch sử để giải quyết những vấn đề thực tiễn cuộc sống, hay các vấn đề thời sự đang diễn ra trong nước và thế giới. Ví dụ, khi dạy về nội dung “*Đảng lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975)*” giảng viên lựa chọn các đoạn phim tài liệu về các sự kiện tiêu biểu trong mỗi giai đoạn, cắt bỏ những phần không cần thiết, biên tập lại. Giai đoạn 1954 - 1960: Sử dụng đoạn phim “*Miền Bắc cải tạo, khôi phục kinh tế*” và “*Miền Nam đấu tranh đòi thực hiện Hiệp định Ge-ne-vơ*”. Giai đoạn 1961 - 1965: Sử dụng đoạn phim “*Miền Bắc bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội*” và “*Miền Nam chiến đấu chống chiến lược chiến tranh đặc biệt*”. Giai đoạn 1965 - 1968: Sử dụng đoạn phim “*Chiến tranh phá hoại miền Bắc lần I*” và “*Miền Nam chiến đấu chống chiến lược chiến tranh cục bộ*”. Giai đoạn 1969 - 1975: Sử dụng đoạn phim “*Chiến tranh phá hoại lần II*” và “*Việt Nam hóa chiến tranh, Đông Dương hóa chiến tranh*”. Sau khi cho sinh viên xem các đoạn phim tương ứng với nội dung bài học, giảng viên yêu cầu sinh viên trao đổi, tái hiện và xác định những sự kiện lịch sử cơ bản được phản ánh trong các đoạn phim tài liệu là gì? Tiếp theo, giảng viên đặt thêm câu hỏi cho tất cả sinh viên cùng suy nghĩ và thảo luận: Cách mạng hai miền Nam - Bắc có mối quan hệ, tác động với nhau như thế nào? Qua quan sát các thông tin từ phim tài liệu, giảng viên định hướng sinh viên nhận thức được mối quan hệ gắn bó, mật thiết của cách mạng hai miền Nam - Bắc, miền Bắc là hậu phương lớn chi viện cho tiền tuyến miền Nam và ngược lại miền Nam là thành đồng bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

2.2.3. Sử dụng hoạt động tranh biện nhằm phát triển tư duy phản biện cho sinh viên

Tranh biện được hiểu là quá trình tư duy và biểu đạt tư duy từ thu thập, phân tích xử lý thông tin đến xây dựng, hệ thống sắp xếp các lập luận để ra quyết định. Tranh biện có thể sử dụng ngôn ngữ (thông qua nói, viết) hoặc không sử dụng ngôn ngữ (tranh biện trong bản thân từng cá nhân). Tranh biện giúp giải quyết vấn đề, bằng cách chỉ ra những xung đột/ mâu thuẫn giữa các luận điểm do người học sử dụng tư duy phản biện để phản đối trực tiếp trên luận điểm của đối phương. Có thể nói, tranh biện là quá trình giao lưu ngôn ngữ đòi hỏi những người tham gia phải chứng minh được quan điểm của mình là đúng đắn bằng hệ thống các lập luận logic. Đó là cách ngắn nhất và “ôn hòa” nhất giúp mọi người cùng đi đến một nhận thức chung.

Phương pháp tranh biện được sử dụng trong dạy học là cách giảng viên đưa ra, gợi mở cho sinh viên suy nghĩ, đánh giá về một vấn đề nhất định theo những hướng khác nhau, thậm chí trái ngược nhau. Sau đó, giảng viên tổ chức cho các em trao đổi, bàn bạc,

phân biệt về vấn đề đó nhằm làm rõ những khía cạnh khác nhau của vấn đề và làm giàu sự hiểu biết của cá nhân theo yêu cầu của mục tiêu và nhiệm vụ dạy học. Tranh biện được tổ chức theo các hình thức sau:

Tổ chức tranh biện theo nhóm: Tranh biện theo nhóm là hình thức tổ chức cho sinh viên học tập, trao đổi, phản biện theo từng nhóm, cùng giải quyết một nhiệm vụ học tập cụ thể nào đó dưới sự điều khiển và tổ chức của giảng viên. Khi tổ chức tranh luận theo nhóm sẽ diễn ra đồng thời hai hoạt động: việc thảo luận giữa các thành viên trong nhóm để thống nhất ý kiến chung và tranh luận giữa các nhóm với nhau.

Tổ chức tranh biện giữa sinh viên với sinh viên: Đây là hình thức có khả năng phát huy tính tích cực, chủ động của từng sinh viên trong học tập rất tốt, đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ dạy học hiện nay. Tranh luận cá nhân có thể giúp sinh viên khám phá ra những giá trị tiềm ẩn của mình như khả năng hùng biện trước đám đông, khả năng tư duy logic hay khả năng tự chủ.

Tổ chức tranh biện giữa giảng viên với sinh viên: Trong quá trình dạy học sẽ xuất hiện các tình huống có vấn đề, giảng viên sẽ nêu ra những luồng ý kiến khác nhau và cung cấp những tư liệu, căn cứ để cho sinh viên có được những hiểu biết nhất định về chủ đề đó. Sau đó, giảng viên sẽ kích lệ tư duy của sinh viên bằng cách đưa ngay ra ý kiến của bản thân mình. Từ đó, sinh viên mới có thể mạnh dạn đưa ra ý kiến, nếu ý kiến đó khác với quan điểm của giảng viên và tranh biện với giảng viên. Có một điểm khác biệt rất quan trọng của hoạt động tranh biện với các hình thức giao tiếp khác đó là khi tiến hành tranh biện cần tách thành 2 lập luận: ủng hộ hoặc phản đối sinh viên khi được phân công vào nhóm nào thì cần phải tuân thủ theo yêu cầu của nhóm. Vì vậy, để dành chiến thắng trong tranh biện, sinh viên cần phải tìm tòi, nghiên cứu đề kĩ để có những lập luận về vấn đề mình bảo vệ.

2.2.4. Bồi dưỡng kiến thức chuyên sâu theo chuyên đề, tổ chức chuyên đề ngoại khóa trong dạy học nhằm phát triển tư duy phản biện cho sinh viên

Đây là một trong những biện pháp quan trọng giúp sinh viên nâng cao khả năng phản biện. Kiến thức chuyên sâu cần cho tất cả các đối tượng sinh viên nhưng mức độ thì khác nhau với từng đối tượng. Độ sâu của kiến thức sẽ là thước đo khả năng phản biện của sinh viên. Có nhiều cách bồi dưỡng kiến thức chuyên sâu cho sinh viên như: hướng dẫn trực tiếp qua các chủ đề tự chọn; các buổi thảo luận; tổ chức các chuyên đề ngoại khóa; cung cấp tài liệu tham khảo và hướng dẫn cách lĩnh hội; thông qua các cuộc thi... Tùy theo từng đối tượng sinh viên mà bồi dưỡng kiến thức chuyên sâu theo chuyên đề hoặc mảng chuyên đề cho phù hợp. Bồi dưỡng kiến thức chuyên sâu là cách nâng cao dần chất lượng bộ môn cho sinh viên. Cách làm hiệu quả nhất hiện nay là tổ chức các chuyên đề ngoại khóa. Tổ chức chuyên đề ngoại khóa sẽ giúp sinh viên mở rộng,

nâng cao kiến thức theo kiểu “chơi mà học”, rất thoải mái. Sinh viên sẽ cập nhật kiến thức ngay cả trong quá trình chuẩn bị cho chuyên đề, trao đổi giữa bạn bè các nhóm với nhau. Học tập trong lúc diễn ra chuyên đề: sinh viên được nghe, trao đổi, đối thoại về những đơn vị kiến thức trong chuyên đề. Sinh viên sẽ hứng thú hơn, phát huy hết thể mạnh của mình. Ngoài bồi dưỡng kiến thức, các chuyên đề ngoại khóa còn rèn luyện cho sinh viên kỹ năng trình bày, lập luận một vấn đề theo quan điểm của riêng mình.

Nội dung chủ yếu của hoạt động sinh hoạt chuyên đề khoa học do bộ môn thiết kế và tổ chức, dưới dạng các buổi nói chuyện chuyên đề, tọa đàm. Nội dung các buổi sinh hoạt chuyên đề này phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của môn học. Khi tham gia hoạt động sinh hoạt chuyên đề khoa học, các nhà khoa học, các giảng viên và sinh viên có cơ hội được giao lưu học tập, chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm liên quan đến các môn học, liên quan đến ngành nghề các bạn sinh viên đã chọn lựa, qua đó, giúp các giảng viên phát huy vai trò tự chủ trong chuyên môn, đồng thời, giúp các bạn sinh viên tăng cường quá trình tự học, tự bồi dưỡng, qua đó, nâng cao chất lượng, hiệu quả của việc tự học, tự nghiên cứu trong môi trường giáo dục đại học. Ngoài ra, nếu làm tốt, các buổi sinh hoạt chuyên đề còn đảm bảo cho tất cả sinh viên có cơ hội tham gia thực sự vào quá trình học tập, giảng viên có cơ hội nâng cao năng lực chuyên môn, phương pháp nghiên cứu khoa học, kỹ năng sư phạm và phát huy khả năng sáng tạo trong việc áp dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học hiện đại. Bên cạnh đó, các buổi sinh hoạt chuyên đề còn có khả năng làm thay đổi văn hóa ứng xử trong nhà trường, cải thiện mối quan hệ giữa thầy và trò, tạo môi trường làm việc dân chủ, thân thiện cho tất cả mọi người.

2.2.5. Sử dụng phương pháp tổ chức thảo luận nhóm trong dạy học nhằm phát triển tư duy phản biện cho sinh viên

Thảo luận theo nhóm là phương pháp trong đó lớp học được chia thành nhiều nhóm nhỏ để tất cả các thành viên trong lớp đều được làm việc và thảo luận về một chủ đề cụ thể và đưa ra ý kiến chung của nhóm mình về vấn đề đó.

Việc giảng dạy theo nhóm phù hợp với việc học tập hướng tới người học, khuyến khích sự độc lập tự chủ, người học có thể đưa ra những giải pháp, cách biểu đạt riêng cho vấn đề nào đó. Trong làm việc theo nhóm các thành viên tham gia đều có cơ hội đưa ra quan điểm của mình đối với chủ đề thảo luận. Mặt khác phương pháp làm việc nhóm giúp nâng cao được tính tương tác giữa các thành viên, khích lệ mọi thành viên tham gia học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau, phát triển được các mối quan hệ và quan tâm đến nhau.

Để thảo luận nhóm có hiệu quả, ngoài nắm vững kỹ thuật chung của việc tổ chức và điều khiển học sinh thảo luận theo lớp, giảng viên cần lưu ý các điểm sau: Chia nội dung bài dạy thành những vấn đề nhỏ có liên kết với nhau. Mỗi vấn đề nhỏ được coi là

một liều hay một chủ đề thảo luận; Chia lớp học thành nhiều nhóm nhỏ; Mỗi nhóm phải có một nhóm trưởng điều khiển và duy trì hoạt động của nhóm và một thư ký ghi chép đầy đủ các phát biểu trong thảo luận; Có thể giao nhiệm vụ cho từng cá nhân làm việc độc lập trong nhóm, sau đó cả nhóm đánh giá và bổ sung.

Ví dụ, khi dạy về nội dung “*xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945-1946*” trong chương 2 “*Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975)*”, giảng viên chia lớp thành 4 nhóm và đưa ra yêu cầu thảo luận cho 4 nhóm:

Nhóm 1: Trình bày những biện pháp của Đảng và Chính phủ ta trong việc xây dựng chính quyền cách mạng

Nhóm 2: Trình bày những biện pháp của Đảng và Chính phủ ta trong việc giải quyết nạn đói,

Nhóm 3: Trình bày những biện pháp của Đảng và Chính phủ ta trong việc giải quyết nạn dốt

Nhóm 4: Trình bày những biện pháp của Đảng và Chính phủ ta trong việc giải quyết khó khăn về tài chính.

Giảng viên cho mỗi nhóm chuẩn bị 10 phút và cử nhóm trưởng, thư ký ghi chép thảo luận đồng thời hướng dẫn các em thảo luận theo nội dung trọng tâm của câu hỏi yêu cầu, sau khi thảo luận xong nội dung của nhóm mình tiếp tục nghiên cứu nội dung của nhóm khác để khi nhóm đó trình bày có thể tranh luận hoặc bổ sung cho nhóm đó. Qua trao đổi, các thao tác tư duy độc lập, sáng tạo của các em được biểu hiện, kỹ năng giao tiếp được bộc lộ rõ nét, sau đó giảng viên gọi đại diện từng nhóm lên trả lời, các nhóm khác nghe, góp ý, bổ sung và giảng viên tóm tắt ý tưởng của các nhóm, đánh giá sự tiến bộ của các nhóm, điều chỉnh những nội dung chưa phù hợp. Cuối cùng, giảng viên nhận xét và hệ thống hóa nội dung của bài học.

3. KẾT LUẬN

Việc phát triển tư duy phản biện cho sinh viên trong giảng dạy Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam nhằm góp phần đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng dạy học bộ môn, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục theo hướng tiếp cận năng lực người học, lấy người học là trung tâm. Tuy nhiên, để phát triển kỹ năng tư duy phản biện cho sinh viên, giảng viên cần hiểu rõ khái niệm, đặc điểm tư duy phản biện, từ đó xác định đúng vai trò, ý nghĩa của tư duy phản biện trong quá trình dạy học lịch sử. Mặt khác, trong quá trình dạy học giảng viên cần vận dụng linh hoạt các biện pháp sư phạm đã đề xuất nhằm phát triển tư duy phản biện cho sinh viên thông qua các hoạt động học tập. Các hoạt động học tập được giảng viên tổ chức phải phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ trong mỗi bài học trong chương trình.

Tài liệu tham khảo:

1. Angela Jones, *Critical Thinking in Sociology: An Introductory Reader* (2010), New Jersey, Publisher by Pearson.
2. Vũ Văn Ban - Bùi Ngọc Quân (2017), *Rèn luyện năng lực tư duy phản biện cho sinh viên trong quá trình dạy học bậc đại học*, Tạp chí khoa học trường ĐHSP TPHCM, tập 14 số 7/2017.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật Hà Nội.
4. Nguyễn Văn Cường (2014), *Lý luận dạy học hiện đại*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.
5. N. G Đairi (1980), *Chuẩn bị giờ học như thế nào*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
6. Richard Paul - Linda Elder (2012), *Cẩm nang tư duy phản biện khái niệm và công cụ*, Nxb Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
7. Michael Michalko (2006), *Đột phá sức sáng tạo-Bí mật của những thiên tài sáng tạo*, Nxb Tri thức.
8. Phan Ngọc Liên (Chủ biên) (2009), *Phương pháp dạy học lịch sử tập 1*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

SỬ DỤNG WEBSITE TRONG KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ MÔN LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI HIỆN NAY

TS. Dương Văn Khoa

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Email: khoadv@hnue.edu.vn

***Tóm tắt:** Website là trang mạng do các nhà thiết kế sử dụng nhiều phần mềm tạo nên. Đó là một công cụ, phương tiện, không gian (ảo) hữu ích để người sử dụng liên kết, tương tác với web và tương tác với nhau. Một số trang web có nhiều ưu thế được các giảng viên môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh Trường Đại học Sư Phạm Hà Nội sử dụng để kiểm tra, đánh giá thường xuyên và định kì người học là: [mentimeter.com](https://www.mentimeter.com); [quizzi.com](https://www.quizzi.com); docs.google.com; [google form.com](https://www.google.com/forms) (biểu mẫu); cst.hnue.edu.vn...*

***Từ khóa:** Sử dụng website; Lịch sử Đảng; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Đại học Sư phạm Hà Nội*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thế kỉ XXI là mốc thời gian đánh dấu loài người bước vào thời đại của cuộc cách mạng khoa học công nghệ lần thứ 4 (4.0) với sự bùng nổ của các lĩnh vực công nghệ như: công nghệ như Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), thực tế ảo (VR), mạng xã hội, điện toán đám mây, di động, phân tích dữ liệu lớn (SMAC)...

Mạng xã hội hay còn gọi là các trang Website (web) hoặc nền tảng trực tuyến. Đây là không gian ảo phi truyền thống với nhiều tính năng ưu việt. Theo cách hiểu phổ biến hiện nay, Website là bộ sưu tập các trang web con, bao gồm hình ảnh, văn bản, video, flash,... Đây là một trang mạng tồn tại dưới dạng tập tin HTML hoặc XHTML và có thể truy cập bằng giao thức HTTP [5]. Thông qua website, con người có thể giao tiếp, trao đổi, thực hiện nhiều hoạt động khác nhau. Website xuất hiện cách đây mới vài thập niên, nhưng nó đã nhanh chóng phát triển và được ứng dụng vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Việt Nam là một trong những quốc gia đi đầu trong việc ứng dụng công nghệ thông tin. Internet được sử dụng ở nhiều lĩnh vực khác nhau, trong đó có giáo dục và đào tạo, với sự xuất hiện của nhiều phần mềm, webiste quản lý, giáo dục, dạy học trực tuyến.

Kiểm tra, đánh giá là một trong những công đoạn quan trọng của quy trình dạy học, là khâu đột phá cho công cuộc đổi mới giáo dục của Việt Nam hiện nay. Đại học

Sư phạm Hà Nội (ĐHSP Hà Nội) là trường đại học trọng điểm, là lá cờ đầu trong hệ thống các trường đại học sư phạm trong cả nước. Nhà trường luôn nêu cao chất lượng giáo dục, đào tạo và tiên phong trong đổi mới sáng tạo dạy và học. Việc dạy học nói chung, kiểm tra, đánh giá nói riêng thông qua công nghệ mạng xã hội (dạy học trực tuyến) không còn xa lạ đối với cán bộ, giảng viên trong trường. Từ thực tiễn dạy học tại Trường ĐHSP Hà Nội, chúng tôi xin được chia sẻ một số kinh nghiệm bước đầu về sử dụng Website trong kiểm tra, đánh giá môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh hiện nay.

2. NỘI DUNG

2.1. Sự cần thiết sử dụng website trong kiểm tra, đánh giá môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh ở Trường ĐHSP Hà Nội hiện nay

Website (web) là gì? Xoay quanh vấn đề này có nhiều quan điểm khác nhau, đơn cử như: “Website là một công cụ và giải pháp để truyền tải thông tin dữ liệu từ nơi lưu trữ đến với nơi cần sử dụng thông tin ấy” [6].

Hoặc coi website “là một tập hợp các trang web con, bao gồm văn bản, hình ảnh, video, flash... Website được tương tác và hiển thị đến với người dùng thông qua các phần mềm gọi là "Trình duyệt web" với các văn bản, hình ảnh, đoạn phim, nhạc, trò chơi và các thông tin khác ở trên một trang web của một địa chỉ web trên mạng toàn cầu hoặc mạng nội bộ [7]. Một quan điểm ngắn gọn hơn, coi web là “trang web hoặc trang mạng, và nội dung liên quan được xác định bằng một tên miền chung và được xuất bản trên ít nhất một máy chủ web” [8].

Từ các định nghĩa trên, chúng ta thấy một số điểm chung nổi bật về web là:

- Web không phải là một phần mềm mà là trang mạng do các nhà thiết kế sử dụng nhiều phần mềm tạo nên
- Web là một công cụ, phương tiện, không gian (ảo) để người sử dụng liên kết, tương tác với web và tương tác với nhau
- Thông qua web, con người có thể khai thác được nhiều thông tin ở các lĩnh vực khác nhau.

Thời gian gần đây, đặc biệt trong thời kỳ dịch Covid 19 diễn biến phức tạp, kéo dài, cán bộ, giảng viên (GV) Trường ĐHSP Hà Nội thường xuyên sử dụng web và các phần mềm trong hội họp và dạy học trực tuyến, điển hình là: các phần mềm Zoom, Skype, Microsoft Teams, Google Meet, Google Classroom...các trang web tiêu biểu được sử dụng là: <http://google.com.vn>; <https://cst.hnue.edu.vn>; <https://docs.google.com>; <https://quizizz.com>; <https://www.mentimeter.com>...

Cũng giống như các môn học khác trong toàn trường, những năm qua, GV môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh cũng triển khai dạy học trực tuyến, kiểm tra, đánh giá người học với các phương thức khác nhau, kết hợp giữa trực

tuyển và gián tiếp với các dạng đề: Tự luận đề mở có giám sát trực tuyến; bài tập lớn/tiểu luận; vấn đáp trực tuyến, trắc nghiệm khách quan trực tuyến và gián tiếp... [4].

Trong điều kiện, tình hình sinh viên không thể đến lớp học trực tiếp, web nói chung, các phần mềm ứng dụng trên nền tảng web nói riêng trở thành công cụ, phương tiện hữu ích giúp người GV và sinh viên (SV) hoàn thành tốt nhiệm vụ dạy và học. Bên cạnh việc quán triệt sự chỉ đạo của nhà trường về hoạt động kiểm tra, đánh giá, các GV môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh đã có sự linh hoạt, sáng tạo trong kiểm tra, đánh giá người học, nhất là ở khâu kiểm tra, đánh giá chuẩn đoán và thường xuyên.

Xuất phát từ những ưu điểm, thế mạnh của web đối với hoạt động dạy học và điều kiện dịch bệnh covid 19 diễn biến phức tạp, kéo dài cho thấy, việc sử dụng website trong kiểm tra, đánh giá môn Lịch sử Đảng CSVN, Tư tưởng Hồ Chí Minh, cũng như các môn học khác ở Trường ĐHSP Hà Nội hiện nay nói riêng, các trường đại học trong cả nước nói chung là cần thiết.

2.2. Phương thức sử dụng website trong kiểm tra, đánh giá môn Lịch sử Đảng CSVN, Tư tưởng Hồ Chí Minh ở Trường ĐHSP Hà Nội hiện nay

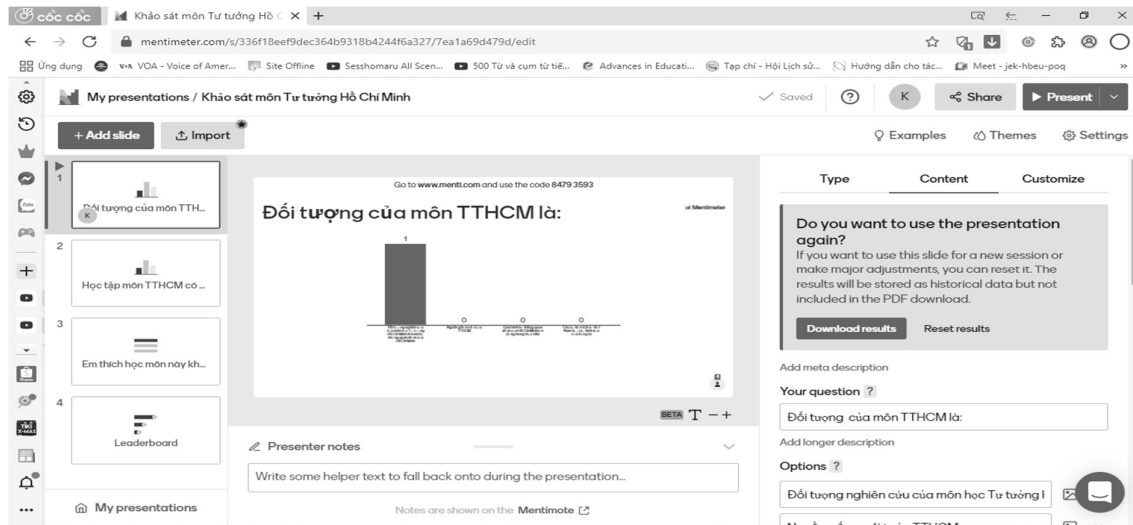
2.2.1. Sử dụng website trong kiểm tra, đánh giá chuẩn đoán

Theo quan niệm truyền thống, kiểm tra, đánh giá là công đoạn cuối cùng của quy trình dạy học. Mục đích của hoạt động này là kiểm tra nhận thức và kỹ năng và đánh giá, xếp loại học tập cho người học. Thực tế cho thấy, việc làm này đã cho thấy những tác dụng, kết quả nhất định và phù hợp với quan điểm dạy học định hướng nội dung, kiến thức. Tuy nhiên, theo quan điểm dạy học lấy người học làm trung tâm, định hướng phát triển năng lực, phẩm chất người học, cần phải thực hiện đa dạng các hình thức kiểm tra, đánh giá, kết hợp nhiều công đoạn (chuẩn đoán, thường xuyên, định kỳ), công cụ đánh giá khác nhau. Kiểm tra, đánh giá không còn coi là công đoạn thuần túy cuối cùng của quy trình dạy học như trước đây.

Kiểm tra, đánh giá chuẩn đoán là hoạt động đầu tiên của quy trình dạy học. Công đoạn này sẽ giúp GV và các nhà quản lý nhà trường biết được điểm xuất phát về kiến thức và năng lực của người học. Kết quả kiểm tra, đánh giá sẽ giúp nhà trường và GV ban hành những chính sách về giáo dục và đào tạo, áp dụng phương pháp, kỹ thuật, hình thức, phương tiện dạy học phù hợp với SV. Đồng thời, người học cũng biết được trình độ nhận thức và năng lực của mình đang ở mức độ nào, phải nỗ lực, cố gắng ra sao mới hoàn thành được chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra của nhà trường.

Có nhiều trang web phù hợp có thể giúp GV thực hiện tốt công đoạn kiểm tra, đánh giá này ở các trạng thái khác nhau. Trong trường hợp kiểm tra, đánh giá chuẩn đoán trực tuyến (online), GV có thể sử dụng trang web: [mentimeter.com](https://www.mentimeter.com) hoặc [quizzi.com](https://www.quizzi.com). Ưu điểm của các trang web này ở chỗ, GV có thể sử dụng máy tính xách tay, Ipad hoặc điện

thoại di động thông minh có kết nối mạng internet, sóng wifi và gửi đường link cho người học. SV sử dụng điện thoại thông minh và vào làm bài khảo sát trực tiếp, thuận lợi và nhanh chóng.



Hình ảnh 1: Minh họa khảo sát môn Tư tưởng Hồ Chí Minh trên giao diện của trang <https://www.mentimeter.com>

Questions	# Correct	# Incorrect	# Unattempted	109.Ngô Quang Long.Nhóm5	155. NBP.Nhóm7 (Phuong Nguyễn)	18Tran Quang Anh705616009	28.Nguyễn Thị Quỳnh Chi	Nguyen Thi Bao Tram	178-pham phuong thao	215
Phương pháp quan trọng nhất để nghiên cứu, tìm hiểu môn Lịch sử Đảng	190	2	46	PP Lịch sử kết hợp với PP logic	PP Lịch sử kết hợp với PP logic	PP Lịch sử kết hợp với PP logic	PP Lịch sử kết hợp với PP logic	PP Lịch sử kết hợp với PP logic	PP Lịch sử kết hợp với PP logic	PP Lịch sử kết hợp với PP logic
Thực dân Pháp chính thức nổ súng xâm lược Việt Nam vào năm	177	14	47	1858	1858	1858	1858	1858	1858	1858
Thời gian Bắc Hồ lên tàu ra nước ngoài tìm đường cứu nước là	184	7	47	5/6/1911	5/6/1911	5/6/1911	5/6/1911	5/6/1911	5/6/1911	5/6/1911
Tên gọi nào sau đây là của Bắc Hồ	179	12	47	Nguyễn Sinh Cung, Nguyễn Tài Thành, Châu Âu, Châu Á, Châu Phi, Châu Mỹ	Nguyễn Sinh Cung, Nguyễn Tài Thành, Châu Âu, Châu Á, Châu Phi, Châu Mỹ	Nguyễn Sinh Cung, Nguyễn Tài Thành, Châu Âu, Châu Á, Châu Phi, Châu Mỹ	Nguyễn Sinh Cung, Nguyễn Tài Thành, Châu Âu, Châu Á, Châu Phi, Châu Mỹ	Nguyễn Sinh Cung, Nguyễn Tài Thành, Châu Âu, Châu Á, Châu Phi, Châu Mỹ	Nguyễn Sinh Cung, Nguyễn Tài Thành, Châu Âu, Châu Á, Châu Phi, Châu Mỹ	Nguyễn Sinh Cung, Nguyễn Tài Thành, Châu Âu, Châu Á, Châu Phi, Châu Mỹ
Những châu lục nào Bắc Hồ đã từng đến trong thời kỳ tìm đường cứu nước (1911 - 1920)	168	23	47	Hội Liên hiệp thuộc địa, Hội các dân tộc bị áp bức, Hội 7/1920, Người để đọc bản Sơ thảo Luận cương Chính sản Việt Nam	Hội Liên hiệp thuộc địa, Hội các dân tộc bị áp bức, Hội 7/1920, Người để đọc bản Sơ thảo Luận cương Chính sản Việt Nam	Hội Liên hiệp thuộc địa, Hội các dân tộc bị áp bức, Hội 7/1920, Người để đọc bản Sơ thảo Luận cương Chính sản Việt Nam	Hội Liên hiệp thuộc địa, Hội các dân tộc bị áp bức, Hội 7/1920, Người để đọc bản Sơ thảo Luận cương Chính sản Việt Nam	Hội Liên hiệp thuộc địa, Hội các dân tộc bị áp bức, Hội 7/1920, Người để đọc bản Sơ thảo Luận cương Chính sản Việt Nam	Hội Liên hiệp thuộc địa, Hội các dân tộc bị áp bức, Hội 7/1920, Người để đọc bản Sơ thảo Luận cương Chính sản Việt Nam	Hội Liên hiệp thuộc địa, Hội các dân tộc bị áp bức, Hội 7/1920, Người để đọc bản Sơ thảo Luận cương Chính sản Việt Nam
Bắc Hồ đã tham gia thành lập những tổ chức quốc tế nào dưới đây từ năm 1921 đến 1925	113	78	47	Hội Liên hiệp thuộc địa, Hội các dân tộc bị áp bức, Hội 7/1920, Người để đọc bản Sơ thảo Luận cương Chính sản Việt Nam	Hội Liên hiệp thuộc địa, Hội các dân tộc bị áp bức, Hội 7/1920, Người để đọc bản Sơ thảo Luận cương Chính sản Việt Nam	Hội Liên hiệp thuộc địa, Hội các dân tộc bị áp bức, Hội 7/1920, Người để đọc bản Sơ thảo Luận cương Chính sản Việt Nam	Hội Liên hiệp thuộc địa, Hội các dân tộc bị áp bức, Hội 7/1920, Người để đọc bản Sơ thảo Luận cương Chính sản Việt Nam	Hội Liên hiệp thuộc địa, Hội các dân tộc bị áp bức, Hội 7/1920, Người để đọc bản Sơ thảo Luận cương Chính sản Việt Nam	Hội Liên hiệp thuộc địa, Hội các dân tộc bị áp bức, Hội 7/1920, Người để đọc bản Sơ thảo Luận cương Chính sản Việt Nam	Hội Liên hiệp thuộc địa, Hội các dân tộc bị áp bức, Hội 7/1920, Người để đọc bản Sơ thảo Luận cương Chính sản Việt Nam
Hồ Chí Minh tìm thấy con đường cứu nước mới cho dân tộc Việt Nam thông qua sự kiện nào?	164	26	48	Hội Liên hiệp thuộc địa, Hội các dân tộc bị áp bức, Hội 7/1920, Người để đọc bản Sơ thảo Luận cương Chính sản Việt Nam	Hội Liên hiệp thuộc địa, Hội các dân tộc bị áp bức, Hội 7/1920, Người để đọc bản Sơ thảo Luận cương Chính sản Việt Nam	Hội Liên hiệp thuộc địa, Hội các dân tộc bị áp bức, Hội 7/1920, Người để đọc bản Sơ thảo Luận cương Chính sản Việt Nam	Hội Liên hiệp thuộc địa, Hội các dân tộc bị áp bức, Hội 7/1920, Người để đọc bản Sơ thảo Luận cương Chính sản Việt Nam	Hội Liên hiệp thuộc địa, Hội các dân tộc bị áp bức, Hội 7/1920, Người để đọc bản Sơ thảo Luận cương Chính sản Việt Nam	Hội Liên hiệp thuộc địa, Hội các dân tộc bị áp bức, Hội 7/1920, Người để đọc bản Sơ thảo Luận cương Chính sản Việt Nam	Hội Liên hiệp thuộc địa, Hội các dân tộc bị áp bức, Hội 7/1920, Người để đọc bản Sơ thảo Luận cương Chính sản Việt Nam
Cương lĩnh chính trị đầu tiên (1930) là văn kiện của ai?	138	52	48	Nguyễn Ái Quốc	Nguyễn Ái Quốc	Nguyễn Ái Quốc	Nguyễn Ái Quốc	Nguyễn Ái Quốc	Nguyễn Ái Quốc	Nguyễn Ái Quốc
Chính cương văn tãi, Sách lược văn tãi do ai soạn thảo?	148	42	48	Nguyễn Ái Quốc	Nguyễn Ái Quốc	Nguyễn Ái Quốc	Nguyễn Ái Quốc	Nguyễn Ái Quốc	Nguyễn Ái Quốc	Nguyễn Ái Quốc
Ái chủ trí dự thảo Luận cương tháng 10 năm 1930?	141	48	49	Trần Phú	Trần Phú	Trần Phú	Trần Phú	Trần Phú	Trần Phú	Trần Phú

Hình ảnh 2: Kết quả khảo sát nhận thức của SV lớp K70.9, trường ĐHSP Hà Nội (năm học 2021 - 2022), môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam trên quizz.com

Khi số lượng câu hỏi nhiều, dài và khó, GV nên dành cho SV một khoảng thời gian để suy nghĩ trả lời (từ 1 hay 2 ngày trở lên). Trong trường hợp này, GV có thể sử dụng 1 số trang web, điển hình là google form.com (biểu mẫu) để khảo sát, kiểm tra, đánh giá. Các thao tác xây dựng câu hỏi khảo sát và tương tác trên google form hết sức

đề dạng sẽ giúp GV và SV hoàn thành được công việc của mình một cách thuận lợi theo thời hạn (google form có chế độ đặt thời hạn làm bài, vì vậy, GV có thể sử dụng kiểm tra SV ở cả hình thức online và offline).

Như vậy, các trang web hỗ trợ GV trong kiểm tra, đánh giá thể hiện rõ những ưu điểm và tiện ích, nó đặc biệt phát huy được nhiều thế mạnh đối với các lớp học đông SV như môn Lịch sử Đảng CSVN và Tư tưởng Hồ Chí Minh (môn chung); đồng thời, GV có thể sử dụng web trên ở các hình thức dạy học khác nhau: trực tiếp trên lớp, trực tuyến (online), kết hợp (vừa trực tiếp, vừa trực tuyến).

2.2.2. Sử dụng Website trong kiểm tra, đánh giá thường xuyên và định kì

Theo quy định, GV các môn lý luận chính trị ở bậc đại học chỉ thực hiện 1 lần kiểm tra giữa kì (kiểm tra điều kiện), nhà trường sẽ thực hiện kiểm tra cuối kì (hết học phần). Tuy nhiên, để người học chăm chỉ, tích cực hơn trong quá trình học; đồng thời, tạo thêm tính kịch tính, hấp dẫn cho môn học, GV nên áp dụng hình thức kiểm tra thường xuyên. Điểm trung bình chung của các lần kiểm tra có thể là điểm giữa kì chính thức hoặc GV sẽ lấy điểm tốt nhất trong các số lần kiểm tra làm điểm chính thức.

Kết thúc mỗi chương, thay vì tổng kết nội dung, GV sử dụng web soạn bài kiểm tra trắc nghiệm. Các câu hỏi chứa đựng những nội dung cơ bản trong chương, bài. Trang web phù hợp nhất áp dụng cho hình thức kiểm tra này là quizz.com. Để tham gia, SV chỉ cần có điện thoại thông minh kết nối mạng wifi. Bài kiểm tra cuối cùng có thể bao quát nội dung cơ bản của cả chương trình môn học. Thông qua các lần kiểm tra, GV có thể đánh giá quá trình người học một cách tương đối chính xác về mặt nhận thức và một số kỹ năng.

Rank	First Name	Last Name	Attempt #	Accuracy	Score	Correct	Incorrect	Unattempted	Total Time Taken	Started At	Info	
1	Quang	Long	695111050	25	100 %	29340	25	0	0	01:22	Wed 15 Dec 2021,08:31 AM	hrome on W
2	175.	Nông Thu Thảo	25	100 %	29250	25	0	0	01:32	Wed 15 Dec 2021,08:31 AM	hrome on W	
3	Thu	Hằng Nguyễn Thị	25	100 %	29230	25	0	0	01:29	Wed 15 Dec 2021,08:31 AM	hrome on W	
4	133.	Dương Minh Ngọc	25	100 %	29150	25	0	0	01:33	Wed 15 Dec 2021,08:31 AM	hrome on W	
5	198.1	Huyền Trang	25	100 %	29150	25	0	0	01:33	Wed 15 Dec 2021,08:40 AM	Opera on Wi	
6	41.	Thu Giang	25	100 %	29140	25	0	0	01:35	Wed 15 Dec 2021,08:31 AM	hrome on W	
7	95.	Đặng Thị Thảo Linh	25	100 %	29130	25	0	0	01:39	Wed 15 Dec 2021,08:31 AM	obile Safari	
8	216.	Lê Thị Khánh Vân	25	100 %	29080	25	0	0	01:45	Wed 15 Dec 2021,08:31 AM	hrome on W	
9	90	Phạm Tuấn Kiệt	25	100 %	29050	25	0	0	01:49	Wed 15 Dec 2021,08:31 AM	me Mobile c	
10	Tuyết	N	25	100 %	29040	25	0	0	01:47	Wed 15 Dec 2021,08:31 AM	hrome on W	
11	Trang	Quýnh	25	100 %	29020	25	0	0	01:45	Wed 15 Dec 2021,08:31 AM	hrome on W	
12	93-Hà	Thị Lan*	25	100 %	28990	25	0	0	01:51	Wed 15 Dec 2021,08:40 AM	hrome on W	
13	Phương	Nguyễn	25	100 %	28990	25	0	0	01:53	Wed 15 Dec 2021,08:31 AM	hrome on W	
14	18.	Trần Quang Anh	25	100 %	28950	25	0	0	02:14	Wed 15 Dec 2021,08:44 AM	hrome on W	
15	199-Quýnh	Trang	25	100 %	28950	25	0	0	01:51	Wed 15 Dec 2021,08:38 AM	hrome on W	
16	190.Nguyễn	Quyết Thuận	25	100 %	28860	25	0	0	02:05	Wed 15 Dec 2021,08:31 AM	hrome on W	
17	Quýnh	Chi	25	100 %	28790	25	0	0	02:14	Wed 15 Dec 2021,08:31 AM	hrome on W	
18					28790	25	0	0	02:00	Wed 15 Dec 2021,08:31 AM	hrome on W	

Hình ảnh 3: Kết quả khảo sát lần cuối nhận thức của SV lớp K70.9, trường ĐHSPT Hà Nội (năm học 2021 - 2022), môn Lịch sử ĐCSVN trên quizz.com (thống kê theo tên SV)

Thông qua số liệu của lần khảo sát lần đầu và kiểm tra lần cuối, GV nhìn thấy rõ sự thay đổi tích cực trong nhận thức của người học. Đơn cử như ở câu hỏi số 1: “Phương pháp quan trọng nhất để nghiên cứu, tìm hiểu môn Lịch sử Đảng CSVN là phương pháp nào?”, kết quả khảo sát lần đầu tiên cho thấy, 190 SV trả lời đúng, 46 SV trả lời sai và chưa có lựa chọn. Tuy nhiên, ở kết quả kiểm tra lần cuối, có tới 238 SV trả lời đúng (tăng 48 SV), 20 SV trả lời sai và chưa có sự lựa chọn (giảm 26 SV). Nhìn vào toàn bộ các câu hỏi trong bài kiểm tra lần cuối giống với cuộc khảo sát lần đầu, chúng ta thấy, số lượng SV trả lời đúng đều tăng lên cao. Kết quả trên ít nhiều cho thấy sự hiệu quả của công cụ web trong kiểm tra, đánh giá và phương thức dạy học kết hợp môn Lịch sử Đảng CSVN và Tư tưởng Hồ Chí Minh của GV.

Rank	First Name	Last Name	Attempt #	Accuracy	Score	Correct	Incorrect	Unattempted	Total Time Taken	Started At	Info
1	QuangLong	695111050	25	100 %	29340	25	0	0	01:22	Wed 15 Dec 2021,08:31 AM	hrome on W
2	175.	Nông Thu Thảo	25	100 %	29250	25	0	0	01:32	Wed 15 Dec 2021,08:31 AM	hrome on W
3	Thu	Hằng Nguyễn Thị	25	100 %	29230	25	0	0	01:29	Wed 15 Dec 2021,08:31 AM	hrome on W
4	133.	Dương Minh Ngọc	25	100 %	29150	25	0	0	01:33	Wed 15 Dec 2021,08:31 AM	hrome on W
5	198.1	Huyền Trang	25	100 %	29150	25	0	0	01:33	Wed 15 Dec 2021,08:40 AM	Opera on Wi
6	41.	Thu Giang	25	100 %	29140	25	0	0	01:35	Wed 15 Dec 2021,08:31 AM	hrome on W
7	95.	Dũng Thị Thảo Linh	25	100 %	29130	25	0	0	01:39	Wed 15 Dec 2021,08:31 AM	obile Safari
8	216.	Lê Thị Khánh Vân	25	100 %	29080	25	0	0	01:45	Wed 15 Dec 2021,08:31 AM	hrome on W
9	90	Phạm Tuấn Kiệt	25	100 %	29050	25	0	0	01:49	Wed 15 Dec 2021,08:31 AM	me Mobile c
10	Tuyết	N	25	100 %	29040	25	0	0	01:47	Wed 15 Dec 2021,08:31 AM	hrome on W
11	Trang	Quyên	25	100 %	29020	25	0	0	01:45	Wed 15 Dec 2021,08:31 AM	hrome on W
12	93-Hà	Thị Lan*	25	100 %	28990	25	0	0	01:51	Wed 15 Dec 2021,08:40 AM	hrome on W
13	Phương	Nguyễn	25	100 %	28990	25	0	0	01:53	Wed 15 Dec 2021,08:31 AM	hrome on W
14	18.	Trần Quang Anh	25	100 %	28950	25	0	0	02:14	Wed 15 Dec 2021,08:44 AM	hrome on W
15	199-Quyên	Trang	25	100 %	28950	25	0	0	01:51	Wed 15 Dec 2021,08:38 AM	hrome on W
16	190.Nguyễn	Quyết Thuận	25	100 %	28860	25	0	0	02:05	Wed 15 Dec 2021,08:31 AM	hrome on W
17	Quyên	Chi	25	100 %	28790	25	0	0	02:14	Wed 15 Dec 2021,08:31 AM	hrome on W

Hình ảnh 4: Kết quả khảo sát lần cuối nhận thức của SV lớp K70.9, trường ĐHSP Hà Nội (năm học 2021 - 2022), môn Lịch sử ĐCSVN trên quizz.com (thống kê kết quả theo từng câu hỏi)

Kết thúc học phần, nhà trường sẽ tổ chức thi cuối kì. Do ảnh hưởng của đại dịch covid 19, SV không thể đến giảng đường để làm bài thi trực tiếp. SV làm bài thi kết thúc học phần môn Lịch sử ĐCSVN và Tư tưởng Hồ Chí Minh dưới dạng tự luận có giám sát (giám thị giám sát qua camera) hoặc bài tập lớn/tự luận. Kết thúc thời gian làm bài, SV phải scan bài thi hoặc file bài tập lớn/ tiểu luận và gửi lên web (<http://www.hnue.edu.vn>) của nhà trường theo quy định. Website là công cụ, phương tiện hữu ích giúp nhà trường tổ chức các kì thi trực tuyến một cách an toàn, hiệu quả, thành công trong những năm qua.

3. KẾT LUẬN

Website không phải là một phần mềm mà là trang mạng do các nhà thiết kế sử dụng nhiều phần mềm tạo nên. Đó là một công cụ, phương tiện, không gian (ảo) hữu ích

để người sử dụng liên kết, tương tác với web và tương tác với nhau. Thông qua web, con người có thể khai thác được nhiều thông tin phục vụ cho học tập, nghiên cứu, giải trí, làm việc...

Web ra đời cách đây không lâu nhưng đã phát triển nhanh chóng và ứng dụng vào mọi lĩnh vực đời sống xã hội, trong đó có lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Web đã thể hiện được giá trị quan trọng của mình trong hoạt động dạy học khi dịch covid 19 bùng nổ và diễn biến phức tạp, kéo dài trong nhiều năm qua trên khắp thế giới và Việt Nam. Việc dạy học online thông qua các trang web và phần mềm dạy học đã trở thành quen thuộc đối với các thầy cô giáo, sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội cũng như các trường đại học khác trong cả nước.

Theo quan điểm dạy học lấy người học làm trung tâm, kiểm tra, đánh giá kết hợp với website là vì người học và kiểm tra, đánh giá cũng chính là học tập. Vì vậy, hoạt động này được các giảng viên tiến hành ngay khi bắt đầu môn học và được duy trì thường xuyên, liên tục suốt kì, khóa học. Một số trang web có thể giúp giảng viên và nhà trường tiến hành kiểm tra, đánh giá người học một cách tương đối chính xác, nhanh chóng, hiệu quả và khách quan là: mentimeter.com; quizzzi.com; docs.google.com; google form.com (biểu mẫu); cst.hnue.edu.vn...

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Văn Cường, Bernd Meier (2020), *Lý luận dạy học hiện đại*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
2. Đặng Vũ Hoạt (chủ biên), Hà Thị Đức (2013), *Lý luận dạy học đại học*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
3. Đặng Thành Hưng, Trịnh Hồng Hà, Nguyễn Khải Hoàn, Trần Vũ khánh (2010), *Lý thuyết phương pháp dạy học*, Nxb Đại học Thái Nguyên, Thái Nguyên
4. Trường ĐHSP Hà Nội (2021), *hướng dẫn xây dựng, rà soát và phát triển ngân hàng đề thi học phần thuộc chương trình đào tạo trình độ đại học*, công văn số 396/HD-DHSPHN, ngày 1/9/2021.
5. <https://wiki.tino.org/website-la-gi>
6. <https://medium.com/@kenhbanhanghieugiaqua/website-l%C3%A0-g%C3%AC-v%C3%AC-sao-website-c%E1%BB%A7a-b%E1%BA%A1n-b%C3%A1n-h%C3%A0ng-ch%C6%B0a-hi%E1%BB%87u-qu%E1%BA%A3-f964a27274d>
7. <https://thietkeweb9999.com/blogs/thiet-ke-website/1527-website-la-gi-dinh-nghia-website>
8. <https://vi.wikipedia.org/wiki/Website>

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG THẢO LUẬN GIÁO DỤC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG HIỆN NAY

ThS. Lê Thị Hương

Trường Đại học Nguyễn Huệ

Email: hoanglan221209@gmail.com

***Tóm lại:** Thảo luận là hình thức tổ chức dạy học được tiến hành sau bài giảng, qua quá trình thảo luận sinh viên cùng nhau làm sáng tỏ một chủ đề học tập dưới sự điều khiển của giảng viên. Để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp giáo dục - đào tạo đòi hỏi phải nâng cao chất lượng thảo luận giáo dục lý luận chính trị ở các trường đại học, cao đẳng. Bài viết khái quát sự cần thiết nâng cao chất lượng thảo luận giáo dục lý luận chính trị trong quá trình giảng dạy, từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng thảo luận môn học nhằm góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục - đào tạo của các trường đại học, cao đẳng trong cả nước hiện nay.*

*Từ khóa: **Thảo luận, giáo dục lý luận chính trị***

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục lý luận chính trị có vai trò đặc biệt quan trọng đối với việc xác lập nền tảng lý luận chính trị cho sinh viên, góp phần đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, không chỉ giỏi và nhuần nhuyễn các kỹ năng chuyên môn mà còn vững vàng về bản lĩnh và từng bước hoàn thiện thế giới quan khoa học và nhân sinh quan tích cực, trở thành những chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng, tuyên truyền và đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, góp phần bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa. Với ý nghĩa trên, muốn nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị ở các trường đại học, cao đẳng cần phải nâng cao chất lượng của các hình thức tổ chức dạy học, trong đó có nâng cao chất lượng thảo luận.

2. NỘI DUNG

2.1. Sự cần thiết nâng cao chất lượng thảo luận Giáo dục lý luận chính trị ở các trường đại học, cao đẳng hiện nay.

Giáo dục lý luận chính trị ở các trường đại học, cao đẳng đều được tiến hành bởi một hệ thống các hình thức tổ chức dạy học khoa học và chặt chẽ như: hệ thống bài giảng; quá trình tự học, tự nghiên cứu; tiến hành thảo luận, trao đổi; tham quan thực tế;

thực hành; thực tập... Chất lượng của mỗi hình thức dạy học càng cao thì chất lượng của môn học đó càng tốt. Ngược lại, nếu một hình thức dạy học không phát huy hết vai trò sẽ có ảnh hưởng nhất định đến chất lượng dạy học của môn học. Do đó, việc nâng cao chất lượng thảo luận sẽ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục chính trị trong các Nhà trường.

Thảo luận là một hình thức tổ chức dạy học cơ bản. Bản chất của thảo luận là sự tranh luận, trao đổi các vấn đề học tập đã được người học chuẩn bị, trong thảo luận đòi hỏi sự chủ động, tính tích cực nhận thức của sinh viên, học viên; sự tự chủ, sáng tạo, linh hoạt của giảng viên. Quá trình thảo luận giúp cho người học hiểu sâu và nắm chắc kiến thức môn học, phát triển tư duy sáng tạo, khả năng nghiên cứu khoa học, các phẩm chất cần thiết, qua đó tự kiểm tra được trình độ, khả năng tiếp thu kiến thức của bản thân. Đồng thời, thông qua quá trình thảo luận giúp cho giảng viên nắm được khả năng của mình, năng lực học tập, tiếp thu của sinh viên; tạo điều kiện để giảng viên đổi mới nội dung, vận dụng các phương pháp dạy học tích cực góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

Nâng cao chất lượng thảo luận giáo dục lý luận chính trị ở các trường đại học, cao đẳng trong cả nước trong điều kiện hiện nay càng có ý nghĩa quan trọng, nhất là trong bối cảnh hội nhập quốc tế, trước sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ đã dẫn đến sự bùng nổ thông tin, phương tiện kỹ thuật để chuyển tải thông tin ngày càng hiện đại, phạm vi và số lượng sử dụng phương tiện kỹ thuật ngày càng được mở rộng, tốc độ truyền bá thông tin ngày càng nhanh đã tác động rất to lớn đối với quá trình giảng dạy lý luận chính trị ở các trường đại học, cao đẳng trong cả nước. Nó giúp cho các trường càng có cơ hội tốt để tiếp tục hiện đại hoá phương tiện giảng dạy, đổi mới mạnh mẽ chương trình, nội dung, hình thức, phương pháp nâng cao chất lượng giảng dạy, trong đó hình thức thảo luận luôn được quan tâm và áp dụng nhiều hơn, góp phần làm cho giáo dục lý luận chính trị càng trở nên sống động, hấp dẫn, có sức thuyết phục lôi cuốn người nghe.

Hơn nữa, lý luận chính trị là hệ thống những tri thức về các quy luật cơ bản rút ra từ thực tiễn đời sống chính trị. Các môn lý luận chính trị được giảng dạy ở các trường đại học hiện nay bao gồm: *Những nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*. Đặc trưng chung của các môn lý luận chính trị thường mang tính khái quát hoá, trừu tượng hoá. Để sinh viên có thể hiểu sâu sắc những nội dung lý luận chính trị đòi hỏi một vấn đề có tính nguyên tắc là trong quá trình giảng dạy cần phải luôn gắn với thực tiễn. Cho nên nếu không đem tri thức chính trị đó trở về với thực tiễn thì nó nhất định sẽ mất đi tính thuyết phục và dễ hiểu đối với sinh viên. Trong điều kiện thời gian có hạn, thời lượng bài giảng ngày càng trở nên eo hẹp; giảng viên không thể truyền tải hết mọi tri thức, luận giải đầy

đủ các vấn đề đặt ra cho người học. Qua thảo luận góp phần trang bị cho sinh viên các kỹ năng tự học, tự nghiên cứu làm phong phú, bổ sung thêm vốn kiến thức của bản thân. Đồng thời, thông qua thảo luận người học trình bày quan điểm của mình để làm rõ bản chất, nguồn gốc, cơ sở khoa học của vấn đề nảy sinh; qua đó đấu tranh, phê phán vạch trần những quan điểm, tư tưởng sai trái, bảo vệ lẽ phải... góp phần củng cố niềm tin khoa học, xây dựng thái độ, động cơ, phát triển phẩm chất, đạo đức nhân cách cần thiết của mình...

Trong những năm qua, các trường đại học, cao đẳng trong cả nước đã tích cực đổi mới nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, trong đó hình thức thảo luận luôn được chú ý quan tâm tổ chức thực hiện và đã đạt được những kết quả quan trọng. Thông qua các buổi thảo luận ngoài việc đào sâu suy nghĩ, mở rộng củng cố kiến thức, nó còn góp phần phát triển tư duy lý luận, tư duy lôgic, óc phê phán, kỹ năng giao tiếp, năng lực tổ chức hoạt động, thói quen làm việc và tranh luận khoa học của sinh viên, học viên...

Tuy nhiên, bên cạnh những yếu tố tích cực, việc tổ chức thảo luận vẫn còn nhiều hạn chế cần phải khắc phục: nhiều buổi thảo luận kết quả chưa cao, nặng về củng cố kiến thức cho học viên, sinh viên, mới chỉ dừng lại ở việc khái quát lại những kiến thức trong các bài giảng trên lớp, chưa mở rộng kiến thức và dẫn dắt người học vận dụng kiến thức đã được trang bị vào giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra, chưa phát huy được vai trò, tác dụng của thảo luận.

Sở dĩ chất lượng các buổi thảo luận vẫn còn thấp là do nhiều nguyên nhân khác nhau, nhưng chủ yếu là do người dạy và người học chưa nhận thức đúng vị trí, vai trò của thảo luận trong quá trình dạy học, chưa thực hiện tốt quy trình và phương pháp tiến hành. Đồng thời, chưa tạo dựng được một môi trường sư phạm thật sự thuận lợi tạo động lực thúc đẩy người dạy và người học nâng cao chất lượng các buổi thảo luận. Một số buổi thảo luận còn đông, tỷ lệ sinh viên, học viên được phát biểu, trao đổi, và trình bày chính kiến trong buổi thảo luận còn ít. Chức năng, vai trò của hình thức dạy học này vì thế cũng bị hạn chế. Lớp quá đông, qua thảo luận giảng viên không thể nắm đúng, nắm hết năng lực của sinh viên, học viên; đồng thời không thể đáp ứng thoả đáng mọi vướng mắc của học viên trong quá trình lĩnh hội tri thức của chủ đề thảo luận và những vấn đề liên quan.

2.2. Giải pháp nâng cao chất lượng thảo luận giáo dục lý luận chính trị ở các trường đại học, cao đẳng hiện nay.

Để nâng cao chất lượng thảo luận giáo dục lý luận chính trị ở các trường đại học, cao đẳng hiện nay đòi hỏi phải thực hiện những giải pháp sau đây:

Một là, xây dựng hệ thống chủ đề thảo luận khoa học phù hợp với mục đích, nhiệm vụ, nội dung từng môn học

Hệ thống chủ đề thảo luận có một vai trò quan trọng đối với việc nâng cao chất lượng hình thức này trong giáo dục lý luận chính trị. Đây chính là cơ sở định hướng cho giảng viên và sinh viên, học viên trong quá trình chuẩn bị và tiến hành thảo luận. Các khoa chuyên ngành phối hợp với các cơ quan soạn thảo kế hoạch dạy học chung theo hướng tăng cường thời gian cho việc tổ chức thảo luận. Yêu cầu này cũng hoàn toàn phù hợp với xu thế dạy học hiện nay “*Lấy người học làm trung tâm*”.

Hệ thống chủ đề thảo luận giúp cho giảng viên có thể hình dung một cách tổng thể những vấn đề cần thảo luận, trình tự tiến hành các chủ đề, tài liệu, phương tiện kỹ thuật dạy học, cơ sở vật chất cần thiết phục vụ cho tổ chức thảo luận. Với một yêu cầu rất cao về nội dung, phương pháp và tổ chức, điều khiến thảo luận có mặt còn khó hơn thuyết trình bài giảng, nó đòi hỏi giảng viên phụ trách thảo luận phải chuẩn bị chu đáo, phải có đủ trình độ lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực khoa học của mình nếu muốn nâng cao chất lượng hình thức tổ chức thảo luận. Vì thế, để nâng cao chất lượng hình thức này giảng viên có thể căn cứ vào chủ đề thảo luận, chủ động tiến hành công tác chuẩn bị thảo luận, đặc biệt là nghiên cứu lý luận và thực tiễn liên quan đến chủ đề thảo luận.

Khi xây dựng chủ đề thảo luận phải phù hợp với mục đích, nhiệm vụ nội dung từng môn học. Hệ thống chủ đề thảo luận phải được xây dựng một cách khoa học, hợp lý theo những nguyên tắc dạy học, tránh những trường hợp xây dựng chủ đề quá rộng hoặc quá hẹp, không vừa sức, những chủ đề xa rời thực tiễn, những chủ đề mà nội dung của nó không góp phần giải quyết các nhiệm vụ của môn học. Tất cả các trường hợp trên đều làm ảnh hưởng không tốt tới chất lượng hình thức tổ chức thảo luận, không phát huy được tính tích cực của sinh viên, học viên trong thảo luận, dẫn đến họ cảm thấy chán nản, hoặc coi thường hình thức thảo luận. Cùng một nội dung nhưng với các đối tượng người học tham gia thảo luận khác nhau chúng ta lại xây dựng hệ thống chủ đề thảo luận khác nhau, với những mục đích, yêu cầu khác nhau để xây dựng được chủ đề thảo luận khoa học, phù hợp với mục đích, nhiệm vụ, nội dung từng môn học.

Hai là, chủ động phổ biến kế hoạch thảo luận và hướng dẫn thảo luận chu đáo cho sinh viên, học viên.

Chủ đề thảo luận được cung cấp cho học viên ngay từ đầu môn học sẽ giúp cho họ nắm được yêu cầu học tập, có kế hoạch chủ động trong việc chuẩn bị thảo luận như: Tập trung nghe giảng, tra cứu, đọc và ghi chép những tài liệu có liên quan. Trong thảo luận tính năng động, tích cực của người học được phát huy, những sinh viên được tập dượt nghiên cứu tài liệu một cách khoa học, biết phân tích, phê phán những ý kiến khác nhau trước một chủ đề nêu ra, biết lập luận để bảo vệ ý kiến của mình trước tập thể, suy nghĩ về một vấn đề dưới nhiều góc độ. Học viên phải chuẩn bị những ý kiến mới, là kết quả tìm đọc các tài liệu tham khảo, mở rộng giáo trình chứ không phải chỉ với những tri thức

có sẵn trong các bài giảng của giảng viên, hoặc trong giáo trình. Điều đó đòi hỏi học viên phải có thời gian chuẩn bị chu đáo theo một định hướng chứ không thể nghiên cứu tùy tiện, tràn lan, chính chủ đề thảo luận khoa học sẽ giúp cho học viên giải quyết vấn đề đó.

Thường xuyên tiến hành kiểm tra đối với giảng viên về đề cương hướng dẫn và điều khiển thảo luận, có đánh giá, rút kinh nghiệm. Kiểm tra đề cương báo cáo của sinh viên, học viên trước mỗi buổi thảo luận, trong quá trình thảo luận giảng viên cần có sự động viên, khích lệ, những báo cáo, ý kiến có chất lượng, nghiêm khắc với những sinh viên, học viên tham gia thảo luận với mục đích đối phó. Nên tiến hành đánh giá, chấm điểm, có chính sách đối với những sinh viên, học viên tích cực, phát biểu có chất lượng, thể hiện tinh thần, thái độ học tập nghiêm túc.

Một buổi thảo luận chất lượng trước hết người học phải không bị động, đối phó. Họ phải có đủ thời gian cần thiết để nghiên cứu, chuẩn bị nội dung. Tuy nhiên, không ít sinh viên đến với buổi thảo luận mà không kịp chuẩn bị nội dung hoặc chuẩn bị một cách đối phó dẫn đến chất lượng thảo luận không cao. Vì vậy, để các buổi thảo luận đạt hiệu quả, chất lượng cao, các Bộ môn các Khoa Giáo dục lý luận chính trị cần sớm phổ biến kế hoạch thảo luận đến người học. Các Bộ môn có thể đưa ngay vào chương trình môn học ngay từ buổi đầu nhập môn; hoặc phổ biến kế hoạch và kết hợp với hướng dẫn chuẩn bị thảo luận cho sinh viên, học viên trước buổi thảo luận ít nhất một tuần để họ luôn chủ động. Việc hướng dẫn cho người học chuẩn bị phải rất chu đáo. Người giảng viên phải hướng dẫn một cách có hệ thống công việc của sinh viên, học viên; gợi ý, định hướng những vấn đề khó trong chủ đề, đặc biệt là hướng vận dụng, gắn kết lý luận với thực tiễn; giới thiệu tìm trong giáo trình, tài liệu tham khảo, trong thực tiễn, thực tế...

Ba là, phát huy cao độ vai trò của giảng viên điều khiển thảo luận

Đây là một giải pháp rất quan trọng nâng cao chất lượng thảo luận. Bởi lẽ thảo luận là một hình thức liên lạc tích cực giữa giảng viên với người học. Giảng viên chẳng những phải giảng giải vấn đề mà chủ đề thảo luận và người học nêu ra bằng nhiều cách, dưới nhiều góc độ tiếp cận khác nhau, mà còn phải biết được ý nghĩ và thái độ của người học, thường xuyên xem xét công việc của sinh viên, học viên, những nảy sinh trong nhu cầu nhận thức của họ, giúp đỡ họ kịp thời... Có thể nói, điều khiển thảo luận là một hoạt động khó hơn rất nhiều so với giảng lý thuyết trên lớp. Việc tiến hành thảo luận như thế nào để học viên tham gia tích cực, tập trung, phần lớn phụ thuộc vào sự điều khiển khéo léo của giảng viên. Do đó, đòi hỏi các Bộ môn phải lựa chọn, phân công những giảng viên vững vàng về chuyên môn và phương pháp sư phạm để điều khiển thảo luận.

Giảng viên nhận thức đúng vị trí, vai trò, tầm quan trọng của hình thức tổ chức thảo luận, sẽ tích cực hơn, có trách nhiệm hơn trong việc tổ chức và điều khiển thảo

luận. Muốn một buổi thảo luận đạt hiệu quả, giảng viên phải căn cứ vào kế hoạch thảo luận để xây dựng kế hoạch hướng dẫn thảo luận và kế hoạch đề cương chi tiết. Việc chuẩn bị và tiến hành một buổi thảo luận đòi hỏi khá nhiều thời gian và công sức của người giảng viên, họ phải tham khảo các tài liệu có liên quan cả lý luận và thực tiễn phục vụ cho chủ đề thảo luận. Điều đó đòi hỏi giảng viên phải có sự say mê, phải nắm chắc các bước chuẩn bị và tiến hành một buổi thảo luận.

Bản thân từng giảng viên khi được phân công điều khiển thảo luận phải có sự chuẩn bị chu đáo cả về nội dung, phương pháp và tâm thế. Trong một buổi thảo luận, giảng viên cần vạch ra những vấn đề phải tập trung thảo luận trong từng tiết, không nhất thiết phải giải quyết tất cả các ý trong vấn đề đó, có khi chỉ giải quyết một hoặc hai ý, nhưng phải là cốt lõi. Từ đó dẫn dắt học viên vào “*tình huống có vấn đề*”, khơi dậy, động viên tích cực nhận thức của sinh viên, học viên trong giải quyết các vấn đề mà chủ đề thảo luận đặt ra. Giảng viên phải theo sát sự trình bày của người học, đôi khi người học giải trình quá xa hoặc chệch hướng vấn đề, giảng viên phải định hướng kịp thời không để mất thời gian...

Kết thúc thảo luận giảng viên khái quát những nội dung trọng tâm theo ý định và kế hoạch mà giảng viên chuẩn bị đã được Bộ môn và Khoa phê chuẩn và những vấn đề mới nảy sinh trong quá trình người học trao đổi, tranh luận. Kết luận từng vấn đề để thống nhất về nhận thức, nội dung, kết luận phải ngắn gọn. Nhận xét đánh giá ưu điểm và hạn chế về tinh thần, thái độ của người học từ khâu chuẩn bị đến quá trình thực hành thảo luận, biểu dương bằng hình thức đánh giá điểm. Nêu một số vấn đề có tính chất gợi mở, dự báo tình huống có vấn đề để người học tiếp tục quan tâm nghiên cứu làm sáng tỏ mở rộng cả lý luận và thực tiễn xã hội đã, đang, sẽ diễn ra. Mặt khác, tổng hợp những vấn đề mới nảy sinh trong quá trình từ chuẩn bị đến điều khiển thảo luận, tranh luận của sinh viên, học viên, đề xuất kịp thời với Bộ môn nghiên cứu điều chỉnh, đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức thảo luận giáo dục lý luận chính trị phù hợp với nhiệm vụ giáo dục - đào tạo của trường và thực tiễn xã hội đang diễn ra.

Bốn là, từng sinh viên, học viên cần phát huy cao độ trách nhiệm, tích cực sáng tạo trong chuẩn bị và tiến hành thảo luận.

Từng sinh viên, học viên phải nhận thức đầy đủ vai trò của buổi thảo luận, thấy được thảo luận là một hình thức học cơ bản, quan trọng sau một số bài giảng. Việc sinh viên, học viên nhận thức đúng đắn vị trí, vai trò, tầm quan trọng của thảo luận sẽ giúp họ tích cực, chủ động, tự giác trong việc nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị đề cương, có ý thức tham gia vào quá trình tranh luận, thảo luận, giải quyết các thắc mắc nảy sinh trong quá trình thảo luận. Chỉ có như vậy mới tạo ra được bầu không khí sôi nổi trong quá trình tiến hành thảo luận, từ đó mới có thể phát hiện và giải quyết được các mâu thuẫn trong nhận thức của mình.

Để tiến hành thảo luận được tốt, sinh viên phải căn cứ vào hướng dẫn của giảng viên, tự mình độc lập chuẩn bị đề cương thảo luận. Đây là một công việc khó khăn, chiếm khá nhiều thời gian tự học của học viên, nếu không có thái độ, động cơ học tập tích cực thì sẽ không thể chuẩn bị chu đáo, kỹ lưỡng đề cương báo cáo theo đúng yêu cầu của buổi thảo luận. Quá trình chuẩn bị đó chính là dịp để các sinh viên, học viên vừa tự giác nghiên cứu lại phần nội dung lý luận đã học, vừa tự tìm tài liệu có liên quan để sưu tập thêm tư liệu làm luận cứ khoa học cho mình khi tranh luận. Khi người học có động cơ thúc đẩy, họ sẽ tích cực say mê học tập, khao khát tìm tòi, mở rộng, đào sâu kiến thức, cố gắng nỗ lực, phấn đấu vươn lên trong học tập. Thái độ, động cơ học tập đúng sẽ thôi thúc những sinh viên, học viên vượt qua khó khăn, gian khổ hoàn thành nhiệm vụ học tập theo yêu cầu của giảng viên, có tinh thần cầu thị, ý thức học tập nghiêm túc, đây là một yếu tố quan trọng quyết định đến chất lượng của buổi thảo luận.

3. KẾT LUẬN

Trên cơ sở sự hướng dẫn thảo luận của giảng viên, từng sinh viên phải nắm chắc và thực hiện có hiệu quả từng khâu trong quá trình thảo luận. Thảo luận là một hình thức dạy học cơ bản, nhưng tổ chức, thực hiện thảo luận giáo dục lý luận chính trị ở các trường đại học, cao đẳng trong cả nước hiện nay còn chưa phát huy hết vai trò của nó. Trước yêu cầu, xu hướng đổi mới, nâng cao chất lượng dạy học ở các trường đại học, cao đẳng hiện nay, cần thực hiện tốt các giải pháp trên nhằm nâng cao chất lượng thảo luận trong quá trình giảng dạy các môn lý luận chính trị.

Tài liệu tham khảo:

1. Phan Trọng Ngọ (2005), *Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội
2. Lê Minh Vụ (2007), *Tổ chức quá trình dạy học các môn khoa học xã hội và nhân văn ở Đại học quân sự*, Nxb QĐND, Hà Nội
3. Tổng cục chính trị, *Giáo dục học quân sự* (Giáo trình đào tạo bậc đại học), Nxb QĐND, H. 2004,

GIẢNG DẠY LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ HIỆN NAY PHẢI GẮN VỚI GIÁO DỤC GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG DÂN TỘC VIỆT NAM

ThS. Phạm Văn Hiến

Trường Đại học Thủy Lợi

Email: phamvanhien@tlu.edu.vn

***Tóm tắt:** Giảng dạy lý luận chính trị cung cấp các tri thức về chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh từ đó góp phần quan trọng trong việc hình thành thế giới quan đúng đắn, phương pháp luận khoa học của sinh viên. Trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày nay, việc kết nối, giao lưu giữ các quốc gia, khu vực tạo điều kiện cho sự tiếp thu những giá trị tri thức nhân loại. Bên cạnh những giá trị, những hiện tượng phản giá trị cũng đang được truyền bá trên không gian mạng có thể ảnh hưởng tiêu cực đối với sinh viên. Để góp phần khắc phục tình trạng đó, các giảng viên lý luận chính trị cần lồng ghép giáo dục giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam trong quá trình giảng dạy là giải pháp cần thiết.*

***Từ khóa:** giảng dạy, lý luận chính trị, giáo dục giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động. Nền tảng tư tưởng này được chất lọc, kế thừa và phát triển dần trở thành bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam, tức là mang những nét đặc trưng, riêng biệt, đại diện cho văn hóa dân tộc. Chúng ta cũng hiểu văn hóa bao gồm những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra và truyền lại của thế hệ trước cho thế hệ sau trong quá trình sống. Công tác giảng dạy lý luận chính trị ở các trường đại học, cao đẳng nói chung và các trường Đại học khối kỹ thuật nói chung là truyền đạt và lý giải tới sinh viên “nền tảng tư tưởng” đó.

Tổng kết nhiệm kỳ Đại hội XII và nhìn lại 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới đất nước, Đảng ta đã nhận định: Giá trị lịch sử, truyền thống văn hóa của dân tộc và con người Việt Nam chưa được phát huy đầy đủ. Để tồn tại hiện trạng đó, công tác giảng dạy lý luận ở các trường đại học và mỗi giảng viên tham gia giảng dạy ở lĩnh vực này cũng có những trách nhiệm nhất định.

Như chúng ta đã biết, văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, là yếu tố quan trọng trong sự phát triển của mỗi quốc gia, mỗi dân tộc, là một động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Kinh tế - xã hội phát triển được không chỉ do những yếu tố bản thân nó mà còn do yếu tố văn hoá, tinh thần tác động. Do vậy, giảng dạy lý luận nay phải gắn với giá trị văn hóa truyền thống dân tộc Việt Nam là yêu cầu bức thiết đặt ra.

Thực hiện bài viết, tác giả chủ yếu dựa trên phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, đồng thời có sự kết hợp với với các phương pháp khác như phân tích, tổng hợp...

2. NỘI DUNG

Giáo dục lý luận chính trị là một phần quan trọng trong công tác tư tưởng của Đảng, góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, vào sự thành công của công cuộc đổi mới ngày nay. Giáo dục chính trị giữ vai trò quan trọng trong việc bảo vệ chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như bảo vệ quan điểm, chủ trương đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, thông qua giáo dục chính trị để xây dựng niềm tin của nhân dân về lý tưởng xây dựng đất nước theo con đường chủ nghĩa xã hội.

Giảng dạy lý luận chính trị chiếm một tỷ lệ kiến thức nhất định trong chương trình đào tạo đại học, cao đẳng nói chung và chương trình đào tạo ở các trường đại học khối kỹ thuật nói riêng. Nội dung các môn học lý luận có sự thống nhất, thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo. Giảng dạy lý luận chính trị có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc hình thành thế giới quan, phương pháp luận và nhân sinh quan, khơi dậy tinh thần tự hào dân tộc, khát vọng vươn lên cho sinh viên.

Nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của giảng dạy lý luận chính trị, trong những năm qua Bộ giáo dục và đào tạo đã không ngừng thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy các môn khoa học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh để đáp ứng với điều kiện mới hiện nay. Thông qua quá trình đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy, công tác giảng dạy lý luận chính trị ở các trường đại học nói chung, các trường đại học khối kỹ thuật nói riêng bước đầu đã có những biến đổi tích cực.

Mặc dù đã có sự cải tiến nội dung, phương pháp giảng dạy các môn lý luận, song nhìn chung nội dung các môn học này vẫn chú trọng chủ yếu cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và sự vận dụng học thuyết này vào điều kiện cụ thể ở Việt Nam. Do vậy, để khơi dậy niềm tự hào dân tộc, khơi dậy khát vọng, vượt qua những khó khăn thách thức để vươn lên trong thực tiễn đòi hỏi cần phải trang bị thêm cho họ một nền tảng văn hóa nhất định, đặc biệt trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày nay. Nền tảng văn hóa ấy chính là những giá trị của văn hóa truyền thống Việt Nam.

Khi nói tới các giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam là chúng ta đề cập tới những giá trị tốt đẹp, những yếu tố thúc đẩy cho sự phát triển, nó tiêu biểu cho bản sắc văn hóa dân tộc ta. Đó là sự kết tinh của toàn bộ tinh hoa văn hóa, được hun đúc lên trong quá trình hình thành, tồn tại và phát triển của dân tộc Việt Nam. Giá trị văn hóa truyền thống được tập trung ở bản sắc văn hóa dân tộc. Nó là những yếu tố mang tính bền vững, cốt lõi vừa có tính bất biến, vừa có tính biến đổi, tự bổ sung, chuyển hóa để phù hợp với tính chất của thời đại và ngày càng phong phú hơn. Giá trị văn hóa truyền thống là cơ sở vững chắc trong sự vận động, phát triển của xã hội ở mỗi cộng đồng dân tộc.

Hệ thống các giá trị văn hoá truyền thống Việt Nam phong phú và đa dạng. Việc kế thừa và phát huy các giá trị này là khơi dậy, củng cố và làm phong phú thêm bản sắc văn hoá dân tộc. Thông qua đó, làm cho các thế hệ nối tiếp tiếp tục bảo tồn, phát triển văn hoá dân tộc, phát huy sức mạnh tinh thần dân tộc, văn hoá dân tộc vào công cuộc phát triển đất nước theo hướng hiện đại. Do đó, trong quá trình giảng dạy, giảng viên cần khéo léo lồng ghép, trình bày vào bài giảng những giá trị điển hình của văn hóa truyền thống Việt Nam sau:

Một là: chủ nghĩa yêu nước Việt Nam: chủ nghĩa yêu nước của người Việt Nam không phải tự nhiên mà có, giá trị ấy có được gắn liền với đặc thù hình thành quốc gia dân tộc Việt Nam. Dân tộc Việt Nam được hình thành từ cộng đồng của 54 dân tộc anh em. Mỗi cộng đồng dân tộc có điều kiện sống riêng, có đặc điểm văn hoá khác nhau nhưng đều có chung là yêu nước. Chủ nghĩa yêu nước là một trong những giá trị điển hình của bản sắc văn hoá Việt Nam. Nó là giá trị văn hoá truyền thống xuyên suốt lịch sử dân tộc và hun đúc tinh thần, khí phách của con người Việt Nam. Việt Nam là một nước nhỏ nhưng trong quá trình tồn tại, chúng ta đã phải chống lại đế quốc hùng mạnh nhất thế giới. Yêu nước được coi là giá trị hàng đầu của người Việt Nam qua mọi thời đại, nó trở thành cái chung trong mỗi con người, trở thành thước đo phẩm giá của người Việt Nam.

Chính yêu nước đã tạo ra chủ nghĩa anh hùng Việt Nam. Người Việt Nam có bản tính là yêu chuộng hoà bình, có lối sống thân thiện, tôn trọng tự do nhưng khi đất nước bị đe dọa bởi các thế lực ngoại xâm thì mọi người sẵn sàng giết giặc. Họ sẵn sàng “*quyết tử vì tổ quốc quyết sinh*”, “*thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ*”. Và khi giặc đến nhà thì: “*Hễ là người Việt Nam ai cũng phải tham gia giết giặc cứu nước*”.

Yêu nước là một tình cảm đã được ăn sâu vào máu thịt của người Việt Nam, không bao giờ nguôi, không bao giờ quên, không bao giờ mờ nhạt, không bao giờ mất. Lịch sử phát triển của dân tộc ta đã chứng minh cho sức sống mãnh liệt của giá trị chủ nghĩa yêu nước trong con người Việt Nam. Dân tộc ta đã từng bị đế quốc ngoại lai xâm chiếm, đô hộ hàng ngàn năm nhưng họ không thể đồng hóa được dân tộc Việt, với những đòn tra

tấn dã man của kẻ thù cũng không thể khuất phục được ý chí bất khuất, kiên cường chống lại kẻ thù của các chiến sỹ cách mạng, thậm chí nhiều người sẵn sàng chết vì tổ quốc vì họ hiểu và tin rằng sự ngã xuống của họ để Tổ quốc tồn tại.

Đối với sinh viên, tinh thần yêu nước trong giai đoạn hiện nay được biểu hiện là sự vững tin vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa Xã hội ở Việt Nam, nhận diện và chống lại những luận điểm sai trái, xuyên tạc bản chất của chế độ ta. Đồng thời, nó còn được biểu hiện là ý chí khắc phục khó khăn để vươn lên vươn lên trong học tập để tiếp thu tri thức làm chủ công nghệ mới để sau này phục vụ xã hội, phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân góp phần chống đói nghèo, chống lạc hậu để đưa đất nước phát triển lên một tầm cao mới. Để được “*sánh vai với các cường quốc năm châu*” như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng mong muốn. Để đạt được mục tiêu “*dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh*”, đất nước thoát khỏi tình trạng một nước có thu nhập trung bình, “*trở thành nước phát triển, thu nhập cao*”.

Hai là: tinh thần cần cù, chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn. Tinh thần cần cù, chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn là một đức tính quan trọng của người Việt, trở thành một giá trị của văn hóa truyền thống Việt Nam. Có thể nói, về bản chất của con người luôn có tính cần cù, chịu đựng gian khổ, nó không chỉ tồn tại duy nhất ở người Việt. Nó là một đặc tính cố hữu của con người. Bởi lẽ, ngay từ khi xuất hiện loài người, các yếu tố đầu tiên của lao động luôn chứa đựng trong nó đặc tính cần cù và chịu đựng gian khổ. Chỉ thông qua cần cù và chịu đựng gian khổ con người mới cải biến được thế giới khách quan, tạo ra các sản phẩm để thỏa mãn nhu cầu của mình. Tuy nhiên, để các đặc tính ấy trở thành giá trị của văn hóa của mỗi dân tộc lại là vấn đề khác, điều đó cần môi trường xã hội và sự quy định của hệ tư tưởng, tính cách văn hóa.

Đối với dân tộc Việt Nam, ngay từ khi mới hình thành với điều kiện sống chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp. Trong điều kiện sản xuất đó đòi hỏi con người phải chịu đựng gian khổ và cùng với công cụ lao động ban đầu còn giản đơn nên lao động với sức lực bỏ ra lớn. Với điều kiện tự nhiên khắc nghiệt nên dân tộc ta “*nửa năm tát nước ra sông, nửa năm vất đất thay trời làm mưa*”. Bên cạnh đó, để tồn tại dân tộc ta cũng phải liên miên thực hiện các cuộc chiến tranh để bảo vệ đất nước, bảo vệ xóm làng trước nạn ngoại xâm. Do vậy, những đức tính cần cù, chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn đã dần trở thành một tính cách, một giá trị quan trọng của đời sống dân tộc Việt Nam. Cùng với tinh thần yêu nước, người Việt lao động sản xuất và chiến đấu bằng tinh thần cần cù, chịu đựng gian khổ. Đức tính đó trở thành tính cách của văn hóa, trở thành giá trị của văn hóa Việt Nam.

Ba là: tinh thần đoàn kết, nhân ái, đây cũng là một yếu tố tạo ra giá trị của văn hóa truyền thống Việt Nam. Việt Nam là một quốc gia không lớn thuộc khu vực Đông Nam châu Á, khí hậu cơ bản của nước ta là nhiệt đới gió mùa, lượng mưa tương đối cao trong

năm, phân chia không đồng đều, cùng với đó là địa hình phức tạp, nhiều sông. Từ đặc điểm địa lý và khí hậu như trên, cư dân Việt Nam thường xuyên chịu sự tác động, tàn phá của thiên tai. Để tồn tại đòi hỏi cư dân Việt Nam phải đoàn kết một lẽ tự nhiên để tạo ra sức mạnh chống lại sự tác động của thiên nhiên.

Bên cạnh đó, Việt Nam luôn bị sự nhòm ngó của các thế lực ngoại bang. Sự tồn tại và phát triển của dân tộc ta gắn liền với công cuộc chống ngoại xâm. Để chống lại ngoại xâm bảo vệ sự tồn tại dân tộc buộc các cộng đồng sống trên lãnh thổ Việt phải quy tụ, đoàn kết lại để tạo ra sức mạnh. Chính lịch sử của chiến tranh chống ngoại xâm là một trong những yếu tố quan trọng để tạo nên tính cộng đồng của người Việt Nam. Lịch sử dân tộc ta đã chứng minh, khi dân tộc có sự đoàn kết nó sẽ tạo ra sức mạnh to lớn để chiến thắng bất cứ kẻ thù nào dù chúng có sức mạnh hơn ta nhiều lần.

Chính từ những điều kiện trên mà đòi hỏi con người Việt Nam không thể tách rời nhau, phải liên kết tạo thành cộng đồng thống nhất. Nếu sống biệt lập con người Việt Nam không thể tồn tại. Sự duy trì mối liên kết cộng đồng cũng là duy trì sự tồn tại của bản thân mỗi cá nhân. Chính vì thế đã tạo ra một lối sống của người Việt là thân thiện, gần gũi, sống có lòng nhân ái, vị tha, quan hệ hòa đồng với mọi người, tạo ra một phương thức chỉ đạo cuộc sống hàng ngày là “*tất lửa tối đèn có nhau*”, là “*một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ*”.

Bốn là: tinh thần trọng đạo lý, tình nghĩa, lạc quan. Đạo lý của con người Việt Nam khắc sâu là lòng biết ơn. Những sắc thái biểu hiện đạo lý của người Việt Nam đã được biểu hiện thông qua tục ngữ, ca dao như “*uống nước nhớ nguồn*”, “*ăn quả nhớ kẻ trồng cây*” hay “*công cha như núi Thái Sơn, nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra*”...

Dân tộc Việt Nam có truyền thống trọng đạo lý, lấy nhân nghĩa, trung hiếu làm hành vi ứng xử của mình. Tinh thần yêu nước, lòng dũng cảm, gan dạ, thủy chung cùng với trí tuệ thông minh đã đưa Việt Nam vượt qua nhiều khó khăn thách thức, có thời kỳ đã là biểu tượng của nhân loại về tinh thần anh hùng bất khuất chống giặc ngoại xâm và xây dựng đất nước.

Lạc quan là một giá trị văn hóa Việt Nam. Lịch sử đã cho thấy, trong công cuộc đấu tranh trước ngoại xâm để giành độc lập và bảo vệ nền độc lập ấy. Thời kỳ ngàn năm bắc thuộc, rất nhiều các cuộc khởi nghĩa đã diễn ra và bị dập tắt, nhiều người đứng lên đấu tranh đã bị đàn áp, song các thế hệ người Việt vẫn không ngừng đứng lên đánh đuổi quân thù, đó là nhờ vào tinh thần lạc quan. Nhờ có tinh thần đó cuối cùng người Việt đã chiến thắng và giành được độc lập, xây dựng quốc gia độc lập, không bị sự đồng hóa của phương Bắc, mặc dù kẻ thù ra sức thực hiện. Lịch sử Việt Nam thế kỷ XIX, thế kỷ XX đã chứng kiến tinh thần lạc quan của nhân dân ta trong cuộc đấu tranh giành độc lập trước các đế quốc như Pháp, Nhật, Mỹ. Nếu không có tinh thần lạc quan, chúng ta không thể chiến thắng trước những kẻ thù hùng mạnh đó.

Trong sự phát triển của thế giới ngày nay, chúng ta chưa được coi là một quốc gia hiện đại về mặt khoa học - kỹ thuật, Việt Nam vẫn đang trong tình trạng tụt các nước có thu nhập trung bình của thế giới về mặt kinh tế. Tuy nhiên Việt Nam cũng được cộng đồng quốc tế đánh giá là một đất nước giàu tài nguyên, có bề dày truyền thống lịch sử và giàu bản sắc văn hoá, đây chính là những yếu tố quan trọng để chúng ta tiến hành đẩy mạnh Công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Văn hóa đã được nhận thức là nền tảng tinh thần của xã hội, là động lực để phát triển đất nước bền vững. Nền tảng ấy là hệ thống các giá trị về chính trị, tư tưởng, đạo đức xã hội, những giá trị này đã được kế thừa và truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác. Nó đã trở thành chỗ dựa vững chắc cho những quốc gia nào biết dựa vào văn hóa để phát triển vững chắc. Văn hóa là biểu hiện của năng lực và tiềm năng sáng tạo của con người. Văn hóa đã giúp con người điều hành và phát triển tư duy, cung cấp các tri thức cho con người để lao động sáng tạo và tồn tại. Nó cũng giúp cho con người định hình và phát triển nhân cách cũng như ứng xử giao tiếp trong đời sống gia đình và xã hội. Văn hóa là động lực to lớn đối với sự nghiệp đổi mới đất nước ngày nay. Từ đó có thể khẳng định, văn hóa là kết tinh sức sống của một dân tộc, nhờ có văn hóa, con người sẽ vượt qua được các thử thách to lớn để suy nghĩ đúng, hành động có mục đích phục vụ con người và sống có lý tưởng cao đẹp.

Việc giảng dạy lý luận chính trị gắn với giáo dục giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam là quá trình tác động có mục đích, có tổ chức, có kế hoạch và bằng phương pháp khoa học để tác động vào sinh viên, trang bị cho họ những tri thức về giá trị văn hóa dân tộc. Để thực hiện vấn đề này đòi hỏi mỗi cán bộ giảng dạy phải có sự am hiểu sâu sắc về tri thức thuộc lĩnh vực văn hóa nói chung và giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam nói riêng. Thông qua sự lồng ghép các giá trị văn hóa Việt Nam vào quá trình giảng dạy lý luận chính trị sẽ giúp sinh viên nhận thức và vận dụng những nguyên lý của chủ nghĩa Mác- Lênin đạt hiệu quả tốt hơn. Từ những tri thức văn hóa đã lĩnh hội, sinh viên sẽ hình thành tình cảm, niềm tin vào quá trình thực hiện công cuộc đổi mới, vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và ứng xử đúng đắn trong cuộc sống.

Giáo dục giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam sẽ góp phần giúp sinh viên tiếp thu và tích lũy được các giá trị của dân tộc. Đây là cơ sở văn hóa nền tảng để giúp họ tự tin đối chiếu, lưu giữ và quảng bá những giá trị văn hóa Việt Nam ra thế giới và có năng lực để lựa chọn tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng ngày nay.

Giá trị văn hóa truyền thống là kết tinh của nền văn hóa Việt Nam. Nó là cầu nối giữa quá khứ, hiện tại và tương lai trên phương diện văn hóa, là nhân tố kích thích lòng yêu nước, tinh thần tự tôn dân tộc, là động lực để tạo ra sức mạnh bảo tồn, duy trì và phát huy những giá trị dân tộc. Sinh viên được giáo dục các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, họ sẽ trân trọng, tự hào về lịch sử phát triển văn hóa Việt Nam nói riêng và lịch sử dân tộc Việt Nam nói chung.

3. KẾT LUẬN

Đảng ta đã nhiều lần khẳng định, lấy con người làm mục tiêu, động lực phát triển đất nước, lấy chủ nghĩa xã hội là mục tiêu phấn đấu và việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, sử dụng pháp luật làm công cụ quản lý đất nước. Tất cả những vấn đề đó được xây dựng trên nền tảng văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, từ đó sẽ là cơ sở để nảy sinh một phương thức sản xuất hiện đại. Ở đó, lối sống của con người Việt Nam vừa mang tính truyền thống vừa mang tính hiện đại, con người Việt Nam có tri thức cao, có thể lực tốt, đây chính là cơ sở để phát triển con người theo những chuẩn giá trị mới. Muốn xây dựng một xã hội văn minh, trước hết chúng ta phải tiến hành xây dựng cuộc sống mới, con người mới bằng tất cả những giá trị văn hóa truyền thống dân tộc và có sự tiếp thu những tinh hoa của văn hóa nhân loại. Để đạt được kết quả quả đó, giáo dục nói chung và giáo dục Đại học nói riêng đóng vai trò quan trọng.

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Chí Bền (2010), *Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh Hội nhập kinh tế quốc tế*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Nguyễn Trọng Chuân (2/1998), “Vấn đề khai thác giá trị truyền thống vì mục tiêu phát triển”, *Tạp chí Triết học*.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập 1*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Phạm Duy Đức (chủ biên, 2010), *Phát triển văn hóa Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 Những vấn đề phương pháp luận* (xuất bản lần hai), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Phan Ngọc (2002), *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
6. Hoàng Vinh (1997), *Một số vấn đề về bảo tồn và phát triển di sản văn hoá dân tộc*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

NGHIÊN CỨU KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN TRONG BỐI CẢNH CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

TS. Phạm Thị Xuân

Trường Đại học Giao thông vận tải

Email: xuan_pt@utc.edu.vn

Tóm tắt: Bài viết đề cập đến 5 nội dung chính giảng dạy môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin dưới tác động của cuộc Cách mạng 4.0.

Từ khóa: Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Cách mạng Công nghiệp, Chủ nghĩa tư bản

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (hay còn gọi là Cách mạng 4.0) với sự phát triển như vũ bão của công nghệ mới, trong đó có giáo dục đại học. Bên cạnh những yếu tố tích cực do cuộc Cách mạng 4.0 mang lại, các thế lực thù địch lại đang lợi dụng những thành tựu tiên tiến của cách mạng khoa học công nghệ để tăng cường các hoạt động chống phá chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước. Trong khuôn khổ bài viết này tác giả đề cập đến một số vấn đề đặt ra liên quan đến nội dung nghiên cứu và giảng dạy môn Kinh tế chính trị Mác-Lênin: Giá trị thặng dư, xuất khẩu tư bản, kinh tế thị trường, công nghiệp hóa...dưới tác động của cuộc Cách mạng 4.0

2. NỘI DUNG

2.1. Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường

Nghiên cứu quá trình sản xuất tư bản chủ nghĩa (TBCN), C.Mác khẳng định: Giá trị thặng dư là một bộ phận giá trị mới dôi ra ngoài giá trị sức lao động do công nhân tạo ra, là kết quả của lao động không công của công nhân cho nhà tư bản. C.Mác chỉ rõ giá trị thặng dư được tạo ra trong lĩnh vực sản xuất chứ không phải là trong lĩnh vực lưu thông, mặc dù lưu thông rất cần cho quá trình sản xuất và thực hiện giá trị thặng dư. Giá trị thặng dư là quy luật kinh tế tuyệt đối của phương thức sản xuất TBCN, không có sản xuất giá trị thặng dư thì không có CNTB, giá trị thặng dư là nguồn gốc của mâu thuẫn cơ bản, nội tại của xã hội tư bản (mâu thuẫn giữa lao động và tư bản, giữa giai cấp tư sản và giai cấp công nhân), mâu thuẫn này ngày càng sâu sắc, đưa đến sự thay thế CNTB bằng một xã hội cao hơn. Chừng nào còn chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, còn hàng hóa sức lao động, chừng đó, lao động làm thuê còn bị bóc lột giá trị thặng dư.

Vào thế kỷ XX xuất hiện quan điểm cho rằng, chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ phù hợp với thế kỷ XIX hoặc cùng lắm là thế kỷ XX - thời đại văn minh cơ khí, còn thế kỷ XXI - thời đại của cách mạng khoa học - công nghệ, Cách mạng công nghiệp 4.0, văn minh tin học, kinh tế tri thức, kinh tế số, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế thì chủ nghĩa Mác - Lênin đã bị lỗi thời.

Như chúng ta biết, CNTB ra đời cách đây khoảng 300 năm. Năm 1784 nước Anh sản xuất ra máy chạy bằng hơi nước với năng suất lao động gấp bội lao động bằng thủ công. Năm 1900 Mỹ sản xuất ra xe ô tô chạy bằng nguyên liệu xăng dầu. Năm 1969 thế giới sử dụng, vận hành sản xuất bằng hệ thống băng chuyền tự động, giảm bớt công nhân lao động giản đơn. Những năm 2000 thế giới đã sử dụng rộng rãi Internet kết nối vạn vật, sử dụng người máy (robot) thay thế người lao động trực tiếp, điều khiển quá trình sản xuất bằng máy tính, công nghệ thông minh... Cách mạng công nghiệp 4.0 làm cho năng suất lao động cao gấp nhiều lần. Để nâng cao năng lực cạnh tranh, thu lợi nhuận siêu ngạch, các doanh nghiệp tư bản ngày càng sử dụng nhiều robot thay thế lao động giản đơn, giảm lao động trực tiếp, năng suất lao động cao, chất lượng tốt, giá thành hạ, lợi nhuận càng cao. Hiện tượng đó đã làm xuất hiện quan điểm chống lại học thuyết giá trị thặng dư của C.Mác, đó là trong thời đại ngày nay, tự động hóa sản xuất với việc sử dụng robot rộng rãi, thay thế người lao động, nên máy móc và khoa học công nghệ chính là nguồn gốc sinh ra giá trị thặng dư. Từ đó, nhiều người đã hiểu sai rằng, lý luận giá trị thặng dư của C.Mác không còn đúng trong thời đại Cách mạng công nghiệp 4.0.

Vì vậy, giảng viên phải không những nắm chắc lý luận của C. Mác về giá trị thặng dư mà còn phải lý giải thấu đáo vấn đề này:

Khi sử dụng máy móc, thiết bị tiên tiến đưa vào sản xuất thì sẽ thu được lợi nhuận siêu ngạch vì đó là do công nghệ tiên tiến làm tăng sức sản xuất của lao động, hạ giá trị cá biệt của hàng hóa xuống thấp hơn giá trị thị trường. Việc tăng năng suất lao động do áp dụng kỹ thuật công nghệ hiện đại có đặc điểm chi phí lao động sống cho một đơn vị sản phẩm giảm nhanh, vì máy móc hiện đại thay thế được nhiều lao động sống hơn. Vì thế, họ thuê ngày càng ít công nhân mà vẫn thu về được giá trị thặng dư nhiều hơn. Máy móc, công nghệ hiện đại như robot, trí tuệ nhân tạo... cho dù có hiện đại đến đâu cũng chỉ là lao động quá khứ, chúng chỉ có thể hoạt động được khi có sự điều khiển của lao động sống của người công nhân mà thôi. Tách rời lao động sống thì người máy cũng chỉ là vật chết, như đồng sắt, phế thải. Đồng thời, giá trị của lao động quá khứ chỉ có thể bảo toàn khi có lao động sống dịch chuyển nó vào giá trị sản phẩm mới theo mức độ khấu hao. Lao động quá khứ không bao giờ có thể tự hoạt động và tự bảo toàn được giá trị của nó trong giá trị sản phẩm mới và càng không thể tạo ra giá trị mới trong đó có giá trị thặng dư. Theo hướng đó, chúng ta có thể nhận thức, bổ sung lý luận giá trị thặng dư của C.Mác như: Lao động tạo ra giá trị thặng dư không phải chỉ có lao động chân tay

của những công nhân trực tiếp sản xuất mà bao gồm cả lao động trí óc của những người lao động gián tiếp khác. Ngoài những ngành lao động truyền thống sản xuất ra vật chất thì lao động của những ngành dịch vụ, quyền sở hữu được pháp luật thừa nhận cũng tạo nên giá trị sản phẩm và giá trị xã hội (như lĩnh vực vận tải, bưu điện, cung cấp thông tin, lao động sản xuất hàng hóa tinh thần hữu hình và vô hình bao gồm các lĩnh vực: giáo dục, khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, văn học nghệ thuật, báo chí xuất bản, thư viện, bảo tàng...Lao động dịch vụ sản xuất hàng hóa sức lao động: Y tế, cắt tóc, thẩm mỹ, thể dục thể thao...).

Còn vai trò của lao động quản lý trong quá trình tạo ra giá trị thặng dư như thế nào thì đã rõ khi Mác nói về nền sản xuất xã hội hóa - mà giá trị thặng dư là kết quả của nền sản xuất như thế. Nền sản xuất xã hội hóa được ví như một dàn hợp xướng. Nếu dàn hợp xướng cần phải có vai trò điều khiển của người nhạc trưởng thì trong công nghiệp phải có “những sĩ quan công nghiệp và hạ sĩ quan”. Nhưng có điều là không nên lầm lẫn giữa khoản thu nhập của các nhà tư bản với tư cách là nhà quản lý sản xuất với thu nhập của nhà tư bản với tư cách là chủ sở hữu. Sự lẫn lộn này trước đây đã dẫn đến quan niệm thu nhập của nhà tư bản, sự giàu có của họ là do lao động quản lý đem lại. Cần nhận rõ, nếu nhà tư bản là nhà quản lý thì lao động của họ trực tiếp tạo ra giá trị thặng dư, thu nhập của họ từ khoản này là một bộ phận nằm trong tư bản khả biến, tức tiền công. Là lao động phức tạp, dĩ nhiên khoản thu nhập này của họ phải cao hơn lao động giản đơn. Nhưng tiền công với phần lợi nhuận ròng mà nhà tư bản thu được là hai khoản chênh lệch nhau rất xa, có nguồn gốc khác nhau. Sự khác nhau về nguồn gốc giữa tiền trả công cho người lao động quản lý với lợi nhuận của nhà tư bản đã bộc lộ hết sức rõ ràng khi nhà tư bản không thực hiện chức năng trực tiếp quản lý sản xuất nhưng vẫn có thu nhập ngày càng lớn.

Việt Nam hiện nay đang trong quá trình Đổi mới, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, muốn nhanh chóng xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội, chúng ta cần vận dụng quy luật giá trị thặng dư, dùng giá trị thặng dư để tạo động lực thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong toàn bộ nền kinh tế. Nhà nước không thể có đủ nguồn lực để tiến hành đổi mới công nghệ trong toàn bộ nền kinh tế, đồng thời, các chương trình, dự án cải tiến công nghệ của nhà nước chưa chắc đã phù hợp với sự đòi hỏi ngày càng cao và biến đổi không ngừng của nhu cầu thị trường, của xã hội. Chủ thể tiến hành đổi mới, cải tiến kỹ thuật chính là các doanh nghiệp kinh doanh trong nền kinh tế thị trường với mục tiêu hoạt động là đáp ứng nhu cầu thị trường để thu được giá trị thặng dư tối đa. Do đó, để thúc đẩy các doanh nghiệp cải tiến kỹ thuật, chúng ta cần tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, tạo điều kiện thuận lợi để các chủ thể kinh tế đầu tư, thu được giá trị thặng dư một cách hợp pháp và chính đáng. Phải tạo điều kiện để các doanh nghiệp thu được giá trị thặng dư ngày càng nhiều bằng cách cạnh tranh sòng phẳng, đổi mới sáng tạo, cải tiến kỹ thuật không ngừng.

Sự xuất hiện của cuộc Cách mạng khoa học kỹ thuật là một tiến bộ của lịch sử, nó thể hiện ở sự tăng lên của năng suất lao động, khối lượng của của cải vật chất tạo ra ngày càng nhiều hơn. Với khối lượng của cải vật chất ngày càng nhiều đó là cơ sở khoa học hiện thực nhất, đúng đắn nhất để nâng cao đời sống của người dân, của xã hội. Cuộc cách mạng 4.0 cũng vậy, nó tạo điều kiện tiền đề vật chất để nâng cao năng suất, cải tiến đời sống của người dân, nhờ đó sẽ rút ngắn con đường đi lên CNXH. Đành rằng cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 có thể làm thiên lệch quá trình phân phối giá trị thặng dư nghiêng về các tập đoàn công nghệ hàng đầu của thế giới, sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, hố sâu ngăn cách giàu nghèo ngày càng gia tăng...nhưng rõ ràng, có một hiện thực không thể phủ nhận là thu nhập và mức sống trung bình của xã hội đã cao hơn trước. Đây chính là biểu hiện rõ rệt nhất, đặc trưng nhất, hiện thực nhất của sự phát triển, của sự tiến bộ của xã hội loài người.

2.2. Vấn đề xuất khẩu tư bản hiện nay

Đây là một trong năm đặc điểm kinh tế cơ bản của độc quyền trong CNTB. Ngày nay, trong xu thế toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế, sự áp đặt mang tính chất thực dân trong xuất khẩu tư bản đã được gỡ bỏ dần và thay vào đó là nguyên tắc cùng có lợi trong đầu tư được đề cao. Bởi vì, trong bối cảnh mới hiện nay, quá trình phân công lao động xã hội mở rộng trên phạm vi quốc tế đã lôi kéo tất cả các quốc gia, vùng lãnh thổ hội nhập vào nền kinh tế thế giới. Hiện thực đó khiến cho tính áp đặt, can thiệp thô bạo kiểu thực dân trong xuất khẩu tư bản được thay thế bằng tính hợp tác trên nguyên tắc hai bên cùng có lợi trong quan hệ quốc tế. Thậm chí, một số quốc gia kém phát triển còn chấp nhận bị “bóc lột” ở mức độ nhất định nhằm lợi dụng nguồn tư bản bên ngoài, tạo “cú hích”, hiệu ứng lan tỏa cho phát triển kinh tế, từ đó các nước đang phát triển lại có thêm cơ hội đầu tư sang nước khác.

Mặt khác, các nước tư bản phát triển vẫn thu được lợi nhuận cao khi đầu tư vào thị trường nước đang phát triển, thể hiện bản chất của CNTB vẫn không thay đổi. Như vậy, xuất khẩu tư bản ngày nay không nhấn mạnh tính “bóc lột” của các hoạt động đầu tư quốc tế. Thay vào đó, mỗi quốc gia, bất chấp sự khác biệt về chính thể và con đường phát triển đều có động cơ và lợi ích khi tham gia vào các làn sóng đầu tư quốc tế và coi đó là cơ hội, cũng như cách thức phát triển kinh tế

2.3. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Trong quá trình nghiên cứu, giảng dạy về kinh tế thị trường, có nhiều câu hỏi đặt ra, trong đó có vấn đề kinh tế nhà nước có nhất thiết phải giữ vai trò chủ đạo trong nền KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam hay không? Để giải đáp câu hỏi này thì căn cứ từ các mặt sau:

- Kinh tế nhà nước có vai trò đảm bảo khả năng:

+ Tạo lập các điều kiện vật chất kinh tế - xã hội, hệ thống kết cấu hạ tầng cho phát triển nền kinh tế quốc dân.

+ Giữ vai trò then chốt của nền kinh tế và đảm bảo nền kinh tế phát triển độc lập, tự chủ, theo định hướng mục tiêu.

+ Đảm bảo cho sự phát triển ổn định của nền kinh tế thông qua điều tiết, hướng dẫn, giúp đỡ và liên kết với các thành phần kinh tế khác cùng phát triển.

+ Đảm nhận các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, dịch vụ công có tính chiến lược đối với sự phát triển kinh tế - xã hội đòi hỏi vốn đầu tư lớn, đầu tư mạo hiểm, mang ý nghĩa an sinh xã hội cần thiết cho nền kinh tế mà các chủ thể kinh tế khác không sẵn sàng đảm nhận.

+ Chủ động tham gia vào những lĩnh vực khoa học công nghệ mũi nhọn, khoa học cơ bản có tính rủi ro cao...

- Kinh tế nhà nước dựa trên chế độ công hữu chủ yếu về tư liệu sản xuất nhằm định hướng phát triển XHCN ở nước ta, nhà nước XHCN, nhà nước của dân, do dân và vì dân. Vì vậy, phải cần thiết củng cố và tăng cường kinh tế nhà nước trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Bởi vì, không đảm bảo vai trò kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo thì không thể đạt được mục tiêu con đường đi lên CNXH ở Việt Nam.

Kinh tế nhà nước gánh vác chức năng và vai trò xã hội bao trùm trong nền kinh tế quốc dân, đảm nhận những ngành, lĩnh vực, địa bàn khó khăn mà các thành phần kinh tế khác không muốn đầu tư. Thực hiện đảm bảo cân bằng về đầu tư phát triển theo vùng, miền, đảm nhận các ngành sản xuất hàng hóa công cộng và dịch vụ công thiết yếu.

Do đó, kinh tế nhà nước cần phải giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam.

2.4. Về quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam

Lợi ích kinh tế là phạm trù kinh tế khách quan, là động lực của các hoạt động kinh tế. Việc hài hòa lợi ích kinh tế sẽ góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển bền vững hơn, góp phần thúc đẩy quá trình tái cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Trong nền kinh tế hội nhập, mở cửa và sự phát triển nhanh chóng của khoa học - công nghệ, vai trò của nhà nước và thị trường trong giải quyết hài hòa lợi ích kinh tế ở Việt Nam là vô cùng quan trọng. Để đảm bảo hài hòa các quan hệ lợi ích thì chỉ có kinh tế thị trường là chưa đủ mà cần có sự can thiệp, điều tiết của nhà nước XHCN vào các quan hệ lợi ích bằng những công cụ hay chính sách như: giáo dục, pháp luật, hành chính, kinh tế, an sinh xã hội...đối với các chủ thể, hạn chế mâu thuẫn và giải quyết kịp thời mâu thuẫn hoặc xung đột lợi ích xảy ra. Vai trò của nhà nước là đảm bảo hài hòa các quan hệ lợi ích như:

+ Bảo vệ lợi ích hợp pháp, tạo lập môi trường (kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội) thuận lợi cho các tác nhân tham gia quan hệ lợi ích.

+ Điều hòa lợi ích giữa cá nhân - doanh nghiệp và xã hội bằng các chính sách, trong đó nhấn mạnh chính sách phân phối, an sinh xã hội để thể hiện ngày càng đầy đủ sự công bằng xã hội.

+ Kiểm soát, ngăn ngừa các quan hệ lợi ích kinh tế ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển xã hội

+ Giải quyết những mâu thuẫn trong quan hệ lợi ích.

2.5. Về công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Bên cạnh việc giảng dạy, giảng viên còn có nhiệm vụ nghiên cứu để hiểu sâu hơn vấn đề này, nhằm luận chứng rõ hơn con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Trước hết, việc nhận thức phát triển đất nước không chỉ đơn thuần là phải tiến hành công nghiệp hóa, mà công nghiệp hóa phải đi cùng với hiện đại hóa, gắn chặt chẽ công nghiệp hóa, hiện đại hóa với phát triển kinh tế tri thức trong từng bước phát triển. Khi đề cập đến tính tất yếu khách quan của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam, giảng viên có thể liên hệ bối cảnh mới khi nước ta hội nhập mạnh mẽ, liên tục tham gia các đàm phán Hiệp định FTA với các đối tác đa phương, khu vực và song phương. Cần làm rõ hơn phạm vi công nghiệp hóa, hiện đại hóa không chỉ chuyển dịch cơ cấu kinh tế (như quan niệm trước đây), mà sự chuyển dịch này theo hướng hiện đại, hợp lý và hiệu quả. Đồng thời, công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện cuộc Cách mạng 4.0 còn bao gồm tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế, chính trị và xã hội, để phù hợp với sự phát triển của đất nước trong điều kiện thế giới đang chuyển mạnh sang coi trọng ứng dụng những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Bởi vì, sự gắn kết công nghiệp hóa, hiện đại gắn liền với cuộc cách mạng 4.0 ở Việt Nam, phải khẳng định là cấp thiết để nước ta không chỉ vượt qua “nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước trong khu vực và trên thế giới”, mà còn sớm đưa Việt Nam trở thành nền kinh tế hiện đại, đáp ứng yêu cầu xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện thực, hội nhập quốc tế sâu hơn, đầy đủ hơn. Ngoài ra, để hoàn thiện công tác nghiên cứu, giảng dạy, giảng viên cần thường xuyên nghiên cứu, cập nhật, bổ sung, hoặc phân tích luận giải những nội dung còn khái quát, minh họa những số liệu có tính thời sự nhằm cho bài giảng sinh động. Tuy nhiên, lưu ý những nội dung, số liệu bổ sung phải bám sát bài giảng, môn học, không thoát ly mục tiêu, yêu cầu bài giảng và thời lượng thực hiện bài giảng quy định.

3. KẾT LUẬN

Các yếu tố của thời đại, đặc biệt là cuộc Cách mạng 4.0 đã tác động một cách không nhỏ trong giảng dạy các môn Khoa học Mác - Lênin nói chung, môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin nói riêng như đã phân tích ở trên. Để giảng dạy có tính thuyết

phục các môn khoa học Mác - Lênin trong hoàn cảnh hiện nay, đòi hỏi người dạy vừa phải truyền đạt, phân tích được các nội dung cơ bản của lý luận Mác - Lênin, vừa phải lý giải một cách hợp lý các vấn đề thực tiễn của thời đại đang đặt ra trên cơ sở phải đúng với các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Chúng ta luôn nhớ rằng, chủ nghĩa Mác - Lênin không phải là một thứ tín ngưỡng hay giáo điều cứng nhắc, mà là một học thuyết mang tính mở, sáng tạo, gắn liền với sự phát triển của thực tiễn hay nói cách khác, là thể giới quan và phương pháp luận khoa học. Muốn bảo vệ một cách đúng nghĩa nhất thì phải thực sự sử dụng vũ khí tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin, phải phát huy sức mạnh thể giới quan và phương pháp luận của nền tảng tư tưởng trong hoạt động thực tiễn nghĩa là phải giải quyết vấn đề của thực tiễn. Do đó, chủ nghĩa Mác - Lênin phải được nuôi dưỡng, bổ sung và phát triển bằng thực tiễn cuộc sống.

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Dành cho bậc Đại học không chuyên lý luận chính trị), NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021.
2. Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia, Tổng luận “Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”, Hà Nội, 2017.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự Thật, Hà Nội, 2016
4. Nguyễn Cúc, Các cơ sở giáo dục đào tạo ở Việt Nam trước thách thức của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, Tạp chí Lý luận chính trị, Số 10/2017.
5. Nguyễn Đình Hương, Việt Nam hướng tới nền giáo dục hiện đại, NXB, Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2009.

VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC VÀ CÁC KHOA HỌC ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

ThS. Lê Ngọc Cương

Trường Đại học Giao thông vận tải

Email: cuong_ln@utc.edu.vn

***Tóm tắt:** Nhận thức thế giới là nhu cầu cần thiết, tất yếu được hình thành, nảy sinh trong quá trình hoạt động thực tiễn của con người. Có nhiều hình thái nhận thức khác nhau cùng hình thành, xuất hiện, tồn tại. Các hình thái nhận thức khác nhau có vị trí, vai trò của chúng đối với đời sống của con người. Trong các hình thái đó, triết học là hình thái nhận thức cao nhất, biểu hiện trình độ nhận thức cao nhất của tư duy con người. Triết học vừa thực hiện các chức năng nhận thức của nó, vừa đóng vai trò chỉ lối thế giới quan và phương pháp luận đối với các khoa học, vừa góp phần vào việc kiến tạo đời sống xã hội theo hướng nhân văn, nhân bản.*

***Từ khoá:** nhận thức thông thường, nhận thức khoa học, nhận thức triết học, chức năng nhận thức, chức năng giáo dục, chức năng thẩm mỹ.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Triết học và các khoa học là những hình thái nhận thức khoa học khác nhau và là những biểu hiện tồn tại khác nhau của ý thức xã hội. Triết học và các khoa học là các lĩnh vực tinh thần khác nhau của đời sống xã hội, là những thành tố cấu thành cơ bản của ý thức xã hội. Xét về mặt nguồn gốc hình thành, xuất hiện, cả triết học và các khoa học (Khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn) đều bắt nguồn từ thực tiễn, từ hoạt động sản xuất vật chất, từ đấu tranh cải tạo xã hội của con người; đều là sản phẩm của quá trình con người tác động vào giới tự nhiên và cải tạo nó của con người; đều là sản phẩm của quá trình nhận thức, nắm bắt, khái quát thế giới của con người. Xét về mặt bản chất tri thức, cả triết học và khoa học đều là hệ thống lý luận biểu đạt sự hiểu biết của con người về thế giới, về quá trình sinh sống và hoạt động của con người.

Cùng nhận thức, nắm bắt, khái quát và phản ánh thế giới nhưng đối tượng nhận thức, nắm bắt, khái quát và phản ánh của triết học và các khoa học khác nhau vì vậy giá trị tri thức của triết học và các khoa học khác nhau. Đối tượng nhận thức của các khoa học là các miền có giới hạn của thế giới toàn bộ, tổng thể nên miền khái quát, phản ánh

của chúng có giá trị giới hạn, chỉ trong phạm vi, lĩnh vực mà các khoa học đó nghiên cứu. Đối tượng nhận thức của triết học là toàn bộ, tổng thể thế giới (tự nhiên, xã hội, tư duy) nên miền khái quát, phản ánh của triết học là toàn bộ thế giới đó. Triết học vì vậy là tri thức về cái toàn bộ, cái tổng thể, trong khi tri thức của các khoa học là tri thức về cái bộ phận, cái chuyên biệt, chuyên ngành. Triết học là tri thức về cái toàn bộ, các khoa học là tri thức về cái bộ phận vì vậy cái toàn bộ và các bộ phận có mối liên hệ với nhau do thế giới bên ngoài là nguồn gốc của chúng.

Cái mới của bài báo: Trong bố trí chương trình môn học triết học Mác-Lê Nin áp dụng cho bậc đại học không chuyên có những hạn chế.

a. Thiếu hẳn phần lý luận về vai trò của triết học nói chung. Theo tác giả phải xuất phát từ lý luận căn bản về vai trò của triết học nói chung mới đi đến được vai trò của triết học Mác Lê Nin.

b. Thiếu hẳn phần lý luận căn bản về các loại hình nhận thức thế giới. Theo tác giả phải xuất phát từ lý luận căn bản về các loại hình nhận thức thế giới nói chung và từ đó đi tới giải thích cốt nghĩa quan điểm của triết học Mác Lê Nin về nhận thức và việc giảng dạy phần kiến thức này sẽ rất logic trong cấu hình nhận thức.

c. Đặt nhiệm vụ khái quát toàn bộ các loại hình nhận thức thế giới, chỉ ra đặc trưng tri thức của chúng, so sánh trình độ khái quát, biểu đạt của chúng, tác giả bài báo hệ thống hóa thành lý luận triết học trình bày rõ ràng vai trò của các khoa học và nhấn mạnh vai trò đặc biệt của triết học. Đây là phần tác giả đặt hy vọng cung cấp những kiến thức triết học nền tảng ngõ hầu phục vụ việc giảng dạy môn học triết học Mác - Lê Nin ở các trường Đại học được tốt hơn.

2. NỘI DUNG

2.1. Các hình thái nhận thức thế giới của con người

Trong quá trình nhận thức thế giới và khái quát nó đã tồn tại các loại hình nhận thức cơ bản là nhận thức thông thường (common cognition) nhận thức khoa học (Scientific cognition), nhận thức triết học (Philosophical cognition). **Nhận thức thông thường** (common cognition) là quá trình tìm hiểu khám phá, nắm bắt những sự kiện, biến cố, những hiện tượng diễn ra trong đời sống con người. Đối tượng của nhận thức thông thường là những sự việc biến cố xảy ra và có liên quan đến đời sống thường nhật của con người. Nhận thức thông thường được hình thành trực tiếp, tự phát từ cuộc sống hàng ngày, dưới ảnh hưởng trực tiếp của đời sống sinh hoạt vật chất hàng ngày của con người. Kết quả của nhận thức thông thường là những tri thức hay hiểu biết thông thường về môi trường điều kiện, hoàn cảnh trong đó đời sống của con người diễn ra thường nhật và chịu sự tác động của chúng. Nhận thức thông thường có đặc tính chủ quan, lộn xộn,

mơ hồ. Nhận thức thông thường xảy ra thường xuyên, tất yếu, phổ biến đối với mọi cá nhân. Nhận thức thông thường đưa lại sự hiểu biết thông thường của con người về thế giới. Đó là những nhận xét, đánh giá có tính cách cá nhân, riêng lẻ, có giới hạn của những cá nhân, nhóm người, cộng đồng người có giới hạn. Nhận thức thông thường hình thành nên thế giới quan, nhân sinh quan, chuẩn mực sống của con người trong một giới hạn nhất định.

Nhận thức khoa học (Scientific cognition) là quá trình nhận thức tự giác, chủ động với những phương pháp tìm hiểu, nắm bắt khoa học hướng vào những đối tượng nhất định, vào những phạm vi, lĩnh vực nhất định của thế giới và được thực hiện bởi những người nghiên cứu nhất định được gọi là các nhà nghiên cứu khoa học. Nhận thức khoa học khác với nhận thức thông thường ở chỗ: Nhận thức khoa học có đối tượng nghiên cứu xác định, có phương pháp nghiên cứu khoa học chuẩn mực và có mục đích nghiên cứu rõ ràng. Mục đích nghiên cứu khoa học là nắm bắt được bản chất, quy luật của sự vật hiện tượng và khái quát thành học thuyết lý luận khoa học. Nhận thức khoa học với đối tượng xác định, với phương pháp nghiên cứu chuẩn mực đưa đến tri thức hay hiểu biết khoa học về đối tượng hay phạm vi mà nó nghiên cứu. Tri thức khoa học dựa vào sự chặt chẽ của chứng minh, sự hợp lý của những công cụ tư tưởng, những định luật được rút ra từ thực nghiệm nghiên cứu, từ những quan sát thí nghiệm kiểm chứng được. Bởi vậy có thể nói khoa học là một hệ thống tri thức, được khái quát từ nghiên cứu thực tế của con người, là những đúc rút của con người từ nghiên cứu thực tại của các đối tượng. Khoa học là hệ thống lý luận chuẩn mực được diễn đạt dưới dạng các khái niệm, phạm trù, định luật.

Nhận thức triết học (Philosophical cognition) là quá trình nhận thức trừu tượng bậc cao về thế giới của con người, là quá trình nhận thức thế giới bằng các công cụ tư duy thông qua các khái niệm, phạm trù, quy luật dựa vào các quy tắc hoạt động của chúng. Nhận thức triết học là nhận thức tổng thể thế giới (tự nhiên, xã hội, tư duy), là nhận thức các mối liên hệ phổ quát, phổ biến, nhận thức các thuộc tính, đặc điểm cơ bản, chủ yếu của toàn bộ, tổng thể thế giới. Nhận thức triết học vượt lên mọi thực tại khả giác, khả tri, mọi đối lập nhị nguyên giữa chủ thể và khách thể, mọi biên giới xác định mà các khoa học đã tạo ra một cách chủ quan trong nghiên cứu của chúng. Nhận thức triết học nắm bắt cái thống nhất trong sự phong phú, đa dạng của các sự vật hiện tượng, nắm bắt mối liên hệ, bản chất và quy luật của chúng. Với đối tượng nhận thức của mình là toàn bộ tổng thể thế giới, tri thức triết học đương nhiên là tri thức tổng quát, bao quát về toàn bộ thế giới, là tri thức khái quát thế giới trong tính tổng thể, trong các mối liên hệ tổng quát, phổ quát của nó. Tri thức triết học, so với tri thức của các khoa học có thể nói là tri thức toàn bộ, bao quát, bao trùm toàn bộ thế giới, bao trùm toàn bộ các sự vật, hiện tượng.

2.2. Chức năng của các khoa học và chức năng của triết học

Do đối tượng nhận thức khái quát, phản ánh, do tầng bậc nhận thức khái quát, phản ánh mà tri thức khoa học là một hệ thống có thang bậc cả về phạm vi và chiều sâu phản ánh mà các tri thức được phân loại thành các khoa học khác nhau. Sự phân loại tri thức theo quan điểm hiện đại đã sắp xếp thành các khoa học khác nhau: Khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ và khoa học xã hội và nhân văn. Khoa học tự nhiên (Natural science) là các khoa học lấy giới tự nhiên, lấy thiên nhiên, lấy các sự vật hiện tượng bên ngoài con người làm đối tượng nghiên cứu như vật lý học, hóa học, sinh vật học, thiên văn học v.v... cùng với những cành nhánh nghiên cứu khác nhau của chúng như: Lý - Hóa, Hóa - Sinh, Lý - Sinh v.v...

Khoa học công nghệ (Technological Sciences) là các khoa học ứng dụng, nảy sinh từ việc nghiên cứu lý thuyết của các khoa học như công nghệ sinh học, công nghệ bán dẫn, công nghệ nano v.v... có thể nói khoa học công nghệ là hiện thực hóa của khoa học tự nhiên, là quá trình áp dụng những nghiên cứu lý thuyết, nghiên cứu cơ bản đã đạt được vào trong thực tiễn đời sống xã hội, là quá trình làm cho tri thức khoa học hiện diện và có giá trị thiết thực đối với đời sống của con người.

Khoa học xã hội và nhân văn (Social and Humanities Sciences) là các khoa học nghiên cứu về xã hội như kinh tế học, xã hội học, tâm lý học, nhân học, sử học, địa lý học, địa chính trị học, văn hóa học, tôn giáo học, triết học v.v... Các khoa học này lấy con người trong tương quan với các hoạt động của nó làm đối tượng nghiên cứu. Mỗi chúng tập trung vào nhận thức, nắm bắt các phương diện xã hội khác nhau của con người.

2.2.1. Chức năng của các khoa học

Dù là khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn đều có chức năng sau đây:

* **Chức năng nhận thức:** Nhận thức, nắm bắt, khái quát đối tượng nghiên cứu cụ thể của chúng. Mỗi khoa học luôn luôn bám sát đối tượng nghiên cứu của nó để tìm hiểu, khám phá, nắm bắt những thuộc tính, đặc điểm của nó. Mỗi khoa học đều đi sâu vào cái bộ phận, các khu biệt, các phân khu mà nó đã xác định trong các thế giới vô hạn, vô tận. Mỗi khoa học tìm kiếm chân lý trong miền sự vật hiện tượng có giới hạn của nó: Cơ học nắm bắt, khái quát các trạng thái đứng yên, chuyển động của các vật. Vật lý học nắm bắt khái quát quá trình biến đổi của nhiệt, điện từ, ánh sáng. Thiên văn học nắm bắt và khái quát các đối tượng vũ trụ, đặc biệt là các đối tượng trong hệ Mặt trời v.v... Sử học nghiên cứu, nắm bắt và khái quát mối liên hệ giữa các sự kiện, biến cố lịch sử đã diễn ra trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa v.v... Xã hội học nắm bắt và khái quát các mối liên hệ xã hội về kinh tế., về cộng đồng, về đô thị, về giới, về sắc tộc v.v...

Từ việc nhận thức, nắm bắt, khái quát đối tượng nghiên cứu của chúng, các khoa học đi đến xây dựng bức tranh lý luận về đối tượng, phạm vi nghiên cứu của chúng, đưa ra quan điểm khoa học của chúng. Vì vậy, thực chất và xét đến cùng mỗi khoa học có một hệ thống quan điểm, quan niệm về các đối tượng nghiên cứu của chúng. Mỗi khoa học là một thế giới quan và đương nhiên thế giới quan khoa học của các khoa học bị giới hạn bởi các đối tượng nghiên cứu có giới hạn của giới hạn của chúng. Mỗi khoa học là một lăng kính có giới hạn chỉ bao quát được một đối tượng có giới hạn của nó. Chân trời khoa học mà mỗi khoa học mang lại là chân trời hữu hạn. Các tri thức do các khoa học mang lại chỉ cắt nghĩa được các sự vật trong giới hạn nghiên cứu cụ thể của nó. Sự vật hiện tượng đối với mỗi khoa học là như thế, nguyên do cụ thể là như thế và sự vật diễn biến như thế. Các khoa học không bao giờ vươn tới được các câu hỏi tổng quát như: Nguyên nhân, nguồn gốc, lý do tổng quát của toàn bộ thế giới, toàn bộ vũ trụ. Đối với các câu hỏi tổng quát này, các khoa học không bao giờ bước qua được giới hạn của chúng. Câu hỏi về lý do tổng quát của thế giới là địa hạt của triết học và cũng là câu hỏi tạo ra sự phân biệt giữa các khoa học và triết học. Với giới hạn về đối tượng nghiên cứu của chúng “Nghiên cứu khoa học của các khoa dẫn đến câu hỏi khoa học có đủ thẩm quyền đặt ra và giải đáp mọi vấn nạn hầu thỏa mãn nhu cầu hiểu biết của trí tuệ con người không” (1). Có thể khẳng định rằng “Khoa học không phải là toàn thể nhận thức của con người mà chỉ là một phần nhận thức liên quan tới các thực tại hữu hình. Bởi thế tất cả những gì ngoài thế giới hữu hình đều không thuộc phạm vi và thẩm quyền của khoa học” (2). Nói cách khác, mỗi khoa học trong phạm vi nghiên cứu, đối tượng nghiên cứu của nó, chỉ đưa đến một chân lý tương đối, chỉ khái quát đối tượng cụ thể có giới hạn của nó. Chân lý khóa học là chân lý tương đối, các khoa học có các chân lý tương đối của chúng. Chúng là bất toàn trong khái quát toàn cục, tổng thể. Chúng chỉ thực hiện được chức năng nhận thức, nắm bắt, khái quát đối tượng cụ thể của chúng. Chúng là tất yếu trong địa hạt của chúng và là bất tất nếu đem áp dụng vào toàn bộ, tổng thể sự vật, nếu đem áp dụng vào toàn bộ thế giới.

*** Chức năng xã hội:**

Các khoa học luôn luôn có vai trò xã hội của chúng. Dù nghiên cứu lý thuyết hay áp dụng lý thuyết vào thực tế, các khoa học (khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn) luôn luôn đóng một vai trò nhất định đối với xã hội. Chúng luôn luôn có sức mạnh của chúng và đóng góp vào sự tồn tại, vận động, phát triển của xã hội. Theo Ph. Ăng Ghen, một trong những ông tổ sáng lập ra triết học Mác - Lênin, chính khoa học là lực lượng thúc đẩy xã hội vận động phát triển. Sự đóng góp các khoa học vào đời sống xã hội có thể hoặc theo cách trực tiếp hoặc theo cách gián tiếp. Khoa học, như nó diễn biến trong lịch sử, luôn luôn là một lực lượng xã hội, có sức mạnh của chúng có sự tác động vào tiến trình tồn tại, vận động của xã hội. Khoa học là một thiết chế tinh thần làm thành các lĩnh vực tinh thần của đời sống xã hội.

Sự phát triển của khoa học công nghệ do cuộc cách mạng 4.0 là một minh chứng. Là sự đóng góp của khoa học vào đời sống xã hội. Khoa học công nghệ trong bối cảnh quốc tế hiện nay thực sự trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp thúc đẩy sản xuất phát triển. Năng lượng hạt nhân, năng lượng nước, năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, điện tử viễn thông được các khoa học tự nhiên khám phá phát hiện và được áp dụng vào sản xuất hữu hiệu. Các ngành vật liệu như luyện kim, chất dẻo, nano v.v... thực sự mang lại bộ mặt mới cho lực lượng sản xuất trong bối cảnh toàn cầu hóa của những thập niên đầu thế kỷ XXI. Khoa học công nghệ hiện nay thực sự đưa đến nâng cao chất lượng sống của con người “Khoa học có thể làm cho đất đai thêm màu mỡ, thân thể con người thêm cường tráng, đời sống con người thêm tiện nghi” (3).

Mặc dù vậy, bản thân các khoa học cũng có tính hai mặt của chúng. Mặt tích cực, mặt tiến bộ, mặt văn minh chỉ là một mặt của các khoa học. Mặt hạn chế, mặt có hại cũng là một mặt khác của các khoa học. Các khoa học đều chứa đựng trong mình nó tính hai mặt của chúng. V.I Lê Nin đã chỉ ra mặt hạn chế, mặt trái của các khoa học. V.I. Lê Nin viết: “Cùng với thời gian, “gót sắt” của những trạm điện và những con quái vật công nghiệp khác có thể giẫm nát cả đồng ruộng và rừng rú, bước lên bờ những những con sông trong trẻo và con người sẽ ước mơ về một lớp khí sạch và nước mát” (4), các khoa học cũng dẫn đến tàn phá môi trường và trong một số trường hợp dẫn đến hủy diệt con người khi những thành tựu nghiên cứu của chúng được áp dụng để thỏa mãn sự ích kỷ, sự ác độc và những toan tính của cá nhân, những mưu đồ chính trị có tính bè phái, cực đoan và dân tộc cực đoan, tôn giáo cực đoan... De Broglie (1875 - 1960) nhà Vật lý người Pháp đã từng đặt câu hỏi: “Khoa học có thể làm cho đất đai thêm màu mỡ, thân thể con người thêm cường tráng, đời sống con người thêm tiện nghi nhưng khoa học bất lực trong việc làm thế nào cho con người khỏi âu lo trước giờ chết, khỏi thắc mắc, sợ sệt trước một thế giới bên kia đầy huyền bí” (5). Tóm lại các khoa học vừa có sức mạnh vừa có giới hạn, các khoa học không phải là chìa khóa vạn năng giải quyết được mọi vấn đề của thực tại, của đời sống con người.

2.2.2. Chức năng của triết học

Là một khoa học thực thụ, triết học cũng giống như các khoa học khác, có chức năng của nó. Chức năng của triết học được thể hiện trên ba phương diện: Nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ. Các chức năng này luôn luôn hiện diện, hiện hữu trong triết học và có mối liên hệ hữu cơ với nhau. Sự tồn tại của mỗi chức năng có liên hệ với các chức năng khác, và sự tồn tại, hiện diện của chúng phản ánh rõ vai trò của triết học đối với đời sống xã hội.

*** Chức năng nhận thức của triết học**

Là khoa học về toàn bộ, tổng thể thế giới, triết học nhận thức, nắm bắt, khái quát toàn bộ, tổng thể thế giới (tự nhiên, xã hội, tư duy), tạo dựng bức tranh lý luận tổng quát

về thế giới toàn bộ đó. Triết học nắm bắt những thuộc tính, đặc điểm cơ bản, chủ yếu những mối liên hệ phổ biến của toàn bộ thế giới, nắm bắt các sự vật, hiện tượng và biểu đạt thành những khái niệm phạm trù khoa học. Triết học tạo lập hệ thống lý luận của nó bằng các khái niệm, phạm trù, các khái niệm, phạm trù triết học biểu đạt những thuộc tính, đặc điểm cơ bản, chủ yếu, những mối liên hệ phổ biến và những quy luật phổ biến của toàn bộ thế giới. Bức tranh lý luận của triết học là bức tranh toàn cục, tổng thể. Các khái niệm, phạm trù triết học là các khái niệm, phạm trù có ngoại diện, có miền xác định rộng nhất, bao quát nhất. Với tư cách là hệ thống lý luận tổng quát, bao quát về toàn bộ thế giới, triết học là logic tinh thần hay logic chủ quan trong tương quan với logic khách quan của các sự vật hiện tượng. Bản chất tri thức của triết học là cái được trừu xuất, được rút ra từ bản chất của mọi tồn tại của các sự vật hiện tượng. Triết học là tấm gương phản chiếu tổng quát toàn bộ thế giới.

*** Chức năng giáo dục của triết học**

Với hệ thống lý luận của mình, triết học thực hiện chức năng giáo dục của nó. Triết học trang bị cho con người kiến thức hay sự hiểu biết về những đặc tính căn bản, chủ yếu của mọi sự vật, hiện tượng; giúp con người nắm được yếu tính (những đặc tính chủ yếu) căn bản của mọi tồn tại. Hiểu biết triết học trong thang bậc hiểu biết về thế giới của con người là hiểu biết ở trình độ cao của lý trí. Hiểu biết triết học về thế giới phản ánh trình độ hiểu biết cao của con người, phản ánh sự trưởng thành về trình độ nhận thức, trình độ tư duy của con người. Trưởng thành về triết học là một nấc thang trong nhiều nấc thang trưởng thành về nhận thức của con người và là trình độ cao của sự trưởng thành của con người. Không có tri thức triết học, không có hiểu biết triết học, con người chưa trưởng thành toàn diện. Nếu con người phân biệt với loài vật bởi nhận thức, bởi ý thức, bởi lý trí và dùng nhận thức, ý thức, lý trí để khẳng định mình thì triết học là một dẫn chứng phân biệt con người với loài vật là khoa học giúp con người phát triển nhận thức, ý thức tốt hơn, sâu sắc hơn, giúp con người làm chủ bản thân trong các mối liên hệ với thế giới. Bằng tri thức triết học, con người giải thích, cắt nghĩa được nguyên nhân, nguồn gốc thật sự của vạn vật, vạn sự. Triết học giúp con người giải thích thế giới đúng như thế giới có, đúng như thế giới là, đúng như thế giới tồn tại và diễn biến trên thực tế. Triết học là khoa học kiến giải triệt để thế giới, là khoa học mở rộng tầm tư duy, tầm hiểu biết về mọi chiều kích của thực tại, của thế giới.

*** Chức năng thẩm mỹ của triết học:**

Trong quá trình nhận thức, nắm bắt thế giới một mặt con người vừa nhận thức, nắm bắt cấu trúc khách quan cơ chế khách quan của các sự vật hiện tượng, mặt khác vừa nhận thức, nắm bắt các mặt thẩm mỹ của chúng. Nhận thức thẩm mỹ là một mặt trong 2 mặt của quá trình nhận thức thế giới của con người nhận thức thẩm mỹ là nhận thức

sự hài hòa, cân xứng, là nhận thức cái đẹp về cấu tạo tự nhiên của giới tự nhiên, của các sự vật hiện tượng làm thành thế giới bao quanh con người. Nhận thức thẩm mỹ đưa đến ý thức thẩm mỹ của con người. Ý thức thẩm mỹ là ý thức về sự hài hòa, cân xứng, cân đối, ý thức về cái đẹp của vũ trụ vạn vật, của tạo hóa. Bằng hệ thống tri thức lý luận của mình, bằng hệ thống các khái niệm, phạm trù thẩm mỹ của mình, triết học giúp con người sống có cảm xúc thẩm mỹ, có lý tưởng thẩm mỹ. Triết học, thông qua ý thức thẩm mỹ, khơi gợi, động viên, thúc bách con người sống có lý tưởng thẩm mỹ. Đời sống đẹp là đời sống có lý tưởng thẩm mỹ, là đời sống biết sáng tạo, thường lãm cái đẹp, là sống cho cái đẹp. Tất cả cho cái đẹp, vì cái đẹp. Cái đẹp cứu rỗi con người, cứu rỗi thế giới. Triết học bằng các khái niệm, phạm trù của mình (cái đẹp, cái cao cả, cái trác việt, cái cao thượng, cái bi, cái hài,...) định hướng, điều chỉnh thái độ sống, hành vi, hành động của con người theo hướng chân, thiện, mỹ. Triết học góp phần tạo ra vương quốc của cái đẹp nhân tạo tồn tại song trùng với cái đẹp của thiên nhiên, cái đẹp của tạo hóa. Sống đẹp là sống hài hòa, thân thiện với thiên nhiên, môi trường, là sống có cảm xúc thẩm mỹ, có ý thức hướng thiện, hướng mỹ, có ý thức sáng tạo, thường lãm, bảo vệ, giữ gìn cái đẹp.

2.2.3. Vai trò của triết học đối với các khoa học

Triết học và các khoa học là các hình thái nhận thức khoa học khác nhau về thế giới của con người. Giữa triết học và các khoa học có mối liên hệ, ràng buộc, quy định, phụ thuộc lẫn nhau, có sự tác động qua lại và ảnh hưởng lẫn nhau. Trong mối liên hệ và sự tác động qua lại này triết học đóng vai trò là thế giới quan và phương pháp luận của các khoa học và các khoa học đóng vai trò là cơ sở dữ liệu, tài liệu nghiên cứu của triết học.

Vai trò thế giới quan của triết học. Triết học là thế giới quan của các khoa học: Thế giới quan triết học là cơ sở lý luận của việc nghiên cứu khoa học của các khoa học. Triết học luôn luôn là mở đầu nghiên cứu khoa học của các khoa học. Các khoa học luôn luôn triển khai quá trình nghiên cứu của mình bằng một căn cứ lý luận triết học hay dựa vào một căn cứ lý luận triết học, một thế giới quan triết học nhất định. Ngay từ đầu nghiên cứu khoa học của mình, các khoa học phải xác định lập trường thế giới quan triết học ngay trong phạm vi, lĩnh vực nghiên cứu của chúng. Các khoa học phải xác quyết, phải khẳng định một lập trường triết học nhất định cho việc nghiên cứu của chúng. Các khoa học phải xác quyết ngay từ đầu lập trường duy vật hay duy tâm của chúng, phải khẳng định rõ ràng phạm vi, lĩnh vực, đối tượng mà chúng nghiên cứu tồn tại hay không tồn tại hiện hữu hay không hiện hữu. Các khoa học phải xác quyết niềm tin của chúng vào một trật tự hữu lý hay phi lý trong nghiên cứu khoa học của chúng. Các nhà khoa học dù tự giác hay không tự giác luôn luôn bị một lý luận triết học, một thế giới quan triết học (hoặc duy vật hoặc duy tâm) nhất định cho chi phối. Họ dù nhận ra hay không nhận ra luôn luôn bị một thế giới quan triết học chi phối quá trình nghiên cứu khoa học của

họ. Đánh giá vai trò thế giới quan của triết học đối với nghiên cứu khoa học của các khoa học, Ph. Ăngghen viết: “Khoa học tự nhiên hiện đại, phải mượn của triết học các nguyên lý: Vận động là bất diệt. Không có nguyên lý này thì khoa học đó không thể tồn tại được” (6). Câu hỏi được đặt ra là: Tại sao triết học lại đóng vai trò là thế giới quan của các khoa học. Câu trả lời chắc chắn là: Bởi vì thế giới quan triết học là thế giới quan về toàn bộ, tổng thể thế giới. Thế giới quan triết học có tầm vóc khái quát rộng hơn, bao quát hơn bao trùm tầm vóc khái quát của các khoa học khác. Thế giới quan triết học khái quát toàn bộ, tổng thể thế giới, trong khi thế giới quan của các khoa học khái quát cục bộ, bộ phận của thế giới. Mỗi khoa học chỉ có một đối tượng nghiên cứu cụ thể, hạn chế và thành công trong đối tượng nghiên cứu ấy; trong khi đối tượng khái quát của triết học là toàn bộ, tổng thể thế giới. Thế giới quan triết học là thế giới quan bao quát, tổng quát nên thế giới quan triết học tác động, ảnh hưởng đến nghiên cứu khoa học của các khoa học. Thế giới quan triết học tác động tích cực hoặc tiêu cực đến nghiên cứu khoa học khi thế giới quan triết học của người nghiên cứu phù hợp hoặc không phù hợp với đối tượng nghiên cứu. Lịch sử phát triển của các khoa học đã cho thấy chủ nghĩa duy tâm, chủ nghĩa kinh nghiệm, thế giới quan thần học và chủ nghĩa duy vật siêu hình, máy móc luôn luôn là những lý luận triết học sai lầm cản trở sự phát triển của các khoa học, thậm chí đẩy khoa học vào bế tắc, khủng hoảng. Ph. Ăngghen viết: “Chủ nghĩa siêu hình, chiết trung thông thường đã làm cho khoa học tự nhiên bị chặn đứng lại một cách tuyệt vọng trong những yêu cầu lý luận của nó” (7). Trong nghiên cứu khoa học ngày nay thế giới quan duy vật biện chứng là thế giới quan khoa học đã giúp cho các khoa học giải quyết được những bế tắc lý luận của chúng và mở đường phát triển cho các khoa học.

Triết học không những là thế giới quan của các khoa học mà còn là phương pháp luận nghiên cứu của các khoa học ở chỗ là phương pháp luận nghiên cứu của các khoa học. Triết học định hướng phương pháp luận nghiên cứu khoa học của các khoa học bằng các nguyên tắc, các thao tác nhận thức, các tiêu chuẩn lý luận của nó. Triết học đặt yêu cầu khả cập những nguyên tắc, yêu cầu của nó cho các khoa học hoặc minh thị những nguyên tắc của nó trong nghiên cứu khoa học của các khoa học. Các nguyên tắc nhận thức của triết học dù là nguyên tắc logic hình thức hay logic biện chứng đều tác động, chi phối đến sự nghiên cứu khoa học của các khoa học. Tác động và ảnh hưởng mạnh mẽ đến phương pháp luận nghiên cứu khoa học ngày nay là các nguyên tắc phương pháp luận của triết học Mác - Lênin. Các nguyên tắc triết học của triết học Mác-Lênin thực sự là những nguyên tắc giúp ích hữu hiệu sự nghiên cứu của các khoa học. Theo Két-đơ-rốp một nhà triết học Nga, các nguyên tắc biện chứng của triết học Mác-Lênin là công cụ thích hợp, phù hợp nhất đối với việc nghiên cứu khoa học của các khoa học hiện nay. Theo Két-đơ-rốp, tổ hợp biện chứng của các nguyên tắc biện chứng của

triết học Mác-Lênin đã giúp cho các khoa học giải quyết một cách có hiệu quả trong nghiên cứu cụ thể của các khoa học. Theo Két-đơ-rốp các nguyên tắc biện chứng của triết học Mác-Lênin bao gồm: “1. Nguyên tắc tính khách quan của sự xem xét. 2. Nguyên tắc tính toàn diện của sự xem xét, 3. Nguyên tắc xem xét đối tượng trong sự vận động, phát triển của nó. 4. Nguyên tắc logic và lịch sử. 5. Nguyên tắc xem xét sự vật như sự thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập, 6. Nguyên tắc về sự phát triển của nhận thức, 7. Nguyên tắc phủ định biện chứng, 8. Nguyên tắc về sự chuyển hóa, biến đổi lượng thành biến đổi chất” (8)

Tóm lại việc thâm thấu và vận dụng phương pháp luận triết học như thế nào của các khoa học quyết định sự thành công hay thất bại trong nghiên cứu khoa học của các khoa học. Mỗi khoa học, do sự chi phối của thế giới quan và phương pháp luận triết học mà tình trạng nghiên cứu khoa học và quá trình vận động, phát triển của khoa học đó in đậm sự chi phối của các thế giới quan và phương pháp luận triết học mà các khoa học đó đã vận dụng.

3. KẾT LUẬN

Triết học và các khoa học là các ngành nhận thức khoa học khác nhau về thế giới. Cùng nhận thức nghiên cứu nắm bắt, khái quát thế giới nhưng đối tượng, phạm vi nhận thức, nắm bắt của triết học và khoa học khác nhau và đối tượng phạm vi biểu đạt của triết học và các khoa học cũng khác nhau, bức tranh tri thức được triết học và các khoa học tạo lập nên vì vậy cũng khác nhau. Trình độ khái quát, trình độ tri thức của triết học và các khoa học vì vậy cũng khác nhau. Bức tranh tri thức của các khoa học bị hạn chế, có giới hạn do đối tượng nghiên cứu hạn chế của các khoa học quy định. Bức tranh tri thức của triết học là bức tranh toàn cục, tổng thể, là bức tranh về thế giới toàn bộ, thế giới tồn tại như một hệ thống, như một sự thống nhất của các yếu tố, bộ phận, quá trình. Triết học nắm bắt, khái quát những thuộc tính, đặc điểm, mối liên hệ cơ bản, chủ yếu của toàn bộ, tổng thể thế giới. Triết học cũng giống như các khoa học khác, có hệ thống khái niệm, phạm trù lô gíc của nó. Hệ thống khái niệm, phạm trù lô gíc của triết học đóng vai trò là lô gíc chủ quan trong tương quan với lô gíc khách quan của sự vật hiện tượng. Với hệ thống lý luận của mình, triết học tự bộc lộ là một hệ thống lý luận khái quát thế giới ở các mặt cơ bản nhất, bản chất nhất. Nắm bắt bức tranh lý luận có hạn chế của các khoa học và bức tranh lý luận tổng quát, bao quát của triết học về thế giới giúp những người nghiên cứu khoa học thấy rõ trình độ, chất lượng tri thức của triết học và của các khoa học; thấy được vai trò to lớn của triết học đối với các khoa học. Nhận thức nắm bắt được trình độ tri thức khoa học của các khoa học và thấu triết được chúng là những dấu chứng cho thấy trình độ trưởng thành của con người và sở đắc được tri thức triết học là biểu hiện trình độ cao về nhận thức thế giới của con người.

Tài liệu tham khảo:

- 1, 2, 3, 5. Trần Xuân Tiên, Luân lý học 12ABCD, Trí Đăng xuất bản, Sài Gòn 1974, trang 92.
4. AG. Spirxkin. Triết học về xã hội, tập I, NXB Tuyên huấn Hà Nội 1989, trang 65
6. Ph. Ăng ghen, Phép biện chứng của tự nhiên - NXB Sự thật Hà Nội 1971, trang 79.
7. Ph. Ăng ghen, biện chứng của tự nhiên, NXB Sự thật Hà Nội 1963, trang 81.
8. C. Mác, Ph. Ăng ghen, V.I LêNin, Bàn về Logic biện chứng, NXB Thông tin lý luận, Hà Nội 1985, trang 150.
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo, giáo trình triết học Mác-LêNin, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật Hà Nội 2021.
10. Nguyễn Duy Thông, Lê Hữu Tầng, Nguyễn Văn Nghĩa, Tìm hiểu chủ nghĩa duy vật biện chứng, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội 1979.
11. Trần Nhâm, Trần Côn, Dương Phú Hiệp, Hoàng Việt, Tìm hiểu chủ nghĩa duy vật lịch sử, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội 1980.
12. Phạm Như Cương, Lê Hữu Tầng, Nguyễn Duy Thông, Nguyễn Trọng Chuẩn, Triết học, Khoa học Tự nhiên, Cách mạng, Khoa học Kỹ thuật, NXB Tiến bộ Matxcova, 1980.
13. K.M Pha-ta-li-ép, Chủ nghĩa duy vật biện chứng và khoa học tự nhiên, NXB Sự thật Hà Nội 1961.
14. A.P Sép-tu-lin, Phương pháp nhận thức biện chứng, NXB Sách giáo khoa Mác-Lênin, Hà Nội 1987.

Ý NGHĨA CỦA NHÂN SINH QUAN PHẬT GIÁO ĐỐI VỚI GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO SINH VIÊN HIỆN NAY

ThS. Lê Thị Thúy

Trường Đại học Giao thông vận tải

Email: thuy_lt@utc.edu.vn

Tóm tắt: Nhân sinh quan Phật giáo là một hệ thống giáo lý, giáo luật giúp người ta giác ngộ ánh sáng trí tuệ và tình yêu thương, hướng con người đến giải thoát khỏi đau khổ, tạo dựng cuộc sống hòa bình, an lạc và hạnh phúc. Sinh viên là chủ nhân tương lai của đất nước phải đảm nhận trách nhiệm xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam ngày càng phát triển nhất định phải là những con người có trong mình những chuẩn mực đạo đức và trí tuệ. Để phát huy được những giá trị của nhân sinh quan Phật giáo đến cho sinh viên cần có sự tham gia góp sức trong giáo dục của gia đình, nhà trường, xã hội và đặc biệt là sự giác ngộ của bản thân mỗi sinh viên.

Từ khóa: Nhân sinh quan, Nhân sinh quan Phật giáo, giáo dục đạo đức, sinh viên

1. ĐẶT VẤN ĐỀ:

Ngày nay, cuộc cách mạng khoa học công nghệ phát triển mạnh mẽ cùng với xu thế hội nhập toàn cầu đang tác động đến nền kinh tế và làm thay đổi nhiều nét đạo đức, văn hóa dân tộc Việt Nam bị đảo lộn. Trước thực tại đó, đối tượng bị ảnh hưởng nhiều nhất là học sinh, sinh viên. Chính vì vậy, để phát triển đất nước bền vững Đảng ta đưa ra quan điểm cần giữ gìn những giá trị đạo đức, văn hóa truyền thống mang đậm nét bản sắc dân tộc. Nhiều nét văn hóa mang đậm bản sắc dân tộc Việt nam được thể hiện thông qua nhân sinh quan Phật giáo.

Sinh viên luôn là lực lượng lao động chủ chốt cho tương lai của đất nước, trong lao động sản xuất các ngành nghề tạo ra của cải vật chất và tinh thần, do liên quan trực tiếp đến sự phát triển của đất nước nên lực lượng này rất cần được trang bị những giá trị đạo đức và trí tuệ. Nhân sinh quan Phật giáo đã chỉ ra con đường giải thoát chúng sinh khỏi đau khổ trầm luân và xây dựng đạo đức cho lực lượng trí thức trẻ, năng động, sáng tạo, được đào tạo bài bản, là nguồn nhân lực chất lượng cao, thực hiện sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Trong tương lai, họ là những người sẽ nắm trong tay những thành tựu khoa học, công nghệ,... Họ là những người sẽ đem tài năng và đức độ của mình góp phần tạo nên sự phát triển bền vững, phồn thịnh cho đất nước Việt Nam.

2. NỘI DUNG

2.1. Nội dung nhân sinh quan Phật giáo

Nhân sinh quan Phật giáo là hệ thống những quan điểm chung nhất của Phật giáo về cuộc đời con người thông qua các quan niệm về nguồn gốc, bản chất, về cấu tạo con người; về nghiệp báo luân hồi; về tứ diệu đế và Thập nhị nhân duyên khẳng định đời người là bể khổ. Từ đó, lý giải nguyên nhân sự “khổ” của con người và đưa ra phương pháp tu tâm, dưỡng tính, tích lũy công đức trong đời sống của mình nhằm thoát khỏi khổ đau đạt tới cuộc sống an lạc, bình đẳng và hạnh phúc.

Nhân sinh quan Phật giáo tập trung vào 2 vấn đề chính cơ bản nhất là sự khổ não và cách thức giải thoát khỏi nỗi khổ. Nhân sinh quan Phật giáo góp phần giúp con người xây dựng lối sống lành mạnh, hướng thiện, giản dị, nề nếp và bao dung, vị tha, biết quan tâm đến nỗi khổ của người khác... đồng thời ngăn chặn sự suy thoái đạo đức trong xã hội.

Nhân sinh quan Phật giáo phản ánh những vấn đề trực tiếp liên quan đến cuộc đời con người, thể hiện khá rõ mục đích nâng cao hiểu biết, điều chỉnh hành vi đạo đức, lối sống thiện lành con người, hướng con người đến các giá trị chân, thiện, mỹ để giải thoát khổ đau, hưởng cuộc sống an lành, hạnh phúc. Với những tư tưởng tốt đẹp đó, nhân sinh quan Phật giáo đã hòa hợp với những giá trị đạo đức, văn hóa truyền thống của người Việt Nam luôn tác động sâu sắc đến sự hình thành đạo đức, lối sống của người dân Việt Nam nói chung và sinh viên nói riêng.

2.2. Những giá trị của nhân sinh quan Phật giáo đối với giáo dục đạo đức cho sinh viên hiện nay

2.2.1. Nhân sinh quan Phật giáo giúp sinh viên ngày càng hoàn thiện đạo đức cá nhân

Việc hình thành những giá trị đạo đức cho của một con người được bắt đầu từ môi trường gia đình, nhà trường, xã hội và nhận thức cá nhân. Vì vậy, mỗi môi trường cần xây dựng các giá trị đạo đức để giáo dục cho học sinh, sinh viên sống đúng chuẩn mực.

Với mục đích đem lại an lạc, hạnh phúc đến với người khác, từ bi và trí tuệ là nền tảng xây dựng các giá trị đạo đức Phật giáo. Do đó, các nguyên tắc xây dựng đạo đức theo luật nhân quả, Phật giáo hướng con người đến những giá trị tích cực, Phật giáo hướng con người biết tu tập, rèn giũa trí tuệ, tu luyện thân tâm, làm nhiều việc tốt lành, tránh xa điều xấu để có cuộc sống hạnh phúc. Nhân sinh quan Phật giáo đã xây dựng dựa trên nền tảng của Tứ diệu đế, mà cụ thể là thực hành Bát chính đạo, Ngũ giới, Thập thiện, Lục độ,... cùng với nếp sống thanh cao, biết nhẫn nhục vượt qua những khó khăn, chướng ngại, tích cực tu học để hoàn thiện bản thân, hướng tới những giá trị chân - thiện - mỹ của Đức Phật.

Bát chính đạo là nền tảng căn bản đầu tiên cho sự giác ngộ chân chính. Trong đó mỗi nội dung có chứa đựng một giá trị giáo dục đạo đức, nhân văn. Chính kiến và Chính tư duy giúp thanh niên, sinh viên nhận thức sâu sắc, thấu đáo về bản chất của sự vật hiện tượng, quan niệm sống đúng đắn, tích cực làm tư tưởng chủ đạo cho tư duy và hành động. Con người có kiến thức chân chính thì không bị mê hoặc và lôi cuốn vào đường xấu ác. Có suy nghĩ chân chính thì không bị sa vào sai lầm; Chính ngữ là lời nói chân chính sẽ mang lại lợi ích cho mình và cho người, không làm tổn thương người khác; Chính nghiệp là hành động chân chính sẽ đem lại lợi ích cho mình và Chính mệnh giúp xây dựng những kỹ năng sống và làm việc được hình thành trên cơ sở hiểu biết đúng đắn mà rèn luyện, thực hành các thiện pháp qua suy nghĩ, lời nói và hành động; Chính tinh tấn giúp con người hình thành tinh thần năng động, sáng tạo và tích cực trong đời sống, mang lại nhiều kết quả tốt đẹp; Chính niệm và Chính định giúp phát triển trí tuệ, mở rộng khả năng kiểm soát thân tâm, xác định cảm xúc, tình cảm, tâm lý, kiểm soát chặt chẽ tư duy, ngôn ngữ, hành động.

Khi sinh viên thực hành đúng tám điều Đức Phật dạy trên, thì sẽ được phát sinh trí tuệ và tâm hồn luôn được an yên, nhờ đó mà không bị rơi vào cực đoan hay tà kiến... Tám lời khuyên vàng ngọc của Đức Phật chính là phương pháp tu phổ biến, phương pháp rèn luyện cơ bản cho mọi người, từ bi và trí tuệ ngay trong tâm trí mỗi con người mà trong bất cứ hoàn cảnh, môi trường nào con người cũng có thể chấp nhận được để không rơi vào bi quan, khi gặp sự khổ, không tự cao tự mãn khi có sự thành công, cố gắng vươn lên học tập, rèn luyện để thoát khỏi nỗi khổ địa ngục trần gian thường ngày.

Được trang bị những giá trị nhân văn trong nhân sinh Phật giáo, giúp cho thanh niên, sinh viên thực hành theo lời Phật dạy tu tập đạo đức, trí tuệ và niềm tin, hoàn thiện bản thân bằng con đường trì Ngũ giới, hành Thập thiện, rèn luyện Bát chính đạo.

Đại đa số sinh viên luôn tích cực học tập, bồi dưỡng lý tưởng, nâng cao trình độ lý luận chính trị, đạo đức cách mạng, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nhằm trang bị cho bản thân những quan điểm khoa học, cách mạng và nhân văn, xây dựng niềm tin và lý tưởng về xã hội, yêu nước, thương dân, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, góp phần đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, làm cho đất nước ngày càng giàu đẹp, văn minh.

Điều đó được sinh viên thể hiện trong nhận thức và hành động: thực hiện tốt chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của trường, lớp; sống thật thà, trung thực, đối xử tốt với mọi người qua sự quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ những người gặp khó khăn, hoạn nạn trong cuộc sống; góp phần xây dựng cuộc sống văn minh, môi trường học tập có văn hóa, giúp mọi người được an vui, hạnh phúc.

Sinh viên luôn chấp hành nội quy, quy chế của nhà trường. Nhiều sinh viên tích cực học tập, bồi dưỡng kiến thức khoa học, kỹ thuật, nhằm nắm vững kiến thức chuyên môn và các kỹ năng, tích cực học tập vun bồi trí tuệ là một trong những nền tảng cho quá trình tu dưỡng, tu tập theo chính kiến để có trí tuệ, có hiểu biết từ đó giúp sinh viên có thể nhìn nhận đúng đắn về bản chất của các sự vật hiện tượng, biết phân biệt phải trái giữa những hỗn loạn, xô bồ của cuộc sống; chủ động, hướng tới cái thiện, cái cao cả tốt đẹp, đem niềm vui và hạnh phúc đến với mọi người; tránh xa những điều xấu làm ảnh hưởng đến bản thân, gia đình và cộng đồng xã hội. Theo lời Phật dạy, trí tuệ giúp con người nhận biết được bản chất của sự vật hiện tượng, biết phân biệt được thiện ác, đúng sai để làm theo những điều tốt đẹp mang lại lợi ích cho bản thân, gia đình và xã hội.

Trong những năm qua các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao do Đoàn thanh niên, Hội sinh viên tổ chức đã thu hút đông đảo sinh viên nhiệt tình tham gia như: phong trào thanh niên khỏe, tham gia Hội thao các cấp, Hội diễn văn nghệ; các câu lạc bộ thể thao được thành lập như câu lạc bộ âm nhạc, khiêu vũ, cầu lông, bóng đá, bóng chuyền... được sinh viên tổ chức hàng ngày sau những giờ học căng thẳng do Hội sinh viên các khoa tổ chức.

Đa số sinh viên biết thanh lọc thân tâm, biết kiểm soát suy nghĩ và hành động của bản thân, đánh giá chính bản thân mình. Sống có trách nhiệm với những người xung quanh, có bổn phận đem lại sự an lành, hạnh phúc cho người khác, góp phần xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh theo tư tưởng “từ, bi, hỷ, xả”, cứu khổ cứu nạn của Phật giáo.

Đạo đức và tình yêu thương con người chính là cơ sở để mỗi sinh viên ứng xử với bản thân, gia đình và cộng đồng xã hội một cách nhân ái, nhân văn hơn; lối sống chân thành, thật thà, đúng mực, có trách nhiệm, không gian dối, điều đó đã thúc đẩy sinh viên vượt qua khó khăn, thử thách để thường xuyên tu dưỡng thân tâm. Tấm lòng yêu thương chân thành luôn được thể hiện qua cái “tâm” của mỗi cá nhân có thể được biểu hiện qua lời nói, cử chỉ và hành động của mình. Trong ứng xử, giao tiếp để thể hiện tấm lòng chân thành của mình sinh viên luôn sử dụng những lời ái ngữ theo cách “khẩu hòa vô tranh”, nói những lời ái ngữ với mọi người, tránh những xung đột không đáng có qua lời nói mà xảy ra mâu thuẫn hay gây ra bất hòa.

2.2.2. Nhân sinh quan Phật giáo giúp sinh viên nâng cao tinh thần trách nhiệm cá nhân, biết ứng xử nhân văn với mọi người.

Đại đa số sinh viên có ý thức trách nhiệm đối với bản thân và cộng đồng xã hội. Thuyết Nghiệp báo, luân hồi của Phật giáo cho rằng, cuộc đời con người do nghiệp chi phối. Nghiệp chính là hoạt động của thân, lời nói và ý thức của con người tạo nên. Vậy, nghiệp do chính con người tạo ra, chứ không có một quyền lực nào từ bên ngoài chi phối, quyết định. Nếu, tạo nghiệp ác, con người phải chịu sự thống khổ, ngược lại tạo

nghiệp thiện thì đưa con người đến hạnh phúc. Quan niệm đó của Phật giáo toát lên tư tưởng về sự cần rứt lương tâm, phải gánh chịu mọi hành vi của con người qua các kiếp luân hồi. Cho nên, nhân sinh quan Phật giáo có giá trị lớn trong giáo dục con người tinh thần trách nhiệm đối với cá nhân và cộng đồng xã hội, nếu mỗi người đều có ý thức trách nhiệm thì luật pháp được thi hành nghiêm minh, xã hội không rơi vào bất ổn. Cần giáo dục cho sinh viên hiểu được giá trị nhân sinh quan Phật giáo trong điều chỉnh hành vi con người, hướng đến việc rèn luyện đạo đức, nhân cách của sinh viên phù hợp với các giá trị đạo đức xã hội.

Nhân sinh quan Phật giáo góp phần giáo dục tình yêu thương giữa con người với con người, bằng tình cảm chân thành, sự cảm thông, chia sẻ đã gắn bó con người lại với nhau theo tư tưởng Lục hòa, Lục độ trong Phật giáo. Nếu nhận thức được những triết lý nhân sinh của Phật giáo, sinh viên Việt Nam luôn nâng cao ý thức tinh thần trách nhiệm cá nhân đối với mọi người.

Phần lớn sinh viên đang có trách nhiệm đối với người thân, thầy cô, bạn bè. Triết lý từ, bi của Đức Phật khi gặp gỡ giao thoa với tinh thần yêu nước, lòng thương người của dân tộc Việt Nam đã thôi thúc con người hành động những điều tốt đẹp, nhân văn. Điều đó thể hiện lòng yêu thương rộng lớn giữa con người với con người, không phân biệt đẳng cấp xã hội, không để cái tôi ích kỷ, hẹp hòi trong mỗi con người trở dậy lấn át tính nhân ái, bao dung của bản thân mình. Khuyến khích con người đối xử với nhau bằng tấm lòng nhân hậu, bằng tình cảm chân thành, khoan dung, độ lượng, thấu hiểu, thông cảm và chia sẻ với những nỗi đau của người khác, không so đo hơn thiệt. Với sinh viên là tình yêu thương, sự quan tâm, chia sẻ được họ thể hiện trong mối quan hệ với gia đình, thầy cô, bạn bè, và cộng đồng xã hội. Đối với gia đình hiếu kính với cha mẹ, ông bà, đoàn kết, hòa thuận với anh em; xem gia đình là điểm tựa, là nguồn động lực để họ học tập và rèn luyện, giữ gìn và phát huy truyền thống gia đình, dòng tộc bằng cách tích cực học tập, rèn luyện, nghiên cứu khoa học nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, vun bồi trí tuệ và phúc đức cho mình; biết ứng xử có văn hóa với mọi người, làm rạng danh gia đình, dòng tộc.

Đối với thầy, cô, biết ứng xử đúng mực, theo đạo lý của người học trò “*Tôn sư trọng đạo*” bằng sự tôn kính trọng, lễ phép và biết ơn công lao dạy bảo của thầy cô đã truyền đạt kiến thức khoa học, tri thức nghề nghiệp và tinh hoa nhân loại giúp sinh viên thành đạt. Trong quá trình học tập, phần lớn sinh viên luôn chăm chỉ học tập, tích cực phát biểu, xây dựng bài khi thầy cô giảng dạy; trong thi cử luôn trung thực, không vi phạm quy chế thi; biết phê bình, lên án và ngăn chặn những thái độ ứng xử không đúng mực với thầy, cô và mọi người.

Với bạn bè, coi nhau như anh em một nhà, hòa đồng, thân thiện yêu thương chân thành, cởi mở, luôn tôn trọng, đoàn kết, trước sau như một, giúp nhau học tập, rèn luyện và phát triển.

Sinh viên có ý thức, trách nhiệm hơn đối với cộng đồng xã hội. Điều này được thể hiện ở sự quan tâm mọi người, trước những khó khăn, vất vả và đau khổ của người khác, chia sẻ, sẵn sàng giúp đỡ thông qua các hoạt động tình nguyện.

2.2.3. Nhân sinh quan Phật giáo giúp sinh viên có đạo đức nghề nghiệp

Đạo đức nghề nghiệp được hình thành trong giáo dục nhà trường, do đó thầy cô giáo phải là tấm gương để cho sinh viên noi theo và Hội sinh viên cần tăng cường hơn nữa công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức cách mạng, lý tưởng sống cho sinh viên.

Luật nhân quả của Phật giáo giúp sinh viên nâng cao ý thức trách nhiệm với hành vi của bản thân. Phật giáo cho rằng, con người gieo nhân nào gặt quả ấy. Nếu, chúng ta gieo nhân lành thì gặt quả lành, gieo nhân ác thì gặt quả ác. Để hình thành và củng cố hành vi, thói quen nghề nghiệp thì ngay từ khi ngồi trên ghế nhà trường sinh viên phải không ngừng học tập, nắm vững kiến thức và đạo đức nghề nghiệp. Luật nhân quả của Phật giáo góp phần quan trọng vào giáo dục con người sống lành mạnh, làm nhiều việc tốt, vì thế nó giúp cho sinh viên tu dưỡng, rèn luyện bản thân trở thành người tốt phải có ý thức giữ gìn phẩm giá, danh dự nghề nghiệp, nâng cao ý thức rèn luyện tính trung thực, thật thà, khiêm tốn để khi ra trường không vi phạm đạo đức nghề nghiệp.

Nhân sinh quan Phật giáo cho rằng, con người muốn thoát khổ cần phải biết kiên nhẫn tu tập hướng thiện, lấy ân trả oán để giải thoát khổ đau. Điều này có ý nghĩa giáo dục thanh niên, sinh viên Việt Nam biết sống lành mạnh, nhân ái, bao dung và giàu lòng vị tha với mọi người xung quanh.

2.2.4. Nhân sinh quan Phật giáo giúp sinh viên có trách nhiệm đối với tổ quốc

Truyền thống người dân Việt Nam từ ngàn đời nay chính là tinh thần yêu nước, trung thành với Tổ quốc, lòng tự cường dân tộc, chấp hành tốt đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Trường, lớp; không ngừng phấn đấu học tập, rèn luyện, tiếp thu những kiến thức chính trị, văn hóa, khoa học kỹ thuật, đặc biệt là nắm vững kiến thức chuyên môn nghề nghiệp đóng góp cho xã hội, phục vụ Tổ quốc.

Phong trào hè tình nguyện, mùa hè xanh đã trở thành hoạt động truyền thống của sinh viên Việt Nam đã về nhiều vùng quê khó khăn để giúp đỡ bà con, nhân dân ở đó, mở mang thêm kiến thức, sức trẻ qua các hoạt động thực tiễn, họ đã cảm nhận được triết lý “*Cho đi là còn mãi*” khi mình mang lợi ích, niềm vui đến với mọi người, thì đã nhận niềm vui từ mọi người đến với bản thân; đó cũng chính là động lực thúc đẩy thanh niên, sinh viên tin yêu, trân trọng tình nghĩa của mình đối với mọi người, tích cực tu tập, làm nhiều việc tốt, hạn chế sai phạm trong học tập cũng như trong cuộc sống, góp phần xây dựng môi trường xã hội ngày càng nhân văn, nhân ái hơn.

Luật nhân quả trong Phật giáo có ý nghĩa giáo dục đạo đức, nhắc nhở con người đừng vì lòng tham lam của mình, sự ganh ghét, đố kỵ hay sự oán hận mà phải gánh lấy

những đau khổ. Làm người là phải biết sống lương thiện hiền hòa, cởi mở, đoàn kết, yêu thương, tin cậy nhau cùng phát triển.

2.2.5. Nhân sinh quan Phật giáo giúp sinh viên biết chấp nhận hoàn cảnh thực tại và tự tin vào cuộc sống

Phật giáo cho rằng đời là bể khổ, cuộc sống luôn khó khăn, khắc nghiệt, nếu con người hiểu và chấp nhận điều đó thì chúng ta sẽ thấy nhẹ nhàng khi đứng trước những điều không may mắn, hay khi gặp khó khăn, trở ngại không bi quan, chán nản mà xem đó là cơ hội để rèn luyện bản thân, nếu không biết chấp nhận nó thì con người sẽ rơi vào bế tắc, bi quan. Chẳng hạn, trong học tập, thi cử bị điểm thấp, họ luôn có ý thức nhìn lại những thiếu sót của bản thân mình, rút ra bài học, kịp thời sửa chữa để tiến bộ hơn và không đổ lỗi cho hoàn cảnh...

Đức Phật dạy rằng “hãy tự mình là ngọn đèn soi sáng cho mình, hãy tự tạo cho mình một chỗ nương tựa và đừng nương tựa vào ai khác ngoài bản thân mình” [1, tr240 - 241]. Mỗi người phải tự tu nhân, tích đức, sống và hành động hướng theo điều thiện, phải “tự thấp đuốc” mà đi tới, tự chịu trách nhiệm với hành vi của bản thân, điều chỉnh cuộc sống cá nhân góp phần xây dựng cuộc sống cộng đồng ngày càng tốt đẹp hơn.

Với sinh viên, nếu được thấm nhuần triết lý nhân sinh Phật giáo về giá trị cuộc đời và chấp nhận thực tại, thì trong bất cứ hoàn cảnh nào, khó khăn nào họ cũng sẵn sàng đón nhận, phấn đấu vượt qua, ra sức học tập, nghiên cứu, chinh phục tri thức khoa học, tích cực rèn luyện đạo đức, phẩm chất của mình.

Hiểu được nhân sinh quan Phật giáo góp phần giáo dục sinh viên thực sự tự tin trong cuộc sống.

Phật giáo luôn tôn trọng và đề cao giá trị của con người, với mục đích giải thoát khổ đau, Phật giáo luôn khuyến khích con người hướng thiện, hành thiện và lánh ác để đạt tới Niết bàn.

Luật nhân quả hay nghiệp báo luân hồi trong Phật giáo đã chỉ rõ, con người là nguyên nhân của chính bản thân mình, con người tạo nghiệp lành thì gặp quả lành, tạo nghiệp ác sẽ gặp quả ác. Cho nên, để thoát khổ, trước hết mỗi con người phải tự giác tu tập, gột rửa thân tâm, loại trừ những ham muốn dục vọng tầm thường để tâm thanh tịnh cho tuệ giác bừng sáng. Phật khuyên con người hãy tin vào chính mình, tự mình tu tập để thoát khỏi khổ đau chứ đừng mong chờ vào bất cứ một ai ngoài chính bản thân. Mỗi người phải tự tu nhân, tích đức, sống và hành động hướng theo điều thiện, phải “tự thấp đuốc” mà đi tới, tự chịu trách nhiệm với hành vi của bản thân, điều chỉnh cuộc sống cá nhân góp phần xây dựng cộng đồng ngày càng tốt đẹp. Vì vậy, nắm vững và khai thác được giá trị nhân văn của triết lý nhân sinh Phật giáo sẽ giúp cho sinh viên Việt Nam có niềm tin vào bản thân và cuộc sống, nỗ lực tu dưỡng đạo đức, tu tập tâm linh dưới ánh

sáng của ngọn đèn trí tuệ nơi chính mình mà không rơi vào duy tâm phụ thuộc vào lực lượng siêu nhiên ở bên ngoài con người.

Niết bàn trong quan niệm của Phật giáo thực chất chỉ trạng thái tâm linh tự do, thanh tịnh tuyệt đối của con người. Nét độc đáo của Phật giáo là hướng về sự giải thoát tâm linh bằng sự nỗ lực tự thân.

Tóm lại: Tìm hiểu về nhân sinh quan Phật giáo là cơ hội cho sinh viên nhận thức những giá trị đạo đức của Phật giáo từ đó vận dụng vào trong lao động, học tập và cuộc sống. Sinh viên cần thấy được tầm quan trọng của việc tự tu dưỡng, tự rèn luyện đạo đức để có đủ phẩm chất và năng lực cần thiết của mình. Không ngừng phấn đấu rèn luyện thể lực, đạo đức và trí tuệ, lịch sự, tế nhị trong giao tiếp, chống chủ nghĩa cá nhân, lối sống thực dụng, ích kỷ, hẹp hòi. Từ đó mỗi sinh viên hướng tới xây dựng cho mình cách sống giàu lòng từ bi, trí tuệ và bình đẳng.

3. KẾT LUẬN

Nhân sinh quan Phật giáo là một hệ thống giáo lý, giáo luật giúp người ta giác ngộ ánh sáng trí tuệ và tình yêu thương, hướng con người đến với cái thiện, tránh xa cái ác, nhằm giải thoát con người khỏi đau khổ, tạo dựng cuộc sống hòa bình, an lạc và hạnh phúc. Nhân sinh quan Phật giáo với mục đích giải thoát con người khỏi khổ đau bằng con đường tu tập từ bi - trí tuệ, vun bồi phước đức, bình đẳng, bác ái, giàu lòng vị tha, bằng con đường trì giới, hành thiện, biết giữ cho thân tâm trong sáng.

Để phát huy được những giá trị của nhân sinh quan Phật giáo đến cho thanh niên, sinh viên cần có sự tham gia góp sức trong giáo dục của gia đình, nhà trường, xã hội và đặc biệt là sự giác ngộ của bản thân sinh viên.

Sinh viên là chủ nhân tương lai của đất nước phải đảm nhận trách nhiệm xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam ngày càng phát triển nhất định phải là những con người có trong mình yếu tố đức độ và tài ba.

Tài liệu tham khảo:

1. Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1993), Kinh Trung Bộ, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP Hồ Chí Minh.
2. Nguyễn Thị Giáng Hương (2016), Triết lý nhân sinh trong văn hóa Việt Nam, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.
3. Hoàng Thị Thơ (2002), Đạo đức Phật giáo với kinh tế thị trường, Tạp chí Triết học, số 7, tr.28 -33.
4. Hòa Thượng Tinh Vân (1997), Đạo đức Phật giáo cho hằng ngày, thành hội Phật giáo TP Hồ Chí Minh ấn hành.

QUAN ĐIỂM HỒ CHÍ MINH VỀ HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ VIỆT NAM- GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

ThS. Lê Thị Yến

Trường Đại học Mở - Địa chất

Email: leyenhumg@gmail.com

***Tóm tắt:** Quan điểm Hồ Chí Minh về hợp tác quốc tế trong xây dựng và phát triển kinh tế đất nước là một nội dung đặc sắc trong tư tưởng kinh tế Hồ Chí Minh nói chung. Từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã nêu lên những quan điểm cụ thể về nội dung, đối tác hợp tác quốc tế về kinh tế. Nghiên cứu quan điểm Hồ Chí Minh về hợp tác quốc tế về kinh tế, chúng ta thấy được tầm nhìn chiến lược của Hồ Chí Minh. Những quan điểm đó đã đặt nền móng cho quá trình hoạch định đường lối kinh tế đối ngoại của Đảng ta trong giai đoạn hiện nay. Những thành tựu đạt được trong xây dựng và phát triển kinh tế đất nước trong quá trình đổi mới đã góp phần khẳng định giá trị của quan điểm Hồ Chí Minh về hợp tác quốc tế trong xây dựng, phát triển kinh tế nước nhà.*

***Từ khóa:** Hồ Chí Minh, hợp tác quốc tế, kinh tế, đối tác*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Với sự tác động mạnh mẽ của cách mạng công nghiệp 4.0, tính chất xã hội hóa của lực lượng sản xuất ngày càng cao, xu thế toàn cầu hóa đang diễn ra vô cùng mạnh mẽ... Điều đó đặt ra cho tất cả các quốc gia trên thế giới một yêu cầu tất yếu là muốn phát triển đất nước trong tình hình mới, cần phải đẩy mạnh hơn nữa quá trình hội nhập quốc tế mọi mặt, đặc biệt là hội nhập kinh tế quốc tế. Với tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo cùng với óc quan sát tinh tường, Hồ Chí Minh sớm đã nhìn nhận thấy xu thế này. Từ rất sớm, Người đã đề cập tới vấn đề hợp tác quốc tế về kinh tế. Khi nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa ra đời (1946), Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh vai trò quan trọng của vấn đề hợp tác kinh tế quốc tế đối với việc xây dựng và phát triển kinh tế của nước ta. Ngay lúc kháng chiến còn đang gian khổ, ác liệt, Chủ tịch Hồ Chí Minh và chính quyền cách mạng đã đưa ra chủ trương mở rộng quan hệ kinh tế quốc tế khi hòa bình lập lại: “Việt Nam sẵn sàng giao dịch với tất cả những nước nào trên thế giới muốn giao dịch với Việt Nam một cách thật thà”³⁰.

³⁰ Hồ Chí Minh, toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, t.5, tr. 578

Có thể nói, quan điểm hợp tác quốc tế về kinh tế trong tư tưởng Hồ Chí Minh được hình thành rất sớm và được bổ sung, hoàn chỉnh trong tiến trình Người cùng Đảng lãnh đạo sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Những quan điểm này, đến thời điểm hiện tại vẫn là nền tảng cho quá trình hoạch định đường lối kinh tế đối ngoại của Việt Nam trong bối cảnh đầy biến động hiện nay.

2. NỘI DUNG

2.1. Nội dung quan điểm Hồ Chí Minh về hợp tác quốc tế trong xây dựng và phát triển kinh tế ở Việt Nam

2.1.1. Nội dung cụ thể của hợp tác quốc tế về kinh tế

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, hợp tác quốc tế về kinh tế nhằm mục đích quan trọng là phát triển kinh tế đất nước nhằm phục vụ và không ngừng nâng cao đời sống nhân dân. Tại cuộc họp đầu tiên của Ủy ban Nghiên cứu kế hoạch kiến quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói những lời tâm huyết: “Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no mặc đủ”³¹. Không chỉ có vậy, trong quan điểm của Hồ Chí Minh, hợp tác quốc tế về kinh tế còn nhằm tăng cường củng cố hòa bình, hữu nghị, hợp tác với các nước, củng cố tiềm lực quốc phòng, bảo vệ vững chắc tổ quốc; thu hút ngoại lực để bổ sung những mặt còn thiếu hụt trong nền kinh tế.

Nội dung chính của hợp tác quốc tế về kinh tế là trao đổi kinh tế giữa các quốc gia nhằm phát huy lợi thế của các nước, tạo điều kiện để quốc gia này tranh thủ tiềm năng, thế mạnh của quốc gia kia. Sự tranh thủ này có thể diễn ra dưới nhiều hình thức:

Một là hợp tác về vốn đầu tư nước ngoài.

Trong bài trả lời phỏng vấn báo Cứu Quốc ngày 23/ 10/ 1945, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Chúng ta hoan nghênh những người Pháp muốn đem tư bản vào xây dựng nước ta khai thác nguồn nguyên liệu chưa ai khai thác”³². Việc tranh thủ nguồn vốn là điều vô cùng cần thiết đối với một đất nước có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng nhưng lại chưa có điều kiện khai thác như Việt Nam. Mặt khác, với sự tàn phá nặng nề của chiến tranh, nền kinh tế Việt Nam trong những ngày đầu sau khi giành được độc lập hết sức nghèo nàn, lạc hậu. Do đó, khi có vốn đầu tư của nước ngoài, Việt Nam có thể đầu tư kỹ nghệ để tiến hành khai thác, phục vụ phát triển kinh tế đất nước và không ngừng nâng cao đời sống nhân dân. Điều này cho thấy tầm nhìn chiến lược của Hồ Chí Minh về vấn đề vốn đầu tư nước ngoài.

³¹ Hồ Chí Minh: toàn tập, sđd, t. 4, tr. 152

³² Hồ Chí Minh: toàn tập, sđd, t. 4, tr. 82

Hai là hợp tác về khoa học kỹ thuật

Hồ Chí Minh sớm nhận thấy vai trò quan trọng của việc áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật trong lao động sản xuất nhằm nâng cao năng suất lao động và giảm thiểu sức lao động của người dân. Xuất phát từ thực tế của một nền kinh tế còn lạc hậu như Việt Nam lúc bấy giờ, Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh sự cần thiết phải tranh thủ những tiến bộ về khoa học kỹ thuật của các nước phát triển. Trong thư gửi Bộ trưởng Bộ ngoại giao Hoa Kỳ Giêm Biéc Nơ ngày 01/11/1945, Hồ Chí Minh nêu rõ: “Nhân danh Hội văn hóa Việt Nam, tôi xin được bày tỏ nguyện vọng của Hội, được gửi một phái đoàn khoảng năm mươi thanh niên Việt Nam sang Mỹ với ý định một mặt thiết lập những mối quan hệ văn hóa thân thiết với thanh niên Mỹ, và mặt khác để xúc tiến việc tiếp tục nghiên cứu kỹ thuật, nông nghiệp cũng như các lĩnh vực chuyên môn khác”³³.

Theo quan điểm Hồ Chí Minh, trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc Việt Nam, cần mở rộng nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp để nâng cao sản xuất và cải thiện đời sống của nhân dân. Vì vậy “Chúng tôi cần nhiều dụng cụ máy móc và hàng hóa của các nước trong đó tất nhiên có cả Nhật Bản”³⁴. Ngoài ra, Hồ Chí Minh còn đề cập đến việc mời những chuyên gia cố vấn của các nước phát triển như Pháp, Nga, Mỹ,... sang Việt Nam để giúp chúng ta kiến thiết quốc gia.

Ba là hợp tác thương mại

Ngày 02/ 9/ 1945, Hồ Chí Minh đọc “Tuyên ngôn độc lập” khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tuy nhiên, thời gian đầu, chưa có bất cứ nước nào trên thế giới công nhận nền độc lập ấy. Trong hoàn cảnh khó khăn đó, với tư cách là Chủ tịch nước kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Hồ Chí Minh đã nỗ lực không mệt mỏi trong quá trình ngoại giao. Trong *Thư gửi Liên Hợp Quốc* tháng 12/ 1946 Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định rằng Việt Nam sẵn sàng mở rộng các sân bay, bến cảng, đường xá giao thông cho việc buôn bán và quá cảnh quốc tế. Quan niệm đó cho thấy, phương châm hợp tác thương mại của nước ta là sẵn sàng tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các nước đặt quan hệ ngoại giao nói chung và thực hiện những hoạt động giao thương với Việt Nam nói riêng. Nhờ quan điểm ngoại giao tích cực và nỗ lực hoạt động ngoại giao của Hồ Chí Minh, đầu năm 1950, lần lượt các nước trong phe xã hội chủ nghĩa như: Trung Quốc, Liên Xô và một số nước dân chủ Đông Âu đã công nhận nền độc lập của Việt Nam và mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế với nước ta. Từ sau chiến dịch *Biên giới* (1950), vùng tự do của ta được nối liền với “hậu phương lớn” Trung Quốc, Liên Xô,... bên cạnh việc tiếp nhận viện trợ kinh tế- quân sự của nước bạn, ta đã mở rộng quan hệ mậu dịch với

³³ Hồ Chí Minh: toàn tập, sđd, t. 4, tr. 88

³⁴ Hồ Chí Minh: toàn tập, sđd, t. 9, tr. 515

các tỉnh biên giới của Trung Quốc đưa nông - lâm - thổ sản đổi lấy hàng hóa tiêu dùng, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người dân. Đây chính là cơ sở để sau này Việt Nam tiếp tục xúc tiến các hoạt động thương mại với các nước tiên tiến trên thế giới.

Trả lời phỏng vấn của cố vấn biên tập Nhật báo Axahi Simbun, Hồ Chí Minh khẳng định: “Chúng tôi đã cố gắng duy trì những quan hệ buôn bán giữa Việt Nam với một số công ty Nhật Bản... Chúng tôi cần nhiều... hàng hóa của các nước trong đó tất nhiên kể cả nước Nhật Bản. Và chúng tôi có thể cung cấp cho những nước ấy lương thực, cây công nghiệp và khoáng sản...”³⁵.

Những quan điểm này cho thấy Hồ Chí Minh có tầm nhìn chiến lược về hợp tác quốc tế nói chung, hợp tác quốc tế về kinh tế nói riêng. Những quan điểm đó đã trở thành định hướng cơ bản cho Đảng Cộng sản Việt Nam xây dựng chiến lược ngoại giao của mình không chỉ trong giai đoạn cách mạng trước đây mà cả trong giai đoạn hiện tại.

2.1.2. Đối tác mở rộng hợp tác quốc tế về kinh tế

Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, phải có sự nhìn nhận khoa học về đối tác mở rộng hợp tác quốc tế về kinh tế trong xây dựng và phát triển kinh tế nước nhà.

Ngay sau khi đất nước giành được độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã công bố những quan điểm lớn của Chính phủ ta về ngoại giao. Nguyên tắc chung được nêu lên là kiên trì ngoại giao với *tất cả các nước* trên cơ sở của sự bình đẳng, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau. Người đã nhiều lần khẳng định: “Nhân dân và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với ai, và một khi đã độc lập, Việt Nam sẽ đứng với tất cả các nước bạn bè”³⁶. Như vậy, trong hợp tác kinh tế quốc tế, chủ trương của Hồ Chí Minh và Chính phủ ta là đặt quan hệ ngoại giao với tất cả các đối tác. Tuy nhiên, xuất phát từ hoàn cảnh lịch sử lúc bấy giờ, đồng thời tùy thuộc vào mối quan hệ chính trị, địa lý, lịch sử... Hồ Chí Minh đã có những quan điểm chỉ đạo khác nhau đối với từng đối tác cụ thể.

Đối tác thứ 1: Các nước xã hội chủ nghĩa.

Quan điểm nhất quán của Hồ Chí Minh với các nước xã hội chủ nghĩa anh em là mở rộng *quan hệ hợp tác toàn diện*. Người xem việc củng cố đoàn kết nhất trí trong phe và tăng cường sức mạnh vật chất của các nước xã hội chủ nghĩa là yếu tố quyết định để ngăn chặn nguy cơ chiến tranh, thúc đẩy sự tiến bộ và củng cố độc lập dân tộc của các nước vừa thoát khỏi chủ nghĩa thực dân. Trong thời kỳ thực hiện hai chiến lược cách mạng ở hai miền Nam- Bắc (miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân), chúng ta đã nhận được sự ủng hộ nhiệt tình

³⁵ Hồ Chí Minh: Toàn tập, sđd, t. 9, tr. 515- 516

³⁶ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t. 5, tr. 256

của các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là Liên Xô và Trung Quốc với khối lượng vật chất to lớn, các phương tiện, máy móc, đội ngũ chuyên gia, cố vấn kỹ thuật,... Điều đó cho thấy hiệu quả và tính đúng đắn trong đường lối xây dựng đối tác chiến lược và toàn diện của Hồ Chí Minh.

Đối tác thứ 2, các nước láng giềng: Trung Quốc, Lào, Campuchia

Đối với Trung Quốc, Hồ Chí Minh rất quan tâm phát triển mối quan hệ hữu nghị và hợp tác với Trung Quốc. Người có sự hiểu biết sâu sắc và đánh giá đúng tầm vóc của dân tộc này. Trong bài “Nói chuyện với đại biểu các báo chí về nội trị, ngoại giao nước nhà trong những ngày vừa qua”, Hồ Chí Minh cho rằng: “Hai nước Trung Hoa và Việt Nam có liên lạc với nhau về kinh tế và chính trị, thì hai dân tộc không thể không có sự tương trợ, tương thân”³⁷. Tuy nhiên Hồ Chí Minh cũng nhắc nhở đây là nước lớn, cần phải có chính sách hợp tác phù hợp.

Đối với Lào và Campuchia, Hồ Chí Minh cho rằng Việt Nam đặt mối quan hệ với hai nước này dựa trên nguyên tắc dân tộc tự quyết, hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau về nhiều mặt trong đó có kinh tế. Trong “Bản Thông cáo chính sách đối ngoại đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”, ngày 03/10/1945 nêu rõ: “Ba nước sẽ giúp đỡ lẫn nhau trong công cuộc kiến thiết và cùng nhau tiến lên trên con đường tiến bộ”³⁸.

Đối tác thứ 3, các nước trong khu vực Đông Nam Á, Châu Á

Thực tế lịch sử cho thấy, tại các diễn đàn quốc tế có liên quan, Hồ Chí Minh luôn khẳng định tình đoàn kết hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trong khu vực Đông Nam Á, Châu Á. Trong các mối quan hệ hữu nghị này, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất đề cao và nhiều lần nói đến 5 nguyên tắc chung sống hòa bình. Người đặc biệt nhấn mạnh những nguyên tắc tôn trọng chủ quyền lãnh thổ, không xâm phạm lẫn nhau và thực hiện bình đẳng cùng có lợi.

Đối tác thứ 4, các nước lớn, có tiềm năng kinh tế và khoa học kỹ thuật.

Với phương châm ngoại giao rộng mở, Hồ Chí Minh đã tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của các nước lớn trong hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa (Liên Xô, Trung Quốc). Đồng thời, Người cũng chủ động giao thiệp khá rộng rãi với giới chính khách các nước có nền kinh tế và khoa học kỹ thuật phát triển mạnh mẽ như Mỹ, Anh,... Vì vậy, từ năm 1945, Hồ Chí Minh đã đề cập đến việc cử thanh niên Việt Nam sang Mỹ học tập. Trong thời điểm Pháp có những hành động thúc đẩy âm mưu xâm lược Việt Nam lần thứ hai, Hồ Chí Minh vẫn hoan nghênh tư bản Pháp đầu tư vào Việt Nam nếu họ tôn trọng nền độc lập của nước ta. Ngay cả khi chiến tranh Việt- Pháp diễn ra,

³⁷ Hồ Chí Minh: Toàn tập, sđd, t. 4, tr. 50

³⁸ Bộ Ngoại giao- Hồ Chí Minh trả lời phỏng vấn các nhà báo, Nxb CTQG, H. 2015, tr. 10

Hồ Chí Minh vẫn tỏ rõ quan điểm sẵn sàng hợp tác với các nước lớn trong đó có Pháp “một là để xây dựng lại Việt Nam sau lúc chiến tranh tàn phá, hai là để điều hòa kinh tế thế giới và giữ gìn hòa bình”³⁹. Như vậy có thể thấy rằng, trong vấn đề hợp tác kinh tế quốc tế, Hồ Chí Minh luôn chú trọng tới đối tác là các nước lớn, rành mạch giữa bất đồng, mâu thuẫn chính trị với hợp tác kinh tế để tranh thủ nguồn vốn, những tiên bộ khoa học kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý kinh tế,... của họ nhằm xây dựng và phát triển nền kinh tế nước nhà.

Đối tác thứ 5, tất cả những nước có mong muốn quan hệ với Việt Nam.

“Sẵn sàng giao dịch với tất cả các nước” tôn trọng độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của dân tộc Việt Nam- Đó là chính sách hợp tác kinh tế quốc tế rộng mở và nhất quán trong quan điểm Hồ Chí Minh. Mặc dù trong giai đoạn đầu khi Việt Nam vừa giành được độc lập, chưa có nước nào trên thế giới công nhận nền độc lập của dân tộc ta. Nhưng chính sách ngoại giao này của Hồ Chí Minh có giá trị lý luận và thực tiễn vô cùng lớn lao đối với Việt Nam trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước.

2.2. Giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh về hợp tác quốc tế về kinh tế

2.2.1. Giá trị lý luận

Ngay từ những năm đầu thế kỷ XX, Hồ Chí Minh đã nói đến mối quan hệ hợp tác kinh tế giữa các quốc gia và nhấn mạnh đó là một tất yếu khách quan đối với việc xây dựng và phát triển nền kinh tế Việt Nam. Ngay cả trong quá trình lãnh đạo Đảng và nhân dân ta tiến hành sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, giành độc lập dân tộc, Hồ Chí Minh cũng không quên đề cập đến việc mở rộng quan hệ giữa nước ta với các nước trên thế giới nhằm tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của họ đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam; Mặt khác còn giúp chúng ta phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân. Đây là một trong những đóng góp to lớn của Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam thể hiện sự vận dụng và phát triển sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác-Lê nin phù hợp với hoàn cảnh lịch sử cụ thể của đất nước.

Lịch sử đã đi qua nhưng những quan điểm của Hồ Chí Minh về hợp tác quốc tế về kinh tế là những quan điểm đi trước thời đại. Những quan điểm đó đã đặt nền tảng cho Đảng và Nhà nước ta trong việc hoạch định đường lối xây dựng và phát triển kinh tế của đất nước trong đó có đường lối đối ngoại trong giai đoạn hiện nay.

Quan điểm của Hồ Chí Minh về hợp tác quốc tế về kinh tế còn mang ý nghĩa quốc tế sâu sắc, là cơ sở cho chúng ta củng cố mối quan hệ hợp tác hữu nghị với nhiều quốc gia trên thế giới, đặc biệt là ba nước láng giềng anh em Việt Nam - Lào - Campuchia.

³⁹ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t. 5, tr. 170

2.2.2. Giá trị thực tiễn

Một là, đối với sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về hợp tác quốc tế về kinh tế đã trở thành nền tảng cho Đảng ta hoạch định đường lối đối ngoại trong những năm tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Nhờ đó, chúng ta đã tận dụng được sự giúp đỡ của các nước trên thế giới về mặt khoa học kỹ thuật, vốn, chuyên gia,... phục vụ tích cực cho sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc; Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc có nhiều bước tiến rõ rệt góp phần làm cho miền Bắc hoàn thành được trọng trách là hậu phương vững chắc cho tiền tuyến lớn miền Nam, thúc đẩy sự nghiệp giải phóng miền Nam thống nhất nước nhà.

Hai là, đối với sự nghiệp đổi mới đất nước

Bước vào những năm đầu thập niên 80, nền kinh tế nước ta rơi vào khủng hoảng trầm trọng. Trước tình hình đó, Đảng Cộng sản Việt Nam đã tiến hành đại hội đổi mới (1986). Dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta quyết tâm thực hiện đường lối đổi mới toàn diện đất nước trong đó lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm. Thành công của sự nghiệp đổi mới đã chứng minh tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế nói chung, tư tưởng Hồ Chí Minh về hợp tác kinh tế quốc tế nói riêng là hoàn toàn đúng đắn.

Dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh về hợp tác quốc tế trong kinh tế, chúng ta đã tham gia nhiều tổ chức kinh tế trong khu vực và trên thế giới như: ASEAN, APEC, WTO,... Điều này tạo ra nhiều cơ hội cho chúng ta hội nhập nền kinh tế thế giới, tạo điều kiện để chúng ta tận dụng ngoại lực, phát huy nội lực thúc đẩy kinh tế Việt Nam phát triển, nâng cao vai trò, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Theo Bộ trưởng Bộ Công thương Nguyễn Hồng Diên: “Đến nay, nước ta đã có... quan hệ thương mại với 224 đối tác và quan hệ hợp tác với hơn 500 tổ chức quốc tế, ký hơn 90 hiệp định thương mại song phương, gần 60 hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư, đang đàm phán, ký kết và thực thi 17 hiệp định thương mại tự do (FTA). Đặc biệt, Việt Nam đã trở thành một trong những nước đi đầu của khu vực trong hợp tác kinh tế đa phương,... và lọt vào nhóm 20 nền kinh tế hàng đầu về thương mại quốc tế”.⁴⁰

Từ một quốc gia vốn nghèo nàn, lạc hậu lại chịu hậu quả nặng nề bởi các cuộc chiến tranh, đến nay, Việt Nam đã và đang phát triển, đạt được những kết quả toàn diện được quốc tế ghi nhận. Trong những năm đầu thập kỷ mới, nền kinh tế của hầu hết các nước trên thế giới chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn được đánh giá là một trong những quốc gia thành công về thu hút

⁴⁰ <https://thoibaotaichinhvietnam.vn/kinh-te-doi-ngoai-viet-nam-thuoc-nhung-nuoc-di-dau-khu-vuc-trong-hop-tac-kinh-te-da-phuong-97191.html>

đầu tư nước ngoài (FDI). “Theo số liệu mới nhất từ Tổng cục Thống kê - Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tổng vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/12/2021 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 31,15 tỷ USD, tăng 9,2% so với năm 2020”⁴¹.

Hơn thế nữa, một số doanh nghiệp Việt Nam đã mở rộng đầu tư, sản xuất ở các nước khác trong đó có đầu tư sản xuất ở cả những nước lớn có nền kinh tế phát triển lâu đời. Điều đó đã góp phần làm cho thế giới có cái nhìn khác về doanh nghiệp Việt Nam nói riêng và nền kinh tế Việt Nam nói chung. Hình ảnh về một Việt Nam uy tín, năng động, trách nhiệm đã được nâng lên và ngày càng khẳng định trên trường quốc tế.

3. KẾT LUẬN

Quan điểm của Hồ Chí Minh về hợp tác quốc tế về kinh tế nêu trong thời kỳ cách mạng trước đây đến thời điểm hiện tại vẫn giữ nguyên giá trị của nó. Quan điểm đó đã được Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng một cách sáng tạo vào xu thế hội nhập toàn cầu. Trong giai đoạn hiện nay, việc hội nhập kinh tế quốc tế trở nên cấp bách hơn, đòi hỏi chúng ta phải có chính sách đối ngoại phù hợp nhằm thu hút nguồn lực bên ngoài vào phát triển kinh tế, đồng thời cải thiện môi trường đầu tư tạo điều kiện cho sự hợp tác lâu dài, bền vững không chỉ trên phương diện kinh tế mà trên nhiều phương diện khác như văn hóa, tinh thần...

Việc hội nhập kinh tế quốc tế đã tạo điều kiện cho các doanh nghiệp của Việt Nam mở rộng thị trường, tiếp cận được thị trường khu vực và thị trường toàn cầu, thúc đẩy sản xuất trong nước, qua đó nâng cao đời sống của nhân dân. Sự vươn mình mạnh mẽ của nền kinh tế Việt Nam trong công cuộc đổi mới là một minh chứng rõ ràng về tầm nhìn, cũng như hiệu quả của việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về hội nhập kinh tế quốc tế. Đây cũng chính là động lực để toàn bộ hệ thống chính trị tiếp tục phát triển đường lối, chính sách kinh tế đối ngoại đưa đất nước tiến lên trên bước đường hội nhập, sánh vai cùng các cường quốc năm châu như Chủ tịch Hồ Chí Minh từng mong muốn.

Tài liệu tham khảo:

1. Phạm Ngọc Anh: Bước đầu tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003.
2. Bộ Ngoại giao- Hồ Chí Minh trả lời phỏng vấn các nhà báo, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2015
3. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 4.

⁴¹ <https://vov.vn/kinh-te/thu-hut-fdi-nam-2021-tang-ngoan-muc-vuot-moc-31-ty-usd-post915086.vov>.

4. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 5
5. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 9.
6. Nguyễn Dy Niên: Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2008.
7. Song Thành: Hồ Chí Minh nhà tư tưởng lỗi lạc, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội, 2005.
8. <https://thoibaotaichinhvietnam.vn/kinh-te-doi-ngoai-viet-nam-thuoc-nhung-nuoc-di-dau-khu-vuc-trong-hop-tac-kinh-te-da-phuong-97191.html>.
9. <https://vov.vn/kinh-te/thu-hut-fdi-nam-2021-tang-ngoan-muc-vuot-moc-31-ty-usd-post915086.vov>

VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP LUẬN BIỆN CHỨNG DUY VẬT TRONG XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HÓA VIỆT NAM HIỆN NAY

TS. Ngô Thị Hương

Trường Đại học Thủy lợi

Email: huongngopb@gmail.com

Tóm tắt: Phương pháp luận biện chứng duy vật là phương pháp luận phổ biến của mọi hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn. Nó được xây dựng trên nền tảng lý luận, khoa học sâu sắc và bao gồm hệ thống những quan điểm, nguyên tắc xuất phát để điều chỉnh, chỉ đạo hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người. Từ những quan điểm, nguyên tắc xuất phát đó, Đảng ta đã có sự quán triệt sâu sắc trong việc xây dựng, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Để đạt được mục tiêu đó, cần thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển con người toàn diện, xây dựng môi trường văn hóa, nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động văn hóa, phát huy vai trò của chủ thể trong sáng tạo và hưởng thụ văn hóa cũng như thực hiện hội nhập quốc tế về văn hóa.

Từ khóa: Phương pháp luận, phép biện chứng duy vật, văn hóa Việt Nam

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thế kỉ XXI, thế kỉ của hội nhập và phát triển, nó như một làn sóng mạnh mẽ cuốn các quốc gia vào vòng xoáy của sự phát triển. Bởi vậy, trên hành trình phát triển, mỗi một quốc gia đều tìm cho mình một đường đi riêng, phù hợp với hoàn cảnh lịch sử đất nước và không đi ngược lại với xu thế của thời đại. Việt Nam là một quốc gia đang phát triển, với những đặc thù riêng về điều kiện địa lý, hoàn cảnh lịch sử cũng như đi lên chủ nghĩa xã hội từ một điểm xuất phát thấp nhưng chúng ta đã nhanh chóng linh hoạt thích ứng với xu thế chung đó là chủ động mở cửa hội nhập để phát triển. Trong quá trình hội nhập quốc tế có nhiều diễn biến phức tạp, để tồn tại và phát triển mạnh chúng ta cần quán triệt sâu sắc ý nghĩa phương pháp luận của phép biện chứng duy vật trên tất cả các lĩnh vực. Đặc biệt, trong quá trình xây dựng, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, chúng ta phải vừa giữ gìn, phát huy được bản sắc dân tộc vừa tiếp thu những tinh hoa văn hóa của nhân loại để “văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc”⁴²

⁴² Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập 1, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.330

2. NỘI DUNG

Trên cơ sở kế thừa các giá trị khoa học của lịch sử tư tưởng nhân loại cùng với sự khái quát các thành tựu khoa học hiện đại, phép biện chứng đã xây dựng nên một hệ thống các nguyên lý, phạm trù, quy luật chung nhất về sự tồn tại và phát triển mọi sự vật, hiện tượng của tự nhiên, xã hội và tư duy. Nó bao gồm hệ thống những quan điểm, nguyên tắc xuất phát để điều chỉnh, chỉ đạo hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người. Cụ thể:

- Trong hoạt động thực tiễn, để cải biến sự vật cần phải quán triệt quan điểm toàn diện và quan điểm phát triển. Tức là, xem xét sự vật trong tất cả các mối liên hệ ràng buộc lẫn nhau vốn có của sự vật, trong đó phải nhận thức được mối liên hệ nào là cơ bản, tất yếu, bên trong quy định sự tồn tại, phát triển của sự vật để có có sự tác động phù hợp, làm thay đổi chất của sự vật trên cơ sở tích lũy đầy đủ về lượng đến một giới hạn nhất định. Tuyệt đối tránh tư tưởng bình quân cào bằng, tức là xem xét tất cả các mối liên hệ của sự vật có một vị trí, vai trò ngang nhau hoặc tư tưởng nguy hiểm là lấy cái thứ yếu, cái không cơ bản để thay thế cho cái cơ bản, cái bản chất dẫn đến hành động thực tiễn sai lầm, không thúc đẩy được sự phát triển của sự vật. Trong vô vàn các biện pháp, phương pháp tác động vào đối tượng phải biết lựa chọn biện pháp, phương pháp nào phù hợp nhất để mang lại hiệu quả nhất nhưng lại ít chi phí nhất. Mặt khác, khuynh hướng của sự vật là vận động phát triển đi lên bằng nhiều hình thức với những đặc điểm và tính chất khác nhau. Do đó, phải nhận thức được sự đa dạng cũng như trạng thái chín muồi với khuynh hướng phát triển trong tương lai của sự vật để có có sự tác động phù hợp nhằm thúc đẩy sự vật biến đổi theo hướng có lợi, hạn chế sự biến đổi bất lợi cho con người.

- Các phương pháp, phương tiện sử dụng để tác động vào đối tượng phải linh hoạt, mềm dẻo, tức là phải quán triệt nguyên tắc lịch sử - cụ thể. Bởi lẽ, đối tượng trong thực tế luôn vận động và phát triển, ở mỗi một thời điểm lịch sử - cụ thể nó có những sắc thái riêng, mối liên hệ và hình thức phát triển cũng khác nhau. Vì vậy, chúng ta cần tìm hiểu sự đa dạng, phong phú trong tiến trình phát triển của sự vật gắn với hoàn cảnh cụ thể của nó để lựa chọn phương pháp tác động phù hợp và đem lại hiệu quả cao nhất.

Tóm lại, phép biện chứng duy vật yêu cầu phải quán triệt quan điểm toàn diện, quan điểm phát triển, quan điểm lịch sử - cụ thể, đây chính là những nguyên tắc, quan điểm xuất phát chỉ đạo hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người đạt hiệu quả cao. Các nguyên tắc phương pháp luận của phép biện chứng duy vật có quan hệ hữu cơ, gắn bó chặt chẽ và thống nhất với nhau bởi chúng đều được rút ra từ những nguyên lý, phạm trù, quy luật của phép biện chứng duy vật, phản ánh sự vận động, phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy. Sự vật bao gồm nhiều mặt, nhiều thuộc tính, do đó,

mỗi nguyên tắc được rút ra từ sự phản ánh của từng mặt, từng thuộc tính đó của sự vật. Vì thế, khi vận dụng nguyên tắc phương pháp luận của phép biện chứng duy vật phải nhận thức được chúng trong mối liên hệ gắn bó chặt chẽ và bổ sung cho nhau. Có như vậy mới vận dụng hiệu quả ý nghĩa phương pháp luận của nó trong việc nhận thức cũng như hoạt động tác động, cải tạo sự vật.

Từ khi ra đời đến nay, Đảng ta luôn xác định văn hóa là một lĩnh vực rất quan trọng. Trước những bước ngoặt của lịch sử đất nước, Đảng ta đã kịp thời đề ra những quan điểm, tư tưởng chỉ đạo, chủ trương, chính sách thích hợp để lãnh đạo công cuộc xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam. Trong đó, mục tiêu xây dựng nền văn hóa Việt Nam theo định hướng trở thành nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc được Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra trong Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, năm 1991. Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trình bày tại Đại hội VII của Đảng thì nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc được xác định là một trong 6 đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa. Đến Đại hội VIII, ở Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ra Nghị quyết “Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” với quan điểm chỉ đạo cơ bản “bảo vệ bản sắc dân tộc phải gắn kết với mở rộng giao lưu quốc tế, tiếp thu có chọn lọc những cái hay, cái tiến bộ trong văn hóa các dân tộc khác. Giữ gìn bản sắc dân tộc phải đi liền với chống lạc hậu, lỗi thời trong phong tục, tập quán, lề thói cũ”⁴³. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được bổ sung, phát triển năm 2011 cũng tiếp tục khẳng định quan điểm “Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ; làm cho văn hóa gắn chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển. Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại...”⁴⁴. Đến Đại hội XII, XIII, Đảng ta tiếp tục khẳng định mục tiêu, quan điểm xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, theo đó “phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc”⁴⁵. Qua những chủ trương, quan điểm của Đảng về xây dựng, phát triển nền văn hóa Việt Nam cho thấy Đảng ta đã vận dụng sâu sắc phương pháp luận của phép biện chứng duy vật. Nguyên tắc toàn diện, nguyên tắc phát triển, nguyên tắc lịch sử - cụ thể được vận dụng

⁴³ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 1998, tr.57

⁴⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn hóa soi đường cho quốc dân đi* (Văn kiện của Đảng về văn hóa), Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2015, tr.146

⁴⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 2, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.330

để xem xét nền văn hóa Việt Nam với nhiều thành tố cấu thành cùng với sự đa dạng, phong phú trong các sắc thái văn hóa của 54 dân tộc anh em với những hoàn cảnh lịch sử, điều kiện địa lý và nguồn gốc tộc người riêng. Trong bối cảnh mới, bối cảnh hội nhập và phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, để tiếp tục thực hiện tốt chủ trương, quan điểm của Đảng về xây dựng, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc thì cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

Một là, phát triển con người toàn diện với đầy đủ các phẩm chất đức, trí, thể, mỹ để con người phát huy tốt vai trò là chủ thể của sự phát triển nói chung và sự phát triển văn hóa nói riêng. Vấn đề xây dựng con người phát triển toàn diện đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đề cập với tư cách là chủ thể xây dựng xã hội mới, “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa”⁴⁶. Con người xã hội chủ nghĩa hay được gọi là con người mới chính là chủ thể tiến hành ba cuộc cách mạng là xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới và nền văn hóa mới. Ngày nay, trước sự biến động phức tạp của tình hình thế giới, sự phát triển mạnh mẽ của làn sóng hội nhập dưới tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư, người những giá trị đặc trưng của con người trong lịch sử như yêu nước, tinh thần lao động và học tập hăng say, tinh thần đoàn kết, ý chí tự lực, tự cường... thì con người cần được “đào tạo theo hướng có đạo đức, kỷ luật, kỷ cương, ý thức trách nhiệm công dân, xã hội; có kỹ năng sống, kỹ năng làm việc, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, công nghệ số, tư duy sáng tạo và hội nhập quốc tế (công dân toàn cầu)”[1, tr.233]. Tất cả những yếu tố trên sẽ giúp cho con người Việt Nam thích ứng với sự phát triển của xã hội trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

Hai là, tiếp tục xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phong phú, đa dạng. Quán triệt quan điểm toàn diện để nhận thức được rằng, môi trường văn hóa cần được xây dựng một cách toàn diện từ gia đình, nhà trường, cộng đồng dân cư, trong các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể cho đến các doanh nghiệp để văn hóa thực sự là động lực, đột phá phát triển kinh tế, xã hội và hội nhập quốc tế. Muốn vậy, cần phải “phát huy vai trò của gia đình, cộng đồng, xã hội trong việc xây dựng môi trường văn hóa, con người giàu lòng nhân ái, khoan dung, chân thành, tín nghĩa, trọng đạo lý, cần cù, chăm chỉ, tiết kiệm, sáng tạo, hiện đại. Xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh”⁴⁷. Tất cả những cá nhân, những mối quan hệ trong từng môi trường xã hội thu nhỏ với những cách thức tồn tại biểu hiện sự thống nhất giữa việc tiếp tục và kế thừa những giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc và tiếp thu những giá trị mới của thời đại để thích ứng nhanh, kịp trước những biến động của xã hội sẽ góp phần tạo nên một môi

⁴⁶ Hồ Chí Minh, *Toàn tập, tập 10*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.700

⁴⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 1, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.263

trường văn hóa lành mạnh. Thực hiện tốt điều này cũng tức là đã đẩy lùi những tiêu cực, những cái xấu, những cái phản giá trị, phản văn hóa, cái đối lập với văn hóa chính trong mỗi chủ thể: con người, gia đình, cộng đồng... Mặt tích cực được nhân rộng và phát huy sẽ lấn át, hạn chế và loại trừ mặt tiêu cực, điều này sẽ làm cho mỗi chính thể không ngừng phát triển, lớn mạnh. Đây chính là biểu hiện rõ nhất nguyên lý về sự phát triển trong phép biện chứng duy vật.

Ba là, nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động văn hóa. Quán triệt quan điểm phát triển, trong đó phải kế thừa, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống, khích lệ sáng tạo các giá trị văn hóa mới, tiếp thu văn hóa nhân loại, làm giàu văn hóa dân tộc. Đối với những di tích lịch sử - văn hóa có ý nghĩa lớn trong việc giáo dục truyền thống cần được bảo tồn, tôn tạo và gắn liền với phát triển du lịch để thực hiện được mục tiêu kép “vừa giữ gìn, phát huy được giá trị văn hóa vừa phát triển kinh tế”. Đối với văn học nghệ thuật, cần có những chính sách tuyên dương, khen thưởng kịp thời và phổ biến những tác phẩm có ý nghĩa giáo dục sâu sắc, những tác phẩm thấm nhuần tinh thần nhân văn, dân tộc, dân chủ, tiến bộ, phản ánh chân thật, sinh động, sâu sắc đời sống, lịch sử dân tộc, công cuộc đổi mới đất nước. Những tác phẩm này có vai trò quan trọng trong bồi dưỡng tâm hồn, nhân cách của con người Việt Nam, nhất là trong thế hệ trẻ.

Bốn là, tôn trọng quyền tự do sáng tạo và hưởng thụ giá trị văn hóa của quần chúng nhân dân.

Trong mọi giai đoạn lịch sử, quần chúng nhân dân chính là chủ thể sáng tạo ra những giá trị văn hóa của dân tộc. Sự đa dạng, phong phú trong các giá trị văn hóa đều bắt nguồn từ chính nhân dân, trải qua các giai đoạn lịch sử khác nhau, những giá trị văn hóa ấy không ngừng được kế thừa, bồi đắp thêm những giá trị mới. Mỗi vùng miền, mỗi tộc người đều có những giá trị văn hóa riêng, tạo nên sự đa dạng trong sự thống nhất của nền văn hóa Việt Nam. Bởi lẽ đó, chúng ta cần tôn trọng và tạo mọi điều kiện để các chủ thể, cá nhân, tộc người sáng tạo thêm giá trị văn hóa mới, bổ sung vào sự đa dạng của nền văn hóa nước nhà. Đồng thời, tạo mọi điều kiện để quần chúng nhân dân tổ chức các hoạt động văn hóa, hưởng thụ những giá trị văn hóa, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân.

Năm là, chủ động tham gia vào quá trình hội nhập quốc tế về văn hóa.

Để tồn tại, đứng vững được trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, chúng ta cần chủ động, tích cực tham gia vào xu thế chung để mở rộng giao lưu văn hóa, tiếp biến có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại, lối sống hay, sống đẹp của các dân tộc trên thế giới, làm phong phú thêm nền văn hóa dân tộc, bên cạnh đó cần ngăn ngừa và đấu tranh chống sự xâm nhập văn hóa độc hại và lối sống phản văn hóa trong quá trình hội nhập quốc tế. Chủ động hợp tác văn hóa với các nước, thực hiện đa dạng hóa các hình

thức văn hóa đối ngoại, đưa các quan hệ đối ngoại về văn hóa đi vào chiều sâu, đạt hiệu quả thiết thực.

Như vậy, tất cả các nhiệm vụ trên phải được thực hiện đồng bộ dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của nhà nước và vai trò của toàn thể nhân dân nhằm góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

3. KẾT LUẬN

Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin luôn là chủ trương, đường lối nhất quán của Đảng ta từ khi ra đời đến nay. Đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, Đảng ta luôn quán triệt các nguyên tắc, quan điểm có ý nghĩa phương pháp luận của phép biện chứng duy vật, đó là quan điểm toàn diện, quan điểm phát triển và quan điểm lịch sử cụ thể. Quán triệt các nguyên tắc này nhằm xây dựng, phát triển một nền văn hóa vừa tiên tiến, vừa đậm đà bản sắc dân tộc. Trong đó, những giá trị truyền thống, những tinh hoa văn hóa của dân tộc luôn được kế thừa, phát huy, làm mới đồng thời có sự bổ sung những giá trị, những tinh hoa trong văn hóa của các dân tộc khác trong khu vực và trên thế giới góp phần làm hiện đại hóa văn hóa Việt Nam, để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh đưa đất nước phát triển đi lên, thực hiện thành công những mục tiêu mà Đại hội Đảng lần thứ XIII đã đề ra.

Tài liệu tham khảo:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2015), *Văn hóa soi đường cho quốc dân đi* (Văn kiện của Đảng về văn hóa), Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 1, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 2, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội
5. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập, tập 10*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

ThS. Bùi Thị Thùy Dương

Trường Đại học Mỏ - Địa chất

Email: buithithuyduong@humg.edu.vn

***Tóm tắt:** Thông qua việc phân tích thực trạng của công tác giáo dục đạo đức nghề nghiệp, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên trường Đại học Mỏ - Địa chất trong bối cảnh hiện nay. Điều này có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc nâng cao năng lực và đạo đức nghề nghiệp của sinh viên; khơi dậy ở họ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.*

***Từ khóa:** Đạo đức nghề nghiệp, sinh viên, trường Đại học Mỏ-Địa chất.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trường Đại học Mỏ - Địa chất là trường đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao tri thức, công nghệ đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế. Yêu cầu đào tạo của nhà trường là sau khi tốt nghiệp sinh viên không những được trang bị những kiến thức chuyên ngành cơ bản, có kỹ năng tay nghề tốt, có khả năng vận dụng kiến thức vào trong lao động, sản xuất mà còn có những phẩm chất đạo đức cần thiết để phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, đáp ứng được những yêu cầu của thị trường lao động trong quá trình hội nhập. Vì vậy, công tác giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên đã được triển khai lồng ghép trong chương trình của Tuần Công dân Học sinh Sinh viên, trong nội dung của các môn học lý luận chính trị hay trong một số môn chuyên ngành và trong các hoạt động ngoại khóa của sinh viên và hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Trường.

Tuy nhiên, trong thực tế, việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên Trường chưa được quan tâm thỏa đáng, nội dung giáo dục chưa hệ thống mà nằm rải rác ở các hoạt động ngoại khóa, ở các phong trào hoạt động của Đoàn, của Hội Sinh viên... mà chưa có kế hoạch, nội dung, chương trình có tính chất chính khoá. Đạo đức nghề nghiệp không được xem là một nội dung quan trọng và giảng dạy như một môn học bắt buộc mặc dù có một số ít nội dung liên quan được đề cập đến trong quá trình giảng dạy một

số môn học chuyên ngành... Do vậy, đây là vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc trong giai đoạn hiện nay nhằm trang bị cho sinh viên một hành trang cần thiết trước khi bước vào các hoạt động nghề nghiệp và phát huy tính tích cực, điều chỉnh những hành vi lệch lạc trong ý thức đạo đức của họ sau này.

2. NỘI DUNG

2.1. Thực trạng giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên trường Đại học Mở - Địa chất hiện nay

2.1.1. Công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho sinh viên

Trước những tác động mạnh mẽ của tình hình thế giới và trong nước, công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho sinh viên trường Đại học Mở - Địa chất đã được triển khai thường xuyên, tích cực, thực hiện có hiệu quả.

Một là, công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được thực hiện rất nghiêm túc trong việc giảng dạy và học tập các môn Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Pháp luật đại cương và một số môn luật chuyên ngành khác. Thông qua học tập các môn học này, sinh viên có được những nhận thức cần thiết về hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa; niềm tin vững chắc vào sự lãnh đạo của Đảng, vào sự nghiệp đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay. Điều đó góp phần quyết định khuynh hướng, mục đích và hiệu quả hoạt động của sinh viên trong học tập, lao động, có lý tưởng cách mạng trong sáng, làm chủ bản thân, giàu lòng yêu quê hương, đất nước, xây dựng và củng cố vững chắc mục tiêu lý tưởng cách mạng.

Hai là, công tác giáo dục lý tưởng, đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên còn được triển khai lồng ghép trong các buổi học tập chính trị hè và sinh hoạt Tuần Công dân - sinh viên. Các buổi học đã được thực hiện nghiêm túc và thu hút được đông đảo sinh viên tham gia với tỷ lệ trung bình toàn Trường là 97% số sinh viên của Nhà trường. Theo kết quả của Tuần công dân - sinh viên thì đa số sinh viên có ý thức tham gia, tìm hiểu các nội dung sinh hoạt, trình bày được vấn đề đặt ra, nắm được cơ bản đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, đặc biệt là các nội quy, quy định của Nhà trường và thực hiện nghiêm túc các nội quy, quy định về Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên của nhà trường; Nhiều bài thu hoạch của sinh viên có chất lượng tốt, thể hiện sự nghiêm túc và có năng lực trong việc học tập, tìm hiểu các nội dung.

Ba là, các cuộc tuyên truyền, giáo dục về truyền thống lịch sử dân tộc đã góp phần củng cố niềm tin, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, lòng tự hào dân tộc cho sinh viên như: Các buổi nói chuyện chuyên đề về truyền thống lịch sử 90 năm phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam, 90 năm xây dựng và trưởng thành của Đảng bộ Thành phố Hà Nội...

Việc “*Học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh*” đã tạo sự chuyển biến nhất định trong ý thức rèn luyện, phấn đấu, góp phần nâng cao ý thức và chất lượng học tập của đoàn viên, sinh viên trong toàn trường.

Có thể nói, tình hình tư tưởng của sinh viên ổn định, tự giác chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, của ngành, các quy định của nhà trường, tin tưởng vào sự nghiệp đổi mới đất nước. Sinh viên nhiệt tình tham gia các phong trào chung của tập thể, không có biểu hiện bi quan, chán nản hoặc chây ỳ trong việc chấp hành các quy định của nhà trường. Sinh viên nhận thức được vai trò, trách nhiệm của mình đối với xã hội, đối với nhà trường, góp phần vào sự ổn định để hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của nhà trường.

Tuy nhiên còn một số sinh viên chưa thật sự tích cực trong việc tham gia học tập, trong đó có việc học tập các môn lý luận chính trị. Vì vậy, kết quả học tập không cao. Một số sinh viên chưa có nhận thức đúng đắn về vai trò, ý nghĩa của việc tham gia học tập, sinh hoạt Tuần công dân - sinh viên. Từ đó dẫn đến việc sinh viên cố tình không tham gia hoặc tham gia nhưng ko tích cực, tham gia nhưng vẫn chống đối. Vì thế, đã có một số sinh viên phải học lại và thậm chí là bị buộc thôi học.

2.1.2. Công tác giáo dục sinh viên có ý thức trách nhiệm với công việc, cộng đồng và xã hội; có tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái

Trong thời gian qua, công tác giáo dục sinh viên có ý thức trách nhiệm và tinh thần đoàn kết của Nhà trường đã đạt được *một số kết quả* như sau:

Các hoạt động nhân đạo, từ thiện “*Lá lành đùm lá rách*” được triển khai thông qua việc gây quỹ “*Nói vòng tay lớn - vì miền Trung thân yêu*”; tổ chức quyên góp vật phẩm, quà tặng cho trẻ em tại Trung tâm bảo trợ xã hội 1; các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn, tặng quà cho các gia đình chính sách, thương bệnh binh, gia đình các chiến sỹ đang công tác tại biên giới, hải đảo... đã được Đoàn Thanh niên Trường quan tâm và tổ chức thường xuyên. Kết quả là đã xây dựng và hoàn thành 01 điểm trường và 01 sân khấu tại xã Tà Đình, huyện Điện Biên Đông, Điện Biên; xây dựng công trường và sân chơi tại xã Mường Lát, huyện Mường Lát, Thanh Hóa; làm 01 phòng học cho trường Mầm non xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, 01 Công trường và 01 sân chơi tại Mường Lát - Thanh Hóa với tổng số tiền quyên góp ủng hộ là hơn 400 triệu đồng...

Hiện nay, trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid - 19, dưới sự hướng dẫn của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Trường, nhiều bạn sinh viên đã tình nguyện tham gia vào công tác truyền thông như thiết lập và dựng các banner, infographic để tuyên truyền các biện pháp phòng chống dịch cho cán bộ và sinh viên Nhà trường khi đến làm việc, công tác; tham gia hỗ trợ nhà trường trong việc dọn dẹp vệ sinh xung quanh khuôn viên Trường và địa bàn dân cư, phun thuốc khử khuẩn khu vực trường học, giảng đường, phòng học...

Thông qua các buổi sinh hoạt ngoại khoá, các hoạt động xã hội mang tính chất đoàn thể này mà sinh viên Trường đã có thêm những hiểu biết về xã hội, về pháp luật, về truyền thống, phát huy năng khiếu, sở thích, hình thành và phát triển tính cộng đồng, ý thức tập thể, định hướng cho mối quan hệ cá nhân, tập thể xã hội, từ đó điều chỉnh hành vi của bản thân cho phù hợp với chuẩn mực xã hội, bớt đi tính cá nhân vị kỷ. Vì thế, từ năm 2017 đến năm 2020, Nhà trường đã có 01 Sinh viên đạt giải Sao tháng Giêng, 01 sinh viên đạt danh hiệu sinh viên 5 tốt cấp Trung ương, có 15 sinh viên được tuyên dương danh hiệu Sinh viên 5 tốt cấp Thành phố, 150 sinh viên được tuyên dương danh hiệu sinh viên 5 tốt cấp Trường; 03 Thủ khoa tốt nghiệp xuất sắc ở các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Mặc dù công tác giáo dục ý thức trách nhiệm cho sinh viên được diễn ra thường xuyên với các hình thức hoạt động khác nhau, thế nhưng số lượng sinh viên tham gia không nhiều; có những sinh viên tham gia nhiều hình thức hoạt động, nhưng có những sinh viên lại tỏ ra thờ ơ, vô cảm trước các hoạt động ngoại khóa, hoạt động tình nguyện. Bên cạnh đó lại có những sinh viên tham gia vì mục đích cá nhân là để dễ được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam, để được điểm rèn luyện cao. Chính từ thực tế đó cùng với kinh nghiệm tổ chức các hoạt động của Đoàn Thanh niên và một số đơn vị chức năng khiến cho công tác giáo dục ý thức trách nhiệm, lối sống vì cộng đồng, vì tập thể cho sinh viên chưa đạt được kết quả như mong muốn

2.1.3. Công tác giáo dục sinh viên tinh thần tự giác trong học tập và nghiên cứu khoa học

Để phát huy tính tự giác của sinh viên, Nhà trường phối hợp với các khoa chuyên ngành thành lập và duy trì các câu lạc bộ học thuật, câu lạc bộ nghiên cứu khoa học dành cho sinh viên như Câu lạc bộ Dầu khí của khoa Dầu khí, Câu lạc bộ Robocon của khoa Cơ - Điện, Câu lạc bộ Tin học của khoa Công nghệ thông tin, Câu lạc bộ Khởi nghiệp của khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Câu lạc bộ Môi trường của khoa Môi trường, Câu lạc bộ Xây dựng của khoa Xây dựng, Câu lạc bộ Trung Nhật, SPE... Các câu lạc bộ này đã thu hút sự tham gia của đông đảo sinh viên trong toàn Trường. Đây thực sự là môi trường tốt giúp các bạn sinh viên trao đổi kiến thức, phương pháp học tập hiệu quả. Các câu lạc bộ sinh viên đã triển khai nhiều buổi sinh hoạt học thuật, các khóa huấn luyện kỹ năng mềm cho sinh viên trong trường, tổ chức các workshop giao lưu với sinh viên quốc tế, các buổi thảo luận có hiệu quả với các đơn vị trong và ngoài trường.

Nghiên cứu khoa học là động lực thúc đẩy niềm say mê học tập, nghiên cứu, giúp cho sinh viên làm chủ được tri thức trên cơ sở độc lập suy nghĩ, sáng tạo, biết vận dụng tri thức vào bài giảng cũng như thực tiễn cuộc sống. Vì vậy, trong thời gian vừa qua, trường Đại học Mở - Địa chất đã rất quan tâm đến hoạt động nghiên cứu khoa học và

thi Olympic của sinh viên, coi đây là điều kiện để các em sinh viên thể hiện kết quả học tập, khả năng, định hướng nghiên cứu khoa học và là cơ hội trau dồi kiến thức hơn nữa. Tính từ năm 2017 đến năm 2020, có hơn 4.000 sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học, hơn 900 công trình, đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường, trong đó có gần 300 đề tài nghiên cứu khoa học đạt giải cấp Trường, 12 đề tài đạt giải Sinh viên nghiên cứu khoa học và sáng tạo VIFOTEC...

Nhìn chung, các hoạt động thu hút sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học và thi Olympic được Nhà trường quan tâm, đầu tư nhiều hơn và bước đầu phát huy hiệu quả. Đặc biệt, đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy, hướng dẫn sinh viên, chất lượng sinh viên tham gia các hoạt động này cũng ngày càng được nâng cao. Do vậy, luôn nhận được sự tham gia nhiệt tình của sinh viên trong toàn Trường.

Tuy nhiên, trước những tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư, một số sinh viên của trường Đại học Mở - Địa chất đã trở nên ỷ lại vào các thông tin có sẵn trên mạng, chây lười trong việc nghiên cứu, tìm hiểu, sáng tạo trong học tập. Khi được yêu cầu trả lời một câu hỏi nào đó, sinh viên bắt đầu bằng việc tra cứu thông tin trên mạng và sau đó là chép toàn bộ thông tin, không cần phải suy nghĩ, thậm chí không cần đọc và kiểm chứng thông tin đó đúng hay sai, phù hợp với nội dung cần tìm hay không; ý thức tự học, tự nghiên cứu của một số sinh viên bị giảm sút trước những tác động của công nghệ. Mặc dù Nhà trường có nhiều biện pháp để khuyến khích sinh viên nghiên cứu khoa học và đăng ký dự thi Olympic như: cộng điểm thành phần đối với môn học dự thi; cộng điểm rèn luyện; có chế độ khen thưởng, học bổng đối với những sinh viên đạt giải nhưng số lượng sinh viên đăng ký tham gia vẫn chiếm tỷ lệ nhỏ; giảm dần theo các năm; tỷ lệ sinh viên giữa các Khoa chuyên ngành đăng ký không đều nhau...

2.1.4. Công tác giáo dục kỹ năng nghề nghiệp nhằm nâng cao năng lực chuyên môn

Trường Đại học Mở - Địa chất luôn xác định mục tiêu là sinh viên sau khi tốt nghiệp không những được trang bị những kiến thức chuyên ngành cơ bản, có kỹ năng tay nghề tốt, có khả năng vận dụng kiến thức vào trong lao động, sản xuất mà còn có những phẩm chất đạo đức cần thiết để phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, đáp ứng được những yêu cầu của thị trường lao động trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Vì vậy, Nhà trường đã tích cực lồng ghép việc giáo dục các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm cho sinh viên trong các môn học chuyên ngành như các môn học: Đạo đức máy tính; An toàn và bảo mật thông tin của ngành Công nghệ thông tin. An toàn điện; Kỹ thuật an toàn và môi trường cơ khí của ngành Kỹ thuật cơ khí. An toàn và vệ sinh lao động trong khai thác lộ thiên; An toàn vệ sinh lao động trong khai thác hầm lò của ngành Kỹ thuật mỏ... cũng như trong thời gian sinh viên thực tập tốt nghiệp tại các cơ quan, doanh nghiệp. Điều đó cho thấy sự xuyên suốt, đa dạng và mở rộng

nhằm giúp cho sinh viên hiểu rõ hơn các kỹ năng nghề nghiệp cũng như đạo đức nghề nghiệp nhằm nâng cao năng lực chuyên môn trong hoạt động nghề nghiệp sau này.

Công tác giáo dục kỹ năng nghề nghiệp còn được thực hiện thông qua các khóa tập huấn lan tỏa về “Công dân tích cực - Doanh nghiệp xã hội” hay thông qua các cuộc thi “Ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp HUMG”. Các hoạt động này đã góp phần cổ vũ, động viên sinh viên thi đua khởi nghiệp, lập nghiệp, tự tạo việc làm và nâng cao nhận thức về khởi nghiệp, khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo.

Như vậy, thông qua việc giáo dục ở trường, sinh viên đã rèn luyện và củng cố được lòng yêu nghề, niềm say mê lĩnh vực nghề nghiệp mà mình lựa chọn. Đây là một khía cạnh rất quan trọng của giáo dục đạo đức nghề nghiệp, bởi nếu không có lòng yêu nghề, người lao động sẽ không thể cống hiến hết mình cho nghề nghiệp, sẽ không vượt qua được những khó khăn để theo đuổi ngành nghề của mình

Tuy nhiên, bên cạnh những sinh viên tích cực, hào hứng tham gia các khóa tập huấn, các buổi phỏng vấn trong các hội chợ việc làm thì một bộ phận nhỏ sinh viên qua khảo sát thể hiện sự chưa quan tâm đúng mức, thậm chí thờ ơ với những hoạt động này. Hoạt động khởi nghiệp mới chỉ dừng lại ở các cuộc thi, phát triển các ý tưởng; chưa có ý tưởng nào được triển khai thành dự án và đưa vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh. Chưa thực sự chú trọng vào việc tăng cường, mở rộng và phát triển mối quan hệ với các địa phương và doanh nghiệp để triển khai các đề tài, dự án để mở rộng cung cấp nguồn nhân lực, tìm kiếm việc làm cho sinh viên trong Trường nên chưa thu hút được đông đảo sinh viên tham gia.

2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên trường Đại học Mở - Địa chất trong giai đoạn hiện nay

Trong cuộc đời của một con người, thành công và thất bại chủ yếu được bắt nguồn từ hoạt động nghề nghiệp. Vinh quang và cay đắng, danh dự và tủi nhục trong cuộc đời ít nhiều đều liên quan đến vấn đề năng lực chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp của mỗi con người. Do đó, để nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên trường Đại học Mở - Địa chất cần tiến hành đồng bộ bằng nhiều giải pháp khác nhau. Trong đó, đặc biệt chú ý đến các giải pháp sau:

2.2.1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu với công tác giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên trường Đại học Mở - Địa chất

Công cuộc đổi mới ngày càng đi vào chiều sâu, thế giới có những diễn biến phức tạp cũng như những vấn đề phát sinh trong quá trình phát triển kinh tế đất nước đòi hỏi công tác giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên càng phải kiên trì và phải được coi trọng. Bởi vậy, tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu, Hội

đồng trường là rất cần thiết để từ đó có cơ chế, chính sách lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành hợp lý đối với hoạt động này. Có thể nói, đây là giải pháp quan trọng, quyết định đến công tác tổ chức, chỉ đạo và hiệu quả giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên Trường Đại học Mở - Địa chất. Bởi vì nó tác động trực tiếp đến tất cả các khâu của hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên.

Đảng ủy Trường, Ban Giám hiệu tăng cường lãnh đạo công tác giáo dục đạo đức sẽ quyết định đến phương hướng, nhiệm vụ, nội dung chương trình kế hoạch giáo dục, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên; quyết định nội dung chương trình học các môn chuyên ngành với việc giáo dục đạo đức; chỉ đạo các chương trình, nội dung học chính trị, tư tưởng gắn với việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp; quyết định cấu trúc chương trình khóa học, từng năm học và các môn học; tổ chức thực tập và các hoạt động ngoại khóa gắn liền với giáo dục đạo đức nghề nghiệp.

2.2.2. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, nhà giáo phụ trách công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho sinh viên trong Trường

Vai trò kiến tạo của đội ngũ cán bộ, nhà giáo có vai trò quan trọng trong công việc tổ chức, hướng dẫn hoạt động học tập trong môi trường thân thiện và những tình huống có vấn đề nhằm khuyến khích người học tích cực tham gia, khơi gợi và khuyến khích người học tự khẳng định nhu cầu và năng lực của bản thân, đồng thời rèn cho họ thói quen và khả năng tự học, tích cực phát huy tiềm năng và vận dụng hiệu quả những kiến thức, kỹ năng đã được tích lũy. Từ đó, tạo tiền đề để phát triển toàn diện nguồn nhân lực trong bối cảnh phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

Kiến thức giáo dục đạo đức nghề nghiệp luôn gắn liền với nội dung của các môn chuyên ngành. Vì thế, các giảng viên chuyên ngành cần đưa nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp vào trong bài giảng. Một mặt giúp sinh viên nắm sâu kiến thức chuyên ngành, mặt khác hình thành quan niệm, tình cảm, nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp. Điều đó đòi hỏi, giảng viên chuyên ngành phải hiểu rõ tư tưởng, nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu rèn luyện đạo đức nghề nghiệp để giáo dục, hướng dẫn, trao đổi, gợi mở cho sinh viên. Mặt khác, từ nội dung giáo dục đạo đức đó sẽ góp phần củng cố kiến thức chuyên ngành cho họ.

Bên cạnh đó, Nhà trường cần tổ chức các tập huấn bồi dưỡng hàng năm để nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý (Phòng công tác Chính trị sinh viên, Trường ban quản lý Ký túc xá, Trung tâm hỗ trợ sinh viên...), giảng viên làm công tác Đoàn, Hội, chủ nhiệm lớp, trợ lý quản lý sinh viên, cố vấn học tập; giảng viên lý luận chính trị trong các cơ sở giáo dục, đào tạo. Vinh danh, tuyên dương, khen thưởng cán bộ, nhà giáo, cộng tác viên có thành tích trong công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho sinh viên.

2.2.3. Phát huy tính tự lập, tự giác của sinh viên trong việc học tập, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức nhằm nâng cao năng lực của bản thân trong mọi hoạt động công tác

Học tập là nghĩa vụ bắt buộc đối với mỗi người cán bộ đoàn viên, là yêu cầu để tạo cho đoàn viên phát triển tài năng, ý chí và khả năng góp sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ xã hội, xây dựng đất nước giàu mạnh, nhân dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Tự giáo dục là một quá trình tự thân, vậy nên nó đòi hỏi sinh viên phải có một nghị lực, ý chí quyết tâm cao để chiến thắng được chính bản thân mình, không gục ngã trước những cám dỗ của đồng tiền và tâm lý hưởng thụ tầm thường của con người, nhất là trong giai đoạn hiện nay xã hội có những biến động trong nhận thức về định hướng giá trị xã hội. Do đó, mọi sinh viên cần phải có kế hoạch cụ thể để học tập, nâng cao trình độ lý luận, kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn; học mọi lúc, mọi nơi, học suốt đời; học ở trường, học sách vở, học lẫn nhau, học từ thực tiễn cuộc sống, trong việc làm hàng ngày.

Tự giáo dục, tự rèn luyện đòi hỏi sinh viên phải có thái độ nghiêm túc với bản thân trong việc đánh giá, nhận xét về mọi hành vi của mình và tự chịu trách nhiệm trước kết quả của những hành vi đó. Trong thực tiễn, sinh viên phải luôn thực hiện tự phê bình và phê bình để kịp thời uốn nắn những lệch lạc trong tư tưởng. Đồng thời đây cũng là cơ hội để họ bày tỏ thái độ, nguyện vọng của mình giúp cho sự tác động của chủ thể giáo dục và quá trình tự giáo dục đạt hiệu quả cao hơn. Tự giáo dục là một quá trình tự thân, vậy nên nó đòi hỏi sinh viên phải có một nghị lực, ý chí quyết tâm cao để chiến thắng được chính bản thân mình, không gục ngã trước những cám dỗ của đồng tiền và tâm lý hưởng thụ tầm thường của con người, nhất là trong giai đoạn hiện nay xã hội có những biến động trong nhận thức về định hướng giá trị xã hội.

2.2.4. Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, đa dạng hóa các hoạt động phong trào chính trị - xã hội cho sinh viên

Môi trường lành mạnh là yếu tố tác động vừa sâu xa, vừa trực tiếp tới chất lượng và hiệu quả giáo dục đạo đức nghề nghiệp. Xây dựng môi trường lành mạnh cho sinh viên đòi hỏi chương trình học tập phải có tính khoa học, hiện đại, hấp dẫn, tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch học tập phải khoa học, chặt chẽ, hiệu quả. Đội ngũ nhà giáo, đặc biệt là giảng viên trực tiếp tham gia giảng dạy, hướng dẫn, giúp đỡ sinh viên phải thực sự là tấm gương về đạo đức để sinh viên noi theo. Nhà trường hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định đối với sinh viên và tổ chức thực hiện nghiêm minh, hiệu quả; các Khoa chủ quản và Trường cần có cơ chế khen thưởng kịp thời, chính xác những sinh viên học tập tốt, rèn luyện đạo đức tốt để khích lệ sinh viên; xây dựng và phổ biến những tấm gương tiêu biểu về đạo đức để tạo sức lan tỏa trong Trường. Đồng thời, đấu tranh, phê phán những hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp, không tích cực rèn luyện đạo đức nghề nghiệp. Xây dựng môi trường văn hóa học đường thân thiện, các thành viên có sự giúp đỡ, chia sẻ với nhau những khó khăn, vướng mắc trong cuộc sống và công

việc. Hoàn thiện hệ thống thông tin nội bộ và sử dụng có hiệu quả các phương tiện thông tin để sinh viên nhận thông tin, thông báo kịp thời và phục vụ giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho họ.

Hiện nay, cả nước đang bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cùng với chính sách mở cửa, giao lưu khu vực và quốc tế, đang tạo ra môi trường xã hội đa dạng, phức tạp; có sự đan xen giữa các hệ thống giá trị với chất lượng khác nhau về mặt đạo đức. Vì vậy, cần phát huy tốt hơn nữa vai trò lãnh đạo của Đoàn thanh niên, Hội sinh viên trong việc tổ chức và thu hút sinh viên vào các phong trào hoạt động chính trị - xã hội. Thông qua những hoạt động sẽ dần dần bồi đắp thêm ở sinh viên những tình cảm tốt đẹp giúp họ có ý thức và trách nhiệm hơn trong mọi hoạt động của mình. Hàng năm, tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả triển khai các phong trào trong sinh viên để khen thưởng, tổng kết, phát triển, nhân rộng các phong trào thi đua tiêu biểu ở nhà trường.

Các Khoa chuyên ngành cần thành lập các câu lạc bộ nghiên cứu khoa học. Các câu lạc bộ này thường xuyên hoạt động và có các chủ đề sinh hoạt phong phú nhằm thu hút được đông đảo sinh viên tham gia. Thông qua các câu lạc bộ, thực hiện được các chương trình về kỹ năng, nâng cao khả năng thích ứng của sinh viên, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, hình thành phẩm chất đạo đức và thực sự rèn luyện đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên. Đồng thời, tổ chức nhiều buổi nói chuyện, tọa đàm về đạo đức nghề nghiệp. Thông qua các buổi tọa đàm này sinh viên có thể tự rút ra những bài học về đạo đức nghề nghiệp cho riêng mình và tạo động lực để sinh viên tự rèn luyện, tu dưỡng.

2.2.5. Có sự kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong quá trình giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên

Nhà trường, cộng đồng cũng có tác động đến sinh viên trong quá trình học tập ở trường và giao tiếp trong cộng đồng. Tuy nhiên, so với gia đình, ảnh hưởng của nhà trường chủ yếu về mặt học tập, tiếp thu kiến thức và phương pháp tư duy. Còn gia đình là nhân tố đặc biệt quan trọng, có tác động sâu xa đến sự phát triển trí tuệ, nhân cách, đạo đức, cách suy tư, niềm tin, hy vọng và việc làm của sinh viên. Vì vậy, cần xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên trong gia đình ứng xử mẫu mực, làm gương trong giáo dục nhân cách cho sinh viên; chủ động phối hợp với nhà trường và các đoàn thể trong việc giáo dục lý tưởng đạo đức cách mạng cho sinh viên giúp họ thấy được trách nhiệm to lớn của mình đối với bản thân, đối với gia đình và cao hơn nữa là trách nhiệm của một người công dân, một người trí thức trẻ đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Bên cạnh đó, nhà trường cần phải giáo dục, thuyết phục, động viên, khuyến khích sinh viên tích cực tự giác học tập, rèn luyện; xây dựng một cơ chế kiểm tra, đánh giá bằng những hình thức đa dạng, phù hợp để sinh viên tăng cường tinh thần tự giác học tập,

tự giác rèn luyện theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh; đề ra các Quy chế khen thưởng đối với những sinh viên có thành tích tốt trong việc học tập, rèn luyện cũng như kỷ luật nghiêm minh đối với những cá nhân có biểu hiện vi phạm đạo đức, lối sống.

Ban Giám hiệu Nhà trường, Ban Chủ nhiệm các Khoa chuyên môn định kỳ hàng năm tổ chức gặp gỡ, đối thoại, nắm bắt tâm tư, tình cảm, định hướng tư tưởng, giải quyết kịp thời nhu cầu, nguyện vọng chính đáng và chăm lo, bảo vệ quyền hợp pháp của sinh viên. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý, cung cấp thông tin liên hệ giữa nhà trường với gia đình, sinh viên.

3. KẾT LUẬN

Mỗi một nghề nghiệp thường có một yêu cầu về năng lực chuyên môn, một chuẩn mực đạo đức riêng biệt. Những hành động đạo đức và thực hiện trách nhiệm đạo đức trong các mối quan hệ xã hội sẽ đem lại cho con người sự thanh thản trong lương tâm, góp phần kích thích tích cực xã hội, tạo nên một đời sống tinh thần lành mạnh, phong phú cho con người và xã hội. Nhận thức được điều đó, trường Đại học Mở - Địa chất đã tăng cường công tác giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên với những hình thức khác nhau. Do vậy, hầu hết sinh viên của Trường hiện nay đều cố gắng tu dưỡng đạo đức, nâng cao năng lực và đã đạt được một số kết quả nhất định. Tuy nhiên, trong thực tế, việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên trường vẫn còn một số hạn chế. Do đó, việc nghiên cứu các giải pháp để nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên trường Đại học Mở - Địa chất là thực sự cần thiết trong bối cảnh hiện nay nhằm trang bị cho họ một hành trang cần thiết trước khi bước vào các hoạt động nghề nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

1. Báo cáo của Ban Chấp hành khóa XXVI tại Đại hội đại biểu Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trường Đại học Mở - Địa chất lần thứ XXVII, nhiệm kỳ 2020 - 2022, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội
4. Lê Thị Lý (Chủ biên), Hoàng Thị Thanh, Ngô Thị Mai, Trương Thị Thu Hạnh, Nguyễn Thị Hiền (2017), *Đạo đức nghề nghiệp - Thêm một vài góc nhìn*, Nxb Lao động, Hà Nội.
5. Trường Đại học Mở - Địa chất (2020), Báo cáo tại Hội nghị cán bộ viên chức Trường lần thứ 47, Hà Nội.

NÂNG CAO NHẬN THỨC VỀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC THEO TINH THẦN ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG

TS. Phạm Thị Thương

Trường Đại học Giao thông vận tải

Email: Thuongpt@utt.edu.vn

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, đặc biệt là trong thời kỳ đổi mới, Đảng ta luôn luôn nhất quán đường lối “phát triển nguồn lực con người” và coi đó vừa là chiến lược, vừa là khâu đột phá để đáp ứng sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Kế thừa quan điểm của các kỳ Đại hội trước, mà trực tiếp là nhiệm kỳ Đại hội XII của Đảng đã đạt được những thành tựu quan trọng về phát triển nguồn lực con người. Tuy nhiên, Đại hội lần thứ XIII đã đánh giá số lượng lao động đã qua đào tạo trong nhiệm kỳ 2016 - 2020 chỉ là 64,5%, chưa đạt được mục tiêu đề ra và đặc biệt là: “Chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng yêu cầu phát triển...”⁴⁸. Trên cơ sở đó, Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã đề ra chủ trương và những giải pháp rất căn cơ trong phát triển nguồn nhân lực, để thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thể hiện trên một số nội dung cơ bản sau.

Thứ nhất, tiếp tục nâng cao nhận thức về vai trò của phát triển nguồn lực con người trong thời kỳ mới.

Đại hội XIII của Đảng đã khẳng định: “... lấy con người là trung tâm của phát triển và được chia sẻ những thành quả của quá trình phát triển kinh tế”⁴⁹. Điều đó cho thấy, quan điểm nhất quán của Đảng khẳng định rõ về vai trò của con người, nguồn nhân lực là khâu đột phá của quá trình phát triển xã hội và là trung tâm của mọi đường lối chiến lược. Trong quá trình sản xuất, con người không chỉ là một yếu tố cấu thành, mà còn là nhân tố quyết định việc khai thác, sử dụng, bảo vệ và tái tạo các nguồn lực khác. Thực tế cho thấy, tài nguyên thiên nhiên, cơ sở vật chất kỹ thuật, khoa học công nghệ đều hữu hạn, nó chỉ có thể phát huy tác dụng khi kết hợp, sử dụng hiệu quả với phát huy vai trò của nguồn lực con người. Trong khi đó, nguồn lực con người có ưu thế nổi bật là không bị cạn kiệt nếu biết bồi dưỡng, khai thác và sử dụng hợp lý. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư là cuộc cách mạng làm chuyển đổi nền kinh tế từ mô hình dựa vào tài nguyên, lao động chi phí thấp sang kinh tế tri thức; làm thay đổi cơ bản khái niệm đổi mới công

⁴⁸ ĐCSVN, Văn kiện đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII lần thứ XIII, tập 2, Nxb, CTQG, ST, HN, tr70.

⁴⁹ ĐCSVN, Văn kiện đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII lần thứ XIII, tập 2, Nxb, CTQG, ST, HN, tr81.

nghệ, trang thiết bị trong các dây chuyền sản xuất và sẽ tạo ra những thay đổi lớn về thị trường lao động. Cùng với toàn cầu hóa kinh tế tiếp tục phát triển về quy mô, mức độ và hình thức biểu hiện với những tác động tích cực và tiêu cực, cơ hội và thách thức đan xen phức tạp. Sự tùy thuộc lẫn nhau, hội nhập, cạnh tranh và hợp tác giữa các nước ngày càng trở thành phổ biến. Kinh tế tri thức phát triển mạnh, do đó chất lượng nguồn nhân lực càng trở thành nhân tố quyết định sự phát triển của mỗi quốc gia. Nhận thức được yêu cầu khách quan đó, những năm gần đây Đảng ta chủ trương phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt coi trọng phát triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý giỏi, đội ngũ chuyên gia, quản trị doanh nghiệp giỏi, lao động lành nghề và khoa học - công nghệ đầu đàn để tăng cường sức cạnh tranh và khẳng định vị thế của trí tuệ Việt Nam trong khu vực và quốc tế.

Thực tế ở nước ta hiện nay, đang ở trong thời kỳ cơ cấu “dân số vàng”, nhưng chất lượng nguồn nhân lực còn có bất cập, luôn thiếu hụt về số lượng, hạn chế về chất lượng và cơ cấu. Để tận dụng tốt thời cơ và vượt qua những nguy cơ, thách thức từ cuộc cách mạng công nghiệp thứ tư và hội nhập quốc tế, vấn đề khai thác nguồn lực con người, nhất là xây dựng, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đang đặt ra cấp thiết đối với nước ta hiện nay. Nguồn nhân lực chất lượng cao là bộ phận ưu tú nhất của nguồn nhân lực đất nước, bao gồm những người tiêu biểu về phẩm chất chính trị, đạo đức và lối sống; có trình độ học vấn, chuyên môn cao, có sức khỏe tốt, luôn đi đầu trong lao động, sáng tạo khoa học, đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong Phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021 - 2025, Đảng đã xác định: “Tiếp tục đẩy mạnh nguồn nhân lực nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao...”⁵⁰.

Thứ hai, đổi mới giáo dục và đào tạo cùng với khoa học công nghệ để phát triển nguồn nhân lực và con người Việt Nam trong giai đoạn mới.

Đại hội XIII của Đảng đã xác định đến năm 2025 thì tỷ lệ lao động qua đào tạo là 70%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 28 - 30%. Muốn đạt được chỉ tiêu đề ra, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để đáp ứng với tình hình phát triển mới của đất nước, thì cần: “Tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài...phát triển con người toàn diện...”⁵¹. Đây là quan điểm, chủ trương lớn, thể hiện sự nhất quán của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển con người qua các kỳ Đại hội. Ở Đại hội XIII, Đảng ta chỉ rõ sự tiến hành đồng bộ của nhiều yếu tố để phát triển nguồn nhân lực và phát triển đất nước: “Xây dựng đồng

⁵⁰ ĐCSVN, *Văn kiện đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 2, Nxb. CTQG, ST, HN, 2021, tr. 115.

⁵¹ ĐCSVN, *Văn kiện đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, Nxb. CTQG, ST, HN, 2021, tr. 136.

bộ thể chế, chính sách để thực hiện có hiệu quả chủ trương giáo dục và đào tạo cùng với khoa học công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển đất nước”⁵².

Sự phát triển mới trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng thể hiện rõ mối quan hệ giữa giáo dục - đào tạo cùng với phát triển khoa học - công nghệ và yêu cầu cao về chất lượng nguồn lực con người. Trong cỗ xe tam mã ấy, thì đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo là giải pháp căn cơ, cốt lõi để phát triển con người toàn diện đáp ứng với yêu cầu của cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ: “Tiếp tục đổi mới đồng bộ mục tiêu, nội dung, chương trình, phương thức, phương pháp giáo dục và đào tạo theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế, phát triển con người toàn diện, đáp ứng những yêu cầu mới của phát triển kinh tế xã hội, khoa học và công nghệ, thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư”⁵³. Thực hiện tốt hơn phân luồng học sinh sau trung học cơ sở. Đa dạng hóa các loại hình đào tạo, thúc đẩy phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao...

Đây là nội dung mới, thể hiện sự nhạy bén về tư duy lãnh đạo, tầm nhìn và chỉ đạo chiến lược của Đảng đáp ứng với tình hình phát triển của thế giới và trong nước, bởi các kỳ đại hội trước đây chưa chịu tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế của nước ta chưa sâu, rộng như hiện nay. Sứ mệnh cao cả của nền giáo dục, đào tạo nhằm đảm bảo cho nguồn nhân lực phát triển cả về số lượng và chất lượng đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, là động lực và là quốc sách để phát triển đất nước. Thực hiện giảng dạy lý thuyết đi kèm với thực hành, thực tế để phát triển các kỹ năng mềm của người lao động, tăng tính thích ứng, thích nghi với môi trường làm việc thực tế. Các cơ sở giáo dục, đào tạo chú trọng phát triển các ngành nghề chất lượng cao, như lĩnh vực kỹ thuật số, công nghệ thông tin, năng lượng, vật liệu mới, công nghệ sinh học... để giúp người lao động có thể làm chủ trước yêu cầu của cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Thứ ba, xây dựng thể chế, cơ cấu và thực hiện đồng bộ các chiến lược phát triển đất nước bền vững để tạo điều kiện việc làm cho người lao động.

Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp để sớm hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Phát triển đồng bộ và tạo ra sự liên kết chặt chẽ, hiệu quả giữa các khu vực, các vùng, các thành phần kinh tế các loại hình sản xuất kinh doanh. Đẩy nhanh việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển quốc gia, các vùng, các ngành, lĩnh vực phù hợp với tiềm năng, lợi thế của từng địa phương và thực tiễn đất nước nhằm nâng cao tính tự chủ, khả năng thích ứng, sức chống chịu của nền kinh tế.

⁵² ĐCSVN, Văn kiện đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, Nxb. CTQG, ST, HN, 2021, tr. 136.

⁵³ ĐCSVN, Văn kiện đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, Nxb. CTQG, ST, HN, 2021, tr. 136.

Tăng cường tính liên kết ngành, liên kết nội vùng và liên vùng, thúc đẩy tham gia vào các mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu, mở ra các không gian phát triển mới.

Tiếp tục phát huy vai trò của các doanh nghiệp nhà nước trong việc hình thành và mở rộng các chuỗi sản xuất, cung ứng và chuỗi giá trị, nhất là trong những ngành, lĩnh vực then chốt Nhà nước cần nắm giữ. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để kinh tế tư nhân phát triển nhanh, bền vững, lớn mạnh về quy mô, nâng cao về chất lượng. Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác mà trọng tâm là hợp tác xã, hỗ trợ phát triển kinh tế hộ, liên kết hộ. Chuyển trọng điểm chính sách thu hút, hợp tác đầu tư nước ngoài từ số lượng sang chất lượng; ưu tiên các dự án có công nghệ hiện đại, công nghệ và giá trị gia tăng cao, mô hình quản trị hiện đại, có tác động lan tỏa, kết nối với khu vực kinh tế trong nước. Huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tạo động lực để phát triển kinh tế nhanh và bền vững. Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, để khoa học và công nghệ thực sự là động lực chính của tăng trưởng kinh tế. Thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, xã hội số để tạo bứt phá về nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Thứ tư, chú trọng bồi dưỡng giá trị văn hóa, truyền thống dân tộc trong phát triển nguồn nhân lực của nước ta trong giai đoạn mới.

Đại hội XIII đã khẳng định: “Chú trọng hơn giáo dục đạo đức, năng lực sáng tạo và các giá trị cốt lõi, nhất là giáo dục tinh thần yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc, truyền thống và lịch sử dân tộc, ý thức trách nhiệm xã hội cho các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của người Việt Nam; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”⁵⁴. Việc xác định các chuẩn mực, định hướng các giá trị cốt lõi trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng là sự phát triển mới, cụ thể hóa các tiêu chí trong giáo dục và đào tạo phát triển con người đáp ứng yêu cầu cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế. Trong xu thế toàn cầu hoá nền kinh tế thế giới, người lao động phải biết chủ động hội nhập quốc tế. Toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế là xu thế khách quan, nhưng muốn đạt hiệu quả cao thì phụ thuộc vào hành động chủ quan, có chủ đích của chủ thể của đất nước nhằm khai thác nguồn lực bên ngoài để tăng cường sức mạnh của đất nước mình. Hội nhập quốc tế cũng có nghĩa là chấp nhận cạnh tranh với thế giới bên ngoài; hội nhập nhưng không hoà tan, vẫn bảo tồn bản sắc văn hoá dân tộc mình và nhất là bảo vệ được nền độc lập dân tộc. Trong điều kiện như vậy, giáo dục,

⁵⁴ ĐCSVN, *Văn kiện ĐHĐB toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, Nxb, CTQG, ST, HN, 2021, tr. 136 - tr137.

đào tạo phải chuẩn bị cho người lao động ngoài bản lĩnh chính trị vững vàng, ý thức dân tộc cao, còn phải có đạo đức, tình cảm trong sáng.

Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng đề cập rõ: “Gắn giáo dục tri thức, đạo đức, thẩm mỹ, kỹ năng sống với giáo dục thể chất, nâng cao tầm vóc con người Việt Nam”⁵⁵. Đào tạo con người theo hướng có đạo đức, kỷ luật, kỷ cương, ý thức trách nhiệm công dân, xã hội, có kỹ năng sống, kỹ năng làm việc, có ngoại ngữ, công nghệ thông tin, công nghệ số, tư duy sáng tạo và hội nhập quốc tế. Nền sản xuất công nghiệp, nhất là trong điều kiện cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đòi hỏi ở người lao động hàng loạt năng lực cần thiết như: có kỷ luật tự giác, biết tiết kiệm nguyên vật liệu và thời gian, có tinh thần trách nhiệm trong việc bảo dưỡng thiết bị máy móc, phương tiện sản xuất, bảo vệ môi trường, có tinh thần hợp tác và tác phong lao động công nghiệp, lương tâm nghề nghiệp...

Thứ năm, khuyến khích tự học tập, tự rèn luyện trong quá trình phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu của cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế.

Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực thường được tiến hành đồng bộ với nhiều phương thức, biện pháp đa dạng như thông qua trường lớp, thực hành và trong đó có hình thức tự học tập, tự rèn luyện của mỗi người lao động. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế đòi hỏi người lao động phải thích nghi bằng cách chủ động học tập, rèn luyện để có đủ năng lực chuyên môn và kỹ năng cần thiết để đón đầu các kỹ thuật, công nghệ mới áp dụng vào nền kinh tế thông minh và công nghiệp hóa. Do đó, con đường vừa học vừa làm, vừa tự học và tự rèn, theo phương châm học suốt đời của mỗi người là yếu tố “sống còn”, có vai trò đặc biệt quan trọng trong nâng cao trình độ chuyên môn để tạo ra năng suất lao động cao và góp phần tăng sức cạnh tranh của ngành, của nền kinh tế nước nhà. Thực tế cho thấy, sự phát triển nguồn nhân lực, ứng dụng khoa học - công nghệ, cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, tạo ra lợi thế cạnh tranh của nền sản xuất là những yếu tố đảm bảo cho phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững của đất nước. Để thực hiện yêu cầu đó, Đảng đề ra phương hướng tổ chức thực hiện: “Xây dựng các cơ chế chính sách và giải pháp để đào tạo lại lực lượng lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới công nghệ và tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”⁵⁶.

Thứ sáu, đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính sách, an sinh xã hội để tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển nguồn nhân lực trong giai đoạn mới.

Trong điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, nhất là trước sự ảnh hưởng của đại dịch Covid - 19, thì việc giữ vững số lượng, chất lượng

⁵⁵ ĐCSVN, Văn kiện đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, Nxb, CTQG, ST, HN, 2021, tr. 137.

⁵⁶ ĐCSVN, Văn kiện đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, Nxb, CTQG, ST, HN, 2021, tr. 137.

nguồn nhân lực là yếu tố lợi thế để tăng năng suất lao động và cạnh tranh của sản xuất hàng hóa giữa các quốc gia. Vì vậy, việc đổi mới hệ thống chính sách, tạo điều kiện để phát triển nhân lực là khâu đột phá, có ý nghĩa quyết định đến thực hiện thành công chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Tuy nhiên, việc đổi mới hệ thống chính sách, tạo điều kiện để phát triển nguồn nhân lực cần phải có tầm nhìn chiến lược phát triển tổng thể và dài hạn. Ở thời kỳ có sự ảnh hưởng của đại dịch Covid - 19, cần xây dựng những chính sách cụ thể, sát thực tế để từ đó đánh giá thành công, những khó khăn, hạn chế nhằm đề ra giải pháp hữu hiệu cho phát triển nguồn nhân lực cho phù hợp với bối cảnh khó khăn của mỗi doanh nghiệp, mỗi ngành sản xuất, tình hình kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế. Đặc biệt, cần chú trọng không để khủng hoảng nguồn nhân lực, đứt gãy hoặc thiếu nguồn cung ứng lao động cho các cơ sở sản xuất do ảnh hưởng của đại dịch Covid - 19 gây ra.

Muốn vậy, cần chú trọng chính sách xã hội, mà trực tiếp là chính sách an sinh xã hội để hỗ trợ y tế, vật chất, tài chính, chỗ ở để giữ chân người lao động. Đồng thời, vừa quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, vừa đẩy mạnh hội nhập quốc tế để phát triển nguồn nhân lực và thu hút nguồn nhân lực tham gia chiến lược sản xuất, kinh doanh không để bị gãy các chuỗi sản xuất. Đại hội XIII của Đảng đã nhận định: “Yêu cầu đặt ra không chỉ hóa giải các nguy cơ, thách thức mà còn phải tích cực, chủ động trước thời cơ mới khi cấu trúc kinh tế thế giới, quản trị toàn cầu được định hình lại, phương thức sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng và đời sống xã hội thay đổi sau đại dịch Covid-19”⁵⁷. Đây thể hiện sự dự báo với tầm nhìn xa của Đảng ta về những khó khăn chung, trong đó có nguồn nhân lực trong giai đoạn cách mạng mới. Vì thế, sau khi Đại hội XIII diễn ra đã cho thấy sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị quan tâm chỉ đạo, thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, an ninh con người, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Tạo môi trường và điều kiện để phát triển thị trường lao động đồng bộ, hiện đại, linh hoạt, thống nhất, hội nhập và hiệu quả. Với phương châm: “Thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động, nhất là ở nông thôn”⁵⁸.

Chuẩn bị nguồn nhân lực cho chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số. Tập trung hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống thông tin dự báo thị trường lao động và chất lượng dịch vụ việc làm. Xây dựng cơ chế, chính sách để định hướng dịch chuyển lao động thông thoáng, phân bố hợp lý lao động theo vùng. Cải cách tổng thể, đồng bộ

⁵⁷ ĐCSVN, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập2, Nxb, CTQG, ST, HN, 2021, tr93.

⁵⁸ ĐCSVN, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập2, Nxb, CTQG, ST, HN, 2021, tr128.

chính sách tiền lương theo hướng tuân thủ nguyên tắc phân phối theo lao động và quy luật khách quan của kinh tế thị trường, lấy tăng năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh làm cơ sở để tăng lương. Đổi mới chế độ tuyển dụng, sử dụng, trọng dụng nhân tài trong quản lý, quản trị nhà nước, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ. Đảng ta xác định mục tiêu: “Phân đầu đến năm 2025, tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội là 45%; tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp là 35%”⁵⁹.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp trên đây theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển nguồn nhân lực trong những năm tới, vừa có tính khả thi vừa có tầm chiến lược để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ triển kinh tế - xã hội ở những chặng đường tiếp theo. Với quan điểm nhất quán của Đảng về phát triển nguồn nhân lực mà đặc biệt nguồn nhân lực chất lượng cao, đó là một trong những khâu đột phá quan trọng, để hướng tới mục tiêu đến năm 2025, kỷ niệm 50 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước thì Việt Nam sẽ là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp. Chúng ta tin tưởng rằng, với đường lối lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam sẽ phát huy sức mạnh dân tộc, sức mạnh thời đại, sẽ hiện thực hóa khát vọng đưa nước ta trở thành nước phát triển phồn vinh, thịnh vượng theo định hướng xã hội chủ nghĩa như Chủ tịch Hồ Chí Minh và các thế hệ đi trước đã mong muốn./.

⁵⁹ ĐCSVN, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập2, Nxb, CTQG, ST, HN, 2021, tr141.

QUAN ĐIỂM, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VỀ KHỞI NGHIỆP VÀ YÊU CẦU ĐẶT RA ĐỐI VỚI VIỆC GIÁO DỤC TINH THẦN KHỞI NGHIỆP Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI

ThS. Phạm Thị Phương Thảo

Trường Đại học Thủy Lợi

Email: phuongthao@tlu.edu.vn

***Tóm tắt:** Giáo dục tinh thần khởi nghiệp có vai trò rất quan trọng trong hệ sinh thái khởi nghiệp ở Việt Nam hướng tới mục tiêu quốc gia khởi nghiệp. Bài viết phân tích quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước về khởi nghiệp, đặc biệt là các yêu cầu đặt ra đối với việc giáo dục tinh thần khởi nghiệp ở trường Đại học Thủy Lợi. Bài viết giúp sinh viên, giảng viên thấy được sự triển khai chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về khởi nghiệp ở trường Đại học Thủy Lợi, hiểu rõ hơn về vai trò của bản thân trong hoạt động khởi nghiệp.*

***Từ khóa:** đại hội Đảng, chính sách khởi nghiệp, tinh thần khởi nghiệp, giáo dục khởi nghiệp, khởi nghiệp sinh viên.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hoạt động khởi nghiệp từ lâu đã được coi là một trong những động lực phát triển kinh tế của mỗi quốc gia. Vì vậy, đẩy mạnh hoạt động này trở thành một mục tiêu quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế của nhiều đất nước. Với việc hội nhập ngày càng sâu rộng, Việt Nam đã và đang nhận được sự quan tâm và đầu tư từ các doanh nghiệp trên khắp thế giới. Theo đó, hệ sinh thái khởi nghiệp cũng dần được hình thành, hướng tới mục tiêu quốc gia khởi nghiệp với mục tiêu trung tâm là khởi nghiệp sáng tạo. Để đạt được điều đó, không thể thiếu vai trò của giáo dục (GD) tinh thần khởi nghiệp ngay từ trong nhà trường, đặc biệt là trong trường đại học, bởi đây là nơi hình thành nguồn nhân lực chính có chất lượng cao cho khởi nghiệp của mỗi quốc gia. Do đó, việc tìm hiểu chiến lược của Đảng, chính sách của Nhà nước về khởi nghiệp và quá trình những định hướng đó đi vào thực tiễn trường đại học là một vấn đề cần thiết. Điều này cũng đặt ra những yêu cầu cấp thiết cho việc GD tinh thần khởi nghiệp ở trường đại học nói chung và trường Đại học Thủy lợi (ĐHTL) nói riêng nhằm quán triệt tốt chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước. Vì vậy, vấn đề này không chỉ có ý nghĩa khoa học mà còn có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc. Mục tiêu bài viết là làm rõ được vai trò định hướng quan trọng của quan điểm về khởi nghiệp mà Đảng đã nêu ra tại Đại hội XI, XII và XIII

cũng như các chính sách về khởi nghiệp của Nhà nước, từ đó phân tích yêu cầu đặt ra đối với việc GD tinh thần khởi nghiệp cho sinh viên (SV) ở trường ĐHTL. Bài viết chủ yếu sử dụng các phương pháp logic - lịch sử, phân tích, tổng hợp, so sánh, hệ thống.

2. NỘI DUNG

2.1. Quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về khởi nghiệp

2.1.1. Quan điểm của Đảng về khởi nghiệp

Ngay từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI (2011), Đảng ta đã đặc biệt quan tâm đến hoạt động khởi nghiệp doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp tư nhân. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI khẳng định: “Khuyến khích tư nhân thành lập hoặc liên kết với Nhà nước thành lập các quỹ đầu tư mạo hiểm đối với hoạt động nghiên cứu phát triển công nghệ mới, công nghệ cao”⁶⁰. Nói cách khác, Đảng ta đã sớm khuyến khích tinh thần khởi nghiệp ở Việt Nam dựa trên nền tảng là các doanh nghiệp tư nhân.

Những chủ trương của Đảng liên quan trực tiếp đến khởi nghiệp được đề cập đến trong các văn kiện được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (2016). Thời điểm này cũng là thời điểm Đảng chỉ đạo đẩy mạnh hoạt động khởi nghiệp. Văn kiện Đại hội XII khẳng định nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam “có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng”⁶¹. Như vậy, chủ trương phát triển kinh tế tư nhân cho thấy, việc đẩy mạnh hoạt động khởi nghiệp và khuyến khích tinh thần khởi nghiệp ở Việt Nam dựa trên nền tảng là các doanh nghiệp tư nhân đã trở thành hướng đi đúng đắn. Trong Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020, mục Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu: “Về doanh nghiệp tư nhân: Tạo mọi điều kiện thuận lợi phát triển mạnh doanh nghiệp tư nhân để tạo động lực nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế”⁶²; “Khuyến khích và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nghiên cứu phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ”⁶³; “tăng cường tiềm lực khoa học, công nghệ” “xây dựng hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, phát huy năng lực sáng tạo của mọi cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức”⁶⁴.

⁶⁰ Báo điện tử Đảng cộng sản Việt Nam: Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012, Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) Về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/hoi-nghi-bch-trung-uong/khoa-xi/nghi-quyet-so-20-nqtw-ngay-01112012-hoi-nghi-lan-thu-6-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xi-ve-phat-trien-khoa-hoc-va-576>.

⁶¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2016, tr. 103

⁶² Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2016, tr. 292

⁶³ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2016, tr. 298

⁶⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2016, tr. 297

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (2021), lần đầu tiên cụm từ “đổi mới sáng tạo” với tư cách là thuật ngữ riêng đã được đưa vào Văn kiện. Đại hội XIII đã nhấn mạnh vai trò của đổi mới sáng tạo và xác định rõ định hướng mới cho lĩnh vực phát triển khoa học và công nghệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Đổi mới sáng tạo được coi như một động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững đất nước trước bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhằm đạt mục tiêu: “phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”⁶⁵.

Đại hội XIII của Đảng củng cố vai trò của đổi mới sáng tạo thông qua 3 nhiệm vụ đột phá chiến lược. Trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, mục Các đột phá chiến lược ghi rõ: (1) “Hoàn thiện và nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN”; (2) “Phát triển toàn diện nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo”; (3) “Hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội đồng bộ, hiện đại”⁶⁶. Cả 3 đột phá chiến lược này đều tạo cơ chế cho đổi mới sáng tạo, cũng như lấy đổi mới sáng tạo làm cơ sở, động lực cho sự phát triển. Mục Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, điểm 2. Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, khẳng định: “phát triển mạnh khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm; thúc đẩy phát triển mô hình kinh doanh mới, kinh tế số, xã hội số. Có cơ chế, chính sách kinh tế, tài chính khuyến khích các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu phát triển và đổi mới công nghệ”⁶⁷. Khuyến khích, hỗ trợ các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu phát triển, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ. “Cơ cấu lại, nâng cao năng lực, hiệu quả các cơ sở nghiên cứu; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, công nghệ trong các doanh nghiệp, trường đại học, cơ sở đào tạo gắn với nhu cầu thị trường. Tăng cường liên kết doanh nghiệp với các viện nghiên cứu, trường đại học”⁶⁸. “Phát huy vai trò của các quỹ về phát triển khoa học và đổi mới công nghệ trong thúc đẩy nghiên cứu, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, ứng dụng và chuyển giao công nghệ”⁶⁹.

Đặc biệt, khi đánh giá về việc thực hiện các đột phá chiến lược trong “Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025” thông qua tại Đại hội XIII đã khẳng định: “Khuyến khích, hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới học sinh, sinh viên

⁶⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập II, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, H. 2021, tr. 326

⁶⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, tr. 220 - 223

⁶⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, tr. 226

⁶⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, tr. 228

⁶⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, tr. 229

được đẩy mạnh triển khai thực hiện. Rà soát, quy hoạch lại mạng lưới các cơ sở giáo dục và đào tạo, dạy nghề; đầu tư trọng tâm, trọng điểm các trường, các ngành tiên tiến đạt chuẩn khu vực và thế giới. Nhiều cơ sở giáo dục - đào tạo có cơ chế khuyến khích sinh viên, học viên nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, nhất là thông qua quỹ phát triển khoa học, công nghệ”⁷⁰.

Như vậy, qua ba kỳ đại hội XI, XII, XIII, Đảng đã xác định vai trò của khởi nghiệp là quốc sách hàng đầu đối với sự phát triển đất nước trong giai đoạn mới, là động lực quan trọng để phát triển kinh tế, là động lực chính của tăng trưởng kinh tế. Mục tiêu của khởi nghiệp là tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững kinh tế - xã hội đất nước, đưa nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào giữa thế kỷ XXI; phát huy và sử dụng có hiệu quả nhất nguồn tri thức của con người Việt Nam, khai thác nhiều nhất tri thức của nhân loại; tạo bút phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Nội dung trọng tâm của khởi nghiệp là nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ, tạo chuyển biến tích cực cho hoạt động đổi mới và khởi nghiệp sáng tạo; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, kinh tế số, phát triển các mô hình kinh tế mới, khởi nghiệp sáng tạo.

Có thể nói, quan điểm của Đảng đã mở ra một hướng đi mới trong lĩnh vực phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp và khuyến khích tinh thần khởi nghiệp trong nhà trường phát triển mạnh, đặc biệt ở bậc đại học khuyến khích SV khởi nghiệp, nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ.

2.1.2. Chính sách của Nhà nước về khởi nghiệp

Trên tinh thần quán triệt quan điểm của Đảng về khởi nghiệp, Chính phủ và các Bộ, Ngành đã phối hợp với nhau xây dựng các chính sách về khởi nghiệp nhằm thúc đẩy việc GD tinh thần khởi nghiệp. Đó là các cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp như Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ ngày 16 tháng 5 năm 2016 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020, Nghị định số 39/2018/NĐ-CP về những hỗ trợ của Nhà nước mà các doanh nghiệp khởi nghiệp được hưởng. Đó còn là các đề án như Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” ngày 18/5/2016 được phê duyệt theo Quyết định số 844/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Đề án “Phát triển Hệ tri thức Việt số hóa” ngày 18/5/2017 được phê duyệt theo Quyết định số 677/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Đề án “Hỗ trợ HS, SV khởi nghiệp đến năm 2025” ngày 30/10/2017 được ban hành theo Quyết định số 1665/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Mục tiêu chung của các đề án hướng đến là tạo dựng hình ảnh quốc gia khởi nghiệp ở mọi ngành, lĩnh vực trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng; chú trọng phát triển hoạt động đào tạo; xây dựng cơ sở hạ tầng dữ liệu và tri

⁷⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập II, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, tr. 35 - 36

thức, ứng dụng công nghệ thông tin trên nền tảng AI và BigData nhằm thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo khơi dậy niềm đam mê và khát vọng sáng tạo nhất là với thế hệ trẻ; trang bị kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp cho SV trong thời gian học tập tại các nhà trường; tạo môi trường thuận lợi để hỗ trợ SV hình thành và hiện thực hóa các ý tưởng, dự án khởi nghiệp, góp phần tạo việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp.

Đặc biệt, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) đã ban hành các quyết định, công văn, thông tư để đẩy mạnh GD tinh thần khởi nghiệp trong các trường đại học, như: Quyết định số 1230/QĐ-BGDĐT ngày 30/3/2018; Công văn số 2101/BGDĐT-KHCNMT ngày 24 tháng 5 năm 2018; Thông tư tháng 09 năm 2020 quy định công tác tư vấn nghề nghiệp, việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp trong các cơ sở giáo dục... Bộ GD&ĐT khẳng định sự cần thiết phải đưa nội dung đào tạo tinh thần khởi nghiệp vào chương trình đào tạo giảng dạy cho SV hệ đại học. Căn cứ vào tình hình thực tiễn, các cơ sở giáo dục đại học xem xét, bổ sung vào chương trình đào tạo các chuyên đề, nội dung liên quan khởi nghiệp theo hướng bắt buộc hoặc tự chọn linh hoạt phù hợp với ngành đào tạo thực tiễn của nhà trường. Việc đưa công tác hỗ trợ khởi nghiệp vào trường đại học chính là để thúc đẩy tinh thần đổi mới sáng tạo, khát vọng và động lực trong học tập, rèn luyện, giúp SV có tinh thần phục vụ cộng đồng, xã hội, xây dựng và phát triển đất nước. Công tác tư vấn nghề nghiệp, việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp trong trường đại học tạo được động lực cho SV trong học tập, rèn luyện, hình thành ý thức, tinh thần doanh nhân, tinh thần khởi nghiệp. Bộ GD&ĐT cũng đã kết nối, phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành để triển khai các đề án lớn của Chính phủ như Trung tâm khởi nghiệp quốc gia, hệ sinh thái khởi nghiệp quốc gia; tạo thêm nhiều cơ hội cho SV khởi nghiệp trong lĩnh vực khoa học công nghệ, nắm bắt và tận dụng được lợi thế của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0... Bộ GD&ĐT đã có cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp và nhà trường xây dựng các mô hình đào tạo gắn với thực tế trong nhà và ngoài nhà trường, để ngay trong quá trình học, SV đã được trải nghiệm thực tiễn và làm được nhiều việc, các doanh nghiệp sẽ chuyển dần từ tài trợ sang hợp tác và phát triển; khuyến khích SV sáng tạo, hình thành và hiện thực hóa các ý tưởng, các dự án khởi nghiệp góp phần tạo việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp.

Như vậy, từ khi Chính phủ lấy năm 2016 làm “Năm đổi mới sáng tạo” thì hoạt động GD tinh thần khởi nghiệp đã được đẩy mạnh trong các cơ sở giáo dục, đặc biệt là các trường đại học. Quan điểm chỉ đạo xuyên suốt của Đảng, Chính phủ, Bộ GD&ĐT về khởi nghiệp và GD tinh thần khởi nghiệp đã trao sứ mệnh cho các trường đại học là: GD tinh thần khởi nghiệp nhằm mục đích thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, trang bị tư duy, kiến thức và kỹ năng khởi nghiệp cho SV; giúp SV thay đổi tư duy về khởi nghiệp, được tiếp cận sớm với hoạt động đổi mới sáng tạo, phát triển được năng lực, tố chất của mình ngay trong thời gian học tập tại trường. Điều đó đã đặt ra những yêu cầu cấp thiết đối với việc GD tinh thần khởi nghiệp ở các trường đại học nói chung, trường ĐHTL nói riêng.

2.2. Yêu cầu đặt ra đối với việc GD tinh thần khởi nghiệp ở trường ĐHTL

2.2.1. GD tinh thần khởi nghiệp cần bám sát chương trình, ngành đào tạo

Từ năm 2019, trường ĐHTL đã chỉ đạo đưa GD tinh thần khởi nghiệp trở thành một nội dung trong học phần bắt buộc của chương trình đào tạo năm thứ nhất của tất cả các ngành trong toàn trường. Tuy nhiên, trong thời gian tới, cần căn cứ vào thực tiễn để tiếp tục xây dựng các chuyên đề, chương trình đào tạo về khởi nghiệp hoặc kỹ năng mềm theo hướng linh hoạt phù hợp với từng ngành đào tạo; chương trình đào tạo phải chuyển hướng từ trang bị kiến thức và động cơ để trở thành người làm thuê sang người làm chủ; mời các doanh nghiệp, doanh nhân tham gia thiết kế chương trình đào tạo và giảng dạy; tổ chức các hoạt động đào tạo ngắn hạn cho sinh viên thông qua các lớp kỹ năng khởi nghiệp.

Trường ĐHTL đã tổ chức hàng năm cuộc thi “Sinh viên TLU với ý tưởng khởi nghiệp” với mục tiêu truyền cảm hứng khởi nghiệp cho SV. Các ý tưởng khởi nghiệp của SV rất đa dạng và sáng tạo, mang những đặc trưng của ngành nghề, như: Vật liệu xanh GPN (Khoa Công trình), VẠC - Trợ lý gia đình (Khoa Kinh tế và Quản lý), Hệ thống thông tin các hoạt động TLU (Khoa Công nghệ thông tin), Phần mềm Vergate (Khoa Công trình), Máy rửa tay sát khuẩn tự động Trytech (Khoa Cơ khí), Hệ thống PFE (Khoa Điện - Điện tử),... Tuy nhiên, trong thời gian tới, cần tiếp tục tăng số lượng và chất lượng của các ý tưởng, các dự án khởi nghiệp và đóng góp nhiều hơn cho phong trào khởi nghiệp quốc gia. Các ý tưởng khởi nghiệp của SV cần đa dạng hơn, tập trung vào các lĩnh vực đặc thù của ngành nghề, của trường: điện, cơ - điện tử, nhân lực kỹ thuật, nhân lực quản trị công nghệ, nhân lực quản lý, quản trị doanh nghiệp... Trường ĐHTL nên tích hợp nhiều phương pháp giáo dục khác nhau như mô hình doanh nghiệp và các hoạt động kinh doanh; cung cấp thêm nhiều môn học cần thiết cho khởi nghiệp như quản lý sở hữu trí tuệ, quản trị đổi mới sáng tạo, khởi sự doanh nghiệp... Các môn học này không chỉ được dạy ở khoa Kinh tế và quản lý mà phải được nhân rộng, đưa vào các khoa giảng dạy phù hợp. Ưu tiên các chương trình đào tạo chuyên sâu, thiết thực. Trọng tâm là thiết kế chương trình khởi nghiệp, những chuyên đề thực tiễn khởi nghiệp, thực tập khởi nghiệp, dự án khởi nghiệp.

2.2.2. GD tinh thần khởi nghiệp cần gắn với thực tiễn

Các ý tưởng khởi nghiệp của SV đã gắn với đời sống, hướng đến phục vụ cộng đồng và xã hội như: Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong việc hỗ trợ chẩn đoán, giám sát, ngăn chặn sớm các hành vi nguy hiểm của bệnh trầm cảm; Ứng dụng nhựa sinh học sản xuất đèn trang trí nội thất nghệ thuật; Thiết kế - chế tạo máy ép nhựa phục vụ trong đào tạo tại các trường đại học kỹ thuật; Máy lọc nước biển thành nước ngọt và muối để sử dụng;... Tuy nhiên, trong thời gian tới, các đề tài khởi nghiệp cần định hình rõ sản phẩm gắn với thực tế, đáp ứng yêu cầu của khách hàng, giá thành phù hợp với thị trường, đây

mạnh sản xuất các sản phẩm mẫu. Việc GD tinh thần khởi nghiệp ở trường ĐHTL cần tiếp tục gắn với hoạt động thực tiễn, đề cao tinh thần làm chủ, thúc đẩy văn hóa khởi nghiệp là điều kiện tiên quyết để mỗi SV hình thành ý chí tự thân lập nghiệp. Trường ĐHTL cần xây dựng mô hình đào tạo gắn với thực tế trong và ngoài nhà trường. Thêm vào đó, cần đẩy mạnh vai trò của các doanh nghiệp, doanh nhân không chỉ qua hoạt động tài trợ mà còn hợp tác sâu rộng hơn trong thiết kế chương trình đào tạo, tham gia tổ chức giảng dạy. Không nên coi khởi nghiệp chỉ là phong trào, cần tạo không gian thực sự để GV và SV được làm việc với doanh nghiệp ở góc độ sáng tạo. Trường ĐHTL phải coi đây là giải pháp để phát triển, vừa nâng cao chất lượng đào tạo, vừa thúc đẩy hoạt động nghiên cứu gắn với kết nối doanh nghiệp. Tạo cơ hội cho sinh viên năm cuối thực hiện các dự án. Ưu tiên GV tham gia đào tạo khởi nghiệp có kinh nghiệm khởi nghiệp trên thực tế. Cần phải có những hoạt động phối hợp hoặc liên kết với các doanh nghiệp trong việc đào tạo kỹ năng khởi nghiệp cho SV thông qua các chương trình hợp tác, dự án mang tính bài bản, có hệ thống, có tác động bền vững đến tri thức, kỹ năng, thái độ của SV hướng đến một hình mẫu doanh nhân khởi nghiệp.

2.2.3. GD tinh thần khởi nghiệp cần phù hợp với đối tượng sinh viên

Đa số SV trường ĐHTL đến từ nông thôn và xuất thân trong những gia đình làm nông nghiệp nên tinh thần làm chủ doanh nghiệp của SV chưa cao. Vì vậy, việc khơi dậy tinh thần khởi nghiệp của SV trường ĐHTL không thể tác động theo bề rộng, bề nổi, theo phong trào mà cần đi vào chiều sâu để tác động tới tư duy từng SV. Thách thức lớn này chỉ có thể vượt qua được bằng tình yêu nghề nghiệp, sự nỗ lực, cố gắng của những chủ thể gần gũi SV nhất, đó là GV môn học, GV chủ nhiệm và cán bộ tư vấn khởi nghiệp.

Mặt khác, SV trường ĐHTL giống như SV nói chung ngày nay là thế hệ trẻ trong thời đại công nghệ số, thích sự trải nghiệm, thích sáng tạo, đặc biệt thích nghi rất nhanh trong quá trình chuyển đổi số. Vì vậy, cần phát huy tinh thần sáng tạo, tư duy năng động, truyền cảm hứng kinh doanh, tạo sân chơi bổ ích cho SV trường ĐHTL trải nghiệm thực tế trong việc lập dự án kinh doanh, đúc rút kinh nghiệm, kiến thức về khởi sự doanh nghiệp; cần tập trung giúp cho SV thể hiện sức trẻ, nhiệt huyết và mạnh dạn đưa các ý tưởng của mình đến gần với cuộc sống, nêu cao tinh thần đổi mới sáng tạo, vận dụng các kiến thức, kỹ năng để đề xuất các sáng kiến, các giải pháp có ứng dụng khoa học công nghệ, nhất là công nghệ số, nhân lực số.

Các ý tưởng khởi nghiệp cần nhấn mạnh hơn nữa vào 2 nội dung là “đổi mới” và “sáng tạo”. Cần từng bước hướng tới mục tiêu: xây dựng thái độ khởi nghiệp, giúp SV cảm thụ hành vi khởi nghiệp, giải thích giá trị giáo dục khởi nghiệp, xây dựng động lực phát triển nghề nghiệp, hướng dẫn các bước thành lập công ty khởi nghiệp, bồi dưỡng tố chất nhà doanh nghiệp, nắm vững tri thức thương mại khởi nghiệp, xây dựng kỹ năng quan hệ với những bên có lợi ích tương quan.

2.2.4. GD tinh thần khởi nghiệp cần gắn kết với cộng đồng khởi nghiệp

Trường ĐHTL luôn có sự kết nối rộng rãi với cộng đồng khởi nghiệp để tạo ra được không gian khởi nghiệp, khuyến khích hỗ trợ GV và SV cùng tham gia vào quá trình khởi nghiệp, đồng thời cũng đăng cai địa điểm tổ chức cuộc thi “Ngày hội khởi nghiệp quốc gia 2020” của Bộ GD&ĐT. Cộng đồng khởi nghiệp mà trường ĐHTL đã kết nối là: Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp Quốc gia, Tập đoàn FECON, Công ty Cổ phần AZ, Công ty Agricare, Công ty CP Sơn ô tô Việt Nam (VMP), Công ty Cổ phần lâm nghiệp TEAK Việt Nam, Công ty đầu tư BestB Group, Công ty MISA, Công ty Novaedu, Công ty xây dựng và thương mại DSS, Công ty Delta E&C, Hikari Group, Giang Sơn Medie, Hội Doanh nghiệp trẻ Hà Nội, Hệ thống doanh nghiệp ươm tạo BK Holdings, Quỹ Steve Bùi và những người bạn, Trung ương Đoàn, Thành đoàn Hà Nội, các trường Đại học,... Ngay chính trong dự án khởi nghiệp của SV còn có sự kết hợp với dự án khởi nghiệp của ngành khác, khóa khác như nhóm Green Generation với dự án “Văn phòng phẩm và quà tặng từ nông nghiệp” thuộc lĩnh vực công nghiệp, chế tạo sản phẩm có sự kết hợp của SV khoa Hóa và Môi trường và SV khoa Kinh tế và Quản lý. Việc đa dạng thành phần nhóm SV tham dự khởi nghiệp giúp SV không chỉ phát huy được năng lực chuyên môn trong lĩnh vực SV học mà còn giúp SV học hỏi lẫn nhau, chẳng hạn SV khoa Hóa và Môi trường được học hỏi từ SV khoa Kinh tế và Quản lý sự mới lạ trong cách đặt thương hiệu cho sản phẩm khởi nghiệp, cách thiết kế mẫu sản phẩm, marketing cho dự án, quảng bá tốt thương hiệu - điều cần thiết khi đưa sản phẩm đến với thị trường...

Tuy nhiên, trong thời gian tới, trường ĐHTL cần tận dụng nền tảng mà Việt Nam đã có là hệ tri thức Việt số hóa để kết nối với những người đã tốt nghiệp đại học, những người có kinh nghiệm làm việc ở nước ngoài có thể cùng tham gia chia sẻ; ngược lại trường ĐHTL cũng cần nhân rộng kinh nghiệm khởi nghiệp của SV đồng thời nhân rộng các tài liệu mang tính thực tiễn cao đóng góp vào hệ tri thức Việt số hóa, qua đó nhiều người cùng được chia sẻ, đóng góp kinh nghiệm và kết nối với nhau tốt hơn. Quan trọng là trường ĐHTL tạo kết nối giữa các trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp nhằm khơi dậy, lan tỏa tinh thần, động lực khởi nghiệp cho SV, trang bị kiến thức cho SV về khởi nghiệp, nhất là rèn luyện tinh thần khởi nghiệp trong SV, hun đúc và nhân lên tinh thần ấy. Cần đầu tư hơn nữa xây dựng mạng lưới cộng đồng doanh nhân hỗ trợ SV khởi nghiệp. Chú trọng đào tạo cả trước, trong và sau khởi nghiệp, đặc biệt là hai năm đầu sau khi khởi sự doanh nghiệp.

2.2.5. GD tinh thần khởi nghiệp cần gắn kết với nghiên cứu khoa học sinh viên

Nhiều dự án khởi nghiệp của trường ĐHTL đã xuất phát từ các đề tài nghiên cứu khoa học (NCKH) hoặc các vấn đề thực tiễn cần giải quyết, do đó đã thu hút được sự quan tâm, chú ý của cộng đồng doanh nghiệp, như Hệ thống kiểm soát xe ô tô vào/ra công nghệ RFDI (Khoa Công nghệ thông tin), Nước rửa chén Sapowash (Khoa Hóa và

Môi trường), Nhà rửa xe máy Flash Wash (Khoa Điện - Điện tử),... Tuy nhiên, trong thời gian tới, trường ĐHTL cần phát triển nhiều hơn nữa các đề tài NCKH SV trở thành các dự án khởi nghiệp. Để thực hiện được điều này, cần không chỉ sự tâm huyết, trí tuệ của các GV, SV với khởi nghiệp trong giờ học, ngoài giờ học mà cần có cả cơ chế hỗ trợ của nhà trường. Hơn nữa, nếu trường ĐHTL thực sự coi hoạt động khởi nghiệp là chiều sâu của NCKH thì bộ phận quản lý hoạt động khởi nghiệp nên là phòng Khoa học Công nghệ hiện nay đang quản lý cả công tác NCKH SV, chứ không phải là phòng Công tác chính trị và quản lý sinh viên.

Đối với SV, khởi nghiệp sáng tạo phải gắn liền với khả năng NCKH. Những SV trường ĐHTL chọn con đường khởi nghiệp sáng tạo cần rèn luyện, trau dồi khả năng NCKH ngay từ khi học trong nhà trường. GD tinh thần khởi nghiệp phải thúc đẩy hình thành kiến thức, kỹ năng, hướng tới khuyến khích sự sáng tạo trong NCKH của SV tạo nền tảng phát triển tinh thần khởi nghiệp cho SV.

Khi khẳng định GD tinh thần khởi nghiệp ở trường ĐHTL cần gắn kết chặt chẽ hơn nữa với hoạt động NCKH SV cũng có nghĩa là hoạt động NCKH SV cần hình thành những ý tưởng sáng tạo và ứng dụng thực tiễn nhằm khởi nghiệp thành công. Hơn nữa, khởi nghiệp ngày nay là khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thời đại 4.0 nên GD tinh thần khởi nghiệp cũng cần gắn với bối cảnh khoa học hiện nay, với tri thức tiên tiến hiện nay. Vì vậy, các ý tưởng khởi nghiệp, các đề tài NCKH SV trường ĐHTL nên hướng đến các dự án có ứng dụng khoa học công nghệ, nhất là công nghệ số.

3. KẾT LUẬN

Bài viết đã làm rõ việc quán triệt quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước, Bộ GD&ĐT về GD tinh thần khởi nghiệp vào thực tiễn ở trường ĐHTL và những yêu cầu đặt ra đối với nhà trường. Trên cơ sở đó, bài viết góp phần giúp SV, GV hiểu rõ hơn về vai trò của bản thân trong hoạt động GD tinh thần khởi nghiệp và những đề xuất cho việc GD tinh thần khởi nghiệp tại trường ĐHTL đạt hiệu quả.

Tài liệu tham khảo:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu ban Chấp hành Trung ương khóa XI, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội. 2011.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội. 2016.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội. 2021.

NHÀ XUẤT BẢN GIAO THÔNG VẬN TẢI

80B Trần Hưng Đạo - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: 024. 39423346 * Fax: 024. 38224784

Website: www.nxbgtvt.vn * Email: nxbgtvt@fpt.vn

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN - NỘI DUNG:

GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP:

Nguyễn Minh Nhật

BIÊN TẬP:

Nguyễn Ngọc Sâm - Ngô Thị Bích Diệp

TRÌNH BÀY:

Xưởng in Trường Đại học Giao thông Vận tải

ĐỐI TÁC LIÊN KẾT XUẤT BẢN:

Trường Đại học Giao thông Vận tải

In 200 cuốn, khổ 20,5 x 29,5cm tại Xưởng in Trường Đại học Giao thông vận tải.

Địa chỉ: Số 3 phố Cầu Giấy - phường Láng Thượng - quận Đống Đa - TP. Hà Nội

Số xác nhận đăng ký xuất bản: 1039-2022/CXBIPH/01-14/GTVT.

Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế - ISBN: 978-604-76-2534-5.

Quyết định xuất bản số: 05 LK/QĐ-XBGT ngày 18/4/2022.

In xong và nộp lưu chiểu năm 2022.